copy 2
Dup cat

Soạn-giả :
THÍCH-ĐẠI-SÁN
汕 大 釋

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

海 外 紀 事

SỬ-LIỆU NƯỚC ĐẠI-VIỆT

THẾ-KỶ XVII

*

TOÀN BỘ : 6 QUYỂN

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM
1963

ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

ĐÃ XUẤT-BẢN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP I — TRIỀU GIA-LONG

Giá : 250đ00

AN-NAM CHÍ-LƯỢC

Soạn-giả : *LÊ-TẮC*

TOÀN BỘ : 10 QUYỂN

Giá : 350đ00

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP II — TRIỀU MINH-MẠNG

Giá : 250đ00

ĐANG IN :

MỤU-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP III — TRIỀU THIỆU-TRỊ

Giao-dịch :

Ô. NGUYỄN-SANH-MAI

Số 4, đường Lê-Lợi — Huế

Giá : 50đ00

Kiểm duyệt số 004-HĐKD Huế ngày 7-1-1963

Nhà in ĐẠI-HỌC Huế

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ'

海外紀事

SỬ-LIỆU NƯỚC ĐẠI-VIỆT

KHOẢNG THẾ-KỶ XVII

Soạn-giả :

THÍCH-ĐẠI-SÁN

汕大釋

DS556 .D3719 1963

Dashan [Thich Dai San],
17th/18th cent.

Hai ngoai ky su.
BC#2-2000-00000-0410

Toàn bộ : 7 *QUYỂN*

•

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM
1963

INSTITUTE OF VIETNAMESE STUDIES
VIỆN VIỆT-HỌC
THƯ VIỆN
LIBRARY

Từ nhà kho Quán Ven Đường

Lời giới thiệu...

Đồng thời với việc nghiên-cứu các Châu-bản Triều Nguyễn và công bố những tập **Trích-yếu** *về đời Gia-long, Minh-mạng, Thiệu-trị v.v..., Ủy-Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu của Viện Đại-Học Huế vẫn tiếp tục phiên dịch các sử liệu giá trị. Ủy-ban đã cho xuất bản bộ* **An-nam chí-lược** *của Lê-Tắc, và đã được Sử-giới cùng Học-giới hoan nghinh. Nay với bộ* **Hải-ngoại kỷ-sự** *của Đại-Sán Hán-Ông, Ủy-ban muốn cống hiến độc giả một đoạn phim hiếm có về đời sống của người Việt-Nam ở vùng Thuận-hóa vào cuối thế-kỷ XVII do một vị lão-tăng Trung-quốc ghi lại. Vị lão tăng nầy, tức là Đại-Sán Hán-Ông, đã qua Thuận-hóa, thể theo lời mời của Chúa Nguyễn-phúc-Chân, ở tại chùa Thiền-lâm (An-cựu, Thừa-thiên) và đã thuật lại, trong một bản văn do chính Chúa đề tựa, vừa cuộc hành trình đầy nguy hiểm của Đại-Sán từ Quảng-đông đến Thuận-hóa, với các việc Đại-Sán đã tai nghe mắt thấy trong thời lưu lại Nam-hà.*

Đại-Sán đến đất Thận-kinh vào ngày 29 tháng giêng năm Ất-hợi (tức là ngày 13 tháng 3 năm 1695) và đến

ngày 28 tháng 6 năm đó (tức là ngày 7 tháng 8) mới lìa Thiền-lâm để vào Hội-an về Quảng-đông. Tại Hội-an tàu bị trở gió và Đại-Sán bị đau ốm, nên phải hoãn cuộc hành trình. Đại-Sán ra Thuận-hóa lần nữa vào ngày 16 tháng 10 (tức là ngày 22 tháng 11). Lần nầy Đại-Sán trở ra Thuận-hóa lưu trú tại chùa Thiên-mụ, rồi vào cuối hạ tuần tháng 6 năm sau mới về Trung-Quốc.

Đọc **Hải ngoại kỷ-sự** *của Đại-Sán, chúng ta sẽ thấy được lòng sùng mộ Phật giáo của người thời bấy giờ, kể từ Chúa thượng đến thần dân. Chẳng những thế, chúng ta còn có một ý kiến rõ về đời sống của dân đen, về thuế má, về bệnh dịch. Một điều quý nữa, đó là Đại-Sán vén màn cho chúng ta thấy được đôi tí về trình độ trí thức của các bậc túc nho thời bấy giờ ở miền Nam. Nói chung,* **Hải-ngoại kỷ-sự** *là một sử liệu quý và đáng tin cậy. Mặc dầu Đại-Sán có vẻ tự phụ và, vì đó, tỏ ra quá nghiêm nhặt trong khi phê phán phong tục Nam-hà, nhưng các điều Đại-Sán ghi lại về văn hóa, xã hội, tôn giáo, đều là những sự kiện nghe thấy bởi tai mắt một người có tài quan sát.*

Bộ **Hải-ngoại kỷ-sự** *đã được Giáo-sư Trần-kinh-Hòa giới thiệu trong một bài khảo cứu bằng Hán-văn, chép rất công phu. Giáo-sư cho chúng tôi biết nhiều điều về bộ sách, cũng như về thân-thế và sự-nghiệp của Đại-Sán, nhờ đó chúng ta*

càng hiểu rõ lời của Đại-Sán hơn. Chỉ một điều nên lưu ý, là Giáo-sư thường dùng tiếng Quảng-nam để chỉ địa-điểm của cuộc hành-trình được thuật lại. Thực ra, mục-đích của cuộc hành-trình đó không phải Quảng-nam, mà Thuận-hóa. Đáng lẽ phải nói Nam-hà thay vì Quảng-nam. Các học-giả Trung-quốc thời trước cũng có kẻ lầm Nam-hà với Quảng-nam như thế, vì họ dựa vào lời của các thương gia hay đi lại buôn bán ở Hội-an. Ngoài ghi nhận đó, bài khảo-cứu của Giáo-sư thật là giá trị và bổ ích.

Mong rằng bộ **Hải-Ngoại kỷ-sự** *nầy cũng giúp đỡ nhiều cho sử-gia và học-giả như bộ* **An-nam chí-lược.**

L.M. CAO-VĂN-LUẬN

Viện-trưởng Viện Đại-Học Huế, Việt-Nam

Mùa đông năm 1962

BÀI TỰA
CỦA ĐẠI-VIỆT QUỐC - VƯƠNG
NGUYỄN-PHÚC-CHÂU

BỔN-SƯ HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ TỰ

Nước Đại-Việt nhỏ nhoi, tựa núi day mặt ra biển, phá rừng bụi, đuổi hùm voi để định chỗ ở, trải nay đã 13 đời. Quả-nhơn ngu tối, tuổi trẻ nối ngôi, chỉ e giềng mối nghiêng đổ, để thẹn cho người trước; hằng ngày cùng vài ba thần hạ, bàn luận đạo trị nước an dân ; đã bao năm lo sắp đặt nội-trị, ngoại an, nhưng chính lệnh vẫn chưa sửa sang, nhân dân vẫn chưa no ấm, ấy là tội lớn của quả-nhơn vậy.

Gần đây, xét đọc sách xưa, biết rằng đạo trị nước lấy « được người » làm cốt yếu. Nhà Tần được Bá-Lý-Hề ở nước Ngu, nhà Tần được Đo-Dư ở nước Nhung, được Phi-Báu, Công-Tôn-Chi ở nước Sở, đều lập nên nghiệp bá. Dùng được kẻ hiền thì nước trị, lẽ dĩ-nhiên từ xưa, nhưng quả-nhơn ngày nay, cảnh ngộ lại rất khó. Quả-nhơn không tiếc tước lộc, không hà tiện áo mão cân đai, hầu hết thảo-dạ hiền tài đã vui lòng ra giúp. Ngặt vì nhơn tài xứ nầy, sinh nơi biên viễn, nghe thấy hẹp hòi, dùng làm chức nọ quan kia, may cũng làm tròn nhiệm-vụ; còn như cầu người đạo cao đức trọng, đủ tài kinh luân, lời nói việc làm, khá nêu sư-pháp cho muôn thuở, những bậc « đại-hữu-vi » như thế, trừ phi Trung-hoa, quê hương của Thánh-hiền Phật-tổ, ắt chẳng nơi nào có vậy. Theo lẽ, vời kẻ hiền chẳng vượt ra ngoài quốc-cảnh, mà Trung-hoa Đại-Việt, nơi ở lại cách xa nhau; nếu chẳng phải kẻ có kiến thức siêu phàm, chẳng bị lưới đời ràng buộc, thì làm sao mời được. Than ôi, cầu được kẻ hiền đã khó, cầu được bậc thầy lại càng khó. Trường-thọ Bản-sư Lão Hòa-Thượng, ta từ ngày đương ở sừ-vị (đương làm thế tử) đã nhiều năm ngưỡng mộ ; Tiên-Vương (tức Nghĩa-vương) đưa thư rước mời hai lần không qua. Mùa

thu năm Giáp-Tuất, ta muốn thụ Bổ-tát-giới-pháp, nỗi chí Tiên-Vương sai người qua rước, may được Hòa-Thượng nhậm lời. Từ mùa xuân năm Ất-Hợi Hòa-Thượng qua đến nơi, lưu lại đến mùa hạ năm Bính-Tý, được gần gũi hôm sớm, cung dưỡng chuyện trò; sau những lúc giảng luận thiền-kinh, còn chỉ vẽ luân thường cương kỷ từ việc lớn đến việc nhỏ, rạch đường chỉ nẻo, lời lẽ rõ ràng; khác nào dắc người từ trong chỗ tối tăm, đem ra nơi thanh-thiên bạch-nhật; giúp ích cho Quả-nhơn trong việc chính-trị nhiều biết chừng nào. Hòa-thượng trích lục một hai việc, chép ra thành sách, nhan đề Hải-ngoại kỷ-sự; lúc trở thuyền về nước đưa cho ta xem và khiến ta viết bài tựa. Tự xét học hành ít ỏi, dám đâu cầm bút viết văn ; hoặc giả, vì sách chép việc nước ngoài, lạ lùng tai mắt, sợ độc-giả nghi là hoang đường, nên muốn ta chứng-thực một đôi lời, hầu được phụ chép sau kiệt-tác của Đại-hiền vậy. Còn về phần Phật-pháp văn-chương, tài tình đạo đức, thầy ta khai hóa hơn 30 năm, viết sách hơn 20 loại, lưu hành đã lâu, đã có định giá, lời tán dương của ta, nào có tăng ích được gì đâu. Tuy nhiên, đại-thiên thế-giới, bụi tro hạt cát đều do biển Hương-thủy kết thành; trong những ngày Quả-nhơn cùng với Lão Hòa-Thượng ngao-du trong Hương-thủy Hoa-nghiêm, thì chẳng có gì phân biệt nội ngoại. Nay đã cùng nhau cách xa đại-hải, ở Quảng-đông mà chép việc Đại-Việt, thì gọi là Hải-ngoại Kỷ-sự cũng đúng lắm rồi.

Giáp-tý (tức Khương-hy năm thứ 35, 1696), bổ-nguyệt (tháng 5), Đại Việt Quốc-vương Nguyễn-phúc-Châu, thọ Bổ-tát-giới-đệ-tử, Pháp danh Hưng-Long, Kính lễ viết tại Tĩnh-danh phương-trượng ở Tây-cung Giác-vương Nội-viện.

BÀI TỰA
CỦA NGÔ-GIANG TỪ-HOÀN

Khoảng mùa xuân năm Giáp-tý, ta được nghỉ việc về phương nam, qua núi La-Phù (1) hái thuốc, nghỉ chân tại thành Ngũ-dương ; (2) lần đầu được gặp Thạch-công Hòa-thượng tại một khách-tọa, trong lúc nói chuyện, nghe lời nói thanh cao, khí tượng hùng vĩ, dồi dào tỏ ra sắc mặt ; nghĩ bụng chắc là một dị-nhơn, vì một cớ gì muốn lánh mình trong cửa Phật vậy. Phút chốc mười lăm năm qua, trở lại Châu-giang lần thứ hai, nghe nói có vị Thiên-sư mới từ nước cổ An-nam Hải-ngoại trở về, Quốc-vương nước ấy thọ-giới làm đệ-tử, bố-thí rất nhiều tiền bạc. Thiên-sư đem về xây cất Bữu-các ở phía tây Việt-tú-sơn, hiên lồng bóng nhật, nóc vút từng mây, tiếp liên điện-ngọc cung-châu, rực-rỡ Tung-khâu, Lan-nhã (nhà chùa), chẳng khác quỳnh lâu ngọc-vũ trong chốn động tiên vậy. Nhơn than rằng : Cấp-cô hóa-lạc (3), hiện lại nhơn gian, nhưng nếu Thiên-thân Bồ-tát chẳng ra đời, thì lấy ai diễn giảng « Tam-xa » (4) để gây mầm tốt Phật-giáo cho Chấn-đán (5). Bèn chống gậy đến chùa, hỏi thăm cho biết. Người ra đón tiếp, chính là Thạch-Hòa-thượng ngày xưa ! Mừng mặt bắt tay, cùng nhau trò chuyện việc mười lăm

---

1) Núi ở phía đông huyện Tăng-thành, tỉnh Quảng-đông, Tương-truyền, Cát-Hồng đời Đông-Tấn tu tiên đắc đạo ở đó.

2) Biệt xưng của thị-thành Quảng-châu, tỉnh Quảng-đông, xưng tắt Dương-thành. Thời chiến-quốc Cao-Cô làm tướng nước Sở, có 5 con dê ngậm bông lúa đến trước sân, cho nên tòa sẵn-sự Quảng-châu có vẽ 5 con dê ở trên rường nhà. Hoàn-vũ-ký chép rằng : ngày xưa có 5 người tiên cỡi 5 con dê đến phủ Quảng-châu, nên nay gọi Quảng-châu làm Ngũ-Dương Thành.

3) Trưởng-giả ở Xá-vệ-thành nước Ấn-độ tên Cấp-Cô-Độc, vì tính từ thiện muốn châu cấp kẻ cô-độc, nên người ta gọi tên như thế. Cấp-cô-Độc mời Phật đến thuyết pháp, nhơn gọi tên vườn Cấp-cô-Độc.

4) Tiếng nói nhà Phật, tam xa gọi ngưu-xa, lộc-xa và dương-xa để ví với Bồ-tát-thừa (đại-thừa), duyên-giác thừa (trung-thừa) và thanh-văn-thừa (tiểu-thừa).

5) Ngày xưa người Ấn-độ gọi Trung-quốc làm Chấn-đán.

năm qua, khác nào Thượng-Nguyên (6) Phu-nhơn gặp bà Ma-cô (7) nói chuyện Bồng-lai nước cạn vậy. Hòa-thượng nhơn lấy ra tập Hải-ngoại kỷ-sự và các tập khác đưa tôi xem. Văn chương lưu loát, như sấm vang chớp nhoáng, như núi chuyển biển reo, có lúc như cánh hồng bay vút từng mây, có lúc như gió bão reo vang rừng trúc ; thơ luật thì thanh tân uẩn súc, hùng hồn ly-kỳ, khiến người không còn chỗ nào có thể chỉ trích ; có lẽ nhờ đi ra Hải-ngoại, nghe thấy được thêm mở mang, nên văn khí ngày nay hùng bác khôi kỳ, so với ngày xưa còn hơn xa vậy. Ta già rồi, từ ngày lui về điền viên đến nay, tiều tụy cô ngâm ; bao nhiêu thắng-tình cuồng-tứ ngày xưa, tiêu tan hầu hết. Ve sầu khiếp gió, bỗng nghe loan phượng vang reo; giọng tốt vẫn thanh, chỉ biết cúi đầu khen ngợi. Cho hay trong vũ-trụ những bậc Thiên-sư cao-sĩ, khác hẳn bọn tu hành khô khan; văn chương của các ngài, so với bọn lưng lừa lựa chữ, (8) giọng văn như tiếng rề kêu sầu, khác nhau chẳng biết chừng nào mà nói.

---

6) Tên một tiên nữ. Hán-vũ-đế Nội-truyện : mùng 7 tháng 7 Nguyên-phong nguyên niên, Tây-Vương-Mẫu ngự xuống Hán-cung khiến mời Thượng-nguyên Phu-nhơn đến ăn yến. Phu-nhơn là mẹ của Tam-Thiên Chân-hoàng, thống lãnh thập phương Ngọc-nữ.

7) Tiên-nữ ngày xưa, tu đạo ở Cô-dư-Sơn. Thời Đông-Hán Tiên nhơn Vương-phương-Bình đến nhà Thái-Kinh, mời Ma-cô đến, Ma-cô bảo Phương-Bình rằng : (từ ngày ta được thừa tiếp đến nay, đã thấy Thương-hải 3 lần biến làm tang điền; vừa rồi ta đến chơi Bồng-lai, thấy nước cạn hơn ngày trước, có lẽ sắp biến thành lục địa chăng).

8) Thời Đường thi-sĩ Giã-Đạo ngồi trên lưng lừa nghĩ được câu thơ : « Điểu túc trì trung thọ, tăng « Xao » nguyệt hạ môn », chữ « Xao » lại muốn đổi làm chữ « thôi », cân nhắc hai chữ, không biết chữ nào hay hơn, suy nghĩ sững sốt, đến đỗi đạo lính hầu quan Kinh-Doãn đi đến cũng không biết.

BÀI TỰA
CỦA TẦN-LĂNG MAO-ĐOAN-SĨ

Lớn mà hóa gọi là « Thánh », thần mà sáng gọi là « Kỳ ». Những bậc anh-sĩ phi-thường trong thiên-hạ, tùy theo xử-cảnh của mình mà tỏ ra kỳ ; hoặc kẻ anh-hùng áo vải, hoặc kẻ đạo-sĩ mão vàng, địa-vị khác nhau, việc làm khác nhau, nhưng hễ làm đến tột bậc thì đều gọi là « Kỳ » cả. Đương lúc việc chưa thành, danh chưa lập, mà việc làm lời nói khác lạ hơn đời, kẻ tục-tử dung-phu, đi theo dòm hành và dị-nghị ; đến lúc việc đã thành, danh đã lập, cũng còn có kẻ dị-nghị, cho là khác tục trái đời ; đó chẳng qua vì những kẻ không « Kỳ » lại muốn khoe lòe cái « Kỳ » của mình ; muốn khoe lòe cái « Kỳ » mà sự thực không « Kỳ », lại kinh ngạc cái « Kỳ » của người khác, rồi sinh lòng nghi-kỵ ; bởi thế làm dung-phu tục-tử dễ, mà làm kỳ-nhơn hơn đời thực khó lắm vậy. Hán-Ông Hòa-thượng mới sinh ra đã « Kỳ » rồi, tuổi trẻ xuất gia, học hết ngũ-minh (1) chư luận, thông hiểu lý số âm dương, châu du thiên-hạ, tiếng tăm đầy dẫy khắp trong ngoài ; đến lúc cỡi gió vượt sóng đáp ứng lời mời của Đại-Việt Quốc-vương ; những nơi trải qua, nào là sơn-xuyên hình thể, phong-thổ tập tục, đều ghi chép rõ ràng ; cao đàm hùng luận, tỏ ra có kinh-luân đại tài ; để vịnh văn thơ, thảy đều thanh cao hoa lệ ; góp hết tinh vi tam giáo, làm nên kiệt-tác một nhà, thực là một kỳ-quan trong biển học vậy. Kỳ-nhơn mới có kỳ-văn, đã có kỳ-văn, ắt phải có kỳ sự ; Hòa-thượng tha cho Thần-long miễn châu và sai khiến quỷ-thần ủng hộ, ấy là khai-đoan của kỳ-sự vậy ; cho đến việc sai gió khiến mưa, cảm thông trời đất, như Quảng-Minh Đại-sĩ thác mà vẫn sống, kẻ thức-giả cho đó là viên-thông diệu-khế (2), phưởng phất với tam-muội(3) chính-giác của Bữu-Chí, Đàm-Siêu, Phong-Can, Đồ-

---

1) Tây-vực-ký : Ngũ-minh đại-luận 1) Thanh-minh. 2) Câng-xảo-minh, 3) Y-phương-Minh, 4) Nhân-minh (luận-lý-học), 5) Nội-minh (Phật giáo lấy tam tạng 12 bộ làm Nội-minh).

2) Tiếng phạn : giác tuệ châu viên, thông nhập pháp tính gọi là « viên-thông ».

3) Tiếng phạn cũng gọi là « tam-ma-địa » tam muội nghĩa là thể tịch-tịnh lìa khỏi các mối tà loạn.

Trừng (4) ; kẻ dốt nát thì cho đó là việc quái-đản rồi đua nhau chỉ trích dị-nghị om sòm. Nhưng biết đâu « đáy bát sinh rồng, trong miệng phóng ra hào-quang » (5), đời vẫn có sự kỳ lạ như thế ; khi chưa thấy đáy bát sinh rồng, trong miệng phóng ra hào-quang, chẳng nói làm gì ; đến lúc rồng đã sinh ra ở đáy bát, hào-quang đã phun ra từ trong miệng, đó là do pháp-lực cao cường, mới biến hóa được như vậy, thế mà còn cho là quái-đản, rồi ngạc-nhiên kinh dị, có phải vì không biết sự huyền-diệu của đạo viên-thông mà ra không. Tôn-Đăng (6) có nói : « Lửa sinh ra tức có sáng, nhưng chẳng dùng sáng ». Nếu quả dùng sang, thì cái « kỳ » của Hòa-thượng, tức cái sáng của Hòa-thượng vậy. Hãy xem lúc Hòa-thượng đi thuyền vượt biển, sóng lặng gió yên, có chim thần dẫn đường, cá dữ xa lánh, ấy cũng do Hòa-thượng dùng sáng vậy ; nhưng người thường hốt hoảng, Hòa-thượng lại tự nhiên, thì Hòa-thượng quả đã dùng sáng chăng ? Nay thử đem tập Hải-ngoại Kỷ-sự ra bàn, tập sách ấy không có vẻ khô khan, cũng không có vẻ yêm bác, biểu dương trung hiếu tiết nghĩa, đều những lời nói có bổ ích cho thế đạo nhơn tâm, chính đại quang minh, chẳng khác gì cái học nguồn gốc của đạo nho ta vậy. Bởi thế cảm hóa được người dị-quốc, khiến quy thuận với Thiên-triều ; lấy kỷ-cương Trung-hoa, biến đổi tập tục xứ lạ ; đem vàng nước người, về xây dựng cảnh chùa bát hủ ; khoan thai đường hoàng, giữ lòng ngay thẳng ; đường đường chính chính, chẳng dối người cũng chẳng tùy người ; há chẳng phải dùng « Kỳ » mà chẳng lỗi với « Chánh », viên-thông mà chẳng quái đản hay sao. Ta vì thế phục sự « dụng kỳ », của Hòa-thượng thực thần minh khôn lường.

---

4) Tên các vị Cao-tăng. Bửu-chí, Cao-tăng đời Lục-triều, có phép linh, Tề-vũ-đế bắt giam vào ngục, sáng ngày đã thấy đi chơi ở chợ ; nhưng đến lúc kiểm tù lại vẫn thấy trong ngục. Phong-can, Cao-tăng đời nhà Đường, thường cỡi cọp ngâm khúc đạo-ca. Đồ-Trừng Cao-tăng đời nhà Tần.

5) Tấn-đạo-Xước, Đường-Tăng, mỗi lúc tụng kinh trong miệng phóng ra hào quang.

6) Người thời Tam-Quốc, thường đánh đàn độc-huyền đọc kinh dịch.

BÀI TỰA
CỦA DŨNG-GIANG CỪU-TRIỆU-NGAO

Từ xưa các bậc danh nhơn, trong lúc ngao du sơn-thủy, thường hay vịnh cảnh để thơ ; hoặc bằng tuyệt-cú, hoặc bằng trường-thiên, tuy thể chẻ khác nhau, đều cốt để hình dung cái tốt đẹp của cảnh vật. Tử-Hậu (1) qua chơi Liễu-Châu, không làm thơ nhưng có làm ký-sự; Thiều-Lăng (2) đi vào Ba-Thục, không làm ký-sự nhưng lại có làm thơ ; hoặc ký hoặc thơ, đều là những bài tả chân tuyệt diệu. Ta đọc tập Hải-ngoại Ký-sự của Thạch Hòa-thượng mừng thầy sách gồm cả cái hay của hai nhà văn-hào nói trên, và chứa đựng rất nhiều lời lẽ kinh bang tế thế; sơn xuyên hình thắng, phong thổ tập tục, đều ghi chép tỷ-mỹ từng việc, có quy cũ rõ ràng ; chẳng phải luống bày đặt phô trương, để khoe những lạ lùng của Ngoại-quốc vậy. Trong khoảng vài tháng, trải qua hai muôn dặm tuyệt-vực, thù ứng phân phiền, vãng lai bận rộn, thế mà Thạch-công ung dung đàm tiếu, viết ra mấy ngàn vạn lời. Khí trùm biển cả, bút lay non cao, nếu chẳng phải sẵn có đại-tài văn-chương, làm sao lanh lẹ thần diệu được như thế. Vả lại, ông đi đến đâu cũng tuyên dương đức-hóa của Thánh-thiên-Tử (Thanh-triều), khiến những nước chưa từng tiếp xúc Vương-đình, cũng đều quy tâm hướng-hóa. Ông muốn lấy kỷ-cương Trung-Quốc, biến đổi tập tục viễn-phương, ấy tức là lòng « nhất-thị đồng nhơn », xem bốn biển như anh em, của thánh hiền vậy. Sách nầy lưu truyền vũ trụ, có thể bổ khuyết cho những điều mà các sách Sơn-kinh Hải-chí, Chức-phương-ký, Vương-hội-đồ chưa từng nói đến. Vì khiến tay kinh luân như Thạch-công được thử tài một phen, thì công nghiệp của những kẻ «xưng bá Phù-dư(3),

---

1) Tên chữ của Liễu-tôn-Nguyên, văn sĩ đời nhà Đường.
2) Biệt hiệu của Đỗ-Phủ, thi-sĩ đời Đường,
3) Tên một nước ngày xưa, sau bị Cao-cú-Ly đánh dứt. Đời Đường, Tiết-nhơn-Quý đi đánh Cao-ly, đánh hạ được nước Phù-Dư. Nay thuộc phía Nam tỉnh Liêu-Ninh.

mở đất Nhật-bản » (4), cũng chẳng thẩm vào đâu vậy. Than ôi, Hòa-thượng đã già rồi ! ôm tài thông hiểu thiên nhơn, nuôi chí kinh bang tế thế, phát nguyện Bồ-tát, ẩn dầu thiền-lâm, sau những lúc vui đạo tu hành, mượn văn chương để giải bày tâm chí, nhơn đó cũng có thể tưởng thấy khí khái trác lạc phi thường của Hòa-thượng vậy.

Khương-hy kỷ-mão mạnh-xuân (1699), Dũng-Giang Cừu-Triệu-Ngao đề tại Đoan-châu lữ thứ.

4) Không thấy sử chép có tướng Trung-quốc nào mở cương vực đến Nhật-Bãn

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN I

MÙA xuân năm Giáp-tuất, (Khương-hy 33, 1694), ta tính đi lên phương bắc, vì có lệnh gọi của bề trên; tuyển lựa tôi tớ, sửa soạn hành lý, định đến đầu tháng hai, ngày tốt, sẽ khởi hành. Kể phát đau bịnh dạ-dày. Nhơn nghĩ, hiện nay xây cất nhà ở, gác kinh, công tác đương bề-bộn; biên tập bộ Đăng-đãi 100 quyển, hiệu-đính chưa xong; hãy tạm lấy cớ đương đau, hoãn việc đi phương bắc. Thương lượng với các người đương-sự, nhờ kiếm lời từ chối. Được tạm nghỉ, bèn đóng cửa tạ khách, vui thú quyển kinh câu kệ, hoặc tưới hoa trồng cây; hôm sớm tiêu dao, hầu tránh phong trần phiền não. Bước qua ngày mùng 4 tháng 8, Tri-khách gõ cửa bảo có sứ-nhơn nước Đại-Việt đến. Mời vào ra mắt, sứ-nhơn người tỉnh Mân (Phúc-kiến), tay nâng phong thư giấy vàng, rất kính cẩn lạy dâng lễ vật, các thứ vàng-nam, sông-hoa (hoa-đẳng, thứ mây song có hoa), lụa vàng, kỳ-nam; đoạn qùy gối thưa rằng: «Đại-Việt Quốc-Vương ngưỡng mộ Lão Hòa-Thượng đã lâu năm, ngày nay đốt hương xa lạy, dâng phong thư trước tòa Sư-tử, cúi cầu Đạo-Giá lai lâm; nếu được nhậm lời, là phước lớn cho hạ-quốc vậy». Hưng-Liên tự Quả-hoằng, người nối dòng tu của ta, được Quốc-Vương phong làm Quốc-sư, cũng có gởi kèm thư riêng. Kể từ Tiền-vương (tức Nghĩa-vương) có thư mời, đến nay cả thảy ba lần, mời đến ba lần tưởng cũng đã thành tâm lắm vậy. Ta nay chưa đi phương bắc, nhơn còn nhàn rỗi, sao chẳng rong chơi hải-

ngoại cho được mới mẽ tai mắt ; hoặc giả sơn-xuyên, phong-thổ, nhơn-vật, còn nhiều mới lạ ngoài sự nghe thấy tầm-thường của ta chăng.

Cuối tháng chạp, tuyên cáo hành trình với các nhà quan-thân đương-cục và bạn bè làng-thơ. Kẻ đến ra giêng, kẻ tiễn người đưa, kẻ biếu quà, người cho vật dụng, rồi thì, chúc lên đường mạnh giỏi, đưa thơ ca tặng hành, tấp nập từ sớm đến chiều chẳng lúc nào rãnh. Định đi lần thứ nhất, đình lại; qua lần thứ hai, cũng lại đình; lần lữa đến lần thứ ba mới quyết-định. Đêm Thượng-Nguyên, (15 tháng 1 năm Ất-hợi, Khương-hy thứ 34, tức 27-2-1966 D.L.) lên đò từ bến tây, đã có tàu biển chờ sẵn ở Hoàng-phố. Đêm ấy nước ròng bến cạn, mấy mươi người dắc đò, mãi không ra đến Châu-Giang. Ngồi trên đò « Dưa-hấu », cùng đồ-đệ bày trà quả cơm bánh ra ăn bữa tối. Trời mưa lay-phay, dội vào hai chậu mẫu-đơn đặt trước mũi thuyền, mỗi chậu có vài mươi đóa hoa chớm nở ; xảy lúc ấy, trước gió, cách sông, có người tựa lầu thổi ống địch; sực nhớ truyện cũ Khai-nguyên, trong khi Huyền-tông đối diện Dương-quý-Phi, uống rượu Bồ-đào, đặt khúc hát mới, làm cho tiệc vui được thêm phần tươi đẹp. Nay danh-hoa lìa nước, lòng hoa ủ-buồn, há không một lời nào để yên ủi hoa sao ! Nhơn bắt chước Thanh-bình-điệu của Lý-Bạch làm thành ba bài tuyệt-cú như sau:

Bài thứ I

Trỗi khúc xuân-ca hứng chữa tàn.
Hương trời lạnh lẽo luống riêng than.
Nhìn hoa, nhân thể nhường trong mộng.
Ai kẻ đêm trường thức hỏi han ?

Bài thứ 2

Mây mưa che khuất bóng trăng rằm.
Tựa gối nhìn hoa, lắng sóng gầm.
Bể thẳm muôn trùng ai dễ vượt.
Một cành bầu bạn bước xa xăm.

Bài thứ 3

Ngày xuân trăm thức thảy đua tươi.
Thượng-uyển xưng vương chỉ một ngươi.
Nam-Quốc ngày nay khoe sắc thắm.
Tiếng thơm lừng lẫy nước non người.

Qua canh hai, nước lên, đò ra Châu-Giang thẳng dòng đến bến Địch-Lâu phía đông đậu lại. Gà gáy, nước ròng, đò thả nước xuôi đi xuống. Rạng sáng đến Hoàng-phố. Núi thấp dần, biển rộng dần, thăm thẳm xa trông, thấy chiếc tàu biển đương nhấp nhô trong khoảng mênh-mông sóng nước. Một lát bạn thuyền dọn cơm sáng. Chiếc đò mui (lâu thuyền) nầy, trước ta thường ngồi đi lại trên Đoan-giang, kình càng đã lấy làm lớn lắm, nhưng nay đậu cặp bên tàu biển (Đồng-mông), ngửa mặt trông lên, phải bắc thang mới lên được, thì hóa ra quá nhỏ nhoi ! Ta quay lại bảo các đệ-tử rằng : « Phàm vật chớ nên tự tôn tự đại, những người muốn xưng tôn ở nơi không Phật, có xem đây mà tỉnh ngộ lại chăng ».

Trên thuyền bồn năm trăm người, hàng hóa ngổn-ngang, tăng chúng đi theo ta hơn 50, hành lý cũng bộn. Các người chủ thuyền nhìn nhau không biết sắp đặt cách nào, định bớt khách hàng trở lui Dương-Thành (1), ta cũng bớt lại phần nửa tăng-chúng hành-lý, cho theo hai thuyền đi sau, bàn cãi một chặp lâu mới quyết định. Chuyển dọn hàng hóa lên xuống, người nói lao nhao, diễn thành một quang cảnh rộn-rịp. Chia dọn bồn khoang buồng, khoang rộng chứa 5, 6 người khách, hẹp cũng 3, 4 người, còn bao nhiêu đều ngồi ngoài trời.

Quá ngọ, khai thuyền. Gió xuôi nước thuận, có hai thuyền nhỏ dò nước dẫn đường, trên cột buồm cắm hoa treo cờ rực rỡ. Khách tống hành hôm trước còn ở lại, chong mắt nhìn theo, rồi giải tán, đến lúc trên bờ không còn một ai. Đến thờ Thần Nam-Hải, thấp thoáng trong rừng sâu, bỗng-chốc quay nhìn đã không thấy. Nhơn vịnh hai bài thơ như sau :

Bài thứ 1

Xa tít Phiên-ngung-quận. (2)
Đền-Thần ngoãnh lại trông.

1. Tức tỉnh thành Quảng-đông (xem phụ-chú 2 ở bài Tự Từ-Phàm).
2. Thuộc tỉnh Quảng-Đông. Ngày xưa Triệu-Đà đóng đô ở đó.

Trời xanh liền nước biếc.
Ao lục khuất tường hồng.
Cõi Võ (3) trong mờ mịt.
Bia Hàn (4) tạc đức công.
Trương buồm nay vượt biển,
Nhắt lộ cầu hanh thông.

Bài thứ 2

Cao thấp gò liền núi.
Đông nam sóng biển reo.
Thẳng dòng giăng lưới cá.
Quanh lối vắng chân tiều.
Mai nở ven bìa xóm.
Sương sa phủ ván kiều.
Tranh Vương-Duy (5) giống hệt.
Ghi nét vẽ vời theo.

Gần chiều, thuyền neo lại, trời hơi lay phay mưa. Phía nam Hổ-Môn, dòng nước trắng xóa, một ngôi tháp cao vút từng mây. Hỏi thăm, biết đấy là huyện-lỵ huyện Đông-quản (東莞), đêm ấy ngủ lại trong địa giới huyện ấy. Khoang buồng chật hẹp, day trở không được, phải nằm ngữa mặt suốt đêm. Trời mưa lâm râm, mấy mươi người nằm ngoài trời, lần ép nhau gần sát bàn thờ thần, suốt đêm la lối giành chỗ. Ta nghĩ, ta vì phật-pháp đi qua Nam-Quốc, ngẫu-nhiên một phen vất-vã, còn chịu không nổi thay; bọn thương-khách đem hàng hóa bạc muôn, xông pha ba đào, để cầu lợi chút ít; suốt đời nguy hiểm, sinh kế sao quá đỗi gian nan !

Sáng dậy, quá nửa hành-lý bị mưa ướt. Bọn tùy tùng bực tức, muốn than phiền nỗi khổ trong đêm, nhưng thấy ta ngồi lặngthinh, lại thôi không dám nói. Bạn thuyền lo dọn vén sắp đặt, tạm thời cũng hơi được gọn gàng.

---

3) Vua Đại-Võ nhà Hạ chia khu-vực Trung-Quốc làm 9 Châu.
4) Hàn-Dũ làm Thứ-Sử Triều-Châu, làm văn bia dựng ở thần-từ để ghi tạc công-đức.
5) Thi-sĩ kiêm họa-sĩ đời Đường.

Gần trưa, khai thuyền, gió xuôi nước thuận, thuyền đi mau như bay. Còn cách Hổ-Môn chừng một dặm, thuyền bỗng mắc cạn; lỗi do người coi lái tự ý làm tài, không theo đường lối do thuyền con chỉ dẫn. Bánh lái mắc kẹt ở dưới, thuyền không tiến được; gió đè ở trên, buồm chưa kịp thả lèo. Một tiếng ầm, thuyền nghiêng một bên, ve thuyền chấm nước, ai nấy đều thất sắc, cầm chắc thuyền phải vỡ tan. Vội vã xả buồm, mọi người đứng về phía trên gió, ba chiếc thuyền con và mấy trăm người lôi kéo, thuyền vẫn chẳng nhúc nhích chút nào.

Ta có làm phòng sẵn bốn cây cờ nhỏ, trên mỗi lá cờ, phía trên để 10 chữ : (Ngô bỉnh Thích-Ca Vô-thượng Pháp-Vương tuệ mạng) (吾秉釋迦無上法王慧命), phía dưới, lá thứ nhất viết bốn chữ: (Đại-vũ tạm chỉ) (大雨暫止); lá thứ nhì viết (Thuận phong tương tống) (順風相送); lá thứ ba viết : (Chư-thần ủng-hộ) (諸神擁護); lá thứ tư viết (Long-Vương miễn triều) (龍王免朝). Thấy thế nguy, ta vội bảo lấy cây cờ (Chư-thần ủng hộ) cắm lên; cờ vừa trương ra, tức thì bánh lái rơi xuống, thuyền trở lại thăng bằng, thực chẳng phải sức người làm được vậy. Xét chỗ có tiếng ầm hồi nãy, thấy miếng ván giáp-đà (phụ bánh lái) bị gãy, vĩ-lư (chỗ xỏ bánh lái) cũng hơi xé nứt. Tức thì tu bổ lại. Nhờ dịp ngừng thuyền chốc lát, được ngắm xem hình thế nơi đây : Đối diện gò Hổ-đầu, hai bên hai hòn núi trọc, phục xuống nhô lên; hai viên đá Đại-hổ, Tiểu-hổ chờn vờn giữa dòng nước chảy, như hình cọp ngồi xổm ngưỡng đầu lên, sắc đá cháy đen như màu sắt. Bên tả ngạn hòn Tiểu-hổ có một pháo-đài quày mặt ra biển, tựa trên sườn núi, tục gọi A-nương-hài (chiếc giầy cô nàng), vì hình giống chiếc hài vậy. Trong lùm cây, thấp thoáng núi nhỏ, thấy có khói lửa, cư-dân toàn là phường chài và sở làm muối, không có dân cày. Những nơi cao hiểm đều có đặt đài canh gác. Chỗ eo núi dòm ra biển, tức là cửa Áo-Môn vậy. Nhơn làm hai bài thơ thất ngôn, tả cảnh « Hổ-Môn vọng hải » như sau:

Bài thứ 1

Bạch-mã cờ thiêng giãi bóng tà,
Rắn rồng lớp lớp ruổi phong ba.
Không cần gương nguyệt thâu đêm sáng,

---

6) Hán-Vũ-Đế khiến Dương-Bộc làm Lâu-thuyền Tướng-quân qua đánh Nam-Việt.

Khá cỡi bè tiên khắp xứ qua.
Trời thầy có sao chia phận dạ,
Đất nhìn không chỗ biết Trung-Hoa.
Lâu-thuyền (6) chuyện cũ dường trong mộng,
Than tiếc nghìn xưa sứ Hán-gia (7)

Bài thứ 2

Ron reng giáp sắt tiếng xa đưa.
Ngọc phá châu chìm cảnh xác xơ,
Gió cuốn lưng trời non đổ sụp.
Sóng xao mặt biển trống vang khua.
Dầu xưa thành khuyết chìm mây khói.
Chợ quỷ lâu đài bóng ảo mơ (8)
Kìa biển Linh-đinh (9), non Lỗ-mạn (10)
Bảy-châu (11) ngoài cõi biết đâu thưa.

Đậu thuyền lại. Nửa đêm, bỗng gió bốc thổi mạnh, sóng bổ ầm ầm; dây neo gần đứt, thủy-thủ sợ hãi không dám xuống tam-bản để gieo chiếc neo thứ hai, nhưng bị chúng rầy mắng, sợ phải đi xuống, may thuyền lại được hơi yên. Nghĩ bọn chúng, công thuê tiền mướn chẳng bao nhiêu, mà liều thân sống chết, coi sinh mạng như phù-du; trông đời những kẻ tham phú quý, chịu nguy cơ, thì cũng như bọn thủy-công kia mà thôi vậy.

Gần sáng, mưa gió đầy trời, ta bảo đem cây cờ (Đại-vũ tạm chỉ) dựng lên. Bỗng chốc, trời quang mây tạnh, bèn cho thuyền qua Hổ-môn. Có những đồng đá lúc nhúc thắng bãi cát như hình bầy chó. Một lát có một người ngồi thuyền con đi đến, tức Công-Sai Việt-hải-quan ra thâu thuế. Đậu thuyền chỉnh đốn lại mọi việc. Chèo thuyền nhỏ vào khe núi lấy nước ngọt, các thùng nước đều đầy mặp. Cho hai chiếc thuyền dẫn-lộ trở lại, thuê một chiếc xuống con chở nước ra thuyền. Lại trương buồm chạy,

7. Hán-Cao-Tổ khiến Lục-Giả đi sứ Việt-Nam, phong Triệu-Đà làm Nam-Việt-Vương.
8. Bóng lâu-đài ảo mơ thấy trên biển, tức là « Hải-thị thận-lâu » (Mirage) vậy.
9. Quảng-Đông, Trung-Sơn-huyện có núi Linh-đinh, mặt biển ở dưới núi ấy, gọi là « Linh-Đinh-Dương » (biển Linh-Đinh).
10. Lỗ-Mạn-Sơn, một đảo thuộc Quảng-Đông.
11. Thất-Châu-Dương (biển Bảy Châu), phần biển ở đông nam đảo Hải-Nam.

trên mặt nước còn giăng mấy lớp núi, ra mãi chưa hết.Cho biết Đông-Việt là một nơi hình thắng, cửa biển dân cư đông đúc, giàu có là phải lắm.

Đến chiều tối, neo thuyền trước núi Ô-Trư. Trên núi có một thứ trà, mọc tự nhiên chẳng ai trồng, có thể dùng chữa lành bịnh sốt rét, một mối lợi của người đánh cá xứ nầy. Nước xanh biếc, bạn thuyền dùng dây gai cột chì dò mức sâu cạn. Có một thứ rêu xanh dài hàng thước, quấn vào trên dây, thứ rêu ấy dùng làm rau, mùi hơi tanh mặn, ăn được. Cá nược đi từng bầy, hình giống heo, sắc trắng, nổi lên lặn xuống, có con đứng trên mặt nước cả buổi rồi lặn mất. Vì ít thấy, nên thấy gì cũng cho làm lạ.

Có người hỏ : « Giốc-đái-tỉnh » (角帶井 = Giếng vòng-đai) ! Tục truyền, ngày xưa tướng Phục-ba (Mã-Viện) đi đánh giặc Mán, quân sĩ hết nước uống, ông đặt một vòng đai giữa biển, khiến binh-sĩ múc nước trong vòng ấy mà uống, nước ngọt, nhờ vậy khỏi nguy khốn ; đến nay người ta gọi « Giốc-đái-tỉnh » những váng nước lóng lánh như gương, lờ đờ trên mặt biển khoảng một hai dặm, ai gặp thấy lấy làm điềm lành. Thực là một truyền-thuyết không có căn cứ.

Gần xa có vài mươi chiếc thuyền chài, trương buồm qua lại. Những eo núi bốc khói ngùn ngụt, ấy là các sở làm muối. Thắng biển, cá và muối là mối lợi giúp cho Bách-Việt (Quảng-đông) và Nam-Cồng (Quảng-Tây) được no đủ vậy.

Trên thuyền, đồ vật đều sắp xếp gọn gàng, chùi rửa sạch-sẽ. Bây giờ đánh trống khua chuông, dâng heo rót rượu, một bà bóng mặc áo xanh dài tay, đội mão Đa-la-di trắng, thắt dây lưng đỏ, tay cầm mộc-côn sơn son ; lạy múa lắc lư, ngữa mặt lên bàn thờ la hét; mỗi lúc múa xong một lớp, lại đánh chiêng trống trợ oai ; chúng ta và các hành khách vây quanh đứng xem, bà bóng thẹn thùng khó chịu, múa lia lịa một vòng, xong rồi, muốn bỏ đi, bị người đứng coi cản lại la rầy, bèn vung tay áo múa lại một vòng nữa rồi bãi. Từ đó về sau trên thuyền không nghe tiếng chuông trống.

Đêm ấy khí trời mát mẽ, mây tạnh trời trong, người trên thuyền nằm ngổn ngang dưới bóng trăng thanh sao sáng; bàng hoàng trông ra tứ phía, ngâm năm bài tuyệt cú, gởi bạn tri âm.

Bài thứ 1

Bắc nhiều đường phẳng, nam nhiều biển,
Đi ngựa đi thuyền có thói quen.
Riêng tớ bắc nam không định trú,
Khi vung roi ngựa lúc buông thuyền.

Bài thứ 2

Không nước không thuyền gượng gọi tên.
Bao giờ gân cốt chẳng phân minh,
Nhẹ như chiếc lá, thuyền muôn hộc,
Cột lớn chèo dài vượt biển xanh.

Bài thứ 3

Biển cả khe sâu gió thổi ran,
Năm canh sóng bổ sầm rầm vang.
Đèn ngư về bến trong đêm tối,
Nhấp nhới mưa phun điểm điểm vàng.

Bài thứ 4

Xa ngắm cù-lao một ngắn xanh,
Trải qua ngoài ấy biển mông mênh.
Bồ-đoàn dưới nguyệt ngồi yên định,
Vô định ba đào hóa lặng thinh.

Bài thứ 5

Cồ-nhơn tiễn tớ tối hôm rằm,
Liệu tớ hôm nay đến nước Nam.
Ai biết Ô-Trư bên Hải-đảo,
Trên tàu vẫn có lão-tăng nằm.

Sáng sớm ngày sau, cơm nước xong, khai thuyền, chạy suốt ngày mới đến một hòn đảo xa tít, đậu lại. Đảo nầy tên gọi Lỗ-mạn-Sơn. Tương-truyền, chim anh-võ ngoài biển bay qua núi ấy, nếu không chết thì bay đi, người ta cho rằng thần Phục-ba thả đi vậy.

Có một tàu cùng đậu, sai thuyền nhỏ qua hỏi, nghe nói tàu ấy của người Gia-ri-ba, (12) mọi người đều sợ.

Ba đào hứng dũng, tàu chúc mũi chúc lái, nghiêng qua nghiêng lại, dần dần có người say sóng, chóng mặt không ngồi dậy được. Ta nhờ ăn no, hơi yên, nhưng không được khoan khoái như hôm trước.

Đêm 19 tháng ấy, chừng canh hai, gió mưa nổi lên ầm ầm, nằm nghe tiếng hổ-lơ của bọn thủy-thủ. Bỗng chốc như nước thác nghìn tầm đổ xuống sườn núi ; như mưa rào gió bão xao lay rừng chuối ao sen, lại như ngựa sắt giáp đồng giông ruổi sa trường chiến lũy ; trời long đất lỡ, giao long bay múa tứ tung. Đến đây, nhất thiết cảnh ngộ phó mặc tự nhiên, sức người quá nhỏ nhoi không sao định được. Sực nhớ Đại-tạng-ký bảo rằng : « Những Tỳ-Kheo thông hiểu ý kinh Lăng-nghiêm Pháp-hoa, đi vào núi rừng có quỷ thần ủng-hộ, đi ra hồ hải có Long-vương ứng chầu », bèn khiến lấy cây cờ « Long-vương miễn triều » cắm lên, tức thì thuyền chạy yên ổn ; ngồi dậy dòm ra cửa sổ, thấy trời âm ủ không mưa ; mịt mù trời nước một màu, trơ trọi con thuyền, như một chiếc lá thả trong một bầu hồng hoang hỗn độn; mênh mông tứ phía, không bám bíu nương tựa vào đâu, cảnh giới nầy không sao tả rõ được. Thường bảo miền núi Giang-bắc, không gò cao dốc trùng, chỉ thấy một vùng cao-nguyên đại lục ; nay mặt hải-dương cũng giống vậy, lượn sóng liên tục, bao la mênh mông. Sắc nước xanh như chàm, dính áo cả tháng không khô, người xưa gọi chất dính ấy là « hải-đính ». Sách Nhĩ-nhã bảo rằng : nhựa chàm nhuộm được gọi là « đính », vì có thấy ở chỗ nầy.

Trên thuyền lặng lẽ, thủy-thủ và chủ thuyền mỗi người coi một phần việc đều tỏ dáng đăm đăm lo sợ ; ngoài ra những người khác mửa ọi bừa bãi ; đi đứng ăn uống như thường chỉ được hai ba người mà thôi ; Ta bị đau dạ dày, có người dìu mới đi được, không thì té ngã xiêu. Ngày thường qua sông Dương-tử, gió bắc thổi hơi mạnh, đã rụt rè không dám đi, nay biển cả thả thuyền, xông pha sóng to gió lớn, nghĩ cũng thích thật. Mới biết thuyền lớn muôn hộc, chẳng gặp gió to sóng cả, làm sao biết sức chạy hay. Bởi thế những bậc Kỳ-sĩ ngang tàng, trong thời loạn, gặp Minh-vương, đều có thể kiến công lập nghiệp ; nếu ở thời bình, gặp chúa tầm

12. Không rõ nước nào.

Bài thứ 1

Bắc nhiều đường phẳng, nam nhiều biển,
Đi ngựa đi thuyền có thói quen.
Riêng tớ bắc nam không định trú,
Khi vung roi ngựa lúc buông thuyền.

Bài thứ 2

Không nước không thuyền gượng gọi tên.
Bao giờ gân cốt chẳng phân minh,
Nhẹ như chiếc lá, thuyền muôn hộc,
Cột lớn chèo dài vượt biển xanh.

Bài thứ 3

Biển cả khe sâu gió thổi ran,
Năm canh sóng bổ sầm rầm vang.
Đèn ngư về bến trong đêm tối,
Nhấp nhới mưa phun điểm điểm vàng.

Bài thứ 4

Xa ngắm cù-lao một ngấn xanh,
Trải qua ngoài ấy biển mông mênh.
Bồ-đoàn dưới nguyệt ngồi yên định,
Vô định ba đào hóa lặng thinh.

Bài thứ 5

Cồ-nhơn tiễn tớ tối hôm rằm,
Liệu tớ hôm nay đến nước Nam.
Ai biết Ô-Trư bên Hải-đảo,
Trên tàu vẫn có lão-tăng nằm.

Sáng sớm ngày sau, cơm nước xong, khai thuyền, chạy suốt ngày mới đến một hòn đảo xa tít, đậu lại. Đảo nầy tên gọi Lỗ-mạn-Sơn. Tương-truyền, chim anh-võ ngoài biển bay qua núi ấy, nếu không chết thì bay đi, người ta cho rằng thần Phục-ba thả đi vậy.

Có một tàu cùng đậu, sai thuyền nhỏ qua hỏi, nghe nói tàu ấy của người Gia-ri-ba, (12) mọi người đều sợ.

Ba đào húng dũng, tàu chúc mũi chúc lái, nghiêng qua nghiêng lại, dần dần có người say sóng, chóng mặt không ngồi dậy được. Ta nhờ ăn no, hơi yên, nhưng không được khoan khoái như hôm trước.

Đêm 19 tháng ấy, chừng canh hai, gió mưa nổi lên ầm ầm, nằm nghe tiếng hổ-lơ của bọn thủy-thủ. Bỗng chốc như nước thác nghìn tầm đổ xuống sườn núi ; như mưa rào gió bão xao lay rừng chuối ao sen, lại như ngựa sắt giáp đồng giông ruỗi sa trường chiến lũy ; trời long đất lỡ, giao long bay múa tứ tung. Đến đây, nhất thiết cảnh ngộ phó mặc tự nhiên, sức người quá nhỏ nhoi không sao định được. Sực nhớ Đại-tạng-ký bảo rằng : « Những Tỳ-Kheo thông hiểu ý kinh Lăng-nghiêm Pháp-hoa, đi vào núi rừng có quỷ thần ủng-hộ, đi ra hồ hải có Long-vương ứng chầu », bèn khiến lấy cây cờ « Long-vương miễn triều » cắm lên, tức thì thuyền chạy yên ổn ; ngồi dậy dòm ra cửa sổ, thấy trời âm ủ không mưa ; mịt mù trời nước một màu, trơ trọi con thuyền, như một chiếc lá thả trong một bầu hồng hoang hỗn độn; mênh mông tứ phía, không bám bíu nương tựa vào đâu, cảnh giới nầy không sao tả rõ được. Thường bảo miền núi Giang-bắc, không gò cao dốc trùng, chỉ thấy một vùng cao-nguyên đại lục ; nay mặt hải-dương cũng giống vậy, lượn sóng liên tục, bao la mênh mông. Sắc nước xanh như chàm, dính áo cả tháng không khô, người xưa gọi chất dính ấy là « hải-đính ». Sách Nhĩ-nhã bảo rằng : nhựa chàm nhuộm được gọi là « đính », vì có thấy ở chỗ nầy.

Trên thuyền lặng lẽ, thủy-thủ và chủ thuyền mỗi người coi một phần việc đều tỏ dáng đăm đăm lo sợ ; ngoài ra những người khác mửa ọi bừa bãi ; đi đứng ăn uống như thường chỉ được hai ba người mà thôi ; Ta bị đau dạ dày, có người dìu mới đi được, không thì té ngã xiêu. Ngày thường qua sông Dương-tử, gió bắc thổi hơi mạnh, đã rụt rè không dám đi, nay biển cả thả thuyền, xông pha sóng to gió lớn, nghĩ cũng thích thật. Mới biết thuyền lớn muôn hộc, chẳng gặp gió to sóng cả, làm sao biết sức chạy hay. Bởi thế những bậc Kỳ-sĩ ngang tàng, trong thời loạn, gặp Minh-vương, đều có thể kiến công lập nghiệp ; nếu ở thời bình, gặp chúa tầm

12. Không rõ nước nào.

thường, ắt không khỏi vấp ngã lao đao. Trang-sinh bảo rằng : « Đua cái chén vào vũng nước giọt thì cái chén mắc cạn », là ý ấy vậy. Kinh hồn mất vía, chẳng dám ngó lâu; ngậm vài quả thanh-mai, đóng cửa khoang buồng, nép gối nằm nghỉ. Làm thành bài « Độ-dương-ca », ghi nhớ Nương-Công, Thạch-Đại Tư-mã.

Bài Ca :

Tháng giêng buổi nửa đêm mười chín,
Bỗng bắc-phong thổi đến ào ào.
Đà-công thủy-thủ xôn-xao,
Hớt-hơ hớt-hãi kẻ gào người la.
Thôi chẳng dám nhìn ra kinh khủng,
Tựa be thuyền ngồi lóng hai tai.
Nghe như gió táp mưa bay,
Muôn rừng đổ lá rung cây ầm ầm.
Suối treo ngược muôn tầm đỉnh núi,
Nước đổ tuôn lùm bụi rung rinh.
Lại như muôn đội hùng binh,
Giáp đồng ngựa sắt về dinh kịp ngày.
Muôn giàng ná buông giây một loạt,
Rừng « tên-lông » tuôn-tuốt bay ra.
Hải-thu hai mắt chớp lòa,
Giao-long nép bóng, ngoan-đà thất kinh.
Thân phó mặc linh đinh trời biển,
Một phút qua diêu viễn nghìn trùng.
Sáng ngày nhìn lại hư không,
Còn đâu cảnh vật hãi hùng đêm qua.
Trời với nước bao la ám đạm,
Thấy chim thần chẳng dám trỏ tay.
Chim đâu bay lại chốn nầy ?
Chúc-dung (13) Hải-sứ về đây không chừng.
Đời Thái-cổ tằng dâng hồng-thủy,

13. Tên Hỏa-Thần.

Đắt bảy châu đáy biển vùi chôn.
Đền nay uổng tử oan hồn,
Xiết bao nước dập sóng dồn lênh đênh.
Đòi phen lại hiện lên mặt biển,
Cùng người trần giao chiến ra oai.
Núi sâu đầm lớn xưa nay,
Có đoàn sơn-quỷ có loài giao-nhơn (14).
Kìa chẳng thấy liên sơn Thái-Họa,
Tây-bắc-phương, cao đã nên cao.
Chốn nầy thấp-trủng vì sao ?
Có cao có thấp hơi nào lo âu.
Ôi biển cả nao nao dòng nước,
Chẳng rửa trơn ô-trược lòng người.
Cho đời sạch-sẽ vui tươi,
Khắp trong thiên-hạ nơi nơi thanh bình.
Sao chẳng rửa giáp binh tàn khốc,
Dẹp Xy-vưu, Trác-lộc (15) giao chinh,
« An-lan » mở hội hòa-bình (16),
Ba đào lặng lẽ côn kình vắng tanh.
Làng mây nước sinh bình quen thói,
Qua Sở Ngô dông ruỗi Lương Tề
Động-đình Hoài-thủy đi về,
Trường-giang mấy độ thả bè buông câu.
Chốn Nam-Hải chưa bao giờ biết,
Miền cực-nam xa tít chân trời.
Chim bằng bay chẳng đến nơi,
Lái thuyền ta quyết băng vời hôm nay.
Dòng nước chảy khôn lay trụ đá,
Dầu sóng to biển cả không nao.
Nhớ ông (17) ngày ở Nam-giao,
Lòng ta thăm thẳm khác nào bể khơi.

---

14. Giống người cá. Sách Thuật-Dị chép : «Trong biển Nam-hải, có giống Giao-nhân, khóc nhỏ nước mắt thành ngọc-châu.
15. Xưa vua Hoàng-đế đánh Suy-Vưu ở đất Trác-Lộc.
16. An-lan là lễ mừng được sóng êm gió lặng.
17. Nhớ Thạch-Nương-Công ngày còn làm quan ở Giao-Châu.

Như thế hai ngày đêm, mỗi sáng sớm có con chim Mũi-tên (箭鳥) từ trong lượn sóng bay vút lên, bay quanh thuyền một vòng, rồi bay thẳng tới trước. Người trong thuyền bảo rằng : « ấy là chim thần theo ủng-hộ Hòa-Thượng, đem đường đi cho khỏi sai hướng vậy ».

Ngày 22, gió lặng khí trời hơi ấm, ta chỉ khoác một chiếc áo đơn, vì đã đến Quỳnh-Châu, giáp giới An-Nam, nên khí trời ấm áp, dầu đương mùa xuân. Từđây trở đi, mỗi ngày chỉ xuôi gió chừng hai ba giờ; ngoài ra, linh đinh giữa biển, thuyền tuy di-động nhưng đi tới rất chậm.

Ngày 24, thuyền-chủ viết lên cột buồm mấy chữ lớn như sau : « Ai thấy núi trước, thưởng tiền một quan». Mỗi người đều hớn hở ,tỏ ý vui mừng. Trên thuyền có thủy-thủ tên A-Ban, người An-nam, chưa đầy 20 tuổi, cường-tráng lanh-lẹ ; mỗi lúc treo buồm, hắn leo tuốt lên ngọn cột, giăng dây thắt đõi, qua lại như đi đất bằng; hắn vừa đứng trước mặt, ngó lên, đã thấy ngồi trên đọt buồm; nhảy nhót xuống lên, chẳng chút ngượng-ngịu. Vì vậy mọi người đều bảo chắc hắn ta sẽ thấy núi trước vậy. Lúc ấy có bầy chim én bay quanh cột buồm. Suốt ba ngày còn tít mù chẳng thấy bóng núi. Qua ngày 27, gần đúng ngọ, có người reo lớn trên đầu cột: (Kia kìa, núi đó rồi) ! người ấy chính A-Ban vậy. Cả thuyền đều reo lên cười mừng, nhưng chưa ai thấy gì; mọi người trương mắt chăm chú nhìn, chặp lâu trăm người có một người thấy, lại chặp lâu, mười người có một người thấy. Chừng ấy người coi lái bàn nên vào cửa nào ? thuyền-chủ lái-buôn muốn vào cửa Hội-an để bán hàng cho tiện, tăng-chúng muốn vào cửa Thuận-hóa được sớm yết kiến Quốc-Vương; bàn cãi giằng co, đều hướng về ta hỏi ý-kiến. Ta bảo rằng : Các ông muốn gấp đến bến chăng ? Chúng đều giả lời muốn gấp. Ta khiến lấy cây cờ « Thuận phong tương tống » cắm lên, và bảo rằng: Nay xem gió xuôi hướng nào, xuôi Hội-an thì vào Hội-an, xuôi Thuận-hóa thì vào Thuận-hóa, không cần phải lựa chọn chi hết. Chúng đều tán thành. Người coi lái nhắm hướng Hội-an, lúc ấy gió thổi thẳng buồm, tính vào Hội-an. Một chốc gió dần dần thổi ngang, lại quay hướng Thuận-hóa. Thủy-thủ lại xả buồm không đi nữa, xa nhìn rặng núi, còn cách trăm dặm ngoài. Sáng mai, ngắm xem thế núi từ hướng tây chạy quanh co như hình vòng-câu nằm trên mặt nước. Nước Đại-Việt kiến thiết đô-ấp trên hình vòng-câu vậy. Ăn cơm sớm xong, ta hỏi: Nay gió vào Hội-an thuận, hoặc vào Thuận-hóa thuận chăng ? Đều giả lời vào Thuận-hóa

thuận. Ta cười bảo nếu vậy cứ vào Thuận-hóa. Người coi lái biết không thể cãi, nhìn nhau rồi quyết định. Buông gió một chặp vào đến vòng núi, ấy là đảo Tiêm-bích-La (Cù-lao-Chàm). Dần dần thấy gò cao rừng rậm, dần dần thấy nội phẳng đồng bằng, kia so le mấy nóc nhà gianh, nọ phơ phất mấy cây cổ-thụ ; bãi cát trắng xóa, bởi nước biển dội sạch, xa trông một vòng bạc sáng ngời, giống như bờ đê khước-nguyệt. Nổ mấy phát pháo lớn, ra hiệu cho trong bờ biết có tàu đến nơi. Cửa biển vẫn chưa trông thấy, chỉ thấy trên mặt biển có một làn sóng dợn xa xa. Bỗng chốc, một lá buồm hình lưỡi rìu, từ phía mặt trời lặn chạy lại ; lúc đến nơi, trời đã nhá nhem tối. Nhìn thấy một người trần truồng mang khố, đầu bồi tóc có giắt lông nhím, răng đen, nói líu lo; người ấy vì không phải phụng mạng mà lại, nên không dám lên tàu. Trên tàu có người muốn xuống thuyền xem chơi, người ấy cũng không chịu. Hai phiên-tăng, nguyên người nhà vua sai sang Quảng-đông, ra hỏi chuyện, người ấy bèn thi lễ. Lấy giây giống Phiên-tăng xuống thuyền, để chạy đi thông báo với Quốc-Vương. Kẻ có một chiếc thuyền lại, có một viên quan cũng bới tóc đi chân không, chong đèn ngồi canh giữ không đi.

Suốt đêm ồn ào, ngủ không yên giấc. Rạng sáng thuyền tứ phía chèo đến đông như kiến cỏ. Người bản-xứ chen lẫn, giành mua các thứ giày, mão, bít-tất, quạt v.v... rất thích mua thứ dù che mưa.

Qua giờ thìn, có hai chiến-hạm của nhà vua sai Quốc-cậu đem ra đón, hai Phiên-tăng cũng trở lại, thi lễ xong, lập tức giục xuống thuyền, nói có Quốc-cậu đương kính chờ bên thuyền. Vài mươi thủy-quân võng ta xuống, nổi trống đồng hò hát chèo đi. Thuyền sơn son láng bóng soi mặt được, tả hữu đều 25 chèo, thủy quân rất mạnh mẽ, cửa khoang thuyền chạm long vân, sơn đỏ, trên che đệm có đẳng-văn, dưới trải chiếu lác mịn màu xanh lục, lò đốt kỳ-nam-hương, hộp vàng bày cau trầu, có đủ các thứ gối-tựa ống-giỏ.

Đến công-đường ở bờ biển, công đường tức nhà thâu thuế, chỉ có một gian lợp bằng cỏ-gianh. Quả-Quốc-sư và Quốc-Cậu rước ta lên bộ, bày lễ-vật của Quốc-Vương có các thứ kỳ-nam, trân-châu, vàng bạc v.v..., lạy và nói rằng : « Nhà vua bận Quốc-chánh, chưa có thể đón xa, nên biện chút lễ mọn, khiến chúng tôi kính rước. Nhà vua sẽ ra ngoài đô-môn

vài dặm để đón mừng đạo-giá, xin Lão-Hòa-Thượng lượng tình nhậm lễ cho ».

Kể đó kiểm điểm hành lý, từ biệt chủ-thuyền, một đoàn bốn chiếc thuyền nhỏ chèo đi. Hai bờ lúa ruộng xanh xanh chờ trổ bông hỏi thăm, nghe nói ruộng không bỏ phân, một năm làm đến ba mùa cũng khá tốt. Rừng cây trong hút mắt. Nơi làng xóm ở, nhà tranh phên trúc, ngang dọc như bàn cờ. Giống cây trồng có tre, mít, dừa, cau; hoa thì có thạch-lựu, đinh-hương, mộc-lan, hoa-lài v.v..., vì khí nóng nên mùi hương nức bay thấu ngoài giậu, chỉ không thấy có đào, lý, mai mà thôi. Thổ tục dân phong rõ ràng mới lạ. Bèn làm sáu bài thơ tả cảnh mới đến nước Đại-Việt như sau:

Bài thứ 1

Vượt biển dầm mưa vừa đến bến,
Đầu-xuân đã mặc áo mùa hè.
Trên bờ chú Mán ca lăng-líu,
Trong phố cô hàng nói ỏe-oe.
Muôn dặm cát vàng quân đón rước,
Một phong thư ngọc sứ đi về.
Đất kia ai bảo đông-nam khuyết,
Bóng ác chiều tà vạn núi che.

Bài thứ 2

Đài son Cú-lũ (18) thoáng trông qua,
Đồng-trụ (19) mơ màng góc biển xa.
Nhơn vật tưởng đâu thay mới hẳn,
Y quan vẫn giống nếp xưa mà.
Chờ người đuốc ngọc thâu đêm sáng,
Hộ giá đao vàng thẳng cửa ra.
Vào chợ bán mua ròng bạn gái,
Vung tay trước gió mở hàng hoa.

---

18. Cú-lũ-sơn ở tỉnh Hồ-Nam, chủ-phong núi Hành-sơn. Theo Đại-Sán cho đảo Tiêm-Bích-La (Cù-Lao Chàm) có núi Cú-lú ở đó và chính nơi Cát-Hồng xin đến làm quan lệnh để luyện đơn-sa (xem tường thuật ở Quyển IV), sợ e không đúng.

Trên đảo Tiêm-Bích-La có đền thờ Mã-Phục-Ba

cửa giữa đi thẳng vào đền.,Vua đứng đón ở thềm phía đông ; thoạt mới gặp nhau, như quen biết sẵn từ trước ; dắc vào trong cung, có bài trí tượng phật, phướn tàn chuông mõ, chẳng khác cảnh chùa. Ta bảo rằng : « Nhà vua thực khá gọi chẳng quên nghiệp-cũ vậy » (20). Vương ngó ta mà cười. Ta lễ Phật, nhà vua tự tay đánh khánh đốt hương. Kế khiến bày hương-án, lấy bậc thầy đải ta vào ngồi giữa, Quốc sư ngồi phía tả, rồi ngài ngồi phía hữu. Sau mấy lời hàn huyên ủy-lạo, đứng dậy thưa rằng : « Đệ-tử tâm mộ Đạo-phong Lão Hòa-Thượng đã mấy năm nay, nay may mắn Hòa-Thượng chẳng vì có xa xuôi từ khước ; cầu xin rủ lòng, bảo cho đệ-tử biết đường chánh để noi theo ». Ta bảo rằng : « Đạo nhà vua ở nơi việc trị nước an dân. Đạo chỉ có một, nhưng địa-vị mỗi người khác nhau. Nếu kẻ cai trị Quốc-gia, lảng bỏ tất cả pháp lệnh kỷ cương, để cưỡng cầu thanh-tịnh, ấy là chẳng biết thanh-tịnh vậy. Nếu hay những-nhưng không dục vọng, lạnh-lẽo không tham cầu, trong lòng hư linh, tùy việc thuận-lý, tùy vật ứng phó,thì tuy ngày xử trí muôn việc cũng chẳng phiền nhiễu mảy may.

Bài thứ 3

Mù mịt ngất trời chướng khí bay,
Mộc-lan gió cuốn suối khe đầy.
Gần làng, người nói trong tre khói,
Bên bợc, gà kêu giữa núi mây.
Chèo quế nước xao tay thị-nữ,
Kỳ-nam hương nực áo quan-sai.
Công-nha chốn chốn khuyên mời rượu,
Đuốc dọi đường về chênh-choáng say.

Bài thứ 4

Hán Đường khai thác bấy lâu nay,
Cảnh tượng lần lần đã đổi thay
Định-viễn dầu mờ trăng trước ải,
Phục-ba tiếng dậy sóng bên trời.
Xuân về cỏ nội xinh xinh mọc,

20) Câu nói nầy có ý nói Quốc-Vương với Đại-Xán nguyên kiếp trước cùng tu với nhau một chỗ ở Trung-Quốc. Nay Quốc-Vương đầu sanh làm vua Việt-Nam, vẫn thờ Phật tụng kinh, chẳng quên việc cũ.

Đêm đèn cờ thiêng phới phới bay,
Man mác rừng cây trông hút mắt,
Ngư tiều chia nửa nước non nầy.

Bài thứ 5

Khói vàng ngoài nội mờ mờ tỏa,
Mù trắng bên rừng phới phới bay.
Xỏa tóc ông chài vung lưới kéo,
Kề sông nhà lá nửa then gài.
Biển khơi nhiều gió chim bay vút,
Ruộng cát không mưa lúa chẳng sây.
Khúc-điệu Cao-miên, người Mán Mọi,
Chiều hôm cõi tượng hát lai rai.

Bài thứ 6

Khước-nguyệt quanh đê khói mịt mù,
Đầu gành cát trắng nhóm ngư châu
Trời thanh Ngải-Lãnh (núi Ải-Vân) mây cao thấp,
Hoa phủ Bàn-giang (sông Vĩnh Điện thuộc phủ Điện-Bàn) nước [chảy thâu.
Trưa nắng, trời xuân như tiết hạ.
Chiều im, khí biển đượm màu thu.
Chẳng nài công khó đường xa lạ,
Chỉ muốn ngâm để thích viễn du.

Bấy giờ là 28 tháng giêng. Hai bên bờ người đi, gái nhiều hơn trai, áo mặc chuộng màu hồng, màu lục. Sắp đến Vương-phủ, mênh mông không có thành quách, chung quanh trồng tre gai làm rào ; trong tre cất một hàng trại lợp bằng cỏ tranh; mỗi trại đều có đặt súng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh xảo, khảm châu sa phỉ-túy, văn vẻ sáng ngời, nhờ công chùi đánh lâu năm mới được như thế ; nếu đem số đồng nầy đúc lư, đúc bình, làm đồ gia-dụng, qúy giá chẳng biết bao nhiêu mà kể. Sau trại súng lại có hàng rào tre gai, phía trong có vòng tường thấp, rộng chừng một, hai dặm, Vương-phủ ở trong ấy.

Đi chẳng xa, phu-đò báo cáo nước cạn, Quốc-sư đứng dậy Bạch rằng : « Từ đây xin lên bộ ».

Lúc ấy quan dân trai gái tụ họp chen lần nhau đứng xem, võng không đi tới được. Đi quanh hai ba lớp núi, nghe trong rừng tre có tiếng trống chuông ; Quốc-sư rước vào ngồi trong một ngôi đền, ngồi chừng nửa giờ, những người đến lễ liên tiếp, Thông-ngôn giới thiệu, ông nầy ông kia làm quan chức nầy nọ,... Phần đông chẳng phân biệt được, ta chỉ ngúc đầu mà thôi.

Đương bàn với Quốc-sư tính nghỉ ngơi vài ngày rồi sẽ ra mắt Quốc vương. Kế có quan Nội-giám quỳ gối thưa rằng : « Quốc-Vương trông đợi Lão-Hòa-thượng đã mấy ngày nay, nay chỉ trong gang tấc chẳng được hội-kiến, chắc suốt đêm trằn trọc không ngủ yên. Huống chi, ngày mai là ngày mão, sau một ngày nữa là tháng mão, (tháng hai) Quốc-vương không muốn cùng Lão Hòa-Thượng tương-kiến lần đầu nhằm ngày mão tháng mão, vì « Mão » Người rất kiêng dùng vậy ». Sứ-giả đi lại liên-tiếp, Quốc sư ép ta qua yết kiến một lần cho thỏa lòng Quốc-vương. Võng lộng từ Bởi thể nước trị dân an, hầu thấy rủ áo vòng tay, không làm mà thành đạo ; thanh tịnh tột bậc, Đế-vương Phật-tổ nào có phân biệt gì đâu ». Vương có ý hiểu, bảo rằng : « Ngày nay mới được nghe những điều chưa từng nghe ». Chỉ tiếc tiếng nói không thông hiểu nhau, những lý luận sâu xa, phần nhiều chưa hiểu hết ý, đó là điểm mà tôi rất ân hận. Trộm ngắm ông vua Ngoại-quốc, xuân thu chưa mấy mà phú tính thông minh, độ lượng khoan hòa, dung mạo đoan chính ; cho hay hưởng phước làm ông vua một nước, đâu phải việc ngẫu-nhiên ; vã lại nghiên-cứu kinh điển, đầu đầu lưu tâm, nếu chẳng phải người kiếp trước tu hành, nhơn túc-nguyện trở lại trần-gian, thì chẳng làm được như thế vậy.

Dọn cơm chay, nhiều món không biết tên, quá nửa dùng mật mía trộn đổ ăn nguội. Qua nửa đêm, còn lưu luyến chưa cho từ biệt. Quốc-sư nói rằng : « Lão Hòa-thượng đi thuyền quá mệt mỏi. Rồi đây đàm đạo còn nhiều ngày «. Về đến chùa Thiền-Lâm, canh ba đã điểm trống.

Kế nhà vua cho đem đến cúng dường, từ tiền gạo, yến-sào, cho đến giầm tương dầu muối vừng sáp, các thứ rau quả đầy đủ.

Còn có người chờ yết kiến, từ chối xin đến sáng mai. Tắm rửa xong, nằm nghỉ. Chưa sáng, quan dân nam nữ đã đứng chật dưới thềm, bưng đội tiền bạc, trầu cau, trái cây, đến lễ bái, tục gọi đi lễ-mừng ; từ bữa ấy liên tiếp cả tháng chẳng dứt. Chỉ nhà ở tối tăm chật hẹp, chẳng đủ chỗ chứa 10 người, ban trưa còn thắp đuốc. Ra cửa toàn người lạ. Đầu xuân

đã nóng nực. Ta làm 1 bài « Khải » và 4 bài « Thơ » dâng Quốc vương như sau :

Bài khải

Nay nhận thấy:

Quý Vương-quốc từ xưa khai sáng, Thuận-hóa, Thanh-hóa, hùng cứ Tam-giang bát-trấn, thống-trị bốn mươi bảy châu.

Quý Đại-Vương nối nghiệp thủ thành, Kiến-bình Tân-bình bao la vạn thủy thiên sơn, thuộc hạt trăm sáu mươi quận.

Xây thạch trụ chồng ngăn dòng nước, ven biển làm nhà.

Đắp trường thành che chở vườn Thiền, phá rừng lập nghiệp.

Nay kính :

Đại-Việt Đức-chúa Ngân-an điện-hạ,

Đất chia Nam-thổ,

Ngôi á Bắc-thần.

Dựng nước gần Mân, Việt, Xuyên, Xân, núi dầu mòn mà sông dầu cạn.
Tiếp giới với Xiêm, Giao, Qua, Bột, gánh càng nặng thì lo càng nhiều.
Học dồi mài thành ý tu thân.
Đạo luyện tập ngoại vương nội thánh.
Nghiêu-điển Vũ-mô Thang-cáo-mạng, cẩm giữ mối trung.
Đường-thơ Tần-tự Hán-văn-Chương, tùy theo sở thích.
Triều đường nghiêm kính, nhưng không hách dịch ra oai.
Dân tục đổi thay, vẫn có khoan hồng rộng lượng.
Thông-minh phú tính, sao chiếu tử-vi.
Hiếu để làm lòng, hoa khai đường-đệ.
Vua Hán-đại chẳng qua nhường ấy.
Sở Trang-vương nào đã hơn chi.
Giúp trí mưu chẳng thiếu hiền hào, văn có tướng « bạch-y », vũ có tướng « hắc mâu » (21), tả hữu thảy đều lương bật.
Thú tiêu khiển vui chơi yên tuyết, khi xướng khúc mai-hoa, khi ngâm thơ dương-liễu, xướng thù gặp hội tân-xuân.

---

21) Bạch-Y Tể-Tướng là Lục-Chí đời nhà Đường. Hai câu nầy ý nói, dưới triều chúa Nguyễn, tướng văn tướng võ đều có người giỏi.

Bến Tây-hà trăng tỏ làu làu, cát đá hóa thành vàng ngọc.
Miền đông-hải sao ngời nhấp nhoáng, sóng mòi tràn ngập báu châu.
Rồng múa đồng-cung.
Phượng bay chu-đề.
Tiếng hay sắc đẹp, không tham thói quý tình phàm.
Ngựa gấm dao vàng, cảm phát lòng từ niềm đạo.
Có sinh lại có sát.
Làm vua kiêm làm thầy.
Việc làm một thời.
Tiếng lưu nghìn thủa.

Lão-tăng :

Từ thơ ấu thường hay bịnh hoạn, chẳng tham sống ở trong trần
Lìa gia-đình lo việc tu hành, chỉ muốn lánh ra ngoài cõi.
Lòng như tro lạnh.
Áo khoác nâu sồng.
Gậy thiền còn xa cắm ruộng hoa.
Thư cá bỗng đưa qua thành Huệ. (22)
Chắc kiếp trước có cùng nhau ước hẹn, đã kề vai còn lẵng lặng đi qua.
Nên kiếp nầy bỗng nhớ lại nhơn duyên, vừa gặp mặt đã cười xòa vui vẻ.
Ai bảo nhà nho đạm bạc, từng nhờ Khổng-thánh mở mang.
Chỉn e đạo phật điêu tàn, sẽ bị Cù-đàm trách móc.
Yếu hèn xét phận,
Cứu vãn không tài.
Sáo thổi rừng hoang, để ai thưởng thức.
Cỏ trồng lầu ngọc, khôn nỗi xới vun.
Nay may gặp cố tri.
Để luận bàn việc ấy.
Chẳng quên Linh-Thứu (23), bảo truyền tôi tớ hộ trì.
Gặp hội Diêm-phù (24) chia mở trống cờ truyền đạo.

---

22) Huệ-thành tức Quảng-Đông, nơi Nguyễn-chúa đưa thư qua Quảng-Đông mời rước.
23) Núi ở trung-Ấn-Độ, thuộc nước Ma-Yết-Đà, tức Như-Lai thường giảng Kinh Pháp-Hoa ở đó. Phật-gia lấy núi đó làm Thánh-địa. Trung-Quốc có các núi xưng hiệu Linh-Thứu hay Linh-Sơn, là noi theo danh hiệu ấy.
24) Tức mở hội trai-đàn.

Há nệ mão treo anh lạc, cứ chuyển cơ thần.
Chẳng chờ áo mặc thủy vân, mới lo việc phật. (25)

Phục nguyện :

Tín sâu biển-học.
Trí mở cõi danh.
Lương-Võ Tổng-Huy, (26) có thiện-căn mới kiêm thông tôn-giáo.
Bùi-Công Lý-Tướng (27), hiểu đạo-lý nhờ vốn có gia-truyền.
Chẳng những phò-trì phật-pháp được lâu dài,
Lại cũng chấn động hoàng-phong thêm lộng lẫy.

Lại trông mong :

Kinh-luân phát triển, mở rộng thêm cơ nghiệp Tiền-nhơn.
Ân-huệ dồi dào, cứu vớt khắp sinh linh bốn biển.
Cửa vàng truyền chỉ, phụng sắc phong trên chốn miếu-đường.
Xe báu dẫn đường, thường thuẩn-thú khắp miền viễn cận.
Lão-tăng đua bữu-phiệt, trải qua đão lạ sông kỳ.
Đại-Vương ngự bổ-đoàn, thông thả dưới rừng bên nước.
Thơ quê mấy vận, hổ tặng lời mây.
Khải vấn một bài, kính dâng chuyện nguyệt.

THƠ :

Bài thứ 1

Giao-châu dựng nước chính nam-phương,
Một giải non sông vạn dặm trường.
Ngôi báu trải đời truyền thánh triết,
Âu vàng muôn thũa vững phong-cương.
Đài cao chất ngất treo vân-hán,
Biển rộng mênh mông lặng khói sương.
Đức hóa từ nay nhuần thấm khắp,
Nghìn thu quốc thái lại dân khương.

---

25) Hai câu nầy ý nói, dầu đương làm vua chúa (mão treo dãi ngọc) cũng chăm lo việc đạo.
26) Lương-Vũ-Đế Tổng-Huy-Tông đều rất tôn sùng đạo Phật.
27) Bùi-Độ, Lý-Bí đều là danh tướng đời nhà Đường.

Bài thứ 2

Thuyền chiến phăng phăng dường chớp nhoáng,
Cờ ngà phới-phới tợ mây bay.
Giáp thêu hình thú quân hùng-hổ,
Biển dợn tăm rồng lính hải đài.
Cửa phật, sáu cung dâng lễ bái,
Ngôi Trời muôn nước nể thiên oai.
Gió xuân mấy độ bên trời thổi,
Rải khắp lòng nhơn bốn cõi ngoài.

Bài thứ 3

Dương-thành năm ngoái gởi thư qua,
Trọng đạo, khen người ở xứ xa.
Chén nước chưa quên lời nguyện ước,
Bè lau bao quản nỗi phong-ba.
Gạo thơm hơi bốc mây nhường trắng,
Vàng báu ân ban đất chói lòa.
Cho hay trong nước vua là quý,
Vua quý mà còn lễ Thích-ca.

Bài thứ 4

Đại-Giám ngày nào về Giũ-Lĩnh (28)
Ngày nay ta mở đạo Nam-bang.
Dịch-hoa chưa có Cưu-ma (29) đến,
Ứng hiện cùng theo Bửu-Chí (30) sang.
Khen đó Việt-thường dâng trĩ trắng (31)
Thẹn ta Cát-Liệu (32) tiếp mai vàng.
Biển khơi dầu cách người không cách ?
Mới rõ Linh-sơn đuốc chữa tàn (33).

---

28) Giu-Lãnh tức là Đại-Giu-Lãnh, tức là Mai-Lãnh ở Quảng-Đông.
29) Cưu-Ma-La-Thập cao tăng người Thiên-Trúc, thời Hậu-Tần vào Quan-Trung, dịch các Kinh Pháp-Hoa, Kim-Cương hơn 300 quyển ra tiếng Trung-Hoa.
30) Cao-Tăng đời Lục-triều (xem chú-thích ở số 4, bài tựa của Mao-Đoan-Sĩ, Quyển I).
31) Việt-thường đem bạch trĩ cống nhà Châu.
32) Tên một giống người Mán.
33) Xem chú-thích số 23, quyển 1.

Sáng sớm ngày mồng một tháng hai, Nhà vua khiến Nội-giám đem thuyền đến mời ta vào ra mắt. Gần đúng ngọ, đến phủ, nhà vua chờ đón ở cửa phía tây, lần nầy người mặc đạo-bào, không xiêm mão như lần trước, càng có vẻ hòa vui hơn. Ta bày dâng bài khải, bốn bài thơ và một ít trái cây, Nhà vua xem kỹ từng bài, rất thán thưởng, chặp lâu, đem ra các đồ vật ngự dụng, chỉ từng món, hỏi ta « có đẹp không ? Trung-hoa có món nầy chăng »? Có ý muốn khoe khoang. Xem ra các món đều bằng vàng bạc châu báu chạm trổ công phu, tuy không văn nhã, thiếu chất phác, nhưng thảy đều lạ lùng chóa mắt, có phong vị phú quý, một thứ phú quý của vua Mán.

Cơm nước xong, Quốc-vương hỏi rằng : « Trước mặt Lão Hòa-thượng, có thể lấy múa hát cung-dưỡng chăng » ? Ta bảo rằng : « Trong mười thứ cung-dưỡng, âm-nhạc là một vậy ». Vương nói rằng : « phải thưa qua Hòa-thượng mới dám ». Kẻ khiến gọi ra bốn, năm mươi cung-nữ, người nào cũng thoa son đánh phấn, bận áo hoa màu lục dài phết đất, đội mão vàng giống mão « Thất-phật », hoặc tay cầm nhạc-khí, quá nửa giống nhạc-khí Trung-hoa, chỉ có yêu-cổ (trống e lưng) dài độ hai thước, giữa eo nhỏ, hai đầu bằng phẳng lớn hơn, dùng tay vỗ có tiếng vang hùng tráng, như tiếng trống đồng ; lại có thứ đàn giống đàn tranh hình vuông dài, giữa trống-bỗng, giăng bốn giây có tua, ôm trên gối, để khảy, âm vận nghe rất thanh tao. Bọn cung-nữ nhịp nhàng sắp thành hàng ngũ, âm nhạc hòa tấu.; ca-nhi hát khúc « Thái-liên » (hái sen), ngân giọng chậm rãi cho ăn nhịp với trống đàn, vũ-nữ hoa tay múa bộ như đương hái hoa sen vậy. Diễn tuồng xong, nhà vua lấy ra năm mươi ngàn đồng tiền (?) giao cho ta, bảo thưởng cho « Tiểu-hầu », « Tiểu-hầu » tức tên gọi đoàn « Lê-Viên » (Vũ-nữ), tên nghe cũng nhã vậy.

Trong lúc nói chuyện, Quốc-vương thường tỏ ý tưởng nhớ Đông-Kinh (Bắc-kỳ), nói Đông-kinh là đất nước bản-quốc, Tiên-thế từng làm rể An-nam, được phong làm phiên-thần ở xứ nầy, dần dần trong xứ trở nên cường thạnh ; từ ấy cát cứ lập thành một nước, đổi hiệu làm Đại-Việt. Nhà vua tưởng nhớ Đông-kinh, cũng như người ở đất Khúc-ốc làm bài thơ Tiêu-Liêu để tỏ lòng tưởng nhớ nhà Tần vậy. (34)

---

34) Tần-Chiêu-Hầu phong cho chú là Thành-sư ra ở đất Khúc-Ốc, sau người ở Khúc-Ốc làm bài thơ Tiêu-liêu để tỏ lòng thương nhớ cố-quốc.

Mỗi lúc vấn đáp, thông-ngôn phiên-dịch thường hay sai lầm, nên ngày ấy không nói chuyện nhiều.

Hỏi : nhà ở được yên chăng ?

Trả lời : Chật hẹp tối tăm, không được khoan khoái.

Hứa đến ngày mồng ba, sẽ khiến người khởi cất phương-trượng mới.

Bèn từ biệt lui về, làm năm bài thơ « Thiền-lâm tức sự » như sau :

Bài thứ 1

Mịt mờ mây khói ám hoa-cung,
Ngồi đứng băng-khoăng những lạ lùng,
Rừng thẳm ngày thường sinh gió mát,
Trời chung đâu chẳng có trăng trong.
Non xanh một dải chiều u ám,
Xương trắng nghìn mồ khói tỏa phong.
Thế sự chắc gì không biến đổi,
Mây đen bỗng trổ bóng-dương hồng.

Bài thứ 2

Mưa gió phương xa bát ngát nhìn,
Khói xanh nghi ngút tỏa từng trên.
Lối tiều quanh núi khi mờ tỏ,
Lều cỏ ven đồi khoảng hở liền.
Một tiếng khánh vàng buông ngõ trúc,
Đôi dòng nước biếc tưới ven biền.
Thừa nhàn cũng muốn tìm thơ hứng,
Bận nỗi quan dân lại cúng tiền.

Bài thứ 3

Quanh lối xanh um mít với dừa,
Trống chuông văng vẳng tiếng xa đưa,
Kim-thằng chỉ nẻo trăng Đông-hải (35)

35) Kim-Thằng (dây vàng) tiếng nói nhà Phật. Kim-Thằng Khai giác lộ có ý-nghĩa vượt Đông-Hải đưa đạo Phật qua Việt-Nam

Tích-trượng trong chừng gió Việt-khư (36)
Mắt hút càn-khôn vui tự-tại,
Cảnh quên hổ hải tứa chơn-như.
Làng chài quán-rượu đâu không bụt.
Một tấm lòng chay chẳng bợn dơ.

Bài thứ 4

Chùa dựng đầu cầu cao chất ngất,
Xuyên ngang gò núi một đường thông.
Voi giày dặm cát le the cỏ,
Chim vượt khe rừng rải rác bông.
Bóng mát cây cao thầy nghỉ bước,
Câu kinh tiếng kệ khách khuây lòng.
Vui chơi kẽo phụ bầu trăng sáng,
Dâu bể bàn chi chuyện viễn vong.

Bài thứ 5

Phương-trượng ba gian lợp bạch-mao,
Đồng xanh nửa mẫu tiếp gò cao,
Ven cồn rau cỏ quanh năm thiếu,
Ngoài ngõ tre gai tứ phía rào.
Hay bịnh việc đời theo quẩy nhiễu,
Tránh rầy, miệng thế lại xôn xao.
Ngày về, Hà-Lạc, thăm tin gió,
Được quẻ trùng-ly đệ lục-hào.

Thầm bảo, chắc chừng một vài tháng sau, sẽ được an cư. Qua ngày sau, chừng canh ba, nghe ngoài cửa có tiếng ồn ào, thì ra một viên Nội-giám, hai viên Bộ-Công, dẫn đến vừa lính vừa thợ chừng nghìn người để xây dựng nhà cửa. Mờ sáng, kẻ vác tre, người vác gỗ, kẻ đánh tranh, người vót mây, lại có người cuốc đất đắp nền, hoặc leo lên mái nhà gọi nhau, hoặc đào hầm đất đi xuống. Từ sáng đến tối, liền ba ngày đêm, cất xong một tòa phương-trượng năm gian ba mươi hai cột, bốn phía có hành lang; vách tường, rầm-thượng, rầm-hạ đều bằng ván ; và một nhà hậu liêu

36) Tích-trượng (gậy có bịt thiếc) là gậy của nhà sư.

năm gian, hai mươi cột, cũng đồng thời làm xong. Nhơn hỏi chuyện, biết rằng, trong nước trăm thứ thợ đều do quân-nhơn làm. Mỗi năm vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân-nhơn đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân ; vào quân đội rồi, mỗi người bắt chuyên học một nghề, kẻ phân phái đi theo các chiến-thuyền để luyện tập; có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo Vương-phủ làm xâu; tuổi chưa đến 60, chẳng được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ ; hàng năm, thân thích đem áo quần vật thực đến thăm mà thôi. Vì cớ ấy, những dân còn lại ở nhà, toàn gầy yếu tàn tật, chẳng có mấy người mạnh mẽ. Cha mẹ sợ con phải đi lính, vừa lớn lên tức cho vào chùa làm sãi, hầu mong trốn tránh việc quan ; do đó bọn khoác áo nhà chùa rất đông, phật-pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những « tôn-phái » không ai hỏi đến, mà các việc « Luật », « Luận » cũng đều xếp xó bỏ qua ; đến đỗi những kẻ mão-ni áo-tràng, mà nết xấu tật hư, còn quá bọn dân quê ngoài làng mạc ! Cho đến những hạng trí thức tự xưng làm thầy người, cũng không cứu vãn được tệ-phong, luống phụ lòng kính tin của quốc-dân và chùa-thượng. Tai nghe mắt thấy, há nỡ làm thinh ; bèn viết cáo bạch một bài, dán lên các cửa chùa cho mọi người được rõ...

Lời cáo bạch:

Tam giáo Thánh-nhơn, khai hóa thiên hạ, từ việc lớn đến việc nhỏ, đều có pháp độ chương-trình. Đạo phải có gốc, học phải có thầy, không phải xuyên tạc đặt bày, để mượn tiếng làm thầy thiên hạ được.

Nho, Đạo hai giáo phái, đều có truyền thống, ở đây ta không bàn đến. Ta chỉ nói riêng về Thích-giáo, đức Đại-hùng Văn-phật giáo hóa chúng sinh, lấy lòng từ bi làm lợi cho muôn vật, lấy trí-tuệ tiếp độ mọi người; dạy học chia thành ba môn, để cho kẻ hậu-tiến tiện đường xu hướng. Dược-sơn-Tổ bảo rằng: «Luật có Luật sư, luận có luận sư». Hiện nay, bảo là «Tôn sư, thì chưa hiểu « thuyền-chỉ », bảo rằng « luật-sư » thì chưa hiểu « giới tướng », « luận-sư » lại chưa hiểu « kinh-nghĩa », hành động nhỏ nhăng, nói năng lộn xộn, tự ý đặt điều, làm hại kẻ hậu học ; khinh trời dối phật, ăn hại thí-cúng của thập phương, thực là loài ma nghiệt số một trong pháp-môn vậy. Theo Kinh Duy-Ma nói, thời những hạng người ấy, ai mà cúng dường đã không được phước, còn người nhận của cúng dường đó, lại phải

đọa vào tam ác đạo (37). Ngày này đã xa cách thời thánh-nhơn, chính đương lúc ma mạnh pháp yếu. Những kẻ tự xưng «đại-tăng», phần đông bề ngoài náu nương cửa Phật, bề trong hoạt-động yêu ma; dê khoác lốt hùm, thỏ bẩy chồn lũ; lộng hành khắp xứ, mười điều sai chín. Than ôi, kẻ mù dẫn đường, dắc người xuống hố, đau lòng biết chừng nào! Vì thế, Lão-tăng khai pháp ở Trung-hoa trải ba mươi năm nay, cầm trúc trượng một cây xông pha ngang dọc. Trải khắp nơi nơi diệt trừ sửa trị, quyết cùng bọn dối thế trộm danh, tự xưng là trí-thức đại-sư ấy, ăn thua đến cùng. Ta vốn chẳng chịu vào hùa với bọn giả dối, lấy bốn chữ « tu-hành lão thực » để chuốc tiếng khen với các thiện nam tín nữ Lão-tăng chỉ muốn mở rộng đường đạo, lập lại quy mô, phò chánh trừ tà, để đền ơn Phật-Tổ mà thôi.

Nay mong Quốc-vương triệu thỉnh, Lão-tăng từ phương xa đến, được Quốc-vương cung kính thân như cốt nhục. Vả lại thần dân trong nước thảy đều quy y Tam-Bảo, thực là một quốc-gia ưa muốn làm lành rất hiếm có. Ta nỡ nào mặc áo cà-sa, làm trái phép Phật, với « Phật » kết oan, với « Pháp » kết thù và với « Tăng » kết oán cho đành. Lão-tăng thấy mà chẳng nói, thả ma làm bụt, còn tội nào lớn hơn, và rất phụ mỹ ý tín-ngưỡng của vua quan tứ chúng. Bởi thế, lược cử ra ba việc sau đây, nói rõ mồi tệ, giúp cho thiện nam tín nữ trong nước, khỏi bị bọn tu hành giả-dối lừa bịp.

Phật-Tổ đặt ra giới luật, cũng như Khổng-thánh dạy người « giới thận khủng cụ, khắc kỷ phục lễ » vậy. Ngài bảo rằng : « trái lễ chớ xem, trái lễ chớ nghe, trái lễ chớ làm, trái lễ chớ nói », nghĩa là gốc của thành-ý, chính-tâm, tu thân đều ở chỗ biết răn sợ. Đức Văn-phật độ thế, sợ người đời khí tập nặng nề, đắm đuối trong vòng tham, sân, si, ái, nên mới đặt ra các giới-pháp Sa-nhi, Tỳ-kheo, và Bồ-tát (38). Tại gia Bồ-tát có ngũ-giới, nhập quan giới, phát minh điều luật, gồm ba nghìn tế-hạnh, tám trăm uy-nghi, cốt khiến người đời giữ tâm thân cho đoan chính, trừ bỏ vọng tưởng tu hành cho đến cõi Bồ-đề. Đặt ra ba đàn đại giới, trên bày ba vị Tổ-sư, bảy vị tôn-chứng, nghiêm kết đàn trường nghi lễ; đối với Bát

37) Phật-gia bảo rằng : Người ta làm ác-nghiệt phải đi vào 3 ác đạo : địa-ngục-đạo (nhưng người ác-nghiệt nặng), ngạ-qủy-đạo (cho người ác-nghiệt không nặng) và súc-sinh-đạo (cho người ác-nghiệt hơi nhẹ).

38) Xem phụ-chú quyển II.

bộ long-thiên, Vân-tập Tứ-chúng, khiến những kẻ cầu giới, tự đem việc làm trong đời mình, hoặc có lỗi, hoặc không phát nguyện sám hối. Hơn nữa, phải ba đàn làm phép, bốn dạo hỏi tra, làm trọn thanh tịnh phép mầu mới cho thọ giới. Nếu xét có lỗi nặng thì sẽ bị từ khước tức thì. Gần đây có một bọn ma-sư truyền giới-pháp cho người, dầu người ấy chẳng lên đàn, chẳng hề chịu qua tam-sư truyền pháp, thất chứng chứng-minh, túc nghiệp chẳng hề sám hối, giới luật chẳng hề giảng bàn, khoác cà-sa cầm bình-bát, uy-nghi chẳng hề diễn tập, không cứ tăng hay tục, chỉ cần có một sổ tiền hương đăng công đức, tức thì có pháp-y giới-điệp cấp đến tận tay ; khiến bọn vô tri cầu giới ngang nhiên tự cho mình đã đắc truyền đại-giới tam đàn. Rốt cuộc, kẻ truyền giới chẳng biết thọ giới là người nào, kẻ thọ giới chẳng biết thầy nào đã truyền giới ; hại pháp hại người như thế, pháp phật thành ra trò chơi, giới luật đi đến chỗ tiêu diệt, ấy là một điều mà Lão-tăng không nói không được.

Phật ban đầu hiện thân « lô-xá-na », diễn giải Kinh Hoa nghiêm, giải thích luận bàn, rát cổ hao hơi mà hải-chúng thiên-long ngồi nghe như điếc, Ngài nhận thấy chúng sinh mê lầm, khó bề tiếp dẫn, bèn nói rằng : (Thôi ta không thuyết pháp nữa), liền trở vào Niết-bàn. Nhưng sau khi suy nghĩ 21 ngày, cuối cùng dùng phương-tiện khéo léo vào vườn Lộc-dạ, mở hội A-Hàm, theo pháp sinh lão bệnh tử diễn thành các chũng loại, các thứ âm thanh, tùy theo căn cơ riêng từng người mà dẫn đạo, khiến mọi người đều được bổ ích. Bởi vì « Phật » nghĩa là « Giác », giác chẳng những tự mình giác-ngộ mà còn phải giác-ngộ cho đời nữa. Sách nho cũng bảo rằng : «khiến kẻ biết trước dạy bảo kẻ biết sau, kẻ tỉnh trước đánh thức kẻ tỉnh sau, lấy đạo ấy giác ngộ dân ấy». Xem đó, đủ biết, dầu xuất thế hay ở thế-gian, tấm lòng giúp ích loài người của Phật-tổ và thánh-hiền, cũng giống nhau như một. Những bọn vô tri tầm thường, chẳng cần bàn đến. Còn những người gánh vác việc nhà Phật, giữ trọng trách làm thầy người, cần phải tiếp đãi tứ chúng thập phương, đối với ai cũng tận tâm khai hóa; vô luận việc tinh việc thô, việc lớn việc nhỏ, hễ có người thành tâm đến thỉnh giáo, đều phải dìu dắc chỉ bày; cho đến những kẻ chẳng biết đến hỏi han, nếu mình nghe thấy, cũng kiếm cách ra công dạy dỗ; lựa lời dạy bảo, dầu có rát cổ hao hơi, chẳng vì mệt mà nửa chừng bỏ dỡ, cốt sao cho người nghe giác ngộ, cải tà quy chính mới thôi ; dạy mỗi ngày mỗi tiến, học lâu thành quen, như thể dần dần sẽ tự nhiên hợp đạo. Gần đây thầy

có một bọn người giả dối, giả danh làm thầy mà giáo-điều giới luật mù mịt chẳng biết gì. Ngu dốt mà tự cho mình là lớn, khinh khi kẻ hậu học; khi thì nói : « bọn chúng không thể dạy được » khi lại nói : « dầu có dạy chúng nó cũng chẳng biết chi »; ngăn người tự ngăn mình, thành ra dối người chính là tự dối mình vậy. Nhất thiết chẳng biết giống gì là kinh-luận giáo-điển, tự phụ sáng suốt, chẳng hề nhắc nhở đến Phật Như-Lai, cho đến công việc hành động bình thường, cũng làm ngơ chẳng hề lý luận ; chỉ ham danh trục lợi, tự tiện an nhàn; dưới mắt không người, ngoài miệng khoe khoang mà trong bụng trống rỗng. Phải biết rằng người sinh ở đời, trừ những bậc thượng-căn thượng-trí, mới có thể vào chốn trần-lao ngũ-trược (39), chẳng cần giữ gìn cũng không đến đỗi tiêm nhiễm bợn dơ; còn những căn-khí trung đẳng, phải nhờ sư-trưởng nung đúc rèn luyện mới có thể thành công. Ngày xưa đức Phật thuyết pháp trên hội Niết-bàn, trăm vạn ức chúng, một lúc thảy đều khế ngộ; chẳng phải người nay kém thông minh không bằng người xưa, chẳng qua do người xưa ngày thường nhờ có điều-độ tập rèn, huấn-luyện có phương-pháp. Nay xem người bản quốc, có lòng tin rất kiên-cố, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đoàn, há phải thiếu kẻ tu hành có căn tính linh-lợi ; cớ sao ba môn học Tôn, Luật, Luận, không có một người chỉ vẽ, khiến đại-chúng, mịt mờ, đắm đuối trong tà tịch tình si ; túng sử tập tục mê lầm, cũng ắt có một lần phát niệm trở về với ánh sáng ; khổn nỗi những tiền bối sư-trưởng chẳng những chẳng khích-lệ hướng-dẫn, lại còn khuôn phép chẳng chỉnh đốn, dạy dỗ không ra trò ; hỗn loạn hồ-đồ, chỉ muốn tìm xét dĩ-vãng, liệu trước tương-lai, rồi xua đuổi tất cả hiện tại, chẳng muốn cùng người thay cũ đổi mới. Thường thường nhơn tình hướng lên bực trên nghịch mà khó, đi xuống chỗ thấp thuận mà dễ ; nếu chẳng có người xem chừng dạy dỗ, tùy bịnh cho thuốc, dìu dắc cho đúng đắn, thì tự nhiên cứ thuận chiều đi xuống với tà tịch thói quen. Người ta bảo rằng đuổi chim vào rừng, đuổi cá xuống vực là vậy đó. Cho nên từ xưa đặt ra lề lối phép tắc để ngăn ngừa, khuyến-khích khiến kẻ học-giả ngoài

39) Phật gia bảo thế-giới có 5 thức trộc ác : chúng-sinh-trộc, (bảo chúng sanh làm nhiều việc ác nghiệt, không sợ quả báo), Kiến-trộc (bảo chúng sanh thấy nhiều tà đạo, chẳng tu thiện đạo vậy), Phiền-Não-trộc (bảo chúng sanh có nhiều ham muốn, loạn não tâm thần), Mạng-trộc (bảo chúng sanh làm nhiều việc ác, làm cho đời sống ngắn lại), Kiếp-trộc (bảo thời đương mạt kiếp, người ta chết non, đói khát, tật dịch, binh đao, các tai nạn sinh ra liền liền.

nhờ thầy dạy, trong gắng chí dồi mài, dần dần đều thấm nhuần pháp hóa. Đến ngày nay, thiên-đạo suy vi, thuần phong tiêu tán ; có kẻ, giày cỏ chưa mang qua một đôi, cửa chùa chưa bước qua hai bậc, một mai ra làm thầy người, sợ người ta biết rõ chân tướng, làm bộ lim dim nhắm mắt, sửa giọng thanh cao, làm trò giải thoát, tham lam ghen ghét, giả dối bề ngoài, để được tiếng khen là « lão thực tu hành », lấy thế làm đắc sách. Rút cục, kẻ ngu dốt vẫn chịu ngu dốt, ta e những kẻ tự-phụ làm trí-thức ấy, cam tâm ở trong hang ma tổ quỹ làm kẻ sinh nhai, khi thế dối người, phải chịu quả-báo vậy. Những hạng người như thế lạm dự vào sa-môn, chẳng biết hổ thẹn ; mượn danh hiệu phật-tổ làm việc buôn bán, điều lo lớn cho pháp-môn là ở chỗ đó. Hèn chi, ngồi yên ngó con cháu sa đọa, chẳng hề cứu vớt ; tự cứu còn chưa xong, hòng cứu được ai. Rồi thì giúp ma hại bụt, đến đâu chỉ làm bậy, đau đớn biết chừng nào. Bọn ấy, ở cửa Phật gọi là «đoạn tuyệt tuệ mạng», ở triều đình gọi là «thiết lộc cẩu dung », (ăn hại lộc nước lây lất qua ngày), ở chốn hương thôn gọi là « hương nguyện tặc đạo » (thực thà hại đạo). Từ-bi không phải « Phật », xây dựng không phải « pháp », tâm hạnh không phải « tăng ». Thế mà dám lãnh thụ thập phương lễ bái, tứ chúng quy y, lên mặt nhơn sư, mạo danh pháp-chủ, há chẳng sợ nê-lê (địa ngục) quả báo hay sao. Ta tuy bất tài lão hủ, chẳng bổ ích gì cho pháp-môn ; nhưng biết rõ lưu tệ của bọn áo-lam, chẳng giữ giới-pháp, chẳng hiểu giáo-điều, gai mắt đau lòng, một lần nữa không nói không được.

Phật ở Linh-sơn thuyết pháp, đại-chúng đều lặng thinh, chỉ có Ca-nhiếp Đầu-đà mỉm cười hớn hở. Phật bảo rằng : « Chính-pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, giao phó nhà ngươi phải ủng-hộ cho vĩnh viễn lưu thông, chớ khiến gián đoạn ». Từ đó lập nên tông phái, gọi là «giáo ngoại biệt truyền », khiến người noi theo đó mà tiến thủ ; minh tâm kiến tính, nối đời truyền thụ cho nhau. Tây-thiên 28 Tổ-sư, Đông-độ 6 Tổ-sư, đến Tào-khê Đại-giám Tổ-sư thì hết ; truyền y-bát và truyền tâm-pháp, đời đời nối nhau. Sau lại chia thành hai phái là phái Thanh-nguyên và phái Nam-nhạc ; 5 chi là Ví-ngưỡng, Lâm-tế, Tào-động, Vân-môn và Pháp-nhãn. 5 chi hoạt-động, mở rộng phật-giáo cho đến ngày nay. Xưa nay đạo thành thì pháp lập, pháp nhờ người dựng nên ; bởi thế Tổ Tổ Sư Sư, dựng nên cảnh bụt, khua chuông gõ mõ, họp chúng an thiền ; khiến trong dứt niệm tà, ngoài ngăn việc quấy ; tu trì hàng giây hàng phút, rèn luyện hàng tháng hàng năm, lấy giác-ngộ làm cứu cánh, tu cho đến chỗ « Muôn

hoa qua bụi rậm, một lá chẳng vương mình », gặp việc ứng theo việc, gặp lý ứng theo lý, dù công việc nghìn đầu muôn mối, dập dồn bồn mặt tám phương, mà đứng Chơn-nhơn không tước không ngôi, cũng chẳng chút mãy may lay động. Bởi vì tự tính bản lai thanh tịnh, phải tu đến bậc ấy mới có thể rũ tay vào chốn trần hoàn, giải thoát cho nhơn loại ; nguyện cùng nhất thiết chúng sanh, đều thành chính giác, xem muôn vật cùng ta cũng như một thể, luôn luôn dắc dìu yên ủi thức tỉnh cứu mê, chẳng nỡ quên đời, ra tay tế chúng ; nếu chẳng phải sẵn lòng từ bi, giữ vững nguyện lực Phật-tổ, thì không thể làm nổi.

Ôi, Phật là một chúng-sinh giác ngộ trước, chúng-sinh là một đức Phật chưa giác ngộ. Bởi thế phàm phu có đủ tư cách thánh-nhơn, phàm-phu chẳng biết; thánh-nhơn cũng có đủ tư cách phàm phu, thánh-nhơn chẳng hay. Thánh-nhơn nếu hiểu Thánh-nhơn tức thị phàm phu, phàm-phu nếu biết phàm-phu tức thị Thánh nhơn, thì sẽ biết Phật với chúng sinh phải tiếp dẫn lẫn nhau, mới có thể tế độ lẫn nhau, người khá độ, ta cũng khá độ, lộng lộng trần-gian, những người dắt vợ bế con, không ai chẳng khá độ, mà cũng không ai chẳng khá độ người vậy. Tiếc vì, chẳng hay từ không-chúng-sinh-giới làm phật-giới, từ không-chúng-sinh-danh làm Phật-danh, do đó chưa đánh vỡ được cửa sinh tử. Thường nhơn bị ngũ trược phiêu lưu, thất tình đắm đuối, bát phong (40) dồn dập, tứ duy (41) buông lung, cửa sinh tử ở đó. Kẻ học đạo giữ chặt bên nầy, chẳng thông qua bên kia; thông qua bê kia, chẳng trở lại được bên nầy, đó là cửa sinh-tử. So sánh lại mà bàn, lời nói chẳng khá lăm, việc làm chẳng khá nói ; trái đạo theo tục, vọng tưởng đảo điên ; chưa dứt một niệm trần, tức thị một vòng tử sinh luân hồi trong tam giới, (42) nhị thập ngũ hữu (43). Ví khiến kẽ tu hành còn bị thói củ che lấp, thầy biết khí độ vẫn như tục-hán, tự mình còn chưa độ được, làm sao mong độ được người. Tóm lại chẳng biết tu-hành, chưa khai chánh nhãn, man muội giả trá,

40) Phật-gia gọi: lợi suy, hủy, dự , xưng, cơ, khổ, lạc, làm bát phong.

41) Lễ, nghĩa, liêm, sĩ, gọi là tứ duy, tức là 4 mối để giăng buộc lòng người.

42) Phật-gia gọi tử sinh qua lại trong 3 giới : Dục-giới, (thế-giới của chúng sanh ở), Sắc-giới (giới nầy chia làm 4 cấp gọi là tứ thuyền-thiên, do những bậc thuyền định ở). Vô-sắc-giới (giới nầy không có vật-chất, chỉ lấy tâm thức ở chỗ thuyền định, rất thâm diệu, gọi là tứ vô-sắc-thiên).

43) Theo triết-học Ấn-độ gọi nhị thập ngũ đề, như Thần-ngã, tự-tánh... là căn-bản nguyên-lý của vũ-trụ vạn hữu.

lụy mình mà lại lụy người. Bọn ấy ở nơi đất bằng, còn chưa yên ổn, làm sao khiến lên tột đỉnh núi cao muôn trùng. Chỉ vì chẳng lên núi cao, sao biết đất bằng, thấy biết chỉ bằng con kiến, đã khoe khoang cao viễn; mới trèo lên mô đất, đã tưởng vượt qua núi Thái-Hàng, nếu thấy Họa-sơn cao vút tầng mây, chắc thể nào cũng ngữa mặt thở dài, bước lui cho mau vậy. Xưa Hàn-Xương-Lê tự phụ là tâm cao khí mạnh, một lần trèo lên thang mây núi Họa-sơn, ngó xuống, quáng mắt hết hồn, phát cuồng la khóc, viết thư quăng xuống từ biệt người nhà. Quan huyện sở-tại phải kiếm đủ mọi cách mới đem xuống được. Than ôi, Xương-Lê bài-xích Phật Lão, có tài văn-chương, làm sư-biểu cho văn nhân thời ấy; sinh bình vị-trí, tự đặt cao trên đỉnh Họa-sơn; thế mà mới lên Họa-sơn, đã hồn bay mất nhóa, sinh bình vị-trí nay ở đâu? Bởi vì từ trước chỉ lấy ý-thức ước lượng, chưa từng đi đến tận chỗ, nên khinh đời nói dốc, vậy thôi.

Đã làm con cháu Phật-tổ, nên kiên tâm tự nguyện mở giác-lộ cho người đời ; phá ám khai mê, phản tà quy chánh, há việc nhỏ mọn hay sao. Nên nghĩ vườn Phật xuân tàn, sân chùa thu muộn, trong buổi pháp-môn liêu lạc, há nên lấy ngoa truyền ngoa; khiến khắp nước tăng nhơn, chẳng biết ra đời học đạo là cái gì, cạc cạc ù ù trong làng túy mộng.

Lão-tăng chẳng nỡ làm thinh ngồi ngó, nên chẳng tránh nghiệp miệng, nói thẳng vài lời

Nay bổ-cáo.

Nước Đại-Việt, phong-thổ khí-hậu, đại-ước khí âm thịnh, khí dương suy. Nghiệm chứng: muôn vật phát sinh về thu đông, làm việc dùng ban đêm, con trai thông minh không bằng con gái. Hằng năm xuân hạ thường khô hạn, mùa hạ mặt trời đứng bóng nóng như lửa đốt ; đất đỏ nghìn dặm, cây cỏ cháy khô. Vì ta có kẻ tùy tùng ăn đông, nên Quốc-sư thường lấy sự thiếu rau làm lo. Trong nước tả, hữu Thừa-tướng, Tứ-Đại-đồn Dinh, Quốc-Nguyên-Lão Đông-triều-hầu, Học-sĩ Hào-đức-Hầu, Vương huyn hLệ-Truyền-Hầu, Thiều-Dương-Hầu, các vị đại lão ấy thường cùng

ta tiếp kiến, nghe ta ở Trung-hoa có cử hành việc bán gió sầm và cầu mưa, muốn tâu với nhà vua thỉnh ta cầu một đàn.

Có người sao tờ cáo-bạch của ta dâng vua xem. Nhà vua cũng thương tâm vì thấy phật pháp trong nước hỗn-loạn, không có kẻ chơn chánh tu-hành; vã lại, lập quốc quy mô, chánh giáo kỷ cương, nhiều việc cần nên sửa đổi, muốn mỗi việc đem ra phỏng vấn. Sáng sớm ngày 15, bèn rước ta vào trong phũ, chuyện trò đến nữa đêm, luôn luôn sốt sắng chẳng biết mỏi; nhơn bàn đến việc cầu mưa, ta lặng thinh hồi lâu, trả lời rằng ; « Chẳng cần phải cầu, Lão-tăng từ xa đến đây, cảm lòng tin cậy của nhà vua, xin lấy 8 chữ « Phong điều vũ thuận, quốc thái dân an » báo đáp. Nhà vua chẳng nghĩ ra. Nhơn đọc một câu liễn, viết trình vua xem.

Câu đối :

Phật tâm từ nguyện, tiên bảo « Quốc thái dân an », phương hữu pháp luân chuyển xứ.

Vương húy Phước-Châu, tọa hưởng « phong điều vũ thuận », hợp đương ngô đạo hành thì.

Dịch nghĩa :

Lòng Phật vẫn từ-bi, giữ cho « quốc thái dân an » mới có chỗ chuyển quay xe pháp.

Tên vua là Phước-Châu, ngồi hưởng « phong điều vũ thuận », chính đương lúc thi hành đạo ta.

Lúc trở về, viết câu liễn dán lên chùa Thiền-lâm : luôn mấy ngày có gió mưa, chẳng biết vì sao mà lời nói của ta được trúng vậy. Vã nhơn vì có kẻ thực thà bày nhà vua nên dẹp bỏ chính vụ, nhất vị niệm phật tu-hành để cầu sinh tây-phương, cho nên về đầu câu liễn, ta nói như vậy.

Nhà vua nói, phần đông tăng chúng không giữ giới luật, ta sẽ phát lịnh-bài đi các phủ, bắt tăng-đồ đem về trình Lão-Hòa-Thượng, khiến cầu chịu 3 đàn giới-pháp, mới cấp cho giới điệp, miễn tha xâu thuế. Lão--Hòa-Thượng ra báo-đơn thông tri, từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 làm viên mãn cả ba đàn cũng được. Ta sẽ thống suất quyến thuộc, các quan văn võ, ai có tín tâm, đều xin làm đệ-tử, chịu Bồ-tát-giới, xin Hòa-Thượng đặt cho pháp-danh đạo-hiệu.

Vừa rồi Lão-Hòa-Thượng truyền dạy, tuy thông-sự có dịch-thuật nhưng không được khúc chiết rõ ràng, nay xin chép lại từng điều đưa cho ta xem.

Ta bèn cáo về, điều trần Đại-Việt-sự-nghi dâng lên.

Bản điều trần.

« Lão-tăng đức bạc tài sơ, mong nhà vua đặc-cách tri ngộ, xa xuôi vài nghìn dặm, khiến sứ thỉnh cầu. Lão-tăng cảm thành tâm của nhà vua, vượt biển đến đây, xông pha ba đào, chẳng phải ưa mệt, chỉ vì lòng yêu nhà vua rất sâu vậy. Từ ngày đến quý quốc đến nay, gần hai mươi ngày, ba phen triều kiến; nhà vua trọng lễ đãi đằng, chơn thành hỏi đạo; cho đến hậu-cung thích-thuộc bá quan văn vũ, cũng thảy đều nhất thể quy y ; chẳng phải một nước lâu đời vui làm lành, há dễ được như thế.

Lão-tăng là người ngoại cuộc, vâng tuệ-mạng Đức-Phật, mở mang đạo pháp, kể người trước, khai hóa kẻ sau. Đại-Vương là chúa một nước, thống nhất bờ cõi, dùng hiền tài trấn vỗ quân-nhân. Việc tuy khác nhau, nhưng đạo chỉ có một. Nếu đạo kẽ « ra đời » chẳng khá dùng để trị đời, thế thì đạo chia ra làm hai vậy. « Thiên hạ không hai đạo, Phật Thánh đồng một lòng ». Ôi đạo chỉ có một mà thôi, lời thầy Mạnh-tử, há dối người sao.

Nay trong nước nhà vua, biên phòng nghiêm mật; tướng võ giỏi, tướng van hay, quân đội oai hùng, chiến thuyền rực rỡ ; chẳng những thời nay chẳng mấy nước được như thế, cho đến từ xưa lập quốc, quy mô rộng lớn, cũng chẳng qua nhường ấy mà thôi. Hoặc giả, giữ ngăn quan ải, muốn có phương pháp hay hơn; triều đình danh vị, muốn được quang minh chính đại hơn ; chọn lính nuôi quân, sao cho ân oai tinh tế ; cho đến vẽ đẹp của Vương-triều, sự tinh nhuệ của quân-khí, bao nhiêu kế-hoạch bảo dân hộ quốc, tựu trung còn có một đôi việc cần trù nghĩ thêm. Thì vua tôi quý quốc, đều là những bậc kiến-thức cao minh, nghĩ rộng lo xa, chắc đã có đủ mưu hay chước lạ.

Nhưng thiết nghĩ, người xưa bảo rằng : « Kẻ ngu nghĩ nghìn điều cũng có một điều được », tôi đã ứng theo lời mời của nhà vua mà đến đây, nếu biết mà chẳng nói, ấy là phụ lòng nhà vua, mà cũng tự phụ lòng mình vậy. Sau đây trích ra vài điều, bày tỏ đại ý gọi là tỏ chút lòng thành. Chỉ

giận, tiếng nói chẳng thông hiểu nhau, dầu có thông ngôn, cũng vị tất hiểu lẽ, mười lời chẳng phiên dịch được hai ba; thành thử Lão-tăng trong bụng có bao nhiêu điều muốn nói, chẳng làm sao để đạt được rõ ràng lên nhà vua ; đối diện như cách nghìn trùng, chịu phụ lòng nhau biết mấy. Bất-đắc-dĩ phải tỏ ra giấy mực một vài ý-kiến sau đây, để tùy ý nhà vua lựa chọn :

1. Nên tiến cống Trung-triều, để chính danh hiệu.

Triều ta Khương-hy hoàng-thượng thống trị 9 châu 15 tỉnh, đất dài vài vạn dặm, giáp binh nghìn trăm vạn hùng cường ; mà bờ cõi quý bang lại cùng tỉnh Quảng-đông tiếp cận. Nay nếu nhà vua khiến sứ thông hảo với các quan Đốc, Vũ, Tướng-quân, rồi sau dâng biểu tiến cống Triều-đình, xin phong vương để chính vị hiệu ; lấy thanh thế tỉnh Quảng-Đông làm ngoại viện, tự nhiên bọn tiểu-khẩu các nước lân-bang nể sợ chẳng dám dòm ngó, thực là danh chánh ngôn thuận, ngồi hưởng thái bình, đó là kế-hoạch vạn toàn. Lời thường bảo « Chẳng đánh mà binh địch khuất phục » là vì lẽ đó. Về lý-do thông khoản, nhà vua sẽ liệu mà tường trần.

2. Đặt đồn thú để củng cố biên-thùy.

Bản-quốc cùng với Đông Kinh (Hà-nội) các xứ liên tiếp, chỉ cách một con sông mà thôi ; dọc biên-giới có nhiều chỗ nên đặt đồn binh phòng thủ, muốn dùng binh ít thì e đến khi xung đột, không đủ sức chống chọi ; muốn dùng binh nhiều, thì phân phối không có đủ số người, đều không phải thiện sách cả. Lão-tăng trải xem sơn xuyên quan yếu, có nhiều nơi có thể giảm binh-số chỉ đặt một đội kỳ-binh mà thôi, cũng có thể cố-thủ được. Nếu nhà-vua chịu dùng kế-hoạch ấy, Lão-tăng sẽ xin điều-trần sau.

3. Thương yêu quân-sĩ, để cổ vỏ lòng trung dũng.

Thời xưa trong việc võ bị, chẳng phân biệt binh với dân ; lúc quốc-gia vô-sự, người dân được an cư nơi vườn ruộng, lo việc cầy cày, đến lúc có chiến-tranh sẽ gọi ra nhập ngũ. Mỗi năm lúc việc nông rãnh rang, đem ra huấn-luyện, giảng cho biết nghĩa-vụ tôn quân thượng thân, dạy cho biết vũ nghệ và phương pháp tác-chiến, nhưng vẫn được hưởng lạc thú ở với gia-đình. Như vậy, lúc hữu sự, mọi người đều có lòng yêu chúa, đem ra ngự

địch, tự nhiên dõng khí bội tăng, vui tòng quân để giết thù giúp nước. Nay nghe, dân trong nước một lúc đã biên tên sổ lính, trọn năm phải phục dịch cửa quan, chẳng được về làng, thăm viếng vợ con cha mẹ ; tuy chúng sợ phép chẳng dám làm trái, nhưng trong lòng sao khỏi oán hờn. Sao chẳng cho quân-sĩ luân phiên thao diễn, mỗi năm, hoặc nửa năm, hoặc một quý, cho ở quan phũ phục-dịch huấn-luyện ; rồi cho thay phiên nhau về làng cày cấy, đoàn tụ với gia-đình ; bắt chước theo phép quân đồn ngày xưa. Đến lúc có việc phải động binh, mới kêu gọi tất tập ra trận. Như vậy nhơn dân sẽ vui lòng tôn đới nhà vua, xung phong đánh giặc, binh càng thêm mạnh mà dân càng thêm giàu. Về các chi tiết sẽ điều-trần sau.

4. Mở trường học để giáo-dục nhơn tài.

Khổng-thánh là đứng « Vạn-thế-sư-biểu », Tứ Thư Ngũ-Kinh chép đủ phương-pháp trị-thế tu-thân ; chúng ta phải rán sức làm theo, xử sự mới có thể hợp lý. Nay nhà vua nên dựng nhà quốc-học, tôn thờ Khổng-thánh, tàng trử sách nho ; mời các nhà lý-học danh nho ra làm thầy để giảng minh đạo thánh. Từ Vương-Thế-Tử, con em các đại-thần, cho đến nhân-dân tuấn tú đều cho vào học ; rồi bày cách thi hạch, để phân biệt hơn thua ; nung đúc lâu ngày, tự nhiên mọi người hiểu biết cương thường luân-lý ; trị đạo chính đại, dần dần trở nên một nước văn-minh.

Lâu nay, vì Lão-tăng đến đây chưa được mấy ngày, hình thế trong nước chưa biết rõ, chính-trị lợi tệ cũng chưa được tường, nên gặp việc chẳng nói, nói chẳng hết lời ; nay chẳng qua nhơn những điều mắt thấy tai nghe, bày tỏ sơ lược một vài ý-kiến ; chờ ngày khảo sát tường tất sẽ điều-trần thêm, để đáp lòng nhà vua. Vì muốn cho kỷ-cương được chỉnh túc, lễ pháp được hoàn bị, trong có thể yên dân giữ nước, ngoài có thể ngăn giặc chống thù, bồn cõi thái-bình, nhà an nước trị, ra đời, trị đời, đạo có một mà không hai vậy.

Đến ngày 26, Nhà vua rước ta vào phương-trượng mới. Quốc-mẫu đải cơm chay, vương-huynh, công-chúa dâng hương, thỉnh ta thuyết pháp.

Có thuyền khách từ Quảng-đông đến, hỏi thăm tin tức thuyền sau ; nói vì khách hàng chưa tề tựu, có lẽ chậm vài ngày sẽ ra biển. Nhưng chờ mãi bặt vô âm tín, quá kỳ rồi vẫn chưa đến nơi, trong bụng rất lấy làm lo.

Những tăng chúng theo hầu, bất phục thủy thổ, quá nửa bị bệnh. Ta nhơn bị tiết tả, dạ dày nóng, miệng lở, ăn uống rất khó khăn. Có kẻ vì ganh ghét quốc-sư, gieo lời gièm pha, bảo quốc-sư có tính hổ đồ, chẳng để ý chăm lo việc Phật ; những tiền lúa nhà vua đưa cúng dường Lão-Hòa-Thượng, phần nhiều bị ông ta xớ bớt. Phần thì viên tri-sự theo hầu, báo-cáo hết lương. Nhơn tình chưa quen, tiếng tăm chẳng hiểu, quốc-sư chỉnh mãng, đại chúng u ơ. Lúc ấy đương ngồi một mình, ngửa nhìn mây bay biển ảo, lắng nghe chim hót líu lo, ngùi ngùi than rằng : Truyện xưa chép Đức-Khổng đi đến nước Thái, nước Trần, bị hết lương thực, việc ấy có chăng ? Ta đức chẳng sánh kịp cổ-nhơn, mà gặp gỡ lại đồng hoàn cảnh. Nhơn tẩu bút làm thành hai bài thơ.

Bài thứ 1

Lều cỏ ngồi thơ thẩn,
Mưa xuân phới phới bay.
Gỏ mâm không định ý,
Bầu đẳng khá thương thay.
Bếp nguội lương chiều hết,
Người xa tin nhạn chầy.
Bơ vơ nhớ quê cũ,
Đỗ-vũ kêu tối ngày.

Bài thứ 2

Ngoài biển mây thưa thớt,
Quanh rèm lớn-vớn bay.
Vào rừng nguyên có hẹn,
Sao tớ lãng quên ngay.
Giấc mộng dầu êm ái,
Cảnh đời thường đổi thay.
Ngõ ngoài ai gánh giũ,
Gỏ khánh bảo cho hay.

Chùa Thiền-Lâm vì thiếu sắp đặt, nên lương thực tiếp tế, ngẫu nhiên bị thiếu hụt.

Riêng phần ta, Quốc-vương cung dưỡng rất trọng hậu, cho đến trăm quan lớn nhỏ, hậu cung quý thích, thảy đều đưa tiền bạc xin yết kiến.

Theo phong tục, những người dâng lễ, nếu chẳng phải tự mình đem đến, ấy là « bất kính », nên từ khước ngay. Ta mới đến, chưa hiểu phong tục, phần thì công việc rộn ràng, cho nên bao nhiêu đồ tặng biếu, đều thâu trử cả vào một nơi, chưa có thì giờ kiểm điểm. Đến nay mới lựa ra từng món, món nào chẳng phải tự tay người tặng đem đến, đều viết thư tạ ơn và khiến người đem trả lại.

Ngày nọ, có quan Đại-học-sĩ, ký-lục, Hào-đức-Hầu khiến con trai đem tiền bạc đến yết kiến, kèm thêm một bài thơ thất-ngôn Đường-luật. Thơ tuy chưa có thể nói là phong nhã, nhưng cũng biết thanh luật âm vận, cũng biết giải lý, có thể cho là xuất sắc, như cỏ linh-chi, như chim phượng-hoàng của xứ nầy, người con coi cũng có vẽ thanh tú.

Đêm đến, cùng Quốc-sư nói chuyện phiếm, nhơn hỏi thăm danh sĩ xứ nầy, có ai có thể mời vào Bạch-xã (tức thi-xã), để làm thơ xướng họa cho vui không ? Quốc sư liền giới-thiệu người ấy (tức Hào-đức-Hầu), nhơn duyệt lại bài thơ bữa trước.

BÀI THƠ

Nghe nói thiền-lâm mạch rộng khơi,
Thảm nhuần ơn trạch khắp nơi nơi.
Ma-ha trăng dọi trên đàn hạnh,
Bát-nhã gió lồng trước cửa mai.
Kìa sắc ấy không, không ấy sắc,
Nào ai cầu tớ, tớ cầu ai.
Nhớ nhung đây đó lòng như một,
Suối-Hổ (43) nhìn nhau hã hã cười.

---

43) Lư-sơn-ký : dưới chùa Lư-sơn có khe gọi là Hổ-Khê, xưa Viễn-Pháp-sư đưa khách qua đó, liền có cọp kêu, nên đặt là Hổ-khê. Ngày nọ Viễn-sư tiễn Đào-nguyên-Lượng và Lục-Tu-Tịnh qua đó, ham nói chuyện đi qua khe, liền nghe cọp kêu, ba người nhìn nhau cả cười. Nay đời truyền : Hổ-Khê tam-tiếu-đồ.

Thơ để tả tình tình, câu thơ khéo hay vụng, chẳng bàn làm gì, nhưng ba chữ Trăng Ma-ha đối Gió Bát-nhã, còn có chỗ cần châm chước phê-bình. Nay hãy cứ theo nguyên vận họa lại bài thơ, và viết kèm một bức thư để thảo luận mấy lời trong bài nguyên tác.

BỨC THƯ

Tôi đến quý quốc mà chẳng đến yết-kiến các ông, chẳng phải cố ý kiêu ngạo. Kẻ tu đạo chẳng muốn lấy thường-sáo ngoài đời để đãi các ông. Nếu dập đầu trước thềm, để đua my bậc cao-minh, sẽ bị người đời cười chết. Xưa Thao-Quang làm thơ đáp Bạch-cư-Dị có câu rằng : « Mây trắng khá bay về núi biếc, trăng thanh khôn khiến tách trời xanh », rõ ràng khách ngoài đời chẳng muốn xu hướng kẻ quyền quý vậy. Bần-tăng tuy đạo đức mỏng manh, há chẳng lấy Bạch-cư-Dị đãi người quân-tử hay sao?

Minh-công đã khiến công-tử hạ cố, lại còn ban cho quà qúy với thơ hay. Đọc qua một lần, thấy lời thơ lưu-loát, tuy trong câu không dùng đến những chữ « yên hà khâu hác » của nhà thơ, mà ý tứ « yên hà khâu hác » đều ngụ ở trong ấy. Đỗ-Công-Bộ bảo rằng : « Chính tự mình ông có cốt tiên, người đời làm sao biết rõ được », chính là vì thế.

Vần thơ đại nhã ban cho, qúy hơn minh-châu mười hộc, nỗi mừng xiết kể ; còn lễ biếu trọng hậu, bần-tăng chẳng dám lãnh thọ.

Một mặt đọc thơ, một mặt viết giấy trả lời, còn lo không có thơ để đáp tạ. Đến khi ngâm nga kỹ câu thơ bỏng-bảy của Minh-Công, trong câu dùng chữ « Trăng Ma-ha » để đối với « Gió Bát-nhã » ví như ngọc bích có chút tì, tiếc chưa được toàn mỹ. Theo thiển ý xin đổi hai chữ « Ma-ha » làm « Bồ-đề », vì « Gió Bát-nhã » (Bát-nhã phong) là chữ trong bài thơ của Tô-Tử-Chiêm tặng Phật-Ấn, còn «Bồ-đề-nguyệt» là chữ trong bài thơ của Bạch-cư-Dị tặng Điểu-Oa Lão-Tăng. Tôi chẳng dám ví với Điểu-Oa Phật Ấn nhưng Minh-Công khá so sánh với họ Bạch, họ Tô ; ngu ý như vậy, chẳng biết có thỏa đáng chăng ? Sau đây xin họa nguyên-vận bài thơ, nhờ Minh-Công chỉ giáo.

BÀI THƠ HỌA

Mênh mông bể học sánh tài ba,
Nho Thích cùng thông một lẽ mà.
Trước hãy vịnh đề xem thói nước,

Tẳng nghe thi lễ tiềng con nhà.
Sáng soi ta vẫn cầm gương báu,
Tiền phát người đương giữa tuổi hoa.
Nều gọi Ma-ha là bóng nguyệt,
Sợ e lầm chiều đẳng Duy Ma.

Có thương khách từ Huệ-châu đến, thuật chuyện : Tử-Thuyên Vương-sứ-quân hiện nay được thăng nhiệm tuần-vũ Xuyên-nam. Ta đương khách ngụ nước ngoài, chịu lỗi không được thân hành tống tiễn. Tri kỷ làng thơ, phương trời xa cách, làm ít vần thơ gọi là để tỏ tình :

BÀI THƠ

Nhớ xưa Tuần-châu đền nhiệm chức,
Lều cỏ mai vàng đương trổ bông,
Hiên Cồi-không kia cỡi dải áo,
Diễn-tâm-đình nọ ngồi thung dung,
Phong lưu Thái thú người kinh-kỳ.
Từ bé học gươm và học sử.
Quyết chí làm quan chẳng kiếm tiền.
Thơ ca chúng đều phục tài tử.
Tính ưa kết giao phương ngoại sĩ.
Xem nhẹ phú quý, ai anh hào ?
Phong nhã tài hoa đầy bốn biển,
Nói cười chẳng ngán một người nào.
Phong-hồ rãnh việc ngồi câu chơi.
Gió thu mưa khói tối đen trời.
Đốt đèn lên bèn lại lên gác.
Tựa gác ngâm nga ngắm tuyết rơi.
Tử-Chiêm kiếp sau lại hơn trước,
Khiến dân không kiện chúng khen hiền.
Ngày đền La-Phù thăm con trẻ,
Rủ ta lập hội bàn đạo thiền.

Rửa gót dòng trong mỡ thạnh hội,
Trường giang đêm vắng tiếng âm thầm.
Bỗng chốc reo lên chẳng hay biết,
Nhìn nhau không nói ý thâm trầm.
Khuyên ép Lão-Tăng làm dân say,
Cỡi áo đổi rượu nghèo chẳng nài.
Hễ đến Ngũ-dương tìm viếng bạn,
Mười năm tình thực như một ngày.
Lưu lạc bỗng làm khách ngoại-dương
Quay nhìn mây trắng trời một phương.
Nghe đồn phụng chiêu tuần Ba-Thục,
Đường qua Đại-Việt, ra Tiêu-Tương.
Kìa chẳng thấy
Nga-My-sơn,
Đèo đỏ lèn xanh chẳng khá trèo.
Lại chẳng thấy
Thanh-Lương-đài
Mây khói sẵn bìm đường chông gai.
Thương ôi danh thắng sao tịch mịch.
Ngừng xe phi bút để Kiếm-Các ;
Quanh co uốn éo bậc thang mây,
Trượng phu ruỗi bước mới kỳ tài.
Đỉnh gióc hang công bao hiểm trở,
Suối đổ lưu ly tán loạn bay.
Thấp cao gò đồng nhiều cỏ thơm,
Núi non càng tiến càng xinh tốt.
Đường đi quanh co đá chởm chởm,
Đi mãi đường dài đến cùng tột.
Ông vào đất Thục núi nghìn trùng,
Ta cỡi bè tiên muôn dặm thông.
An-nam cách trở ngoài Viêm-hải,
Đường cũ Phục-Ba thẳng ruỗi giông.
Nhơn sinh tán tụ nghìn muôn dặm,
Kẻ ở người đi ai xui khiến,
Ông đi lên núi, núi là núi,

Ta đi qua biển, biển là biển.
Kẻ cỡi thuyền-từ vì phép đạo,
Kẻ cầm cờ sứ kẻ Văn-ông (44).
Nước biếc non xanh tuy khác thể,
Hùng kỳ quyệt quái cũng tương đồng.
Nhớ lưỡi búa ngọc hình bán-nguyệt.
Nhớ bài điều-trần bàn trị đạo.
Giữ tập văn thơ bạn gởi cho.
Xuân tàn góc biển cảnh thê lương,
Thơ cũ lần xem lòng bi thương,
Ngao ngán xuân sầu ngày thẳm thẳm,
Gió đông tán loạn cuồn hoa dương.
Hạc vàng vỗ cánh bến Châu-giang,
Ngọn triều trắng xóa sông Cừ-đường,
Rừng rậm cây cao tiếng vượn hú,
Biết đâu mai gió với chiều sương.
Ba đèo bảy đoạn uốn đường đê,
Vâng lịnh công-truyền phải gắng đi.
Gốc biển bên trời dầu mộng tưởng,
Sao bằng tiễn bạn lúc phân kỳ.
Ví phỏng bình-bát quay thuyền lại,
Buồm lớn cột cao lướt gió bay.
Gió biển dầu xuôi dầu mau chóng,
Ngày về người đã chia đông tây.
Chưa hẹn ngày nào ngày hậu hội,
Ly-ca một khúc giải lòng nầy.

---

44) Người đời Hán, làm Thái-thú Thục-quận, có tiếng hiền lương.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN II

Sơ tuần tháng 3, đương làm nhà Chiêu-đề trong cung, nhà vua tạm dời ra ở Thủy-Điện, không có chỗ tiếp khách, vì vậy nên ít khi được gặp nhau. Tăng-chúng thập phương đầu đơn xin thọ giới đã có hơn 600 người, nhưng liêu xá chỗ ở, và đồ dùng hằng ngày chẳng có một món gì. Tri-sự thương lượng với quốc-sư, chỉ nghe giả lời bằng hai tiếng « dễ dàng » mà thôi. Giới-tử hẹn đến ngày 15 sẽ tiền đàn, đọc luật và diễn lễ.

Thuyền sau vẫn chưa thấy đến, các tăng chúng chức việc và nhất thiết các món trang nghiêm, cờ phướng đều chưa tề tựu. Dầu không có việc gì xảy ra đáng lo, nhưng vì đã gần đến nhật-kỳ, nên cũng nóng lòng trông đợi. Bồi hồi dưới gốc dừa cây mít, làm thành « Khách trung khiển hứng » 27 bài.

Bài thứ 1

Tháng ba hoa rụng hết,
Người bảy-châu chưa qua.
Cầu-mồng tuôn mưa xuống,
Mặt trời nhảy sóng ra.
Tiết hầu qua hạ-chí.
Gió hết thổi xuân-hòa.
Tiếng địch ngân rừng vắng,
Sầu khôn giải ý ta.

Bài thứ 2

Nam-cực ngoài ven cõi,
Một vùng đất uốn quanh.
Cát ngời bờ Khước-Nguyệt,
Mây dầy đảo Chiêm-Thành.
Điền-xá thuyền đánh cá,
Công-đường nhà lợp tranh.
Chẳng cần hỏi cầm-lệ,
Phóng khoáng kẻ tu hành.

Bài thứ 3

Tháng giêng vừa mới nửa,
Lúa ruộng đã đơm bông.
Lúa gặt năm ba vụ,
Áo the mặc mùa đông.
Khách vào, hái mít đãi,
Nhà cất, sẵn tre trồng
Những mãng vui đùa giỡn
Chiều xuân ngã bóng hồng.

Bài thứ 4

Bóng tà len cửa sổ,
Xỏa tóc dạo quanh sân.
Tứ khách mê chiều xế,
Ý thơ tiếc buổi xuân.
Lá dừa sâu viết chữ,
Hạt cỏ chim gieo vần.
Nhà kín quên xa lạ,
Hồn quê khuây khỏa dần.

Bài thứ 5

Sóng biển tung trời vổ,
Núi non quanh đất rào.
Suốt đêm vang gió sầm,
Cây cỏi vụt lên cao.

Tê-giác văn ngời sáng,
Tiên cầm lông trắng phao.
Phiêu-lưu bọn chúng tớ,
Mây nước biết nơi nào.

Bài 6

Dòng nước cách tây đông,
Nửa làng toàn điều-ông.
Dầu đường, chân ẩn cát,
Nước giếng, mạch lưu thông.
Cửa mở trong gió trúc,
Người đi dưới mưa đồng.
Cơm không no ba bữa,
Đầy phố người chơi rong.

Bài 7

Ngăn địch bày đồng-pháo,
Phòng gian rào tre gai.
Võ-biền đội khăn quặp,
Văn-chức mặc áo dài.
Quan-phủ khắp núi biển,
Chùa chiền tức cầm đài.
Quốc vương vì dân chúng,
Cầu Phật mở đàn chay.

Bài 8

Phiên-quan quen chuyện vãn,
Tiếng nói chẳng hiểu nhau.
Cũng muốn thường qua lại,
Phần đông chỉ cháo rau.
Yêu ta lòng chẳng đổi,
Lo đói biết làm sao
Luồng gió bên rừng chuyển,
Tiếng hoa rụng ào ào.

Bài 9

Nhơn thể nào xa lạ,
Lòng người tự ghét thương.
Ổn ào không quản ngại,
Quê vụng dám chán chường.
Trò chuyện phất quạt ngọc,
Tóc râu điểm hoa sương.
Rèm thưa hơi gió lọt,
Thơm phức Dạ-Lai-Hương (1).

Bài 10

Xuân về, người vẫn ở,
Lê gậy đi một mình.
Lây lất nương trần tục,
Thờ ơ ngắm vật tình.
Cá kêu (?) gió hầu trở,
Voi rống, trăng vừa lên.
Gặp mặt khôn chào hỏi,
Người đều không họ tên.

Bài 11

Bốn biển trời lồng lộng,
Đến đâu cũng là nhà.
Trắng thêm vài cội tóc,
Đỏ rụng mấy cành hoa.
Đuổi lộc vui theo Hán,
Cỡi thoi mộng chơi Hà.
Luống nhọc lòng ả Chức,
Tặng đá chồng cơ-xa (2).

---

1) Tên một thứ hoa.
2) Xưa có người chiêm bao thấy cỡi thoi đi chơi sông Ngân-Hà, gặp Chúc-Nữ tặng cho viên đá của nàng dùng kê khung dệt, ấy là một viên ngọc quý.

Bài 12

Bên giường cành cổ-thụ,
Tiêu sơ giống cảnh thu.
Mây rừng bay lỡn vỡn,
Chim núi hát líu lo.
Khóm trúc bên khe mọc,
Quanh dòng, bóng âm u.
Nhà không chẳng đóng cửa,
Bóng nguyệt vừa đứng đầu.

Bài 13

Dân làng toàn lão nhược,
Trai tráng ra tòng quân.
Nuôi trẻ đành nhờ vợ,
Thờ vua phải hiền thân.
Nhà hư sợ mưa dột,
Cây héo mặc sương nhuần.
Nỗi khổ trong làng mạc,
Ai tâu lên chín tầng.

Bài 14

Bè nổi cất nhà ở,
Bao quanh ngọn thủy triều.
Cỏ non xuân nhuộm sắc,
Núi biếc thu in màu.
Trong ấy như vừa đủ,
Ngoài ra chẳng chút cầu.
Đứng nhìn bên bãi cát,
Khói xanh tỏa Lục-châu.

Bài 15

Kiếm chác nghề nghiên bút,
Đầu ruồi lợi chẳng bao.
Hay hèn tự khác biệt,
Lớn nhỏ cách xa nhau.

Hang kiển hầu xưng chúa,
Cung rồng ai khoe giàu.
Khai-nguyên (3) hiệu tiền quý,
Đồng bỏ ở bên Tàu.

Bài 16

Gió nồng khi quá ngọ,
Hơi mát lúc hừng đông.
Đêm lặng nghe cơn sóng,
Non cao dội tiếng giông.
Xưởng voi nuôi mặt hậu,
Chợ cá khít bên hông.
Khách khứa thâu đêm đến,
Tiệp đãi có người trông.

Bài 17

Y-bát rong chơi khắp,
Tha hương tự hiểu mình.
Không thơ cầu yết-kiển,
Có chữ gửi thăm tình.
Gió thổi màn hoa ánh,
Mưa sa tiếng nhái inh.
Tuổi già giàu sức khỏe,
Mừng gặp lúc thanh bình.

Bài 18

Không dám làm cao cách,
Khen người quý xét lâu.
Xem qua dường sắc cỏ,
Đóng cửa nghiệm rừng sâu.
Cá đỏ, hàng thường ẻ,
Đàn hay, khúc khó cầu.
Thành-Liên-Tử muốn tạ (4),
Mây khói biết tìm đâu.

---

3) Niên-hiệu vua Huyền-Tông nhà Đường, khoảng 713-741 D.L.
4) Người thời Xuân-Thu, thầy dạy đàn cho Bá-Nha.

Bài 19

Thương-mãi giồi son phấn.
Quan dân diện áo xanh.
Khi trầu khăn gấm mở,
Lúc chuyện bóng trời chênh.
Tóc mái khoe tơ mịn,
Chân hoa trổ bước xinh.
Châu-Nam chưa hiểu ý (5),
Giang-Hán khó đồng thanh (6).

Bài 20

Nước Nam sông vạn phái,
Sao Bắc núi ngàn chầu.
Nhơ nhởn làm khách-trú,
Kinh doanh có kẻ giàu.
Chim bay tung quạt gió,
Rồng muá tuôn mưa ngâu.
Trông ngoài nhìn thiên-tượng,
Thanh không sáng một bầu.

Bài 21

Lư-Tổ về Dủ-Lãnh,
Thiền-Tông mở phương nam.
Huệ lan ta há dám,
Dưa muối ngươi không tham.
Biên-quái thành sổ ngũ,
Trùng-ly động hào tam.
Học hành không nhắc nhủ,
Chim én kêu làm nhàm.

---

5) Châu-Nam là một thiên chính-phong trong Kinh-Thi, khen phong-hóa của vua Văn-Vương.

6) Giang-Hán là một thiên Đại-Nhã trong Kinh-Thi, ca tụng công-đức của vua Tuyên-Vương. Hai câu thơ nầy tác-giả có ý chê phong-hóa Đại-Việt lúc bây giờ chưa được tốt.

Bài 22

Mặt trắng răng đen nhắn,
Đứng cười tựa cửa tre.
Khách sang ngồi chiếu đất,
Mâm gỗ cũng đem khoe.
Nước mía uống ngon thật,
Tinh dừa ăn khỏe ghê.
Đêm nghe chuông phải tránh,
Voi cái đi săn về (7).

Bài 23

Ai bảo biển không đáy ?
Giao-Châu đất xiên xiên.
Bên đê mở tướng-phủ
Dưới cửa buộc quân-thuyền.
Già tháng tre sinh gạo,
Lạnh trời bông may mền.
Dân phong ít thuần hậu,
Nhờ có quốc-vương hiền.

Bài 24

Lời nói nhiều câu bí,
Việc làm ra dáng quê,
Tánh tình thường thích thẳng,
Cây trái cũng sum sê.
Chữ lạ chẳng ai hỏi,
Hương thơm không chỗ chê.
Quả xoài lại rất quý,
Ngày tối ăn no nê.

---

7) Tác-giả chú-thích : thường đi săn voi, người ta dùng hai con voi cái để kèm voi đực đem về. Có người đi trước dẫn đường, đánh chuông cho người ta nghe để tránh.

Bài 25

Thần sóng thường phù hộ,
Thuyền êm lúc lại qua.
Buồm bay xem bể rộng,
Mây dứt biết non xa.
Ếch oáp khi mưa lụt,
Chim kêu lúc rụng hoa.
Hình hài thường tự thích.
Chẳng đợi gió xuân hòa.

Bài 26

Ngày xuân cô gái trẻ,
Xắn áo lội bờ dâu.
Lưới bện dây làm võng,
Thúng đan cỏ đội đầu.
Đương mùa gây cúc giậu,
Trở mái hái sen bàu.
Ấm áp trời Nam-Việt,
Trăm hoa hớn hở màu.

Bài 27

Cà-sa đi khắp xứ,
Kinh-kệ cũng tao đàn.
Tài hèn thương tóc bạc,
Sức khỏe đáng kho vàng.
Hiểm trở tùy lòng thề,
Thâm nghiêm mặc cửa quan.
Hư danh lòng chẳng muốn,
Đâu cũng cảnh hồ-san.

Chiều ngày 10, (tháng 3 năm ất-hợi) Quốc-Vương sai Nội-giám đến báo tin mừng : « Vừa tiếp báo-cáo của quan địa phương, nói thuyền sau của Lão-Hòa-Thượng đã đến đảo Tiêm-Bích-La. Quốc-Vương đã ra lệnh cho thuyền Điền-Xá (thuyền đánh cá) đón tiếp đồ đệ và vật hạng của Lão Hòa-Thượng, nay mai sẽ ra đến nơi ».

Đêm 13, (tháng 3 năm Ất-hợi) thuyền ra đến Thuận-Hóa. Sáng sớm tăng chúng lên yết-kiến, người nào cũng chân tay lầm láp, mặt mày cháy đen. Chúng thuật chuyện rằng : « Thuyền ra cửa từ ngày 20 tháng 2, chỉ được một ngày một đêm thuận gió, còn quá nửa tháng dật dờ trôi nổi trên mặt đại-dương. Chúng đã trông thấy biết bao quái lạ, có những chim quạ lớn, lông đuôi dài thòng như đeo mũi tên, gọi là quạ « mũi tên » (tiễn nha), hằng ngày bay liệng trên cột buồm. Lại trên mặt sóng, có những cây cỏ lịnh nhỏ, hoặc đỏ hoặc đen, khi chìm khi nổi, cây nầy trôi qua cây khác kéo đến, liên tục hàng vài mươi cây. Người trong tuyền ngó nhau sợ hải, không dám lên tiếng. Người ta bảo đó là những thuyền ma, ai gặp thấy thì bất lợi. Ngày nọ ba-đào húng dũng, mây kéo mịt mù, phía tả thuyền có một con rồng đen uốn lượn lù lù hiện ra. Thủy thủ phải đốt lưu-huỳnh, lông gà, lấy đồ dơ uế vẫy lên, khiến quái-vật không dám xáp lại. Lại một đêm nọ, mây kéo tối mò, trăng sao chẳng có; thình lình một hòn núi lửa nổi lên ở sau thuyền, ánh sáng rọi lên mặt buồm, như ánh lửa cháy đồng phản chiếu ; dần dần núi lửa ấy đi lên ngang hàng với thuyền, bọn thủy thủ ùa ra lấy cây củi gõ vào mạn thuyền liên thanh. Chừng hai canh sau, nghe bánh lái chạm vào mình vật ấy. Thuyền hơi quay lại, và quái-vật liền biến mất. Vật ấy tức là một loài cá hải-thu, ánh sáng là luồng điện của mắt cá, nhưng chẳng biết thân cá to bằng chừng nào. Bình bồng trôi nổi, ma quái hiện hình; trông ngóng Việt-Nam, tít mù tăm dạng. Gió nam thổi mạnh, mọi người đều tái mặt; cầu trời khẩn Phật, phù hộ cho gió xuôi. Vì người đà-công không thuộc đường, lại trễ thêm hai ngày, gạo nước dần dần hết trơn, hầu giam đói cả bọn giữa «lầu ma chợ bóng» (thần lâu hải thị) ». Mọi người kể chuyện, tủi tủi mừng mừng. Ta bảo : « Thôi, hãy lui xuống nghỉ ngơi tắm rửa ».

Lúc ấy sổ tăng chúng đến cầu giới, đã lên đến số nghìn, mà vật-hạng cần dùng trong giới-đàn, Quốc-sư chẳng chút lo liệu. Xảy có công-chúa đến, ta lấy việc ấy trình bày. Công-chúa nói : « Lão Hòa-Thượng hãy vẽ đồ-hình và kê đơn các món cần dùng. Tôi đem trình Quốc-Vương, có thể ứng-biện xong lập tức.

Ngày hôm sau, Quốc-Vương khiến mời ta đem các tăng-nhơn vừa đến thuyền sau, vào dự tiệc chay. Vương ân cần hỏi han từng người một. Tức thì phê lịnh truyền quan quân các dinh chia nhau dựng cất liêu-xá, hạn trong ba ngày lạc thành, bàn ghế khí-mãnh hạn 10 ngày phải có đầy đủ.

Rồi thì, Vân-trù (nhà bếp), Thiền-đường, Vân-thủy-đường dựng lên ở phía tả; Thị-liêu, Trai-đường, Độc-luật-đường, Am-Chủ-Liêu dựng lên ở phía hữu; Ở giữa làm một giới-đàn. Suốt sáng thâu đêm, chỉ trong ba bốn ngày là xong. Ngoài ra, khuân vác khí-cụ, hàng ngày trên đường đông như kiến-cỏ, hơn 2000 vân-thủy giới-tử ai lo phần việc nấy. Quốc-sư dọn cơm trưa, xin treo chuông mõ làm hiệu lịnh, tu chỉnh quy ước, và để những liễn đối như sau:

Câu đối trước cửa chùa :

« *Annam quốc thổ bất nhị môn, mạc thác quá khứ.*
Thuận-Hóa thiền-lâm đệ nhất bộ, hướng giá lý lai ».

Dịch nghĩa :

Đất nước An-nam chỉ một cửa, chớ lầm bỏ qua.
Rừng thiền Thuận-Hóa bước đầu tiên, tiền vào trong ấy.

Câu đối dán ở Trai-đường (nhà cơm chay)

« *Sa-oa lý hoạt chữ Phật thôn, hữu giá ban thủ cước, thủy thọ đắc Quốc-Vương cung dưỡng.*

Khôi-vu trung sinh cầm Tổ tước, vô na dạng đổ bì, tránh năng tiêu Diêm-Lão phạn tiền «.

Dịch nghĩa :

« *Xanh chão nầu đồ cúng Phật, có tay chân thề ấy, mới được nhờ Quốc-Chúa cúng dường.*

Bát mâm bày dọn cơm thầy, không dạ dày nhường kia, sao tiêu hết Diêm-Vương bổ thí ».

Câu đối trước Giới-Đàn :

« *Thích-thị trì luật, nho-giã lý trung, tổng yếu tu thân thành ý, tự nhiên kính trực hồ nội, nghĩa phương hồ ngoại.*

Quân-tử sắc cơ, thiền-nhơn tập định, đồng quy kiền tính minh tâm, đoan do giới thận bất đổ, khủng-cụ bất văn ».

Dịch nghĩa :

« Cửa Phật giới luật, nhà nho trung dung, chỉ cốt thành ý chánh tâm, tự nhiên ngoài có nghĩa phương, trong có kính trực,

Quân-tử cơ-vi, thầy chùa nhập định, đều để minh tâm kiến tính, bởi vì răn chỗ chẳng thấy, sợ chỗ chẳng nghe ».

Đến ngày 24 các đệ-tử tiền vào Giới-đường, oai nghi trang nghiêm, cử chỉ thuần thục. Khắp cả nước kéo nhau đến xem, đều hoan hỷ cho là một đại-hội chưa từng có bao giờ !

Đại-học-sĩ viết một bài « Khải » và họa vần bài thơ trước, khiến người đưa đến.

Bài Khải :

Bản-quốc Học-sĩ, ký-lục-sự Hào-Đức-Hầu « Mồ » cúi đầu dâng thư,
Thượng-quốc Trường-thọ Thạch-Ông Lão-Hòa-Thượng, Đại-Viên-Giác Tòa-hạ :
Gió thiền-tông thổi đến vườn Hươu,
Đường giác-ngộ mở thông rừng Hạc.
Muôn phương hướng hóa,
Vạn chúng quy y.
Kính nay :
Đại-Viên-Giác, ngũ nhẫn giữ lòng,
Bát lưu rõ đạo.
Phượng-Hoàng cửa bụt, phong-nghi rực rỡ mảnh trăng tròn.
Kỳ-lân trên đời, khí chất dịu hòa luồng gió mát.
Xa đưa bè báu,
Sáng chói rừng châu.
Cầm bát vàng thẳng đến đông-bang, phương-tiện nhường cha, trí-độ nhường mẹ.
Thả chén gỗ vượt qua Nam-hải, pháp-hỷ là vợ, từ-bi là con.
Ngọn tuệ-đăng soi sáng làu làu,
Nguồn trí-thủy tuôn ra cuồn cuộn.

Mồ, sinh nơi cô-lậu,
Học thẹn sai lầm.
Tập lễ học thi, qua sân Lý (8) chưa nghe lời dạy bảo,
Tìm câu trích chữ, lãng chí hồng (9) đã mang tiếng cười chê.
Hằng lo bước dõi đường ngay,
Chỉ sợ đi lầm nẻo vạy.
Mạnh-Tử nghiêm, Khổng-tử thứ, xưa người nào nay lại người nào.
Công Ông Vũ tài Ông Chu, ấy một buổi mà kia một buổi.
Tuy xem biển biết đâu là bờ bến.
Nhưng mười nhà ắt có kẻ ngay tin.
Trước mông hậu ý cho quà, lòng những ước chi lan bè bạn.
Nên mới khiến dâng lễ mọn, dám nghĩ điều đào lý lại qua.
Ước có ngày mở yến lộc-minh,
Đâu tưởng nỗi vô duyên nhạn-tệ.
Riêng lòng luống thẹn,
Rộng lượng bao dung.
Đã mông sửa chữ sai lầm,
Lại được cho thơ đáp họa.
Bóng thiều-quang rực rỡ sông văn, mở đường tiền thủ.
Mây ngũ sắc vẽ vang biển học, khắc dạ tri ân.
Ngưỡng mộ biết bao,
Vui mừng xiết kể !

Thiết nghĩ :

Người xưa làm thơ để hưng khởi lòng người (khả dĩ hưng), để xem xét phong-tục ; (khả dĩ quan) trong thơ phần nhiều ghi tên những cây cỏ chim muông, chẳng qua để ngâm vịnh tính tình, sao cho « tư tưởng không quẩy » (tư vô tà) là được. Đáng quý nhứt là ý thơ trung hậu, đáng khinh nhứt là lối văn phù hoa ; chẳng khá lấy văn hại lời, lấy lời hại ý vậy. Huống « bồ-đề », « ma-ha », « bát-nhã », nguyên lai chẳng có vật gì hết. Ma-ha không có vật, ấy là không « trăng » vậy. Bồ-đề không cây, há có « trăng »

8) Con đức Khổng-Tử tên là Lý : lúc đi qua trước sân nhà, đức Khổng-tử khuyên nên học Kinh-Thi và Kinh Lễ.
9) Đương ngồi học mà ngước mặt nhìn chim hồng bay trên trời, thầy Mạnh-tử gọi là : « Hồng hộc kỳ tâm », để chê người không chăm học.

hay sao ? Bát-nhã không buồm, há có gió hay sao ? Chẳng qua người làm thơ lấy chữ gió để tượng trưng « thanh lương » (trong mát), lấy chữ « trăng » để tượng trưng « viên-minh » (trong sáng), cốt để hình dung cái tính sắc sắc không không vậy. Há có trăng thật gió thật, mà chúng ta phải bàn « Bổ-đề », « Ma-ha », « bát-nhã », chữ nầy đáng dùng ,chữ kia không đáng dùng. Người xưa nói rằng: « Ma-ha là bản-thể chơn-như, lớn không ngoài, nhỏ không trong, trời chẳng hay che, đất chẳng hay chở, sáng sủa soi khắp mọi nơi », lại nói rằng: « Ma-ni hiện thành ngũ sắc, mặt trăng phát ra vành sáng », đều là trực chỉ toàn để mà nói, chẳng phải thiên lệch nói trống không. Tôi dùng chữ « trăng ma-ha » là vì lẽ ấy. Nay nhơn Lão-Hòa-Thượng dạy cải chánh, nên phải biện bạch, chưa biết có phải vậy chăng ? Xin lượng trên chớ quở trách, thật tôi đã gánh nước bán cho biển vậy. Vốn nghe Đại-Viên-Giác, cao phong độ thể, thiện đạo giúp người, dám bày thiển-cận đôi lời, mong lượng khoan hồng tha thứ. Nay mai xin đến bái yết, ngõ được nghe lời dạy bảo cao minh. Giấy vắn tình dài, tạm xin gác bút.

THƠ RẰNG :

(Điệp vận bài trước)

Nho Thích xưa nay vẫn khác dòng,
Mặc dầu dòng khác vẫn tương thông.
Chiếc thuyền cửa Pháp vành trăng tỏ,
Tay lái nhà nho ngọn gió lồng.
Rộng mở cửa thiền gương sáng chói,
Gạn khơi sông Tứ nước xanh trong.
Đến đây ắt có đem nguồn lợi
Âu cũng nhơn duyên tự hóa-công.

Bài « Khải » trên lời lẽ uyển-chuyển, ý-tứ sâu xa, nhưng bàn về « Ma-Ha », « Chơn-như » có hơi cưỡng-lý, chưa được thích đáng, cần phải có đôi lời tỏ lại cùng nhau.

Nhơn họa vần bài thơ và viết bài « khải » trả lời rằng :

Mỏ, chắp tay kính đáp thư,
Đại-Học-Sĩ Quân-hầu các-hạ.

Gió đức dịu hòa, dân chúng đội ơn mưa móc.

Bóng thiều sáng chói, quốc-gia vững thể phiên bình.

Quân sĩ hân hoan,

Gần xa chiêm ngưỡng.

Nay kính,

Đại-Học-Sĩ ký-lục Tôn-Công,

Rồng thiêng trên thể,

Ngựa hay nhà trời.

Văn võ toàn tài, trong bụng bao hàm tượng vĩ.

Khuê-chương rạng vẽ, cõi ngoài coi việc tuần tuyên.

Chốn đơn-đình cầm bút xuân-thu,

Nơi tử-phủ vui tình phong nguyệt.

Học nho kiêm hiểu Phật, từ trí tri cách-vật, thấu dò tính mệnh gốc nguồn.

Giảng Dịch biết đạo trời, do xem tượng chiêm hào, biết rõ âm-dương chí lý.

Trương-vô-Tận thuở trước, làm tướng-thần mà biệt đãi Đức-sơn.

Lý-Tuân-Húc ngày xưa, làm Đô-Uý mà kính tôn Cốc-Ẩn.

Chỉ muốn dốc lòng vì đạo,

Há cam lãng bỏ niềm tu.

Thầy Chu học rộng, thầy Trình hiểu sâu, chưa được thấy người, đã từng nghe tiếng.

Ông Hồi như ngu, ông Sâm lỗ độn, nhớ nhung thuở trước, than tiếc ngày nay.

Lão-tăng,

Thẹn chữa đọc thư,

Dám khoe biết chữ.

Chơi mây năm núi, đội trên đầu một nón kiền-khôn.

Thả chén qua sông, treo đầu gậy nửa bầu phong nguyệt

Muốn lấy pháp linh hàng tượng dữ,

Rắp đem bình bát úp rồng thiêng.

Lưới bủa khắp trời, chim chưa muốn bắt.

Cần gieo vòng nguyệt, cá chẳng vừa câu.

Ra núi vào đời,

Có người có tớ.
Đã xa thời thánh,
Ai kẻ chiêu hiền.
May Quốc-Vương đã gửi thư mời,
Kẻ hiền-sĩ lại đem lễ biếu.
Đại-nhơn chưa được tiếp, đã gặp công-tử qua chơi.
Tôn giá chửa đến nơi, đã có giai-chương gửi tặng.
Tự thẹn gái quê làm tốt, gieo sành dẫn ngọc dỡ dang.
Chẳng qua thầy bói nói ma, điểm sắt làm vàng quầy quá.
Chỉ muốn học đòi quân-tử,
Cho nên thủ chính đại-phương.
Vừa nghe cao-luận mấy lời.
Hầu khiến nhà chùa ngọng miệng.
Thiết nghĩ,
Văn Lục-Kinh do cổ-thánh chép truyền, mở nguồn tính đạo.
Sách Chư-Tử của tiền-hiền để lại, giải-nghĩa tinh vi.
Sáng tác từ xưa,
Lưu truyền hậu thế.
Phục tùng chẳng rãnh,
Nghiên-cứu dám lười.
Làm sách dạy đời, cổ thánh còn đương khiêm nhượng.
Theo khuôn ngày trước, hậu hiền cần phải gắng công.
Huống nay văn-hiến gặp thời, mỗi việc mỗi điều, cần xét gốc nguồn cho rõ.
Sẵn có điển-chương đầy-đủ, một câu một chữ, phải tìm xuất-xứ tại đâu.
Xem Đạo-nguyên chua sách Thủy-Kinh, mỗi câu văn đều có điển cứ.
Đọc Lục-Thần giải-nghĩa Văn-Tuyển, mỗi từ-ngữ đều có căn nguyên.
Bởi thế, sách ghét đặt bày,
Học chê nói bướng, là ý ấy vậy.

Như nói về « Thơ », sau ba trăm thiên « Kinh-Thi », phải nói đến thơ Tứ-Đường. Đường thơ ắt khen Lý Đỗ. Nay lấy thơ hai ông, trích ra một hai câu có dùng đến chữ « Phong », chữ « Nguyệt » mà nói. Lý-Bạch trong một bài cổ-phong, có câu (Thiểm-thử bạc thái-không, thực thử Dao-tr

nguyệt) ; ba chữ « Dao-trì nguyệt », gốc do câu thơ (Bạch vân tự đế-hương, hàm thổ Dao-trì nguyệt) của Trầm-Ước mà ra. Lại câu (Trường-an nhất phiến nguyệt), gốc do câu (Phiến nguyệt khuy hoa đàm) của Từ-Lăng. Câu (Ngã lai Kỷ-Kiều thượng, hoài-cố Khâm anh phong), gốc ở câu (trương anh phong ư hải điện), trong bài «Bắc-sơn di-văn» mà ra. Đỗ-Phủ trong bài thơ : «Tiền xuất tái » có câu (Dĩ khứ Hán nguyệt viễn) gốc ở câu thơ (Sương lâu minh Hán nguyệt) của Trương-Chánh ; câu (Trung thiên huyền minh nguyệt), gốc ở câu (Huyền minh nguyệt dĩ tự chiều) trong bài « Trường-môn-phú » của Tương-Như. Câu (Sơn thâm khổ đa phong) gốc ở câu (Khê cốc đa phong) của Ngụy-Văn-Đế mà ra. Từ đời Hán Ngụy trở về sau, học giả dùng chữ đặt câu, bao giờ cũng căn cứ nguồn gốc, chẳng khi nào sáng tác những chữ sổng sượng, những loại như thế, chẳng khá xiết kể.

Đến như « Bồ-đề » không phải trăng mà nói « trăng », « Bát-Nhã » không phải gió mà nói « gió » ; nghĩa là không phải thực gió, thực trăng, tai mắt có thể nhận thấy, nhưng có thể ngầm hiểu mà không thể nói ra vậy. Nhược bằng lấy « mát mẽ » (thanh lương), «tròn sáng » (viên minh), để ví với « gió trăng », không hư khoát lược mà xưng rằng « tính », ấy là chưa thấu rõ chữ « tính » của Phật-giáo, ấy chẳng qua một cách kiến-giải của học-giả, chưa có thể nói là trực chỉ toàn đề ; cho thể làm phải, nhưng tựu trung đã khúc-lý có khuyết-điểm rồi. Vì vậy, nên Lão-Tăng không thể không nói. Hà-huống đem một câu « trời chẳng che, đất chẳng chở » giáo đầu, dẫn làm chủ tể, muốn càn quét tất cả, chẳng quản hại đến người khác ; ấy là chẳng hiểu ý-chỉ «khi nói chính, khi nói thiên, khi nói hồi-hộ ». Xá-óa thiển lưu, coi mười người như một chục, rất trái với diệu mật toàn đề, xin Minh-Công chớ nên lập luận như thế. Tôn-chỉ nhà Phật chúng tôi, có « quyền » có « thực », có « chiều », có « dụng ». Đoán chận hai đầu là khoảng giữa chẳng đứng vững ; cho nên chỗ « hợp » có « phân », chỗ « phân » có « hợp », phân hợp tùy tự nhiên, chẳng phải cưỡng hợp cưỡng phân lấy làm nguyên-tắc cứu cánh. Ví như đổ thủy-ngân xuống đất, lớn ấy thành viên lớn, nhỏ thành viên nhỏ ; hoặc phân hoặc hợp, hoặc chạy hoặc ngừng ; đồng thì đồng nhau nhưng khác, khác thì khác nhau nhưng đồng, mỗi một viên phân biệt, nhưng viên nào viên nấy như nhau. Như thế mới có thể gọi « lớn không ngoài , nhỏ không trong », ấy cũng nói một cách quyền tạm, nêu lên một cách sơ-lược vậy thôi ; nếu chỉ rõ như mặt trăng sáng,

lại vẫn chẳng phải vậy. « Ma-ha » ; « Bát-nhã », « Bồ-Đề », cả ba đều có tên riêng, nếu nhứt thiết lấy câu « vốn chẳng có một vật » làm định-luận, ấy là xét đoán một cách trồng rỗng thiên-lệch. Nhơn vì Tú-Công (10) bảo quẩy rằng : « mình giống cây Bồ-Đề, lòng như đài gương sáng », cho nên Đức Đại-Giám Tổ-sư của ta mới dùng câu « vốn chẳng có một vật » để chỉ rõ « Bồ-đề không có cây, gương sáng chẳng phải đài », đánh đổ sự cố chấp rằng « có ». Cố chấp « có » đã chẳng phải, thì cố chấp « không » há phải hay sao ? Tại sao Minh-Công chẳng xét chỗ đó.

Vả lại « Bát-nhã phong, Bồ-đề nguyệt » là những chữ do trong hai bài thơ của Hương-sơn (11), My-sơn (12) làm tặng Oa-công và Ẩn-công. Còn chữ « Ma-Ha nguyệt », chẳng thấy chép ở sách vở nào ; Lão-Tăng há dám tự dối mình chẳng nói thẳng ra, để đến đỗi phải đắc tội với Minh-công sao. Theo tiếng Phạn, « Ma-ha » chỉ nghĩa rộng lớn. Tây-vực dùng hai chữ ấy để tán dương ý-nghĩa «rộng lớn». Còn « Chân-Như » tức tính thể phát sinh muôn vật, cho nên người xưa bảo rằng : « Ma-ha bát-nhã là tán dương sự rộng lớn của trí tuệ », chẳng phải lấy Ma-ha làm bản thể « Chân-Như ». Như thế, chẳng là « trên đầu đặt thêm một cái đầu », tính và thể há có hai cái ? Sai một ly đi một dặm, ta trước sau chẳng chịu uổn mình chịu cho chữ « ma-ha nguyệt » là thỏa đáng. Nếu bảo làm thơ chỉ cốt ý, chẳng cần xét lời, chỉ nghĩ cái lớn, chẳng cần cái nhỏ mọn, sao chẳng xem trong bầu vũ-trụ, không không sắc sắc, có một cái gì bố-trí chẳng tinh tường ? Nhưng đó cũng chỉ cứ những điều khá biết mà nói, chưa tiện bàn đến việc sâu sắc. Bài của ngài gửi đến là « thơ », thơ thì nói chuyện thơ, cũng khá nhơn thơ mà nói chuyện « thiền »; lìa « thơ » mà nói chuyện « thiền » là chẳng khá nói « thơ », càng chẳng khá nói « thiền » mà nói « thơ » được sao ?

Bài thơ họa vần, chữ chữ quý như châu ngọc, tôi được học thêm rất nhiều. Chỉ câu thứ tư có hai chữ « Kinh tiếp » (chèo sách 經楫). Lão Tăng học ít, không biết xuất tự kinh điển nào. Nếu dùng điển trong bài luận của Tán-Nghi có câu rằng : « Kinh chẳng vị am, như châu vô tiếp » (chưa hiểu phép kinh, như thuyền không lái), câu ấy bàn phép kinh, mướn lái thuyền làm ví dụ; nếu lấy hai chữ « kinh tiếp » dùng liền nhau, thì làm lụy

---

10) Tức Thẩn-Tú đại sư.
11) Tức Bạch-Cư-Dị, Thi-sĩ đời nhà Đường.
12) Tức Tô-Thức, thi-sĩ đời nhà Tống.

cho « thơ » mà cũng làm lụy cho bài luận của Tán-Nghi nữa. Hai lẽ ấy đều không thể hiểu rõ. Hoặc giả dùng điển ở câu « Thí bỉ Kinh châu, chưng đổ tiếp chi » (Ví như chiếc thuyền trên sông Kinh, trai bạn chèo chống), thì chữ « Kinh » (泾) nên viết ba chấm thủy (氵), chứ không viết theo bộ mịch (糸), không biết có phải vậy không, xin Minh-Công chỉ giáo cho.

Lời nói dong dài chỉ làm rờm tai bậc cao-minh, chẳng qua muốn tỏ hết ý-kiến quê mùa, hầu đáp ơn quốc-sĩ tri ngộ mà thôi. Sau nầy xin Minh-công lưu ý tra cứu sách xưa, hầu thứ lỗi Lão-tăng già miệng. Biết Minh-công rộng lượng, chẳng để ý chấp trách, muốn được nghe thêm nhiều điều dạy bảo quý hóa hơn.

Giới-đàn gần đến ngày, chẳng bao lâu sẽ được gặp mặt. Nay xin họa lại nguyên vận hai bài, mong nhờ phủ chánh.

Bài 1

Ào ào sóng bổ biển mênh mông,
Muôn dặm thuyền bè đạo thánh thông.
Đàn khảy Vũ-Vu luồng gió mát (13),
Dép lưu Sông-Lĩnh chiếc hòm không (14).
Nội hoang còn có mầm thiêng mọc,
Đường cổ ai đem cỏ dại trồng.
Nhàn rỗi ở đây lòng luống thẹn,
Đứng nhìn mây biển, chỉ trăng trong.

Bài 2

Biển cả gầm reo khí thế hùng,
Nghìn sông nào chỗ chẳng lưu thông.
Thi thành Quốc-sĩ trăng dòm cửa,
Kinh tụng Thiên-Tôn gió rãi bông.

---

13) Sách Luận-ngữ : « Thầy Tăng-Điểm nói rằng : « Chí tôi chỉ muốn tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đàn Vũ-Vu, cùng 5, 3 đồng-tử ngâm vịnh rồi trở về ».

14) Thời Lương-Vũ-Đế, Đạt-Ma tổ-sư đã nhập tịch, chôn ở chùa Định-Lâm, núi Hùng-Nhĩ. Sau ba năm, Ngụy Tống-Vân đi sứ Tây-Vực trở về, gặp Đạt-Ma ở Sông-Lãnh (Ở Tây-Vực thuộc nước Nhục-Chi) đương đi, tay cầm một chiếc giày. Vân hỏi sư đi đâu ? Trả lời rằng : « Đi về Tây-Thiên ». Vân về thuật chuyện lại, Vua Minh-Đế khiến đào mã lên xem, thấy trong hòm chỉ còn một chiếc giày da.

Hay giỏi người khoe tài tuấn kiệt,
Già nua tớ lại học nhi-đồng.
Ngày nay khó nỗi bàn nhơn nghĩa,
Chỉ có cười khan khép cửa lòng.

Ngày 1 tháng 4, truyền Sa-Nhi-Giới, Quốc-Vương mở đàn chay dâng lễ, tự mình đến thắp hương, mời ta thượng đàn thuyết pháp.

Trước đó một ngày, dọn dẹp đường sá. Từ sáng sớm, có đội quân mão đỏ dẹp đường, bắt người ta phải tránh xa ngoài một hai dặm. Đạo ngự đi có người theo hầu tả hữu, đều cầm kim-đao kim-thượng dài năm sáu thước. Quốc-vương ngồi trên kiệu luy-điển (蠃 蜫), giống hình xe lừa. Quân khiêng kiệu 16 người, toàn người cao lớn, xỏa tóc, mình trần trường, chỉ có một sợi giây thắt ngang lưng, treo một vuông vãi che đàng trước, quấn lại cột tréo ra sau lưng. Những tăng-nhơn cầu giới người Thổ, phủ phục đón rước ở dưới núi. Quốc-sư đứng hai hàng chực đón tại chùa, ta chờ ở phương-trượng. Quốc-Vương đội mão xung-thiên cánh chuồn, mặc đạo bào mầu huyền, đi giày nhung, không mang bít tất, vào đền thắp hương, lễ Phật. Đoạn, đi quanh đàn chay, xem xét trần thiết, cả mừng than rằng : « May có Lão-Hòa-Thượng đến đây, mới được thấy pháp-môn quảng-đại trang nghiêm như vậy ».

Vương tiến vào phương-trượng tham bái, Quốc-cậu mặc áo mãng-bào, cầm kim-đao đứng hầu. Nhà chùa dâng trà quả cơm chay, đều không dùng, đã có Nội-Giám đem theo trà để ngự dụng. Trong câu chuyện, phần nhiều nói về việc Phật.

Ngoài vách chùa quân lính đứng vây hai lớp. Lớp ngoài toàn người cao lớn râu rìa, ai râu ít thì kẻ thêm râu giả, đội mão bằng gỗ đỏ, thếp vàng, mặc áo đoạn đỏ, cầm kim-thương, đứng thẳng hàng khít rịt. Lớp trong toàn thanh-niên mạnh mẽ, chít khăn đà-la-ni đỏ, mặc áo nhung lục, cầm kim-đao, cũng đứng như lớp ngoài. Cán đao và cán thương đều sơn màu anh-đào. Mỗi khi Quốc-vương trong điện bước ra, quân lính đều xây mặt ngó vào. Quốc-vương đi vào, thì sắp hàng đứng hai bên đối diện nhau rất thẳng. Ngoài giậu có vài nghìn quân, thế mà trong ngự-tọa lặng thinh, chỉ nghe tiếng chim kêu lá rụng mà thôi.

Lúc ấy Quốc-Vương đốt hương làm lễ xong, đặt ngự tọa, ngồi day mặt qua hướng tây, lắng nghe, cười tủm tỉm, như có ý lãnh-hội. Đến khi đứng dậy đi xuống, thấy những người chấp-sự đều là tăng-nhơn Trung-quốc tùy trượng của ta, bèn bảo các tăng-nhơn bản-quốc rằng : « Các ngươi ngày thường khoe miệng, tự phụ thông hiểu phật-pháp, làm được những việc to lớn, ngày nay đứng trước đại-hội công chúng, trước bàn thờ trời phật, sao không có người nào dự đàn làm lễ, cứ đứng trương mắt há miệng như tượng gỗ hết thảy ? Từ nay đừng khoe khoang nữa nghe chưa ». Nói xong có ý giận. Ta bạch rằng : « Nhà vua chớ lấy làm lạ. Dưới pháp-tọa kỷ-luật rất nghiêm, có kẻ tu hành già đời, bản phận công phu đã có chút ít kiến-thức, thế mà lúc đứng trước Bửu-tọa, còn bỡ-ngỡ thiếu sót, huống là những giới-tử mới phát tâm nguyện, trách bị họ sao được. Chẳng những bọn sơ học, khó đương nổi công việc, cho đến các đường-đầu trưởng-lão, vô luận kiến thức học hỏi thế nào, lúc đăng tọa, dung mạo thanh âm cũng không phải dễ dàng. Ắt phải pháp-nhãn thông-minh, tay chân nhậm lẹ, hành động mới không bỡ-ngỡ, lại cần có oai-đức đầy đủ, mới có thể có cử-chỉ an-nhàn, nói năng sáng suốt, tay đe miệng chỉ, kẻ đương-sự, tức khắc hiểu ý nghe lời. Cũng có kẻ bình thời trí-thức cũng khá, nhưng vì oai-đức không đầy đủ, nên vừa bước lên Bửu-tọa, đã mất hết tinh-thần, nói chẳng ra lời. Việc trời phật cúng dường, đại-chúng lễ bái, đâu phải việc nhỏ mọn làm chơi». Quốc-Vương nghe nói hết giận. Ngồi nói chuyện đến quá ngọ, muốn ở lại xem truyền giới, Quốc-cậu giục hai ba lần, mới đứng dậy, day lại bảo rằng : « Đệ tử từ bé nghe hai chữ « phật-pháp » đã sinh lòng kính ngưỡng, mỗi lúc gặp tu-sĩ áo lam, tức thì hoan hỷ. Chẳng biết kiếp trước là ai ? Làm phúc nghiệp gì ? Mà ngày nay sinh ra làm vua ở đây ? Xin Tôn-sư chỉ-điểm cho biết, hầu chẳng quên nghiệp trước, đội đức từ-bi vô lượng ». Nói rồi từ-giả ra về. Nhơn tẩu bút viết bức thư sau đây báo thị.

Thư rằng :

Vốn muốn làm mặt lạ, chuyện trò chút đỉnh « xuân phong khách-sáo » vậy thôi. Nay thấy mới mẽ tươi vui, cảm có một phen sinh-thú.

Thoạt hỏi : « Chẳng biết kiếp trước, nguyên là người nào », thực là một câu hỏi rất đột ngột, « Khúc trọn người đâu vắng, trên sông một núi xanh » : Nếu ta đem hết tình tệ trong ấy nói cho nghe, chỉ cho khỏi lấy làm

lạ tai lắm vậy. Chẳng thế, sao lai-lịch của mình mà lại chẳng biết, há đã bị hai chữ phú-quý, kết thành một khối đen dày ba thước, che lấp trước mắt rồi sao ? Đến đỗi gốc cũ nguồn xưa, toàn bị cách-âm che tối.

Chẳng thầy Tô-Đông-Pha tự biết mình là hậu thân của Ngũ-Tổ-Giới, làm câu thơ rằng : « Đời trước Đức-Vân nay là ta, mường-tượng còn nhớ Diệu-Cao-Đài » (16). Đông-Pha cũng là người trong công danh phú quý, sao chẳng bị cách-âm che tối. Phàm những người ngôi cao tước lớn, quyền cao lộc trọng trong thiên-hạ, đều là những người kiếp trước tu hành, ngồi thủng mấy chiếc bồ-đoàn, mà chẳng thành chính quả; chỉ vì lòng đạo có lúc gián đoạn, lòng trần chưa được rửa sạch, lỡ chân một bước, chuyển niệm sa vào lưới đời. Rồi có kẻ xuôi gió thẳng buồm, nguyện-lực không bền, công-phu thiếu sót, thay hình đổi lốt, quên cả bản-lai ; càng ngày càng xa, dần dần đắm đuối, đến lúc muốn trở lại bồ-đoàn, sửa lại tâm tính không thể được nữa. Nếu những người muốn trở về bồ-đoàn ấy, tuy gặp thời thuận gió, cũng chẳng kéo hết buồm, xem vương hầu như cỏ rác, châu báu như ngói sành, sắc đẹp tiếng hay như xấu xa dơ-uế. Mình ở trong trần, lòng nương ngoài vật, chăm chăm mộ đạo, tìm thầy bạn dắt dìu, như nước với nước, như mây với mây, tự nhiên hợp thành một khối, không thể chia rẽ; ấy là chẳng quên gốc nguồn, đi thẳng đến chứng quả mới thôi. Nếu chẳng thế, thì gặm hết rễ rau, đi mòn giày cỏ, cũng chẳng có thú vị gì. Làm sao hơn được phú quý đỉnh-chung, hầu vợ thành hàng, nghênh ngang dù võng, phồn-hoa vinh-hiển, ai lại chịu bỏ đường ấy để theo đường kia bao giờ.

Ôi ! ta nói thật với đây, xưa kia vốn cùng ta đồng đi, chẳng ngờ đó bước lầm đường, chạy qua ngã khác, bèn chuyển thân về làm Quốc-Vương ở đây. Nay trở lại hỏi chẳng biết tu hành mấy kiếp, lên đến vì vua. Quên rằng, nếu chẳng tu hành một phật, hai phật, ba bốn năm phật, làm sao trồng được gốc lành.

Đến đây vui thì vui thật, chỉn e gió đời tám hướng, thổi vào trong muôn trượng bùn lầy, lỡ một sa chân, không sao vực được.

---

16) Tô-Đông-Pha bị trích ra Huệ-Châu, thuyền ghé chùa Kim-Sơn, nằm chiêm bao thấy một nhà sư, mời ăn cơm chay với muối vừng. Hỏi các nhà sư ở chùa, nói rằng Tổ-sư Đức-Vân, trước ưa ăn muối vừng, nên nay vẫn làm cúng. Đông-Pha bèn tỉnh-ngộ tiền-thân, làm bài thơ có câu : « Tiền thể Đức-Vân kim thị ngã, y hy thượng ức Diệu-cao-đài » v.v...

Cũng may chưa té sâu vào trong hang thất tình ngũ dục, còn ghi nhớ bóng vang thời cũ, tưởng đến Quảng-Đông tìm rước Lão-tăng, khác nào Đông-Pha-Công : « mường tượng còn nhớ Diệu-Cao-Đài » vậy.

Ngày nay gặp nhau giáp mặt, còn nhìn đặng chăng ? Nếu nhìn đặng tự khắc biết mặt mũi xưa kia của mình, chẳng đợi chỉ trăng mà tự sáng.

Ôi ! thần-long sở-dĩ làm thần-long, vì có tài hay ruỗi hay co, hay phi đằng biến hóa, chẳng khá lường được. Sau nầy nhà vua phi đằng biến hóa, phản bản quy nguyên, há chịu nhượng thần-long hay sao ? Vì thế Lão-tăng đặc biệt tặng nhà vua pháp danh Hưng-Long, biệt hiệu Thiên-Túng-Đạo-nhơn. Từ nay về sau, mong rằng trước chưa rõ thì sau sẽ rõ. Sau nầy đại chuyển pháp-cơ, theo Phật-tổ về nơi hằng sáng. Phong-Can (18) lẽo mép, chẳng giấu gì ngươi.

Ngày mồng 6 truyền Tỳ-Kheo-Giới (19), quốc-mẫu và vương-huynh đặt tiệc chay, ghi chép các lời pháp-ngữ.

Phật-viện trong vương-cung lạc thành, Quốc-vương xin ta để bức hoành và câu đối.

Bức hoành viết bốn chữ : « Giác-vương nội viện ».

Câu đối khắc trước Đại-điện :

« Đẳng-giác-địa vi Diệu-Giác-địa, thành tâm minh tâm, đồng nhập tam ma trí tuệ chơn-như tạng »

« Nguyễn-vương-cung kiến Phạm-vương-cung, tại thế xuất thế, tổng thành nhất phiến nhơn từ đại-đạo-trường ».

---

18) Phong-Can là tăng-nhơn đời nhà Đường. Lúc ông đi khuyến-hóa ở Kinh-Triệu, gặp Lư-Khâu-Rẫn, sắp bổ vào làm Thái-Thú Thai-Châu. Lư hỏi thăm ở chùa Quốc-Thanh, núi Thiên-Thai có thầy nào giỏi. Phong-Can nói có Hàn-Sơn, Thập-Đắc hiện đang coi việc nấu cơm và rửa bát ở chùa ấy. Tức là Văn-Thù Bồ-Tát. Khâu-Rẫn đến chùa tìm yết kiến. Hàn-Sơn Thập-Đắc cười bảo rằng : « Phông-Can lẽo mép ».

19) Tỳ-Kheo nghĩa là kẻ xuất gia, đã chịu giới-pháp đầy đủ. Tỳ-kheo tức là Khất-sĩ, khất thực vậy.

Dịch nghĩa :

« Nơi đẳng-giác đổi làm nơi Diệu-giác, lòng thành lòng sáng, đổng vào nơi trí-tuệ chơn-như ».

« Cung Nguyễn-vương xây dựng cung Phạm-Vương, đời tục đời tu, hợp một trường nhơn-từ đại đạo ».

Câu liễn ở tiền-điện :

« Hải-thủy uyên hàm, địch thế-giới, sái phiền ngao, phong khởi thanh lương nguyệt-điện ».

« Bổng-sơn điệp thúy, điện bang-kỳ, tác bàn-thạch, hoa thâm tĩnh khiết thiển -thiên »

Dịch nghĩa :

« Nước biển trong veo, rửa sạch trơn thế-giới phiền-ngao, gió thổi cung trăng mát mẽ ».

Non bổng xanh ngắt, xây vững mãi bang-kỳ bàn thạch, hoa khai cõi bụt tốt tươi ».

Câu liễn ở cột trụ tiền điện :

« Nguyệt diện ung dung, bất quyền dạ-minh liêm, tịnh lý sum la vạn tượng ».

« Nhật luân chiều diệu, thường chiêm kim-sắc-tướng, quang trung phổ hiện thiên tường ».

Dịch nghĩa :

« Mặt nguyệt khoan thai, rèm ngọc rũ thâm nghiêm, muôn tượng báu sum la trong tĩnh mịch ».

« Bóng thiều sáng chói, tượng vàng thường chiêm ngưỡng, nghìn điềm lành phổ hiện giữa quang minh ».

Câu đối viết ở hậu điện :

« Thập thân điều ngự, ứng hiện nhơn vương, hợp-tác phật tâm đức-chủ ».

« Vạn đức trang nghiêm, tự thành bữu sở, tọa thâm hương-hải thần-cư »

Dịch nghĩa :

« Mười kiếp tu hành, ứng hiện đức vua giàu lòng Phật.

« Muôn đức nghiêm kính, hợp thành cung chúa giữa giòng thơm ».

Câu liễn để La-Hán-Đường :

« Thiên-thai sơn thượng thừa lương, cà-sa vong ký Thạch-Lương-Kiều, chàng toái hư không, khởi thị phận ngoại tác dụng ».

« Hương-tích giới lý ứng cúng, thảo hài thác lạc Liên-Hoa-quốc, đạp phiên thủy nguyệt, vô phi cá lý thần thông ».

Dịch nghĩa :

« Thừa-lương trên núi Thiên-thai, cầu Thạch-Lương quên áo cà-sa, đánh nát hư không, hiển phần tác dụng ».

« Ứng cúng trong chùa Hương-Tích, cõi Liên-Hoa đánh rơi giày cỏ, đạp nhào trăng nước, hóa phép thần thông ».

Câu liễn cửa tiền-điện :

«Phật đức cập quần sinh, thục khí nhân uân, kết bửu-quang ư tử thất».

« Vương du châu bát biểu, tường phong phi phất, khai giác lộ dĩ đoan môn ».

Dịch nghĩa :

« Đức Phật cứu chúng sanh, khí tốt xông un, nhà lành ngời sáng báu ».

« Ơn vua khắp tám cõi, gió từ phơ phất, cửa chánh mở đường ngay ».

Quốc-vương khai đàn ở Nội-viện, ngày Phật-đãn (mồng 8 tháng 4) có quốc-mẫu, Công-chúa, hậu-cung quyền thuộc, đồng thọ Bồ-tát-giới (20). Vương tự đặt riêng một đàn. Ngày ấy nắng gắt. Vương mình mập quỳ lâu; mồ hôi ướt thấm mấy lớp áo, người dẫn lễ mời Vương nghỉ một chút, lúc dâng lễ sẽ quỳ. Vương bảo rằng: «Ta ít tuổi, vui lòng chịu giới-phạm, chẳng lẫy thể làm mệt ». Quỳ thọ-giới xong, đứng dậy, lại làm lễ, cầu xin chỉ bảo. Ta thường nghiệm thấy tín-căn của Vương rất bền vững, có lòng cầu đạo chơn thành, bèn mừng rỡ viết quyển « Hộ-Pháp Kim-Thang-thư », tặng cho như sau :

---

20) Bồ-đề tức là chánh-giác. Có ba thứ Bồ-đề : Thanh-văn Bồ-đề, Duyên-giác Bồ-đề và Chư-Phật Bồ-đề. Phạm-ngữ gọi «A-Nậu Đa-La Tam-mịch tam bồ-đề » nghĩa là « Vô thượng chính-đẳng chính-giác ».

Thư rằng:

« Dầu ra đời, dầu ở thế-gian, đạo không có hai nẽo. Theo Nho-Giáo, Nghiêu Thuấn nói chữ « trung ». Khổng-tử nói chữ « nhứt ». Sách Trung-Dung nói chữ « thành », danh-từ tuy chẳng đồng, nhưng nguồn gốc chỉ có một.

« Nhứt » là gì ? « Nhứt » tức tâm vậy. Giữ được nhứt tức tâm chánh, rồi lấy đó mà tu thân, thì thân được tu, tề-gia thì gia được tề, trị nước thì nước được trị. Nhất thiết dụng-nhơn, hành-chánh, binh, hình, lễ, nhạc, việc lớn việc nhỏ, việc nào cũng hiểu biết một cách sáng suốt và xử-lý đều được thỏa đáng. Cho nên trời được « nhứt » mà trong xanh (thanh), đất được « nhứt » mà yên ổn (ninh), nhơn-quần được « nhứt » mà thiên-hạ thái-bình, chính do đạo ấy vậy.

Đức Đại-Hùng Thế-Tông của ta vì người đời tự mình có chỗ chưa hiểu rõ, nên lập ra giáo-hóa, thoát hết trần căn, chẳng lập văn-tự, trực chỉ lòng người, khiến người ta phải tu tâm kiến tính thì thành Phật. Tây-Thiên-Đông-Thổ chia làm năm dòng, tâm ấn chuyển nhau, cũng chỉ cốt khiến hiểu rõ lẽ ấy mà thôi. Lời xưa bảo rằng: «phương tiện có nhiều cửa, quy nguyên tính không hai », là vì lẽ ấy.

Đạo nho chủ trương lập nguyên-tắc « hữu vi » (phải làm), nên ở lẽ ấy biết vậy mà chẳng bàn. Đạo Phật đi đến chỗ « Vô thượng » (không còn gì cao hơn), nên ở lẽ ấy bàn mà chẳng dựng. Cho nên đức Thế-Tông thuyết pháp 49 năm, chưa từng nói đến chữ « nhứt », là vì lẽ ấy.

Nay xem nhà vua thông-minh nhơn thứ, độ lượng khoan hồng, thống trị mọi việc, biết thể tuất thần dân, giúp người lợi vật; gần xa sang hèn thảy đều thấm nhuần ân trạch, lại hay chăm chăm gánh vác việc nhơn-duyên tu hành; thế là, nếu nên lấy thân Quốc-Vương mà được độ, thì hiện thân Quốc-Vương để thuyết-pháp ; nếu nên hiện thân tỳ-kheo mà được độ, thì hiện thân tỳ-kheo để tu hành. Hai đường ấy đối với nhà vua tuy phân biệt mà chẳng phân biệt. Chỉ có hướng về bậc trên, muốn nhờ Lão-Tăng bày bảo cái lẽ ấy. Nói về cái « lẽ » ấy, thì mọi người đều đủ, ai ai cũng có, còn phải bày gì và bảo gì ? Tiếc vì đại địa chúng sanh, mang kiếp tự đời nào (vô thủy), trí hiểu biết bị che lấp, luân-hồi triền chuyển, chẳng khá thoát ly, làm nhọc lòng đức Thế-Tông, lúc ngài ở trước núi Chính-Giác, nửa đêm trong thấy sao sáng, thét lớn rằng: «Lạ thay! nhứt thiết chúng sanh đều có trí-tuệ đức tướng Như-Lai, chỉ nhơn vọng tưởng chấp mê,

chẳng từng được chứng quả, thật là bán gan mổ ruột, chẳng gặp người mua vậy ».

Nay mừng thầy nhà vua, thân ở ngôi vua, mà linh nguyên chẳng bị mờ tối, y nhiên hành động như kẻ tu hành ; ấy đều do mầm bát-nhã kiếp trước bồi đắp cao dày, cho nên tuổi trẻ tột bậc giàu sang, trong trường tối lạc, vẫn giữ được niềm tin bền vững như thề. Chỉ một chữ « tín », cũng đủ diệt trừ phiền não, thẳng vào cõi Như-Lai. Nếu trong lẽ ấy, vẫn giữ được niềm tin vững vàng, chẳng bị người lừa dối, chắc sẽ có kết-quả đền đầu đền đuôi vậy.

Lão-tăng không có tài-giỏi chi khác, chỉ xin xem câu chuyện trên đây, không mộng không tưởng, thề nào ta là chủ-nhân-ông ; không được đem ý-thức đo lường ,không được đem nghĩa-lý giải-thích ; đem câu chuyện , không thú vị gì, không biết làm gì ấy, đặt ở đầu lòng ; đêm ba ngày bồn, miệng niệm lâm nhâm, quyết tìm cho ra ý-chỉ ; vô luận lúc tọa triều bàn chánh sự, lúc thắp hương lạy Phật, cho đến lúc uống trà, lúc ăn cơm, lúc mừng lúc giận, lúc tiếp kiến quần-thần, lúc phụng thị mẫu-thân, lúc cùng với vợ con hội họp, lúc đi, lúc ngồi, lúc nằm, lúc xúc cảnh gặp duyên, lúc ưa lúc ghét, lúc ngồi trong nhà vắng một mình, lúc nào cũng chẳng được giây phút bỏ qua. Câu chuyện chớ bảo không thú vị gì, trong chỗ không thú vị, chính có thú vị tuyệt hảo, chớ bảo không biết làm gì, trong chỗ không biết làm gì, chính có việc làm tuyệt hảo. Xem đi xem lại, lâu ngày dài tháng, bỗng nhiên té xuống đất một tiếng ầm, rờ mó lỗ mũi mẹ đẻ, mới biết vẫn ở trên mặt. Đến địa-bộ ấy, chẳng ngại đem Đường-Nghiêu-Ngu-Thuấn, Khổng-Tử, cho đến Tây-thiên, Đông-thổ Phật-Tổ, Ngũ-gia Tôn-sư, đều dộng cho một đá té nhào; đỡ dậy chúng sanh, làm một đại-nhơn vượt bậc, còn gì khoái bằng.

Tuy nhiên như thế, kẻ chú-trì Trường-thọ nầy, cũng chưa chịu ngúc đầu. Vì cớ gì ? Nghìn nghe chẳng bằng một thấy. Nay nhà vua quy y với Lão-Tăng, chịu giữ Bồ-Tát đại-giới, thành tựu cho tăng-đồ cả nước đều giữ lòng Kim-Cang, làm công-đức-chủ, làm đại-đạo-trường, làm đại-phật-sự, tu-đại-công-hạnh, giải-đại-pháp-nghĩa, cho nên Phật lấy việc Kim-Thang Hộ-Pháp giao phó cho Quốc-Vương và đại-thần. Nhà vua đã thân hành việc phật, giàu lòng phổ lợi vị-tha, lại hướng lên muốn rõ lẽ ấy, cầu Lão-Tăng bày bảo... Lão-Tăng nhơn lấy một chiếc áo là tía, viết bài nầy

vào ,để sau nầy ngộ đạo làm khế-khoán chứng-nghiệm. Nhà vua gắng bền chí hộ trì, mới khỏi phụ lòng Lão-tăng trông đợi ».

Quốc-vương cúi lạy tiếp thụ, tạ rằng : « Lão-Hòa-Thượng dạy bảo, ta chẳng dám quên, tự thẹn thói cũ thâm nhiễm, không thông hiểu việc cao cả, e phụ lòng từ-bi mà thôi ».

Ta bảo rằng : « Xưa kia trên Hội Linh-Sơn, nguyên lấy việc đứng ngoài hộ-pháp giao phó cho nhà vua, nay nhà vua cứ việc giữ vững tín-căn chứng vào đạo, sau nầy sẽ có ngày giải-thoát giác-ngộ ».

Quốc-vương hớn hở, cáo lui. Chiều, ta trở về chùa Thiền-Lâm, truyền Bồ-Tát-Giới cho vương-huynh bọn Lệ-Truyền-Hầu, Thiều-Dương-Hầu và Cai-Bá chúng quan.

Ngày sau (tức mồng 9 tháng 4), vì các giới-tử viên-mãn Bồ-Tát-Giới, vương-huynh, công-chúa, các giới-tử dọn cơm chay. Vương khiến Nguyên-Lão, Đông-Triều-Hầu dâng lễ thỉnh ta thượng đường thuyết-pháp.

Qua 3 ngày (tức ngày 12), ta suất lãnh Quốc-sư hai dãy, đem bọn tân-giới-tử làm phép « Cô-Phật khất-thực », và tạ công-đức thành tựu của Quốc-Vương.

Vương mặc áo tía, hai tăng-nhơn cầm bình-bát, tích-trượng hầu hai bên, chực đón tại điện môn phía tây.

Chàng phan dẫn đường, hai dãy tăng-nhơn và hơn một nghìn bốn trăm tân-giới-tử, đều mang y cầm bát sắp hàng đứng tề-chỉnh, đồng thanh xưng tạ.

Vương mỉm cười, vui mừng an-ủi, rước tăng-nhơn vào dùng cơm chay và đãi trà các tân-giới-tử, cho thêm 300 quan tiền, 100 thạch gạo, khiến quân nhơn gánh đến chùa Thiền-Lâm. Giới-điệp để cấp phát cho các giới-tử, đều đóng kiểm vương-ấn.

Từ biệt trở về. Ngày hôm sau chứng đau bụng trở lại, xem chừng kịch liệt. Nhà vua nghe nói, khiến nội-quan cầm thư đến an-ủi. Bèn phúc thư rằng :

Lai thư bảo rằng,

« Hôm rày Lão-Hòa-Thượng quá nhọc mệt, tuy hậu-sanh tráng niên cũng không dậy nổi, huống người tuổi già không sinh bệnh sao được. Cầu xin

an-nhàn tịnh dưỡng, ta mới được yên lòng ». Xem thư thấy lòng yêu Lão-Tăng rất thâm trọng. Nhưng thể không thể phủi tay được.

Lão-Tăng cũng bảo, người tại gia không được thanh nhàn tự tại, kẻ xuất-gia mới được hưởng cái thú ấy. Chẳng ngờ xuất-gia làm Hòa-Thượng rồi, chẳng những không được hưởng thú « tự tại », đến cả chữ « nhàn » cũng tìm chẳng được. Vì sao vậy ? Tại sắp đặt chùa chiền bận rộn quá, tiếp đãi, vãng lai phiền lụy quá, ứng thù giấy mực nhọc nhằn quá, điều khiển sãi vãi khó khăn quá, gặp phải ma-nghiệp tức tối quá. Lôi kéo chẳng rồi, buồn cười quá, đến nông nỗi nầy, còn thanh nhàn gì được. Ta e Quốc-vương Việt-Nam cũng vị tất được thanh nhàn tự tại vậy.

Tại thể, xuất thể, đồng một chữ « bận rộn ». Nhưng trong sự bận rộn có hơi không giống nhau. « Bận rộn » của kẻ tại gia, từ Thiên-Tử đến thứ-nhơn, chẳng qua vì phú quý công danh, thê nhi lão tiểu., tức là vì mình vậy. « Bận rộn » của kẻ xuất-gia, chỉ vì Phật-Tổ đạo-pháp, lo tiếp dẫn hậu-nhơn, tức là vì người vậy. Biết đâu trong sự vì mình ấy là vì người khác, mà trong sự vì người khác lại chính vì mình. Cũng như nói, « Sửa mình theo lễ tức là điều nhơn », máy luân chuyển như hơi thở ở mũi, cần phải biết mình là tư, lễ là công, mình và lễ, công và tư, bổn điều ấy liên quan như một. Qúy hồ biết sửa mình theo lễ, bỏ tư hướng công, ấy là nhơn vậy. Nếu chẳng hay sửa mình theo lễ, trái công hướng về tư, ấy là vì mình vậy. Chẳng lo nhơn hay chẳng nhơn, chỉ lo biết sửa mình hay chẳng biết sửa mình mà thôi ; bởi thể sách xưa bảo: « Làm điều nhơn do mình, chẳng phải do người vậy ».

Đến bậc ấy, mới có chỗ để làm công-phu. Lão-Tăng bận rộn, cũng như sách nho bảo: «Một ngày sửa mình theo lễ, thiên hạ theo về với kẻ có nhơn», vì người chính vì tự mình, cho nên vui lòng chịu lụy, đến nỗi sanh bệnh cũng chẳng hề chán mỏi. Còn như người đời bận rộn, là « vì người khác lo may áo cưới », nào có ích chi cho tự mình. Ta chẳng làm người thanh nhàn tự tại, chịu phiền lụy đến nay phải chống chỏi với bệnh, chẳng là già đầu mà dại lắm sao ! Xưa Duy-Ma đau, Văn-Thù đến thăm, Duy-Ma lặng thinh mà mở « Bất-Nhị Pháp-Môn ». Nay Lão-Tăng đau, đức-vương sai nội-giám cầm thư đến thăm. Lão-Tăng lý-luận phiền toái. Duy-Ma đau cùng Lão-Tăng đau, một người lặng thinh, một người bàn nói, đồng chăng ? Khác chăng ? Xin đặt một câu hỏi.

Ngày 13, Quốc-Vương sai Nội-giám đến thưa rằng : « Ngày mai, Vương sẽ ra Diễn-Võ-Trường xem voi thao diễn, nửa tháng mới về ; muốn thỉnh Lão-Hòa-Thượng cùng đi, xem một lần cho biết ».

Ta nhận lời chịu cùng đi.

Đến ngày 15, mờ sáng, Nội-giám rước lên thuyền. Dòng nước lờ đờ sao mai thưa thớt, sương sa sông vắng, gà gáy rừng sâu. Thuyền chèo quanh co chừng 10 dặm, nghe trong khói mù có tiếng ồn ào, nội-giám bảo rằng : « Đã đến nơi ». Nhìn lên thấy người đi xem, đàn ông đàn bà đứng bao quanh bốn năm dặm, Quân hầu nạt người tránh, dẫn đường đi trước. Vương lên đài ở trung-ương, xưởng vương-tượng gần một bên, chứa toàn những voi cao lớn. Tả hữu la liệt những đồn lính và xưởng tượng, cỏ rơm và mía để chất đầy đồng.

Lúc dàn trận, voi sắp từng hàng 10 con, đứng ở phía tây, mỗi con trên lưng đặt một cỗ yên bằng gỗ sơn đỏ, hình như cái hộc. Trong hộc, có 3 người đứng, đầu đội hồng-kim-khôi, mình mặc áo nhung lục, tay cầm kim-câu trường-thương, một tên nài cầm câu-liêm ngồi trên vai voi. Phía đông, 500 quân cầm đao thương và đuốc châm lửa, xây mặt về phía voi đứng. Đằng sau đài đặt những bù-nhìn bện rơm như hình quân lính.

Cờ lệnh trên đài phất lên. Ba quân múa đao thương, nhắm hàng voi xông tới. Hỏa-khí đốt lên, khói bay mù mịt, voi vẫn đứng yên. Bỗng chốc, trống đồng đánh liên hồi, các quân phấn dõng xông vào voi, bọn nài bổ câu liêm vào đầu, võ-sĩ đâm vào đùi. Bầy voi chạy thẳng đến rượt đuổi. Quân lính lui tránh; mỗi con voi lấy vòi quấn một bù-nhìn bằng rơm đem về. Thớt voi nào chạy hơi chậm, liền bị thương đâm búa bổ, chảy máu đứt da, đến đỗi có con quá mệt, phục quỵ không thể dậy nổi. Tan trận, lấy đó phân hơn thua.

Vương thuật chuyện rằng : « Bản-quốc có những tê-ngưu và voi đi từng bầy trong núi. Muốn bắt voi sống, người ta đem hai con voi cái thuần đi dụ, voi cái kèm voi rừng cho người ta lấy giây lớn cột chân vào gốc cây, giam cho đói khát ít ngày, rồi người nài lần đến gần, cho ăn uống. Lâu dần quen, hai voi cái bèn kèm voi mới về giao cho một viên quản tượng.

Thường thường có 50 lính coi việc diễn tập. Mấy năm gần đây, những trận đánh với Đông-Kinh, (Hà-Nội) Chiêm-Thành, quân ta thắng trận phần lớn nhờ sức voi vậy. Thời Tiên-Vương có một con voi ra xung phong hãm trận, chủ-tướng bị địch giết bèn lấy vòi quấn thây chạy vào hang núi giấu kín ; quay trở ra, nổi xung chạy vào trận địch, đánh phá tung hoành. Ba quân hùa theo, kết quả được toàn thắng. Sau lúc thâu quân, voi đến qùy trước trướng, dẫn người đi tìm hài cốt chủ cũ đem về chôn cất, rồi bỏ ăn, chết theo chủ. Đến nay, mả nghĩa-tượng đương còn. Nhơn hỏi thăm việc diễn binh tập tượng ở Trung-quốc, ta trình bày tỉ mỉ phép diễn võ cho nghe, và làm bài « Thao tượng hành » để hoài-niệm Bái-Tướng-quân rằng :

Quốc-Vương thành tâm việc cung dưỡng,
Rước ta đi thuyền xem tập tượng.
Ban mai sương khói đương mịt mờ,
Gió thổi mặt sông nước nhấp nhoáng.

Mười dặm đã đến Diễn-Võ-Trường,
Bốn bên người đứng như vây tường.
Vương ngồi cao-đài mặc long-cổn
Cấm-bào thị-vệ cầm đao thương.

Voi Việt-Nam như ngựa Ký-Bắc,
Từng bầy đồng cao ăn rãi rác.
Người đem voi cái đi dụ về,
Buộc chân gốc cây giam đói khát.

Dụ về nuôi dưỡng mấy lâu nay,
Nước nhà nuôi tượng hậu hơn người.
Lúa đậu lương ăn ngày một hộc,
Quân-sĩ cắt cỏ lo hằng ngày.

Nửa tháng trước ngày ra điểm thị,
Voi đực voi cái chia từng đoàn.
Mỗi đoàn năm mươi lính tập luyện,
Lúc tiến lúc thối nghe lịnh toàn.

Tháng tư ngày dài, buổi ban mai,
Nón hồng mũi bạc tuốt sáng ngời.

Đứng trên lưng voi ba võ-sĩ,
Tay cầm xà-mâu dáng hùng oai.
Phía đông mười voi làm một đội,
Phía tây quân-sĩ năm trăm người.
Cờ trắng phất lên quân-sĩ tiến,
Hò reo đốt lửa khói mù trời.
Cờ trắng hạ xuống phất cờ xanh,
Nài cứ đầu voi búa chan chát.
Voi quật bù-nhìn cuốn đem về,
Mau thì có thưởng chậm bị phạt.
Bỗng chốc tập xong định hơn thua,
Xiết bao máu chảy, thịt da nát.
Xiết bao khó nhọc quy sa-trường,
Lính bị roi đòn quan bị cách.

Nghe nói :

Xưa có một voi mạnh và trung,
Quan quân cỡi ra đi tiền-phong.
Chủ-tướng hãm trận bị giặc giết,
Lấy vòi cuốn thây giấu hang cùng.
Trở ra, xông vào phá trận giặc,
Quan quân theo gót được thành công.
Về dinh voi qùy trước đại-trướng,
Dắt người tìm thây, chôn cất xong,
Voi ta bỏ ăn chết theo chủ,
Nằm mồ nghĩa-tượng lưu non sông.

Vương hỏi :

Trung-hoa võ-bị như thế nào ?
Trình bày Lãnh-Hải Bái-Tướng-quân.
Liêm-Pha Lão-tướng bước lên đàn,
Ba quân hùng hổ như phong vân.
Tướng quân chẳng chuyên dùng võ-lược,
Chỉ lấy nhơn-nghĩa làm can qua.
Xẻ ngọt chia đắng với quân-sĩ
Quân-sĩ yêu mến như mẹ cha.

Thành công ngồi dưới gốc đại-thụ,
Mão cao áo rộng rất khoan thai.
Bỏ người dùng thú mạnh chẳng chuộng,
Canh gác chẳng được chút nghỉ ngơi.
Thạnh-triều thiên-tử tế Nam-Giao,
Thái-bình nghi vệ có voi chầu.
Ngự-tượng tại triều cấp bổng tướng,
Mình phủ yên gấm gắn kim châu.
Thường đem việc ấy răn quần thần.
Voi vì có ngà phải thất thân.

Sanh bình ta sợ nóng nực. Ngày nọ giải nắng, nhớ chùa xưa lúc nầy hoa rừng đua nở, ngồi Điển-tâm-Đình bẻ sen gọt ấu, bồn mặt gió hồ, thật là một khoái sự. Chợt thấy trên án có cắm một đóa hoa sen, khiến người tìm một cộng sen tươi, khắp nơi chẳng có. Đều thưa rằng: « Sen chỉ có hoa và lá, không có cộng dài ». Nhơn biết rằng, hoa và lá nhờ có nước mà sinh, còn cộng sen dài phải nhờ có đất mới mọc được. Xứ nầy toàn phù-sa, nên không có cộng sen dài. Những kẻ tâm-đức không đầy đủ, chỉ phần sức bề ngoài, cũng giống như sen Đai-Việt vậy.

Có tiếng đồn ta ưa ăn trái cây, mọi người đua nhau đem trái tươi đến dâng. Liêu-xá chất đầy ngỗn ngang, nào là mít, xoài, dưa hấu, chuối và hường... Những loại trái ngọt gắt, ta cũng chẳng ưa mấy. Ngày kia, Vương sai nội-giám đem biếu một giỏ xoài đầy, bảo rằng thứ xoài ngon thượng-phẩm, đem dâng Lão-Hòa-Thượng. Ta có ý khinh rẽ, xem kỷ, thấy thứ xoài hơi tròn lớn, dùng dao gọt vỏ, cắt một lát ăn, thấy thơm ngon khác hẳn giống thường . So với giống xoài Việt-đông, sống thì chua, chín thì thối, khác xa biết chừng nào. Cho biết sách Tàng-điển chép trái Am-Ma-La (菴摩羅) chính là thứ trái nầy. Nay sách Dư-Ký chép làm trái Am-La,bỏ sót chữ « Ma »; tục gọi mông-quả (檬菓), đổi hẳn ra tên khác; tuy danh-xưng có sai ngoa, nhưng giống xoài cũng có hơn kém. Chúng ta thấy vật mà chẳng tìm cho biết tên là không đúng, mà nghe tên đã vội tin vật cũng không đúng vậy.

Trước ba ngày, Thiều-Dương-Hầu lấy một cái hộp đựng mươi trái vãi đem đến biếu, vãi dày vỏ lớn hột, cũng như thứ vãi « đường-phổ » ở tỉnh Việt. Vãi nầy ở đây cũng đã hiếm có. Muốn tìm thứ vãi « hắc-diệp »

đã không thể được, mong gì có thứ vãi « ngưng-băng » như ở Quảng-Đông. Nếu so sánh quả xoài, thì xoài xứ nầy quý hơn xoài Việt-đông; trái lại, vãi Việt-Đông quý hơn vãi Nam-Việt. Xem đó, người ta không nên khoe khoang một tài hay của mình, dùng người cũng nên tùy tài từng người mà chọn lọc. Nhơn ăn trái vãi, hoài-niệm Trương-Phương-Bá, làm thành một bài ngũ-ngôn cổ-thơ.

BÀI THƠ

Ta đến Cổ Giao-Châu,
Ngày đêm chịu nóng nực.
Đêm mát dạo quanh thềm
Ngữa mặt nhìn Nam-trực.
Trông ngóng cung Tử-vi,
Xa xuôi chẳng đến được.
Đề-tọa chiếu hào quang.
Dưới rèm thưa sáng rực.
Hoa sen dầm sương nở.
Cá ao nhảy bóng trăng,
Sống vui nhìn cảnh vật.
Ngơi nghĩ được hay chăng.
Xưa Thiệu-Bá tuần hành,
Cam-đường trồng Nam-quốc,
Giao-châu cách đại-dương,
Xa tít miền Nam-cực.
Tiền triều sửa bản-đồ,
Quận huyện định pháp-thức.
Ngày xưa Hoàng-thượng-Thư, (21)
Bố, Án có oai-đức.
Người sau sắp đặt sai,
Nam dân sinh phản trắc.
Đằng đẳng mấy trăm năm.
Đến nay thành thuyệt vực.
Dầu có lòng hướng hóa,

21) Có lẽ chỉ Hoàng-Phúc đời nhà Minh, ông có qua làm Bố-Chánh ở Nam-Việt.

Chưa dám tu cổng-chức.
Lễ-giáo thoảng nghe bàn,
Liền than thở bực tức.
Chỉ sợ Việt với Hoa,
Tiếng nói người khác nước.
Lời nói và tinh-thần,
Làm sao phiên-dịch được.
Mít mật ăn quá ngọt,
Hoa cau mùi khá ưa.
Thơm tho thua trái vãi,
Tháng năm nhớ quê xưa.
Suối trong tưới bồn ngọc,
Thung dung lui nghỉ trưa.
Gió nam nay gặp dịp,
Buồm về thẳng cánh đưa.

Vương định đến ngày 24, sẽ rước tất cả tùy-trượng tăng-chúng, mở một kỳ sầm tụng Đại-Bi Đà-La-Ni. Một là vì năm nay nhờ có thỉnh ta đến, ,trong nước được phong hòa vũ thuận, vật phụ dân an, nên muốn đặt đàn tụng kinh để tạ ơn Long-Thiên Phật-Tổ. Một là vì, 18 tháng 5 là ngày đản-nhật khánh chúc, sợ đến ngày ấy việc triều-đình bận rộn, không được thanh tịnh như ý, nên muốn trai giới trước ngày. Vương ban hỏi những công việc nên làm. Ta thưa rằng : « Việc trai giới chẳng phải chỉ giữ cho sạch miệng sạch mình, tư-tưởng trong sạch mà thôi. Việc trai giới của nhà vua, cần phải đem việc quốc-gia trên dưới thanh lý chỉnh-tề, không một người nào chưa được yên sở, không một việc nào chưa được thỏa đáng, như thế mới gọi là viên-mãn. Nay trước hết, nên thanh-lý oan ngục, tha tù bị giam cầm, chẩn cấp kẻ nghèo thiếu, khởi dụng kẻ yêm trệ, bãi bỏ cấm điều nghiêm khắc, thương xót kẻ buôn bán, thi ân cho thợ thầy. Nói tóm lại nên đem tất cả công việc giúp người lợi vật, châm chước cử hành. Đến như nghi-lễ đàn trường, tăng-chúng y bát, vật dụng hương hoa... sẽ kê đơn chế biện ».

Ngày nọ, trong lúc đem tăng-chúng vào cung, gặp một người đàn bà, tay cầm một tờ giấy kêu khóc, đón ta và thưa rằng : « Có chồng tên Tăng-Văn-Lão, người tỉnh Mân (Phúc-Kiến), phạm tội nặng, bị xử tử hình.

Lúc đương giam trong ngục, chờ ngày hành quyết; Tăng-Lão bỏ ăn uống, chết đói. Người vợ mua quan tài tẫn liệm, đem chôn ngoài đồng và lấy phên đậy lại. Sau 5 ngày, làm cơm canh đem cúng, nghe trong hòm có tiếng rên khóc ; vỗ hòm kêu, Tăng-Lão biết có vợ đến, bảo rằng : « tội ta chưa đáng chết, Diêm-Vương đuổi về và bảo đến cầu Quảng-Minh Đại-sĩ cứu cho sẽ được sống». Người vợ chạy báo quan địa-phương, mở hòm khám nghiệm, thấy hơi thở ngoi ngóp chưa dứt, bèn đổ nước cháo cho uống. Hiện nay còn giam lại trong ngục để chờ mệnh-lệnh nhà vua. Thiết nghĩ, (người đàn bà nói tiếp) Lão-Hòa-Thượng là người Đại-Minh, lại từ Quảng-Đông đến, chồng tôi bảo Quảng-Minh Đại-sĩ, chắc là phải. Hòa-Thượng mới có thể cứu sống chồng tôi, cúi xin rũ lòng từ-bi làm phước ». Y Thị kêu cầu rất khẩn thiết. Vừa rồi xưng Trung-Hoa làm Đại-Minh, người ấy chỉ biết tiền-triều, cũng như các phụ-lão ở Đào-nguyên chỉ biết có nhà Tần vậy. Ta hứa chịu và đi, vào cáo việc ấy với nhà vua, liền được hạ lệnh tra cứu tha ngay. Nhơn đó các tù tội nhẹ đều được phóng thích, tội nặng được giảm khinh, bao nhiêu thiện chánh cử hành, khắp nước thảy đều ca tụng.

Ngày ấy cắm phan treo cờ, trân báu la liệt, khói hương sực nức, hoa quả huy hoàng, Quốc-Vương mở đàn cúng dường. Chúng-tăng trai giới tiền đàn, từ đầu đến gót y phục mão giày đều mới tinh ; ngân nga trong trẻo, điệu-bộ khoan thai. Những người đi xem, đều lặng thinh tỏ bề cung kính. Mỗi một lúc tiền đàn, Quốc-Vương ắt đứng ngoài đàn sửa lễ, đứng ngồi xen lẫn với tăng chúng chẳng chút giải đãi. Ta ở lại Nội-Viện để chứng-minh. Lúc rãnh, cùng nhà vua bàn luận cổ kim trị đạo, chỉ dẫn mọi đường lối khoan hình chuộng đức, yêu quân, hậu dân, thông thương giảm thuế v.v... Nhà vua đều vui vẻ tin nghe, giận mình tuổi trẻ kiến-văn không được rộng rãi.

Trong lúc nói chuyện, bỗng có một viên Nội-giám từ ngoài bước vào, nói vài câu tiếng Việt, Vương vội chạy ra. Nghe ngoài điện đánh 3 hồi trống. Hồi lâu, Vương trở vào, thở hào hển. Ta thấy lạ hỏi thăm. Vương nói : « Vừa rồi, trại quân bị lửa cháy, sảng sốt chạy qua cứu chữa, xin chịu thất lễ, không được bồi tiếp Lão-Tăng ». Ta hỏi: « Vương tự mình qua cứu » ? «Thưa phải, chẳng kịp chờ xa giá, ta đến, quan quân mới tề tựu cứu chữa». Ta nói rằng : « Sao, nói gì lạ thế ? Đứa con nghìn vàng, chẳng ngồi cheo

leo nơi thềm cao ; huống chi ông vua thiên-thặng, trên quan hệ đối với trọng trách Tôn miếu Xã-tắc, dưới quan hệ đối với sự an-ninh của trăm họ muôn dân, há nên khinh thân vào nơi nước sôi lửa cháy. Vẫn biết đức-trạch nhà vua, thấm khắp trăm họ, nhưng biết đâu không có cuồng-phu oán-tốt dòm hành ; hoặc cố ý phóng hỏa để dụ Vương ra, rồi thừa hư phạm giá, há chẳng nguy thay ? Bởi thế, nhơn-quân lúc đi ra có đường kinh, đi vào có đường tắt (đường cấm), không phải bày đặt vô-vị đâu ». Vương nghe nói thất sắc, bảo rằng: « Phải, nhưng biết thế nào, trong nước toàn nhà tranh, năm nào cũng có hỏa-hoạn, mỗi lần cháy lan hàng mấy dặm, nếu chẳng cứu, nhà dân sẽ ra tro hết ». Ta nói : « Đã có cách hay, nhà vua nên đặt làm một thứ lệnh-tiễn, gặp lúc trong nước có việc gấp, cần nhà vua phải thân hành đến tận nơi, chỉ sai Nội-Giám cùng quan quân cầm lệnh-tiễn đến. Lệnh đến cũng như vua đến vậy... Lệnh đến, nếu quan quân có người nào không đến, lập tức trị tội chẳng tha. Như thế không có gì hại cả ». Vua vui vẻ bảo rằng : « Nếu chẳng phải Lão-Hòa-Thượng yêu ta, bao giờ được nghe lời ấy. Mấy ngày rày đàm đạo, và trong sự nghe thấy, nếu có những chánh kiến vì nước vì dân, cầu xin Hòa-Thượng bày bảo từng điều một thật rõ ràng, hầu khiến khắc yết lên triều môn, vĩnh viễn cùng thần dân noi giữ vậy ».

Những lúc ra ao câu cá, thả thuyền hái sen, Vương đều đón ta đi, mỗi người cỡi một thớt tượng. Có lúc đổ cát vào bao, khiến tượng nhồi ném. Trong nước có tượng-hình, bắt tù trọng phạm giao cho voi quật, voi nhồi phạm-nhơn lên cao mấy trượng, rồi lấy ngà xóc đỡ, ngà xoi thủng gan ruột, phạm-nhơn chết liền. Ta khuyên nhà vua trừ bỏ hình phạt ấy.

Chiều hôm làm đàn « hỏa-diệm », nghi-lễ đàn Bộ-châu vừa bày xong, thì mây kéo đen trời, mưa gió chẳng ngớt. Vương ngữa xem dặm chân bảo rằng : « Làm sao được một hôm tạnh ráo, để Pháp-sư được chẩn-thực như ý, phật sự viên mãn, thì quý biết chừng nào ? » Ta nghĩ, nhà vua một lần công-đức, tổn phí bạc nghìn, bèn lấy hết tín thành cầu đảo, niệm « Uế Tích-Kim-Cang thần-chú » 108 biến, đốt hai đạo bùa. Nghỉ một lát, lại niệm chú 48 biến. Mưa gió tạnh dần, một chốc vén mây thấy rõ trời xanh, rồi bóng tà dương phản chiếu nóc nhà, suốt đêm đầy trời sao sáng. Vương mừng rỡ tạ lễ, ý muốn học phù chú ấy. Ta bảo : « Học thì rất dễ, nhưng muốn cho linh-ứng cần phải tu luyện hằng tháng hằng năm, mới có thể tùy

cơ ứng dụng». Vương nói rằng: «Xin cầu Lão-Tăng cứ truyền dạy cho». Ngày sau cáo từ lui về, Vương lại cầu khẩn. Ta bèn đem những việc chính trị bàn luận mấy ngày nay, chép ra từng điều một, nhơn điều trần « lập quốc chánh ước » 18 điều, đều là những việc thương lính, yêu dân, thông thương, lợi quốc, kỷ-cương pháp-độ, chép từng chi tiết rõ ràng. Vương đọc xem rất mừng, bảo nội-quan Chưởng-sự rằng : « Nước ta pháp-độ dân tình đều chưa được đúng đắn, nay nhờ Lão-Hòa-Thượng đem lễ-phép Trung-quốc chỉ dạy, liệt trần 18 điều ; nên khắc bảng yết lên cửa phủ, hiểu dụ văn võ quan dân đều biết, và khắc 24 thẻ bài, chia loại nêu rõ. Nếu ai trái điều-lệ, phạm phép, cho kẻ bị thiệt hại, cầm thẻ bài đến kêu. Vô luận văn võ quân dân vương thân quốc thích đều cứ pháp-luật trị tội. Vĩnh viễn lấy đó làm quốc chánh vậy.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN III

Ta nhơn được tạm nghỉ, đi qua Việt-Nam. Nguyên dự-định còn phải đi lên Bắc-Kinh có việc, vã lại nhà thường-trú xây cất chưa xong, đại-chúng trông đợi. Vì vậy quyết định đến tháng 6 sẽ liệu lý trở buồm. Có người cho Quốc-vương hay ý định của ta. Vương bùi ngùi bảo rằng : « Tuy hạ-quốc buồn tẻ, Lão-Hòa-Thượng đã làm ơn chiếu cố, dầu chẳng chịu ở lại năm ba năm, cũng gắng gỗ một hai năm, cho thỏa lòng đệ-tử cung dưỡng, sao đột nhiên đã vội nói ly-biệt, bỏ người bơ vơ cho đành ».

Ngày sau Quốc-Vương rước ta vào cung, đàm đạo tâm sự. Nhớ lại từ lúc ta mới đến, đã khuyên Quốc-vương nhập cống Trung-Quốc, để xin phong tước cho được chính danh vị. Nay ta gần về, nhơn nói cho biết Thái-tổ Thái-tông Thanh-triều ta, đều là những bậc thánh-quân, lấy đức trung hậu mở nước. Đức Thế-tổ-Hoàng-đế là một vì vua nhân-từ, lại có lòng sùng tín Tam-Bảo, từng rước Ngọc-Lâm Mộc, Trần-Hòa-thượng vào Tiêu-viên để cúng dưỡng, ngự thư hai chữ « Kính Phật » ban tặng. Người giữ theo kinh kệ phép phật, thường bảo rằng tỳ-kheo là những người ra ngoài cõi đời, chẳng nên quỳ lạy Thiên-tử Vương-hầu ; lại có ban hành một quyển sách, nét chữ cứng rắn, đủ làm khuôn thước cho đời sau ; tính ưa đọc sách, tự tay sao chép một quyển cổ-văn ; phụng cúng một tượng Phật cao mấy thước có khảm thất-bửu và đưa hai Hòa-thượng về núi, mọi

cử chỉ đều khiến người thán phục. Hoàng-thượng đương-kim (1) lại phú tính thần minh, văn hay võ giỏi, dẹp yên bốn bể, đạo rộng nhơn dày ; chẩn tế dân đói, tha thuế luôn mấy tỉnh ; muôn dân thiên hạ thảy đều mến đức sợ oai, thực là một vì vua hiếm có. Quần thần văn võ, đều thể theo lòng vua. Hiện nay tại hai tỉnh Quảng các quan tổng-đốc, tướng-quân, đề-đốc, tư-đạo đều thanh-liêm chánh đại, ngồi trấn xứ Bách-Việt ; làm việc quan chuộng đức, pháp-lịnh chuộng nghiêm, ôn-hậu hòa-bình, chẳng giận mà có oai, quân dân đều xưng tụng, rất có thể-thống đại-thần trấn nhậm biên cương. Chúa thánh tôi hiền, thực đúng thời thạnh trị của một Triều-đình hữu đạo. Vương nên dâng biểu xin quy thuận, chớ do dự chần chờ.

Vương nói rằng : « Nay nghe Lão-Hòa-Thượng thuật chuyện, mới biết rõ ràng. Chỉ e, ta ở nơi cô-lậu, không hiểu lễ-giáo, lòng hướng-hóa tuy có, nhưng tiểu-quốc từ trước chưa xin phép tiền cổng, nay đường đột dâng biểu, nếu biên-giới đại-thần chẳng chịu thông báo lên triều-đình, chỉ mất công qua lại không ích gì. Lão-Hòa-Thượng đã chẳng chịu yêm-lưu hạ-quốc, sau ngày về núi, xin đem chơn-tình của ta trần thuật với các nhà đương-cục Việt-đông ; nay mai có tin cho tiền cổng, ta lập tức sắm sửa lễ vật, làm biểu, sai người dâng lên triều-đình, quyết chẳng sai lời hẹn vậy ».

Nhơn hỏi thăm các bậc trụ-thạch lão-thành trong triều ngoài quận, và các tay anh tuấn tài hoa Trung-triều. Ta lược cử các vị đại-thần, các quan nội-các, những người ta biết tiếng, kể cho nghe.

Chiều tối, trở về Thiền-Lâm, làm một bài thơ ngũ ngôn cổ-phong gởi cho Đinh-Thường-Thị Hàm-Quang Thôi-sứ.

Bài thơ

Việt-nam nhìn thắng cảnh.
Hình câu cỗ uốn cong.
Trắng phao ngời động cát.
Núi thẳm đầy chim hồng.
Kỳ-nam-hương, long-não.
Chim Khổng-tước, mây song
Thổ-sản bán ngoại-quốc.
Thương-mãi lợi giao thông.

1) Tức Khương-hy Hoàng-đế.

Đất tốt chẳng phân bón.
Ba mùa lúa trổ bông.
Chiến trường lùa tượng đánh.
Thành quách sẵn tre trồng.
Cương thường tuy chẳng biết,
Thờ chúa vẫn hết lòng.
Hỏi thăm triều Trung-quốc.
Ai tài tuấn anh hùng ?
Rằng : ra trấn Đại-Dũ.
Có Đinh-Hoàng-Môn-Công.
Thân-thần gởi tai mắt.
Phè phũ giữ biên-phòng.
Tiễn hành bày tiệc ngọc,
Ngự-bào ban áo rồng.
Bản triều trang anh tuấn
Như thể còn nhiều ông.
Thẩm thẩm nguồn ân-trạch.
Hầu ra khắp biển đông
Nay ra trấn ngoại quận.
Tối sớm về Triều Trung.
Ta về sẽ trần thuật.
Đại-việt muốn cầu phong.

Trong nước dân rất khổ, đất ruộng ít ỏi, lúa chẳng đủ ăn. Dân thổ-trước một dãi Thuận-hóa Hội-an đều sống nhờ lúa của các hạt khác. Thổ-âm gọi « Phạn » là « Cơm », kiếm đủ cơm ăn không phải chuyện dễ ; hoặc dùng cá tôm rau quả ăn trừ cơm, hằng ngày bữa no bữa đói thất thường. Sau núi trước biển chỗ nào có bãi cát thì dân cất nhà ở ; tùy số dân nhiều ít, tập họp làm một xã, xã có cai, có xã-trưởng. Ruộng cấy lúa, hoa-lợi phải nạp vào công-khố chừng bảy tám phần mười, dân chỉ được hưởng hai ba phần mà thôi. Ngoài ra có người làm nghề đánh cá hái củi, đem về nạp cả cho bọn Cai, Trưởng. Bọn nầy cấp hoàn cho bao nhiêu được nhờ bấy nhiêu. Thế mà còn phải nạp thuế thân mỗi năm 12.000 đồng tiền (hai quan), và các thứ tre gỗ muối gạo tùy theo thổ-sản. Gặp lúc nhà vua có việc công, Cai-xã bắt dân phu ra ứng dịch, mọi người phải lo cơm đùm gạo bới đi làm. Chợ hàng buôn bán đều đàn bà con gái, không phân biệt « nam

ngoại nữ nội » chi hết, phong tục tiết nghĩa hầu như chẳng còn. Xem kỹ, dân chẳng phải ngu ngoan, đến đỗi không giáo hóa được ; chỉ vì người trên chẳng biết thi hành chánh sách giáo-dục mà thôi. Nếu có vị vua thánh, biết dùng kẻ hiền để chăn dân, ngăn cấm nết xấu thói tà, dạy cho biết hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, khiến dân ăn ở đều do theo đường chính nẽo ngay, thì mười năm sinh tụ, mười năm dạy dỗ học hành, làm sao lậu tục mán mường, chẳng trở nên hoa-phong lạc-thổ. Ấy cũng là một điều không may cho nhân dân chăng. Nhơn cảm khái nhớ Trần-Quảng-Châu, làm một bài thơ cổ-phong.

Ngày xưa,
Năm tiên cỡi dê đến thành Dương (2).
Ngày nay,
Thái-thú ngũ-mã ngự Hoàng-Đường. (3)
Tiên nhân tuy bỏ đi, hằng năm vẫn phong nẫm.
Thái-thú từ đáo nhậm, muôn dân được an khương.
Quảng-châu thuộc hạt mười bảy huyện.
Núi non hiểm trở,
Trộm cướp tung hoành.
Phải chờ vài mươi năm sắp đặt,
Xóm làng yên ổn,
Cày cấy làm ăn.
Bỗng đâu nước lụt gặp thiên tai,
Ngày ấy xe ông vừa đến nơi.
Dầm nước lội bùn đến thăm hỏi.
Nhìn xem cảnh tượng lòng bùi ngùi.
Lúa chín ngâm bùn đều thối nát.
Nhãn, vãi cây trái đều rụng rời.
Nghe đồn xứ ấy nhiều báu ngọc,

2) Hoàn-vũ-ký : Ngũ-dương-thành ở Quảng-châu-phủ, Nam-hải-huyện, xưa có năm tiên-nhơn cỡi năm con dê ngũ-sắc, cầm 5 bông lúa đi đến, nhơn gọi tên Ngũ-dương-thành.

3) Hán-Quan-nghi : Theo lễ thường dùng bốn ngựa kéo xe, chỉ có quan Thái-thú mỗi lúc đi ra, dùng thêm một ngựa, cho nên xưng Thái-thú làm ngũ-mã.

Vàng tặng sứ-thần túi đầy dóc (4).
Mạch suối Thạch-môn cỏ dầu dầu,
Lông thúy hạt châu, luống than khóc.
Trải qua mấy độ nhớ người xưa.
Đến thờ Đại-phu lưu gió mưa,
Ai bảo người xưa chẳng khá thấy.
Ông với Ngô-hầu phưởng phất như.
Biệt ly thắm thoắt bao tháng ngày,
Sĩ tập dân phong cả đổi thay.
Nhớ ông thành thực vì sinh dân,
Mắt xanh đài kẻ quê-mùa nầy.
Cung dưỡng Duy-Ma viềng chùa Hương.
Còn mong châu ngọc tặng văn-chương.
Thắm thoắt chia tay đã năm tháng,
Nhật-nam lưu lạc chốn biên-cương.
Giáo hóa nếu có người như ông,
Biến đổi man rợ thành hoa phong.

Thế-giới nguyên chẳng có gì gọi là kẻ-chợ và man-di, từ thánh-nhơn ra đời, mới có phân biệt. Lúc đầu hồng-hoang khai sáng, loài người ăn lông uống huyết, ù ù cạc cạc, chẳng khác gì chim muông. Đến lúc sinh tụ càng ngày càng đông, những kẻ gian ngoan bèn dùng quyền thuật mà xưng hùng xưng bá, nhưng chẳng phải lấy đạo đức phục người. Chừng ấy trời sinh thánh-nhơn, chẳng nỡ nhìn đồng-loại tương tàn tương-sát, bèn đặt ra binh hình để trị kẻ bạo loạn, lễ nhạc để dạy kẻ gian tà ; có chính có giáo hẳn hòi, dựng nên thành quách cung thất, tôn miếu tế tự ; tôn ty qúy tiện có trật tự phân minh, tạo nên đời văn trị. Thế là tiếng « kẻ-chợ » (Hoa) do thánh-nhơn mà có vậy. Còn những nơi vì núi biển cách trở, thánh-vương đánh dẹp chẳng đến, lễ giáo khó thông ; dân-cư tụ tập, tự làm quân trưởng với nhau, quen tập thói quê mùa hủ lậu ; chẳng biết lễ nghĩa là gì. Chỉ biết lấy oai-lực phục nhau, thì hay sinh ra chiến tranh, mà trong việc chiến tranh, cần phải biến ảo thần kỳ mới hơn người được. Vì thế trong nước hay bàn việc võ-bị, chẳng chuộng văn-đức.

---

4) Triệu-Đà tặng nghìn vàng cho Hán-sứ Lục-Giả.

Ta đến Đại-việt, có Tứ-triều Nguyên-Lão Đông-Triều-Hầu đến ra mắt đầu tiên, cùng với con là Văn-chức thế-nam đều quy y thọ-giới. Người xứ nầy ưa dối trá, chỉ có Đông-triều-Hầu phụ tử, cùng người giao hữu rất chơn thành, chẳng khoe khoang phú quý công danh, đạm bạc thanh cao, có phong độ văn-minh kẻ chợ. Thường ân cần cầu học các môn số-học, cơ-môn độn-giáp v.v...

Ta bảo rằng : « Kẻ lão hủ nầy chưa bao giờ học tập các môn ấy ».

— « Nếu chưa học, làm sao ngày làm chay ở Vương-phủ, Lão-Hòa-Thượng khiến lặng gió tạnh mưa được ngay ? Nghe nói ngày Hòa-thượng tu luyện ở Họa-sơn, từng gặp dị-nhơn truyền dạy pháp-thuật phải chăng»? Ân cần cầu khẩn hai ba lần.

Ta bảo rằng: « Nói về phép « ngũ hành diễn độn », là một phương tiện để cứu thời. Ngẫu-nhiên, nhơn khi trời hạn hán, ta có một lần tế gió cầu mưa, rồi thiên-hạ đồn tiếng ra vậy thôi. Nay đem phép ấy truyền cho ông chẳng khó gì, nhưng phép khá truyền mà dùng phép thì tùy ở người, cần phải chuyên nhứt tinh thành, tu trì hàng năm hàng tháng, khiến phép thành do ta, mới có thể biến hóa vô cùng, tùy cơ ứng dụng. Nếu chẳng thế, thì luống giữ phép suông, mà biến ảo đa đoan, làm sao ứng dụng cho khỏi trở ngại được. »

Nhưng ông vẫn yêu-cầu khẩn thiết chẳng thôi. Ông nói rằng : « Lão-Hòa-thượng từ-tâm chịu truyền dạy cho, đệ tử thề một lòng kiên quyết, bất luận 5 năm, 10 năm, quyết học phép cho được cảm cách ứng-nghiệm mới thôi. Nguyền xin trọn đời hy-sinh, làm việc cứu dân lợi nước ; nhứt thiết chẳng dám tổn nhơn ích kỷ, để mang tội với cao xanh vậy ».

Ta nghĩ ,ông có lòng tin rất thành khẩn, bèn soạn phép « Ngũ-hành diễn độn », ghi rõ giờ khắc tế luyện, phối hợp độ số đại khái, truyền cho ông, và làm một bài tựa.

« Phàm ở đời, cái gì mà người ta có thể nghe thấy ý-thức được, gọi là thường, không thể nghe thấy ý-thức được, gọi là lạ; lạ thì thần minh chẳng lường, lạ hơn nữa thì biến ảo chớp nhoáng, chẳng thấy múi manh, có thể đoạt quyền hóa công, chuyển cơ sinh sát, tự mình làm chủ tế vậy. Bởi vì từ lúc âm dương phán định, chia làm ngũ hành, quyền do tạo-hóa chuyển vần, nhứt định không thể dời đổi. Những bậc kỳ-nhơn vận dụng máy « hỗn nguyên nhứt khí », từ thủa hồng mông

chưa phân trời đất, đuổi âm dương, phá ngũ hành, làm cho quyền tạo hóa cũng không thể hạn chế được. Nhưng việc làm có nhiều loại, trên là trời, dưới là đất, giữa là người. Trong ấy hoặc pháp, hoặc lý, hoặc sự, hoặc vật đều chia thành môn loại. Lúc động, lúc tĩnh, lúc làm, lúc nghỉ, lúc tiến, lúc thối, nhứt thiết đều ra vào từ đó, tự nhiên ra ngoài ý tưởng của người thường. Nhưng thường đủ quyền chế ngự người, cho tạo hóa cũng không thể hạn chế được. Bởi thế có lúc « diễn », thì phơi bày ra vô cùng, có lúc « độn » thì tiêu tan về chỗ không có ; có lúc « diễn » mà « độn » thì bớt nhiều làm ít ; có lúc « độn » mà « diễn » thì hóa không làm có ; chuyển « diễn » về « độn » thì dùng sinh để sát, chuyển « độn » về « diễn » thì toàn sát để sinh. Cho nên trong « diễn » có « độn », trong « độn » có « diễn », thần minh biến ảo, chẳng khá suy lường, không phải giống như Cơ-môn vậy. Cốt yếu lấy âm-dương ngũ-hành để định phương-vị sinh, vượng, tử, tuyệt. Lấy âm-dương ngũ hành để tính ngày-giờ cô, hư, vượng, tướng. Đương phương-vị sinh vượng, đúng độ số vượng tướng, toàn diễn toàn độn, tuy khá thủ thắng, nhưng còn e sai lầm hào ly. Đương phương-vị tử tuyệt, gặp độ số cô hư, nhưng dùng diễn dùng độn, lại có thể chuyển hung thành cát. Vận dụng phép diễn độn, kỳ diệu do ở lòng ta. Nhưng lấy được cơ « Hỗn-nguyên nhứt khí », chẳng phải đúng người chẳng được. Bởi thế người ta bảo « có người hay không có phép hay » là vậy đó. Nay ta phân môn biệt loại để truyền cho người, kẻ tu trì cần phải biết thận trọng ».

Nghe nói Đại-Học-Sĩ Hào-Đức-Hầu đọc bài khải « bàn thơ luận đạo » của ta, tuy rất thán phục, nhưng vẫn cho câu « Ma-ha làm thể Chơn-Như » là đúng. Thế là ông lấy « bịnh » làm « thuốc », tự cho là phải. Ta đã có nghe, nỡ nào làm thinh chẳng có một lời nói lại cho sáng tỏ. Nhơn viết một bức thư như sau :

« Trước đây, có tiếp được lai thư của Quân-Hầu, nhưng vì gần ngày mở giới-đàn, nên chỉ đáp tạ sơ lược, chưa tỏ hết niềm riêng. Nay đọc kỹ lời dạy bảo, tấc lòng khoan khoái, khác nào ngồi trong gió mát mùa xuân vậy. Xưa Lý-Đô-Uý có làm bài thơ « Thiên-vân bình-thủy » tặng thầy Dược-Sơn, hai người nhơn đó trở nên bạn thâm giao. Các giới đến nay còn truyền làm câu chuyện tốt đẹp. Nay Quân-Hầu ngâm thơ, tặng ta câu « Bát-Nhã- phong, Ma-Ha nguyệt » và lời bàn « Thanh lương viên-minh » ; thế là Quân-Hầu chẳng kém Lý-Công ngày xưa vậy. Trong giới

sĩ-quân-tử, cầu có một người lưu tâm đến đạo ta, chẳng những như mặt trăng trong chòm sao, chim hạc trong đàn gà, mà có thể ví như hoa sen trong lữa vậy. Há chẳng khá sánh vai với Lý-Công mà xưng «Song mỹ» hay sao. Chí như Hạo-Nhiên-Linh-Nhứt, chỉ nhờ thanh luật từ hoa được biết tiếng, như bọn Trường-Khanh lại làm sao dám ví với Quân-Hầu.

Nay Quân-Hầu ngôi đến tam công, quyền coi sáu bộ, mình ở trong vòng thế lợi thanh sắc, chẳng lìa ngũ dục thất tình, thế mà đạm bạc yên vui, chẳng bị giàu sang đắm đuối. Nếu chẳng phải gieo trồng linh-căn trong chỗ vô lượng nghìn muôn Phật, ôm lương-tri sẵn có mà trở lại cõi đời, thì làm sao được như thế.

Lão-tăng mong ơn hạ cố, chẳng xét phận ngu. Thiết nghĩ trong bài thơ của Quân-Hầu, dùng chữ « Ma-Ha » để hình dung « Quảng-đại », chữ « Bát-nhã » để chỉ « trí tuệ ». Ma-Ha nguyên không định thể, Bát-nhã vốn có do lai, Nhưng ta từng nghe chữ « Bát-nhã phong », chưa thấy chữ « Ma-ha nguyệt » ; ví khiến lấy trăng Ma-ha, (Ma-ha ấy chỉ « lớn » mà nói) để đối gió Bát-nhã, thì chữ phải mà nghĩa sai, câu được mà ý chẳng được vậy.

Phương chi, thơ thất ngôn cận thể, luật phép rất nghiêm. Ta lấy tình bè bạn đối chữ « Bồ-đề nguyệt » để đối chữ « Bát-nhã phong », thì cũng rất ổn đáng. Bức thư trước ta chưa nói rõ, nghĩ rằng Quân-Hầu là bậc văn-nhơn minh tuệ, chắc tự hiểu lấy. Chẳng ngờ tiếp thư trả lời, lại bảo « Ma-ha làm thể chơn-như, viên-minh ví như mặt trăng ». Lời bàn ấy phải thì phải vậy , nhưng chẳng biết Quân-Hầu cho « Chơn-Như » làm vật gì mà khá lấy Ma-ha làm thể Chơn-như ? Xin hãy hiểu lẽ ấy mới tránh khỏi lầm đường lạc nẻo, mới mong được tiến-bộ cao siêu vậy. Nếu chẳng thế, thì dẫu cho lời lời đúng thế, câu câu đúng phép, cũng chỉ những lời nói suông thiên lệch mà thôi.

Lão-tăng thực lòng yêu Quân-Hầu, kính bày lời thẳng thắn ; chẳng phải ăn cắp « bọt miếng » người khác, đem làm kiến-thức của mình, rồi trống-không lấy 3 chữ « người xưa bảo » để bắt nạt. Lão-tăng đâu có cả gan dám thế. Việc lớn bổn phận của Lão-tăng là làm can thành chống giữ một tòa nước Phật, há dám chẳng hay bảo trọng, mình tự khen mình, chẳng sợ người ngoài chỉ trích hay sao. Mừng thấy Quân-Hầu hay dung người ẩn nhẫn, chẳng hề động lòng, nên mới dám mạo muội khích nhau như thế. Xưa Hàn-Tín gặp thằng nhỏ đất Hoài-Âm, lòn trôn chịu nhục. Tử-Phòng

gặp ông già ở cầu Dỷ-Hạ, cũng chịu nhục lượm giày. Cái nhục tuy người hèn, con gái cũng không nhịn được, thế mà họ Trương, họ Hàn chịu nhịn. Sau nầy thỏa chí phong vân, phụ thành vương-nghiệp, mới thấy rõ chí-khí trượng-phu. Do đó mà xem, đủ biết đời chẳng phải không kẻ anh-hùng, thiếu bậc vương-sư, chỉ tiếc chẳng gặp Tiêu-Hà, Hoàng-Thạch, (7) khiến người lỗ mãng làm càn, tiêu diệt anh-hùng mà chẳng thấy vậy.

Ngọc báu Kinh-sơn, Biện-Hòa mới biết. Cung cầm lưu-thủy, Tử-Kỳ mới hay. Đời vẫn thường xó tối gieo châu, sông sâu dìm kiếm, luống than biết nhau chẳng dễ, mà người ngoài cõi biết nhau lại khó biết chừng nào !

Phương-chi, xưa nay cách tiếp người của tông phái ta, chỉ đông nói tây chẳng bao giờ nói rõ vỡ lẽ, muốn cho người nghe tự mình phát minh lấy ; phát minh được cái bản-minh của mình, thì mọi lẽ đều sáng tỏ, chẳng bị một lời lẽ nào che mờ mất mình; bởi thế có lời rằng: « Ta không có một phép nào cho người, ta chỉ vì người chỉ đường mà thôi vậy ».

Quân-Hầu lưu tâm nghiên cứu đã lâu, học có căn-bản, thâm hiểu Thi Thư Lục Nghệ, đọc hết Nội-điển Tam-Tạng, há chẳng biết đích xác Chơn-Như mà lại nói như thế. Than ôi có lẽ Quân-Hầu nghĩ Lão-Tăng không thể đổng bậc với cỗ-nhơn, nên cố ý tự mình làm cỗ-nhơn, xem Lão-tăng giả lời cách nào, để vỗ tay cười chơi cho vui vậy. Nhưng từ xưa đến nay, hễ bàn về thiền-đạo, ai cũng tùy cơ lập luận, tuy lời nói có tinh thô khéo vụng, hoặc dẫn một đôi câu thành-ngữ để lý giải, nhưng chưa ai đem câu văn trong Kinh-điển, lập danh từ ép, dùng làm khí-cụ để lừa dối người thiên hạ bao giờ. Chẳng những trong phép phật đạo thiền mà thôi, cho đến làm thơ, làm văn, viết chữ, vẽ đồ, đều chẳng khá lấy ý kiến riêng của mình mà lập lời ngụy biện. Điều quý nhứt là sáng-tác chẳng chút miễn cưỡng, lòng hiểu tay làm, tự nhiên nhập diệu. Dầu xuất thế, dầu ở thế-gian, xưa nay không có hai đạo-lý bao giờ. Nay thử đem việc thơ văn tự họa cùng việc thuyết thiền của các nhà tu hành, hợp lại để so sánh. Từ đời Tần, Hán trở về trước chẳng bàn làm gì, chỉ nói sơ lược các danh-gia từ Đường Tống trở về sau. Như bọn Lâm-tế, Hưng-hóa, Triệu-châu, Phổ-Hóa thuyết thiền, cùng với thơ Đào-Tĩnh-Tiết, văn Liễu-tử-Hậu, chữ Trương-Điên, họa Mễ-Nam-Cung, thảy đều chơn thực chất phác, nhàn

7) Tiêu-Hà tiến Hàn-Tín, Hoàng-Thạch-công dạy Trương-Lương.

nhã khoáng đạt, sinh thú lưu động, ý và hứng thắng mà đều độc-đáo, ấy là khí thể đồng nhau vậy. Bọn Động-sơn, Tuyết-phong, Đức-sơn, Vân-môn thuyết thiền, cùng với thơ của Lý-Thanh-liên, văn Tô-My-Sơn, chữ Nhan-Lỗ-Công, họa Cừu-Thập-Châu, thảy đều thanh cao đường hoàng, tình và lý thắng mà đều độc-đáo, làm thần-phẩm đồng nhau vậy. Đến như bọn Đại-tuệ, Viên-ngộ, Cao-phong thuyếtthiền, pháp-thức rõ ràng, mực thước đầy đủ, thì cùng với thơ Đỗ-Thiếu-Lăng, văn Hàn-Xương-Lê, chữ Vương-Hữu-Quân, họa Vương-Ma-Cật, thảy đều tinh-vi uyên-bác, ý hứng tình lý đều đến tột bậc, ấy là thể dụng điều độ đồng như nhau vậy. Khi cao vòi vọi, như ngọn sóng tung trời, lúc chạy ầm ầm, như gió mây cuốn đất, thanh u như hang lan suối trúc, phức phức hương thơm ; kinh khủng như trời lỡ đất long, biển nghiêng núi đổ, sầm vang chớp nhoáng đùng đùng; ấy đều là tác-phẩm tự nhiên của cổ-nhơn, chẳng chút mảy may ép uổng. Người nay dầu mô phỏng phưởng phất, nhất định không có đủ tinh-thần khí-lực toàn-bộ, thôi chi bằng tự ta làm cổ-nhơn còn hay hơn. Gần đây, những người học nho học phật, đều từ bên ngoài đánh vào, biết đâu cổ-nhơnđều từ mặt trong đánh ra, cho nên kiến-thức học vấn, mỗi việc phân minh, đều có thể tiến được. Nói đến đây, ta biết đã làm chán tai Quân-Hầu lắm rồi. Tôn có tôn-chỉ, giáo có giáo-nguyên. Nếu nói chia làm hai, thì lại lộn xộn lấy giáo nói thiền, chỉ Ma-Ha làm Chơn-Như-Thể, rồi xáo trộn vào một câu « trời chẳng che, đất chẳng chở », muốn đổi tròng con mắt người ta, nói điều người ta chẳng nói, làm việc người ta chẳng làm vậy. Chẳng chịu từ mặt trong đánh ra, chỉ chuyên từ bên ngoài đánh vào, riêng thành một lối lập luận, Lão-Tăng cũng ví như Tử-Du, Tử-Hạ đọc sách Xuân-thu, chẳng dám để một lời phê-bình vậy. Xưa Vương-Kinh-Công hỏi Trương-văn-Định-Công rằng : « Cách Khổng-tử một trăm năm có thầy Mạnh-Tử ra đời, sau thầy Mạnh-tử tuyệt nhiên không có một người nào , sao vậy » ? Văn-Định-Công giả lời: « Vì nhà nho đạm bạc, chẳng thâu lượm được ». Nhưng xem kỷ lại nhà nho có đạm bạc đâu. Tiếc Định-Công chẳng gặp bọn người như Quân-Hầu, nếu gặp, đã chẳng giả lời Kinh-Công bằng câu nói ấy. Bởi vì Quân-Hầu, thịt chẳng đầy mâm, áo chẳng phết đất, ôm mình để béo nước, chuyên tác thành nhơn tài, hay khiến già yên trẻ mến, đức rộng ơn dày, làm được những việc tuy cổ-nhơn cũng chẳng khá làm, ai bảo Quân-Hầu chẳng đủ sức để kể thầy Mạnh-tử. Quân-Hầu danh vang trong ngoài, đức khắp Đại-Việt, thanh giá cao biết chừng nào. Khổ nỗi Lão-

Tăng tuy mình chẳng có gì tài giỏi, thẹn liệt vào pháp-môn ba bồn mươi năm nay, lại chẳng chịu uổn mình khúm núm, chìm nổi theo thời, thực là một quái-vật ly kỳ trong vũ-trụ vậy. Quân-Hầu chẳng khứng dạy bảo thì thôi, lại còn khen tặng rằng : « Phượng-hoàng cửa Phật, kỳ-lân trên đời », chẳng khiến Lão-tăng thẹn chết, hay người ngoài cười chết hay sao ! Trọng-Ni là bậc thánh-nhơn, Lão-tử còn bảo rằng: « Hãy bỏ thói quen khoe khoang trừ chí dâm dật ». Nào phải Trọng-Ni có thói khoe khoang, chí dâm dật, sao Lão-tử lại nói như thế ? Ý Lão-tử muốn mượn điều không có của Trọng Ni, làm thang thuốc « chẳng uổng », để trị bịnh thiên-hạ đời sau, những người thực hẳn khoe khoang, thực hẳn dâm dật, khiến sửa chữa để gắng theo cho đúng vậy. Trọng-Ni vui chịu lời, mới biết thánh-hiền phật-tổ, đều nhờ thầy bạn khích lệ lẫn nhau, mới thành gương-mẫu nghìn xưa làm thầy đời vậy. Nay ta cũng lấy ý ấy làm nhàm tai Quân-Hầu, cúi xin rộng lòng dạy bảo. Biển trời mưa gió, Quân-Hầu vì nước vì dân, hãy giữ mình trân trọng ».

Cách Vương-Cung chừng một dặm, tức là phủ Quốc-mẫu. Lâu đài đối diện, chỉ cách một con sông. Cửa lầu cao lớn rộng rãi, suối nước bao quanh, lùm cây dâm mát; thông ngang cầu ván, rào kín dậu tre. Trong vườn mít sây trái chín, dừa kết chùm xanh, dậu thuốc thấp cao, giàn hoa rực rỡ. Khổng-tước lượn bay phía dưới, hươu nai ăn ngũ bên trong. Chính giữa là phật-điện, sạch sẽ thanh u, siêu trần thoát tục, có ý vị một cõi Đào-nguyên. Tuy đương mùa hạ nắng oi, ở đay vẫn chiếu giường mát lạnh. Quốc-mẫu có tính nhơn từ, ưa làm phước, thường vì người cứu nạn giải nguy; sẵn lòng hiếu sinh, chim chóc làm tổ đầy vườn, thấy người chẳng sợ. Từ ngày ta đến đây, đã bồn lần đải tiệc chay, bữa nào cũng rất đỗi tinh khiết. Những khí-cụ dầu quý báu đến đâu, ta vừa để mắt nhìn đến, tức thì đem cúng. Nghe ta sắp sửa về Tàu, chẳng được chiêm ngưỡng lâu dài, hằng nói với Quốc-sư, tỏ dáng buồn bã. Bữa nay lại dọn cỗ chay thạnh soạn thỉnh ta và hai dãy tùy trượng tăng chúng, lạy mà nói rằng : « Đệ tử sinh trưởng phương xa. Lão-Hòa-thượng Trung-hoa Phật-tổ, cùng nhau cách trở biển vời, bỗng một mai thấy bóng Từ-quang, được thâu làm đệ-tử dưới Bửu-tọa, thực là phước tu nhiều kiếp, may mắn biết chừng nào. Chẳng ngờ Trú-tích chữa bao lâu, thoắt đã giày mây trở gót, khiến trong nước không được thường mong pháp-hóa, đệ-tử chúng tôi hầu biết nương cậy vào đâu » ? Nói xong ứa lệ, ai nghe cũng mũi lòng thương cảm.

Ta an ủi rằng : « Ta, lão hũ không tài năng gì, mong được nhà vua cùng các đệ-tử quy y cung kính như thế, há nỡ vội nói việc về ; nay muốn từ biệt, chẳng những vì đệ-tử bên kia mong đợi, mà cũng vì mình còn bận nhiều nỗi, thế chẳng khá đừng vậy. Nhưng nhơn-sinh tan hợp chẳng ở chỗ hình hài. Quốc mẫu cứ thường làm việc thiện, nhứt tâm niệm phật, chẳng chút gián đoạn, tức là thân gần nhau mãi mãi vậy. Nhược bằng lúc niệm lúc không, dần mình theo tục lụy, thì dầu có Lão-tăng ở đây, hằng ngày đối diện cũng như xa cách muôn trùng, nào có ích chi ». Nghe nói, hoan hỷ vái thưa rằng : « Nghe Lão-Hòa-Thượng đàm luận bữa nay, khiến người như vén mây mù thấy rõ trời xanh. Xin viết lời dạy bảo lên giấy để lại cho đệ-tử, khiến trong chốn thảo-đường, thường lưu Pháp-chỉ, đệ-tử sẽ luôn luôn vâng theo ».

Cơm chay xong, ta từ-giả lui về, và viết « Tự-tính Di-đà-thuyết »:

« Quốc-mẫu, vì Lão-Tăng giả từ lui về chùa cũ, xin một lời lưu lại, để suốt đời gìn giữ, muôn đời đời kiếp kiếp, thường được thân gần vậy.

Nhơn bảo rằng: « Đường tu-hành giản tiện, không chi bằng niệm Phật. Quý hồ, ngăn dứt mọi trần-duyên, tâm niệm sáu chữ; (8) tâm chẳng tán loạn, niệm ắt tinh thành, sáng niệm chiều niệm, sao cho chẳng niệm mà niệm, niệm đến chỗ không niệm, niệm niệm chẳng ngừng, niệm thành một phiến. Tự nhiên đạo hợp thể đồng, cùng trời đồng cao, cùng đất đồng dày, cùng mặt trời mặt trăng các ngôi sao đồng sáng. Non sông cây cỏ nhơn vật quỷ thần đồng tiêu tức, đồng họa phước, đồng quý tiện, đồng nam nữ, đồng xa, đồng gần, đồng đi, đồng lại, đồng đói ăn mệt ngủ, đồng mừng giận thương vui ; đã cùng muôn vật đồng một thể, thì Di-đà vốn chẳng phải có một thể riêng biệt. Di-đà chỉ ở trong tấm lòng chẳng loạn hiện ra. Ai bảo Di-đà ở Tây-phương, Lão-tăng ở Quảng-đông, Quốc-mẫu ở Đại-Việt ? Một niệm chẳng sinh, toàn thể tự hiện vậy. Nếu hơi tán loạn một tý, Di-đà sẽ xa lìa mười vạn tám nghìn dặm, Lão-tăng cách trở bốn mươi lăm ngày đường, Quốc-mẫu ở bên kia Đại-hải, bên bờ Khước-nguyệt, lục căn lay động (9) bị mây che vậy. Bỏ lẽ ấy mà bàn tan hợp, thấy nghe đều giả mà thôi. Ví như tre xanh hoa vàng ở trong vườn trước mắt đây, chẳng tự bảo ta là tre xanh,

8) Tức 6 chữ : Nam-vô A-Di-Đà-Phật.
9) Sáu căn : Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn sinh sáu thức.

là hoa vàng, lấy mắt hợp sắc, sắc-thức của ta thấy vậy ; như gió lay nước chảy trong ao sen kia, chẳng tự bảo ta là gió lay, là nước chảy, lấy tai hợp thanh (tiếng), thanh-thức của ta nghe vậy ; cho đến mũi, lưỡi, thân, ý, hương-vị, tiếp-xúc, suy-niệm, cũng đều một lẽ nhường ấy (10). Ắt phải, thấy sắc chẳng nhiễm, nghe tiếng chẳng chú ý, động tĩnh hai tướng, tuyệt-nhiên chẳng sinh, giữ lòng hư không, tĩnh-đỗ đều là pháp-giới.

Tự-tính Di-đà, Di-Đà đã tự tính, thì Lão-tăng có bao giờ xa lìa đâu; bởi thế có lời bảo rằng : « Một niệm xem khắp vô lượng kiếp, không đi không lại cũng không ở »; chỉ cốt niệm lên cái tên của ta, mười phương hư không, tự nhiên đáp ứng. Đến bậc ấy rồi, hà tất đợi Lão-tăng nhiều lời, thế giới bằng hạt bụi nầy, tự nó chẳng chia cách mảy may vậy. Chỉ e chẳng có đức tin, nếu đã tin vào đó, Kinh Hoa-Nghiêm bảo rằng : « Tin là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi thành tất cả các phép lành », bởi thế ta tặng Quốc-mẫu pháp danh làm Hưng-Tín. Ta viết một bài kệ để làm chứng-tín khể-khoán rằng:

BÀI KỆ:

Mây bay trên trời, cát dưới đất,
Trong nước Đại-Việt Nguyễn-Quốc-Mẫu.
Một tiếng gọi lên một tiếng ứng,
Tây-thiên Đông-thổ biệt không Tổ.
Chẳng thấy, Tần-quốc-phu-nhơn Bàng-Đạo-Bà.
Vỗ tay nào từng dùng tay múa.
Chẳng thấy, trên lầu Hoàng-Hạc tện nghìn Phật
Thôi-Hạo đề thơ, Trương-Chuyết bổ.
Chẳng thế, Tam muội (11) của người ta biết đâu,
Hai chữ trinh từ dễ ví nào.
Di-Đà, Lão-hủ chẳng đồng thời.
Đồng thời ngồi nằm há lìa nhau.
Nếu bảo lìa nhau đều thất lạc,
Cây cung vua Sở ai tìm được ? (12)

---

10) Đoạn nầy nói lục căn sinh lục thức, tức nhạn-căn đối với sắc mà sinh ra nhạn-thức v.v...

11) Tiếng nhà Phật : tam muội có nghĩa là chánh định, cũng có nghĩa là giải-thoát.

12) Sở-Cung-Vương đi chơi, mất cây cung ô-hiệt, tôi tớ muốn đi tìm lại, Vua bảo rằng : « Thôi, vua nước Sở mất cung sẽ có người nước Sở được, chẳng tìm làm gì ».

Hỏi là trả lời,
Trả lời là hỏi.
Tâm thân có một, tân chủ chia hai,
Đi nam về bắc, đều hiện tại đây.
Phải biết ngày nay là ngày nào,
Mới hay năm sau như năm trước.

Âm-dương là lẽ chánh trời đất, vợ chồng là bước đầu nhơn-luân. Kinh Dịch dạy phò dương át âm, Kinh Lễ định phu phụ hôn nhân, cho nam đứng trước nữ; nam lo việc ngoài, nữ lo việc trong ; chồng làm giềng mối cho vợ, vợ phải kính thuận đối với chồng. Ấy chẳng những chia ra âm dương tôn ty có định-vị, cốt-yếu muốn nghiêm phòng quê-khổn, khiến chẳng đến đỗi phá lề vượt lối, sinh ra tệ trên bộc trong dâu. Phong tục nước Đại-Việt lại trái hẳn, phụ nữ muốn đi đâu tùy ý, tự-do qua lại mua bán, cha mẹ chồng con chẳng lấy thế làm xấu hổ hiềm nghi. Bởi thế tặng lý gieo đào, chỗ nào cũng có; phong tục quá đỗi đổi tệ. Tiếc chẳng có thánh-nhơn ra đời, để dạy dân biến đổi tệ phong.

Xảy có người khách thuật chuyện Chiêm-thành Trương-tiết-phụ như sau : Trương phụ tổ-tịch người Chiết-giang, khách ngụ xứ nầy đã mấy đời vậy. Từ bé tính tình nhàn nhã, lớn lên gả làm vợ chàng họ Từ, thờ mẹ chồng chí hiếu. Chồng ra đi lính, nàng thường lấy trung nghĩa khuyên chồng. Sinh được một trai vừa giáp năm, thì bỗng có chiến-tranh giữa Chiêm-thành và Đại-Việt. Đánh thua trận, người chồng bị chết giữa biển. Được tin, nàng chạy tìm thây để chôn cất. Tìm mãi chẳng thấy, kêu khóc thảm thiết đêm ngày. Bỗng sóng bổ xoi vào bãi cát, cát lỡ, lòi ra một thân áo, nhìn kỹ chính là áo của chồng tự tay nàng khâu; đào cát lên xem, rõ ràng là thây chồng, bèn tẫn liệm, đem về chôn cất. Trương-phụ thường muốn tự tận, nhưng nghĩ « Mẹ già đầu bạc ai nuôi, con thơ măng sữa ấy ai ẩm bồng »; thôi thì, « lần hồi theo việc nữ-công, nuôi con thờ mẹ thay chồng đảm đương ». Trương-phụ thể thủ tiết trọn đời, bao nhiêu đứa cường bạo không thể ép được.

Than ôi ! nếu chẳng phải chánh-khí trời đất un đúc, làm sao ở nơi non biển xa xuôi, phong tục dâm đảng, lại có người tiết-nghĩa độc-lập như thế ? Tiếc không ai chép truyền việc ấy. Ta nghe chuyện, liền vội vàng nêu lên, hầu trong xứ mán, mường, biết thế nào là cương thường đạo chánh ; và

những kẻ dâm đảng, hoặc giả nghe chuyện tự biết xấu hổ chăng. Nhơn làm một bài khải, và một bài thơ tứ-ngôn cổ-phong, hầu mong cứu vãn tệ tục.

BÀI KHẢI

Thiết nghĩ :

Chánh khí trời đất, sao đã sinh Trung-hoa, lại còn sinh ngoại-quốc, đã phú cho nam-tử, còn chung đúc ở phụ-nhơn.

Gánh nặng cương thường, sao chẳng ở đại-gia, lại ở nơi tiểu-hộ, bại hoại ở người đầu bạc, lại cầm vững bởi tuổi thanh xuân.

Tuy rằng phú tính tùy người,
Thực bởi dày công tích đức.
Gìn giữ đá vàng lòng chẳng đổi,
Dãi dầu sương gió tiết thêm bền.

Tiết chẳng lung lay, một mình cả làm thẩy, làm bổ.
Việc nên toàn vẹn , nghìn thu khen trọn tiết, trọn trinh.
Đáy nước vàng chìm, hài cốt ấy ai thâu lượm.
Phòng thu rơi lụy, khói hương lo việc phụng thờ.
Cân quắc dường kia, từ xưa hiếm có.
Tu-mi thử hỏi, nay được mấy người ?

Tổ tiên gốc ở Chiết-giang.
Sinh-trưởng ở nơi Chiêm-quốc.
Bà Trương tiết phụ.
Vợ gả Từ-Lang.
Con nhà bình dân.
Kết duyên tráng-sĩ.

Biển trời lộng-lộng, một mãnh gương thiềm.
Bến nước mười hai, linh đinh thuyền bá.
Mười bảy tuổi tơ hồng buộc gót, ân cần lo thờ mẹ trọn niềm.
Nghìn muôn trùng sóng bạc chôn xương, khẳng khái quyết tìm chồng mai táng.
Gái Hạ-Lệnh (13) đành cam thủ tiết, âu cũng nhường nầy.

13) Điển nầy không biết xuất xứ.

Vợ Kỷ-Lương (14) vội vã bôn tang, chẳng qua thề ấy.
Bởi Man tặc ải ngoài gây họa.
Nên Lang quân bể thẳm quyên sinh.
Vương-tôn công-tử thương ơi, gặp lúc nhà tan nước vỡ.
Áo vãi dãi gai chút phận, há đành tiết lỗi mình dơ.
Chín từng mây toan chắp cánh loan hoàng, chẳng được vuông tròn ước cũ.
Nơi tuyền-hạ dám trái lòng phu tế, phải lo gánh vác việc sau.
Kẻ chẳng biết ta, luống những mĩa mai gái góa.
Ta nào đổi dạ, chỉ lo nuôi nắng con thơ.
Dưới tổ hư gìn giữ trứng non.
Đêm nguyệt lạnh ngồi ôm đàn gảy.
Cửa nhà chếch mác, chỉ e Bá-thị (15) không con.
Dòng dõi lưu truyền, may có trưởng nam kế tự.
Cho người chín suối, nay cũng hả lòng.
Mong kẻ bên trời, bao giờ thấy bóng.
Việc ấy ai biên vào quốc-sử ?
Tiếng thơm nên để lại nghìn đời.

Lão-Tăng,

Hổ hải ruỗi giong.
Khuê phòng than thở.
Thư-hiên vắng vẽ, ngao du còn khuất nẻo Trường-an.
Khách-xá thẩn-thơ, ngâm vịnh muốn mời người thượng-quốc.
Ai là kẻ cự-khanh danh-sĩ,
Chớ tiếc lời nhã ngọc phun châu.
Hoặc đoản cú, hoặc trường-thiên.
Tụng lòng trinh, ca tiết sáng.
Chong đèn giở sách, vườn tùng tuyết xuống bời bời.

---

14) Xuân-thu, Kỹ-Lương theo Tề-Trang-Công đánh nước Cử, bị tử trận. Vợ Kỷ-Lương gối thây chồng khóc 10 ngày rất thảm thiết, người qua đường đều sa nước mắt ; sau khi đã chôn cất, bà nhảy xuống sông Ty-thủy tự tử.

15) Đặng-Du người đời nhà Tấn, tên chữ là Bá-đạo, lúc chạy giặc ngặt quá, phải bỏ con mình mà dắt con của người em. Sau làm quan đến Thượng-thư, không có con nối dòng. Người đương thời làm câu ca rằng : « Thiên đạo vô tri, Đặng-Bá-Đạo vô nhi ».

Giải giấy viết văn, án ngọc hương thơm phức phức.
Phỏ vào đàn sáo, mai-hoa minh-nguyệt gieo vần.
Diễn thành thơ ca, vi-quyết tây-sơn (16) sinh sắc.
Thử gieo gạch vỡ.
Mong dẫn ngọc lành (17).
Nêu tiếng tốt một bà.
Thỏa lòng ai chín suối.
Nếu Thái-sử Quốc-phong lượm lặt, phải lấy danh tiết làm đầu.
Hoặc hậu-hiền cổ-sự cảm hoài, nên gắng tâm thân trau luyện.
Vài lời thô thiển.
Rao truyền gần xa.

Bài thơ

Tứ-Ngôn cổ-phong

Trời cao lồng lộng,
Bao phủ muôn hình.
Chín châu mông mênh,
Nhỏ bằng hạt thóc.
Loài người khó nhọc,
Đào sông đắp đường.
Dựng nên cương thường,
Quý hơn loài vật.
Lễ nghĩa nghiêm mật,
Thánh hiền dạy đời.
Văn chất bời bời,
Rực rỡ sáng chói.
Há chia bờ cõi,
Hạn biệt Hoa Di,
Nước Chiêm-thành kia,
Cũng trong bờ cõi.
Hùm voi len lỏi,
Lùm bụi làm nhà.

16) Tây-sơn tức Thú-dương-sơn. Bá-Di hái rau vi ở Tây-sơn cho trọn tiết làm tôi.

17) Phao chuyên dẫn ngọc (gieo gạch dẫn ngọc), lời nói khiêm của kẻ làm văn, mỗi lúc đưa thơ văn mời người khác đáp họa.

Nhà có chó gà,
Rừng đầy tre nứa.
Khổn-nghi ai sửa,
Nữ-tắc ai truyền.
Sao chốn hoang yên,
Sinh người trinh thục.
Chiết-giang vồn gốc,
Sinh trưởng bên nầy.
Tuột xuống ngọn cây,
Đi vào hang tối (18).
Mù mù đường lối,
Đuốc tắt đêm trường.
Chỉ có một nàng,
Sáng lòe rực rỡ.
Đoan trang từ thuở,
Hiếu kính làm dâu.
Trung nghĩa khuyên nhau,
Chàng ra đi lính.
Chày sương vừa nện,
Gà gáy bên tường.
Chắp cánh oan-ương,
Chưa vui sum hiệp.
Vũ-thư bỗng tiếp,
Lửa dậy biên-cương.
Chàng ruỗi lên đường,
Việc vua dám trễ.
Phấn đầu vì nghĩa,
Há tham phong hầu.
Biển cả đánh nhau,
Mũi thuyền xung đột.
Sa-cơ một chút,
Bụng cá chôn thây.

---

18) Ý nói bỏ chốn văn minh vào ở nơi man rợ, cũng như tuột xuống cây cao, vào nơi hang tối (hạ kiều mộc nhập vu u-cốc).

Toàn quân tơi bời,
Tử sĩ ai vớt.
Kỹ-lương đã mất,
Hoa-châu khóc ròng.
Nước biển mênh mông,
Biết đâu mò kiếm.
Trời cao thăm thẳm,
Xót ả Tào-nga (19).
Ngày tháng trôi qua,
Xương vùi cát trắng,
Bỗng may tìm đặng,
Tẫn-liệm đem về,
Tổ mộ chôn kề,
Trăm năm vĩnh quyết.
Lời thề đồng huyệt,
Thân thiếp quản chi.
Còn chút cô-nhi,
Phải lo dòng dõi.
Đầu bù tóc rối,
Cơm cháo lần hồi,
Gió dập mưa vùi,
Chim non tổ vở.
Tháng ngày xây trở,
Thác chẳng sờn lòng.
Trách kẻ cường hùng,
Dâm tà quen thói.
Tiết trinh chói rọi,
Chẳng chút đơn sai,
Nhật-Nam cõi ngoài.
Vụ-tinh sáng rực,
Ở bên Trung-quốc.

---

19) Hiếu-nữ thời Đông-Hán, cha chết đắm, nàng mới 14 tuổi, đêm ngày đi quanh bờ sông than khóc, sau cũng nhảy xuống sông tự tử, ôm thây cha nổi lên, người đời sau lập bia bên sông để kỷ-niệm.

Hiền-đức thiều gì.
Khen chốn man-di,
Cương-thường vẹn vẽ.
Triều-đình những kẻ,
Triêu Sở mộ Tần.
Luốn cúi tầm thân,
Mày râu luống hổ.
Bắc Nam kim cổ,
Chung mối cương thường.
Nêu chẳng biểu dương,
Châu chìm ngọc nát.
Làm một bài hát,
Rạng tiết nghìn thu.

Khách-xá trong những ngày mưa gió, cùng các đồ đệ nhắc chuyện chùa cũ, hiện nay đại-chúng trông chờ. Bỗng nghe tin Lão-Tăng sắp sữa hoàn sơn, thết chay biểu quà, thập phương đua nhau cúng dường, thực khá gọi đệ nhứt pháp-hỷ công-đức vậy. Bảo kẻ hầu ra đón tiếp nhân khuyến mộ các thí-chủ, tùy hỷ lạc cúng lương tiền. Ta bèn làm một lá sớ rằng :

Quảng-đông là nơi tụ-họp của khách vân-thủy năm hồ bốn biển,
Trường-thọ là nơi dừng chân của các Sa-môn tam đảo thập châu.
Ấy Di-lặc, ấy Thích-ca, ai chẳng đỉnh cơ trong ấy.
Kìa tăng-thiền, Kìa tiên-khách, thảy đều dạo gót nơi kia.
Quãy đãy vân-du, thánh tham bái phàm cũng tham bái.
Mở bình phổ khuyến, mai lo ăn chiều lại lo ăn.
Lòng từ-thiện hãy bổ thí một phen.
Truyện bong-long nào có đỡ được đói.
Kẻ tu hành tuy pháp hỷ cũng no.
Người giàu có nhờ lòng tin sẵn có.
Múc nước sông làm rượu ngọt, luống có tiếng đồn.
Biển đất sỏi thành vàng thoi, chỉ nghe truyện cũ.
Đạo Tào-Khê, dòng Lâm-tế, đói bụng làm sao mở mang.
Cơm Ma-Cật, trà Triệu-châu, có thực mới vực được đạo.
Cháo cơm chay lợt, cả trăm nghìn thầy.

Đường sá xa xuôi, chừng hai vạn dặm.
Tơ Ngô lúa Việt, ở Trung-hoa có thí-chủ Trung-hoa.
Áo pháp mão ni, hóa ngoại-quốc nhờ kẻ hiền ngoại-quốc,
Tam không là thể.
Lưỡng túc trọn lành. (20)
Lợi kỷ trước nên lợi tha.
Tu tâm cần phải tu phước.
Túng sử tiền rừng bạc bể, chẳng qua một thân an dưỡng, nào có ích chi.
Nếu muốn lấp biển dời non, cần có đông người ra tay, mới làm nên việc.
Chỗ xa kêu thì chỗ gần ứng.
Một tiếng xướng có muôn tiếng họa.
Bắt câu lúa Trịnh-châu, gạo Lư-lăng.
Bắt phân rau Hương-tích, vàng Cam-chí.
Gạch xanh ngói đỏ, mọi vật đều chuyển vào kho.
Ngựa kéo trâu xe, các thứ đều đem thuyền chở.
Sao cho đầy căng bọc-chứa.
Tha hồ tiêu dùng hàng ngày.

Trong trời đất phương nào lại chẳng có hiền tài, như sinh trưởng Trung-hoa, nơi thánh-hiền phật-tổ khai thác đã lâu, lại ở chỗn đô hội thành thị, có hiền-sĩ đại phu làm khuôn mẫu, có cao-nhơn thạc-sĩ nung đúc lẫn nhau ; nghe rộng thấy xa, hằng ngày lấy thi thư lễ nhạc đào luyện ; đã có nho-giáo để duy trì thể đạo, lại có phật-giáo để khai hóa nhân tâm, như vậy con người dễ tiến tới bậc đức hạnh chính đại. Nhược bằng sinh ở nơi eo núi góc biển, từ xưa nho thích thánh-hiền chưa từng khai hóa đến, ít có lời hay nết tốt để làm khuôn mẫu ; tai mắt tập quán, thảy đều việc xấu nết hư ; thỉnh thoảng có một hai người muốn giữ chánh đạo, thì bao nhiêu người khác ganh ghét, theo sau mà chiết tõa chê bai ; nếu chẳng phải kẻ có khí chất khác thường, khó nỗi tự đứng vững được vậy.

Ta từ ngày đến nước nầy, thường lưu tâm dò xét trong đám sĩ-phu văn-võ, như bọn Chưởng-Thanh, Đông-Triều, Hào-Đức, Lệ-Tuyền, Cai-Bá, đều những tay cừ khôi trác lạc ; nhưng mấy ông ấy đều gặp thuận cảnh, chỉ có Thiểu-Dương-Hầu, anh thứ ba của vua, ở trong hoàn-cảnh rất khó

20) Lưỡng túc là chữ trong Kinh, đủ ba điều sáng và đủ muôn nết.

khăn ; tính nết cao kỳ, chẳng chịu uốn mình theo lưu-tục ; thường bị phong ba chiết tỏa, may nhờ Quốc-vương rộng lượng sáng soi, mới được khỏi tội, nhưng ông vẫn chẳng vì thế mà đổi tiết. Ở tựa mé sông, tiêu điều mấy gian nhà cỏ ; trồng cây chơi cảnh, ngồi đất uống trà, tuyệt nhiên không có vẽ vương hầu quý phái ; chơi với bạn, giao tình thành khẩn khiêm hòa, nhưng trong bụng chẳng lầm trong đục ; đối với mấy người tùy-trượng của ta đều coi như bạn tri kỷ. Nhà rất nghèo, nhưng kiếm được đồng nào, tức thì tiêu vung hết, vui vẻ như không. Từ ngày ta đến, vãng lai thân mật tắc lòng quyến luyến chẳng phai ; mỗi lúc phụng mạng đi đâu, liền sai người thông báo ; đi về, có món gì thổ-sản, dầu sơ sài cũng đem đến cho. Có lần vay Quốc-vương được 200 quan tiền, tức thì làm một tiệc chay, bày biện rất sang trọng, nửa tháng tiêu hết sổ tiền. Biết ta không thể lưu lại, thường thường đến chùa bạch rằng : « Đệ-tử xưa nay cô lập, có ý muốn cắt tóc xuất gia đã lâu rồi ; may gặp Lão-Hòa-thượng qua đây, được có nơi nương tựa ; nay lại bỏ ta lui gót, thôi ta chẳng còn có ý gì ở thế-gian nầy. Tuy ta có lòng mộ đạo xuất thế, nhưng phú tính ngu tối, chẳng biết lý thú trong ấy như thế nào, hằng ngày nên công phu làm sao cho có định hướng ? Cúi xin dũ lòng từ-bi, vì đệ-tử một phen chỉ giáo ; sau nầy may được chút ít hiểu biết, chẳng phụ lòng quy y ». Như thế, Thiều-Dương-Hầu khá gọi đặc-sắc trong hàng qúy phái, chẳng kém phường tần-thân đạt-sĩ ở Trung-hoa. Sau vài ngày, lại viết thư đến, cầu xin dạy bảo. Đã yêu người lại thầm khen bền chí ta bèn viết thư giả lời., khuyên gắng sức tu tiến, và tặng cho một bài kệ như sau :

BÀI THƯ

Vừa tiếp lai-thư, khẩn cầu Lão-Tăng một vài lời nói để theo đó làm công-phu tu hành. Nếu chẳng phải Đại-Tướng-quân oai phong lẫm lẫm, sao hay mình ở thế-gian, lòng ngoài trần tục, suy nghĩ đến chỗ ấy. Đáng kính đáng phục.

Lão-tăng chẳng tìm được một lời nào thù đáp. Sực nhớ câu chuyện Hàn-Tín đánh nước Triệu, xây lưng ra bờ sông mà dàn trận. Xây lưng ra sông, khiến ba quân tiến được thoái chẳng được, nghĩa là hãm vào chỗ chết, sau mới có thể sống vậy. Nhược bằng trước khi giao phong với địch, trong bụng mọi người đều có một con đường sống, tiến được thối được,

thì đến lúc tên đạn tới tấp, người nào cũng lo tìm đường sống để thoát thân, chẳng ai chịu liều mình để tiến. Binh Pháp như thế, người học đạo dùng công-phu cũng như thế. Trước hết cần xa lánh con đường quen thuộc chẳng sợ đường lạ nẽo xa; bắt chước việc Hàn-Tín đánh Triệu, giữ gìn từng giờ từng khắc, chớ chạy lầm đường. Nếu tìm đường sống để thoát thân, thì chẳng hay xây lưng ra sông để dàn trận vậy. Nay Lão-Tăng dựng cây cờ đỏ của nhà Hán, xin Qúy-công cứ gắng sức tiến lên.

BÀI KỆ

Tháng năm Nhật-Nam chơn-hỏa vượng,
Đầy ao Chu-minh nẫy sen xanh.
Cây vàng lá ngọc dòng quý phái.
Lòng hướng mây rừng dóc tu hành.
Tám mặt oai phong ý danh-tướng.
Một khe nước biếc tình đạo-nhân.
Làm ngơ chẳng hát khúc thương-lãng,
Trân trọng yên ba biệt điệu thanh.

Khách có người bảo, mùa gió xuôi trở về Quảng-đông chừng vào độ nửa tháng trước sau tiết Lập-thu ; chừng ấy, gió tây-nam thổi mạnh, chạy một lèo gió xuôi chừng bốn năm ngày đêm có thể đến Hổ-môn. Nếu chờ đến sau mùa nắng, gió bắc dần dần thổi lên, nước chảy về hướng đông, sức gió nam yếu, không chống nổi dòng nước chảy mạnh về đông, lúc ấy sẽ khó giữ được ổn tiện vậy. Bởi vì có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ đông-bắc qua tây-nam ; động cao dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển ; mặt cát khô rắn như sắt, rủi thuyền chạm phải ắt tan tành ; bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thẳm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể, gọi là « vạn lý trường-sa », mù tít chẳng thấy cỏ cây nhà cửa ; nếu thuyền bị trái gió trái nước tắt vào, dầu không tan nát, cũng không gạo không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quãng ấy cách Đại-Việt bảy ngày đường, chừng bảy trăm dặm. Thời Quốc-vương trước, hằng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư tắt vào. Mùa thu nước dòng cạn, chảy rút về hướng đông, bị một ngọn sóng đưa đi thuyền có thể trôi xa cả trăm dặm ; sức gió chẳng mạnh, sợ có hiểm họa trường-sa.

Mùng 3 tháng 6, cáo từ Quốc-vương, định đến ngày 15 sẽ xuống Hội-an, liệu lý đường về cho kịp gió mùa lập-thu. Vương lưu lại thết chay, mỗi lúc nói đến từ biệt, liền buồn bã nghẹn ngào nói rằng : Từ ngày Lão-Hòa-thượng đến đây, trong nước mang ơn được tám chữ « phong điều vũ thuận, quốc thái dân an »; vả lại, các năm trước thuyền ngoại-dương đến buôn, một năm chừng sáu, bảy chiếc, năm nay số thuyền lên đến mười sáu, mười bảy chiếc, trong nước nhờ đó tiêu dùng được dư dũ ; ấy đều nhờ phước đức Hòa-thượng che chở vậy. Chưa biết lần nầy Đạo-giá hoàn-sơn, còn khứng một phen trở lại hay chăng ? Nửa năm náo nhiệt, một phút lạnh lùng, khiến người khôn cầm giọt lụy. Đạo-giá đã không khứng lưu, cúi xin lựa trong hàng tùy tòng cho lưu lại hai người ; ngõ được cùng ta hôm sớm bàn hoàn, cũng như trông thấy mặt thấy vậy. Lão-Hòa-thượng mọi lần sai bảo, ta đều vâng theo ; nay ta sở-nguyện có bấy nhiêu, xin Hòa-thượng hãy chiều lòng ưng thuận. Ta bảo rằng: « Quốc-vương đương thành tâm quy y cung dưỡng, nỡ nào vội dám trái lòng. Nhưng sự về bắc của ta, thế chẳng đừng được. Rồi đây, công việc tạm xong, sẽ xin trở lại. Đến như trong bọn tăng-chúng tùy tòng, có người đang đau, có người vì có mẹ già, hoặc vì tuổi trẻ chưa có thể xa lìa sư-trưởng ; nhưng Vương đã có lòng thành khẩn, xin về chùa thương nghị, sẽ lựa hai người cho lưu lại hầu hạ hương đăng ».

Hẹn ngày 13 đặt tiệc tiễn hành. Ta khiến người hầu đi cáo tạ cá c vị quan-tể. Trong nửa tháng, các đệ-tử tứ chúng đàn-việt, biểu lễ tặng quà tấp nập, cũng như ngày khởi hành ở Việt-đông vậy. Chỉ có nhà Quốc-cậu Tả-Thái-úy, người hầu đến cửa ba lần, đều bị vãy lui, ôm danh thiếp trở về ; có lẽ lỗi tự bọn lính canh cửa, nhơn đưa thư cáo cho biết.

BÀI THƯ :

Tăng (僧), nghĩa là tằng làm người (曾 人), chẳng tằng làm người, làm tăng sao được. Đời có kẻ bôn tẩu công danh, chẳng được toại nguyện, bèn tự xưng mình có chí cao ; xu phụ quyền thế, không được vừa lòng, bèn tự khoe mình biết giữ đạo ; mặt nạ ngạo đời, ngoài phải trong quấy, tu hành ngoài miệng, mà mình làm những việc dối người. Những phường trọc-đầu như thế, khi đời dối tục, làm hại người quân-tử, làm nhục Phật-

tổ pháp-môn, há chẳng đáng đau xót lắm thay ! Kẻ lão-hủ nầy, ngày đương ở chùa cũ, mỗi lần được các bậc quan quyền yêu mến đón mời, cũng phải hai ba phen rồi sau mới đến ; chẳng qua vì xây dựng thuyền-môn, tiếp đải vân-thủy, vạn-bất-đắc-dĩ tùy cơ ứng thù, nên chẳng dám khinh dễ vội vàng. Từ ngày đến Qúy-quốc, vô luận vương-thân qúy-thích, tướng tướng công khanh, nhứt-luật chẳng đến yết kiến ai. Nếu có ngài nào hạ cô đến thăm, cũng chỉ khiến kẻ tùy-tòng thay mặt đáp lễ mà thôi, chính vì muốn tránh sự hiềm nghi vậy.

Trước đây, mông Qúy-nhơn khiến người đem thư đến, hậu ban cho vàng lụa, xảy lúc ấy Lão-Tăng đang đau, đã từ chối một cách bất-kính, lòng rất lấy làm áy náy, chưa kịp viết thư xin lỗi ; nhưng nghĩ Qúy-nhơn sẽ sẵn lòng tha thứ ngoài vòng lễ phép, nên chẳng xoắn-vó quan tâm cho lắm. Hiện nay sắp trở về chùa, khiến người hầu đến thông cáo hành trình, ấy là một việc nhân-tình không thể thiếu sót vậy. Nhưng lúc đến Qúy-phủ gặp người giữ cửa bảo rằng : Ngày nay Quốc-cậu đi việc quan vắng. Cũng không chịu giữ danh-thiếp lại. Thôi cũng có lẽ. Qua ngày sau lại đem thư qua, người giữ cửa lại từ chối rằng : Ngày nay Quốc-cậu đương hội với các quan, chẳng coi đến việc không quan hệ. Than ôi, chú tiểu ba lần đến cửa phủ, đều bị khoát lui, chẳng được đưa thư đến Các-hạ, thực tự thẹn lấy làm than tiếc vô cùng ! Chẳng những tự than tự tiếc cho mình mà thôi, xưa Chu-công làm tướng, lễ hiền đải sĩ ; nhã cơm bỏi tóc, cần cù trong buổi tắm bữa ăn, (21) bởi thế được khen làm bậc thánh-nhơn. Trộm nghe Qúy-công đứng trong Triều-đình, hay trừ kẻ gian, hay phò người chánh, giao thiệp tất cả mọi người, chỉnh lý tất cả mọi việc ; cẩn thận từng lời nói, nghiêm minh mỗi lịnh truyền ; ngày kia lên chức thủ-tướng, thì cũng một Chu-công của bản-quốc vậy. Chừng ấy kẻ sĩ bốn phương, tụ tập ở cửa phủ, nhưng được tiếp hay bị đuổi, đều tự tay người lính giữ cửa cầm quyền ; khiến Qúy-công ở chức-vị của Chu-công, mà chẳng được « bỏi tóc nhả cơm », nỗi đức tốt của Chu-công, thì lại đáng than đáng tiếc biết chừng nào ! Chẳng thế, há tên lính giữ cửa có đủ nhãn-lực, khiến những kẻ được cho tiến-kiến đều là kẻ hiền, và những kẻ bị khoát lui đều người dỡ hay sao ? Lại chẳng thế, thì hễ thấy người nào mão cao áo dài,

21) Châu-công trong một buổi tắm, ba lần bỏi tóc lại để tiếp khác, trong một bửa ăn cũng ba lần nhả cơm để ra tiếp kẻ hiền sĩ.

cứ việc cúi chào mời vào, còn thấy bọn sãi lòm khòm vô dụng, cứ việc xua *tay đuổi lui* hay sao ? Kẻ Lão-hủ nầy tuy chỉ là một người bỏ ngoài cõi đời, nhưng từng mong Qúy-công đưa thư, có câu rằng: « Đã lâu ngày ngưỡng mộ lòng từ bi độ thế của Lão-Hòa-thượng, hiện nay vì công việc ràng buộc, chưa kịp thân đến bái yết trước Bửu-tòa ; kính khiến đường-quan thay mặt, đội lễ mọn đến dưng, cúi xin mỉm cười thâu nhận. Chờ dịp khác sẽ xin đến nghe dạy dỗ v.v...» Lại nghe Qúy công thường nói với các bạn thân đồng triều rằng: « Lão-Hòa-thượng chẳng hiềm tiểu-quốc xa xuôi, Pháp-giá dời đến, đã dạy bảo cho chúng ta mọi điều kỷ cương lễ pháp, đạo đức thuyền-tông, ấy là phước lớn cho vua tôi nước ta vậy». Suy gẫm những lời nói trên, đều có ý hộ trì đạo ta rất sốt sắng, quyết chẳng phải trước kính mà sau ngạo vậy. Xem đó đủ biết Qúy-công bị tên lính giữ cửa che dối. Một bức thư của Lão-tăng chẳng đến tay Qúy-công, chẳng quan hệ gì, chỉ sợ một ngày kia có những bậc cao-hiền dị-sĩ, có mưu hay chước lạ có thể giúp ích quốc-gia, cũng sẽ bị che ngăn ; những kẻ kia chẳng chịu cúi luồn trước cửa quan, sẽ chịu khuất lụy chẳng ít vậy. Một tên lính giữ cửa biết đâu trong bách gia chư tử đều là những kẻ phi thường, và há biết rằng nhà nho chẳng phải ở chỗ khăn đen áo dài, nhà thích chẳng phải ở chỗ áo tràng đầu trọc ; thế mà thiên hạ cầu nho cầu thích, lại từ chỗ hình thức ấy suy cầu, làm sao tránh được sự lầm lẫn đáng tiếc vậy. Vài lời trung-cáo, biết ta dầu chẳng biết ta.

Mấy ngày thương lượng, muốn lưu lại hai người để lo việc thắp hương niệm Phật ở Giác-vương Nội-viện. Nhưng khó lựa được người xứng đáng thủy chung. Đại-ước người xứ nầy chưa thâm hiểu đạo pháp, chỉ thấy người nào đầu trọc, chẳng hỏi xanh vàng đen trắng, cứ gọi là Đại-sư, rồi thiện-nam tín nữ hùa nhau cúng bái ; rốt cuộc vì tham tài hiếu sắc, thay đổi lòng tu ; tìm cho được người giữ đạo vững bền thực rất hiếm có ; vả lại, trong bọn tăng chúng tùy-trượng phần đông bắt phục thủy-thổ, có người vì có cha mẹ già không thể yêm lưu hải-ngoại ; chỉ có Hậu-Đường Khánh- Ngu và Tri-Khách Thiên-Vũ hai người ấy có thể về sau, bèn quyết định lưu họ ở lại.

Ngày 13, Quốc-vương cũng chưa có ý tiễn đưa. Lại trở qua cáo từ, và nói việc lưu hai người ấy ở lại, Vương rất lấy làm mừng. Đến ngày 15, bày tiệc cúng lớn và diễn kịch. Sáng sớm khiến Nội-Giám rước ta vào cung, bày đồ lễ tặng, thắp hương, mặc áo lễ, lạy dưng nói rằng : « Mông Lão-nhân chẳng tiếc từ-bi, dạy bảo mọi việc trị chánh dân-tình, tu thân lễ pháp. Tự thẹn nước nghèo đất hẹp, chẳng đủ ngưỡng đáp hồng-ân trong muôn một. Chỉ có lễ mọn một cái bát và một cái gậy bằng vàng, xin kính dâng trước án, cũng ví như ta thường hầu hạ hai bên vậy. Bản ý muốn lưu Lão-nhơn ở lại thêm vài tháng, chờ hết nắng qua mùa mát, sẽ bắt thuyền đưa Lão-nhân về. Nay đã quyết định ngày 28 khởi hành, chẳng dám nài ép. Ta sẽ suất lãnh Vương-thân Quốc-thích, văn võ quần thần cả nước, đồng ra chực ở cửa bể, để tiễn đưa Liên-giá, khiến Trung-hoa nghe tiếng, biết nước chúng tôi tôn trọng Lão-Hòa-Thượng như thế, ngõ thỏa tấc lòng vậy thôi ».

Tiệc chay xong, từ giả lui về. Qua ngày sau, Công chúa dọn tiệc chay tiễn hành. Trong tiệc có diễn kịch, Quốc-vương dắt bọn tiểu-hầu (nữ-ca-vũ) đến ; dọn lại bàn tiệc, nhường bọn tiểu-hầu của Vương hát trước. Trong cuộc hát, chủ nhơn đặt một cái trống lớn (trống chầu) bên sân khấu, thỉnh thoảng điểm hai ba tiếng trống, cũng một ý nghĩa như gõ nhịp thuở xưa vậy. Ngày ấy Vương rất cao hứng, tự đánh trống điểm nhịp cho bọn hát ; thanh điệu lạ lùng, bộ tịch đường lối cũng khác, người trong tiệc ngồi xem rất thú vị, riêng ta cảm thấy buồn buồn. Vương ra về trước. Ta cũng xin cáo lui. Công-chúa khẩn khoản cầm lại rằng : « Lão-Hòa-Thượng còn ở đây hai ba ngày, há nỡ chẳng ngồi rồn một hai giờ, cho thỏa tấc lòng quyến luyến. Lại hát thêm vài màn. Ta lại cáo từ. Công-chúa làm lễ, cầu xin để lời dạy.bảo. Cầm đuốc trở lại chùa, ta viết bài thư trao công chúa.

Bài thư

« Hiền-vương, em bà, thỉnh Lão-tăng đến Quý-quốc, quy y cung phụng lòng vì đạo đức thực đã rất mực tinh thành. Ngờ đâu Hiền-Công-chúa, thân ở trong vòng giàu sang, đã thụ Bồ-tát-giới, lại cầu xin để lời khai hóa, khá gọi có tín-tâm tột bậc vậy. Nhưng cần biết hai chữ « Tín tâm » quý ở một chữ « Vô ». Vì có, đã « hữu-tín » thì « hữu bất-tín », còn « vô-tín » thì gì vô-bất-tín » (nghĩa là không khi nào chẳng tin). Ví khiến, nương một vật « mà khởi lòng tin, chưa chắc lòng tin ban đầu khỏi có ngày thoái lui. Trái

lại, chơn tâm như ở chỗ không, thì chẳng còn chỗ nào để thoái. Cho nên Đức Tỉnh-Danh (22) bảo rằng : « Chẳng tin một phép nào, ấy gọi lòng-tin thực ». Gần đây, bọn Sa-môn mặc áo cà-sa ở các chùa chiền, toàn thị có mắt không tròng hễ thấy ai đến thắp hương lễ bái, có chút ít tiền bạc bố thí, tức thì bảo người ấy có tín-tâm ; chẳng biết rằng tâm có thể chuyển dời muôn vật, nhưng muôn vật chẳng khá chuyển dời tâm ; vì tôn chỉ chẳng bị ngoại-vật chuyển dời, mới có thể xử cảnh sang chẳng khoe, xử cảnh giàu chẳng ngạo, ở chỗ náo-nhiệt vẫn yên tĩnh, ở chỗ đậm-đà vẫn những-nhưng, mất chẳng giận được cũng chẳng mừng vậy; cũng như Công-chúa nay há không căn-tính nam-tử, đâu có phải vì cớ chị của Quốc-vương, vợ của Phò-mã, bèn coi người là nữ-lưu. Đại-phàm làm người có thân hình, sợ nhất là si tình luyến ái, tập nhiễm thói quen ; ấy gọi là tính « thủy » (nước), tính « thủy » tức đàn-bà vậy. Nếu như tình chẳng si, ái chẳng luyến, chẳng hề say đắm thinh sắc thói quen; lại hay suy lòng ấy ra đến người khác, mở lớn tín-tâm cho nhau, làm tròn việc bản-phận, ấy là giải-thoát, giải-thoát tức đàn-ông vậy. Há khá lấy quần thoa son phấn mà phân biệt, nếu thế thì Điều-đạt (23) chẳng sinh hãm địa-ngục, mà Long-nữ (24) không thể tu thành chánh-giác vậy. Kinh Kim-cang nói rằng : Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, ấy là kẻ làm tà-đạo, chẳng bao giờ thấy Như-Lai. Ấy là đại-hoạn của thế-gian chúng sinh vậy. Vì thanh sắc thiên tà phải trầm nịch trong vòng luân hồi sinh tử, chỉ do một niệm si ái, chẳng hay lìa bỏ, ngày thường mộng mị, bị si ái buộc ràng, quanh quẩn trong vòng, cho đến ngày già,ngày chết; lúc nhắm mắt qua đời, tùy theo si-ái cảnh quen, mà biến hiện trong chốn mê luyến ; bỗng cảnh ấy hóa làm sầm chớp nước lửa, dạ-soa la-sát, núi dao rừng kiếm, cho đến mãnh-hổ sài-lang, độc-xà ác-thú đều bu lại cắn xé; hoảng hốt sợ hải, muốn chạy không đường, mới ăn-năn hối tiếc từ trước sinh chi cái niệm si-ái ấy ; nhưng đã quen mất nết, ăn-năn cũng đã muộn rồi. Nếu muốn thoát ly cái khổ ấy, ắt phải trong lúc mình đương trẻ mạnh, khí huyết chưa suy, sớm đem mối tình quyến luyến hằng ngày, dẹp bỏ ra một bên,

---

22) Tức đức Duy-ma-Khiết, tĩnh, nghĩa là thanh-tịnh không dơ bẩn, danh, nghĩa là thanh-danh viễn bả (tiếng tăm xa đồn).

23) Có lẽ tức Điều-ngự Trượng-phu, chỉ con trai, đàn ông mà nói.

24) Văn-thù-Sư-lợi nói rằng : « Con gái của Sa-Kiệt-La Long-vương, mới tám tuổi, có trí tuệ lợi căn, thông hiểu các phép, phát Bồ đề tâm ». Thời ấy Long-nữ dâng ngọc châu lên Thế-Tôn, hốt-nhiên biến làm nm-nữ, qua nam-phương, ngồi Bửu-liên-hoa, thành Chánh-giác.

chẳng chút hệ lụy ; chỉ tin tưởng « tâm » ấy vô sinh vô diệt, quyết định thành phật, tự nhiên có khoái lạc, tùy mình hưởng thụ, hơn trăm nghìn vạn bội cảnh khoái lạc hiện-tiền ; khiến cây cỏ đều hóa thành điện ngọc lầu quỳnh chẳng lấy gì làm lạ ; cũng chớ bảo như thể đã thành phật, đã biến hóa thần thông vậy. Than ôi, người đời tự lòng mê muội, chẳng hướng trên bản-tính tìm đường nhân quả báo ứng, làm sao khỏi mê luyến bởi cảnh quen thuộc tình-si ? Nay thử lấy gốc cỏ mà bàn, gốc cỏ là một vật rất khinh hèn, dưới thềm bên đường, chỗ nào cũng có ; từ thiên-tử vương-hầu sĩ đại-phu, gồm cả hậu-phi Công-chúa cho đến thứ-dân giàu nghèo, không người nào không có cỏ ấy; chỉ e chẳng khứng xem bằng cỏ rác, nếu xem được vỡ lẽ, thì có kẻ xem cảnh vui tam-giới như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ trăm năm phú quý phồn hoa như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ lâu đài phương-trượng, hầu vợ đẩy đàn như cỏ rác ấy, có kẻ bỏ nhứt thân tứ đại (25) ngũ uẩn (26) như cỏ tác ấy, có kẻ bỏ hang vàng Quách-gia (27), núi đồng Đặng-thị như cỏ rác ấy. Chỉ cần hay lập tâm chuyển muôn vật, xem có như không, chẳng si ái những thứ cỏ rác dễ thối nát ngoài cõi tâm, chăm chăm lo sinh tử đại-sự, đem những thứ như cỏ rác vất đi, để thành tựu cái an cư bất hoại của tự mình, rồi tha hồ tùy mình thụ dụng ; ấy gọi là « trên một cành cỏ, hiện thành điện ngọc lầu quỳnh » vậy. Ấy chẳng phải tự nhiên mà được, cũng chẳng phải nhờ ai mà được, chỉ đem bình nhật tình si dục ái vất hết, còn lại chỉ có «tự tâm bản lai» «thanh tịnh bản lai», thì đầy đủ hết thảy phật-quả bồ-đề đều ở trong tâm ấy hiện ra vậy. Cho nên bảo « Chẳng tin một phép nào, ấy gọi lòng tin thực ». Công chúa cứ thể tu niệm, ấy là đệ-tử hiếu thuận của ta vậy ».

Ngày 18, Vương đi thuyền ra cửa biển trước, cỡi cây dao bằng vàng thường đeo, khiến Nội-Giám đưa tặng ta để dùng làm giới-đao. Nội-Giám đạo-đạt ý Quốc-vương sở-dĩ tặng cây dao nầy, muốn được ta tự tay thường

25. Phật-gia gọi tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong. Trong mình người, thịt da xương tủy trở về đất, huyết-dịch nước-miếng, tiểu-tiện v.v... trở về nước, khí nóng về hỏa, chuyển-động về phong.

26. Phật-gia gọi sắc, thụ, tưởng-hành, thức là ngũ uẩn. Uẩn nghĩa là tích-tập (chưa họp), chúng sinh do sắc, thụ, tưởng, hành, thức, năm phép ấy tích tập mà thành thân.

27. Quách-gia không hiểu chỉ người nào, có lẽ Thạch-gia Kim-cốc, tức là hang vàng của Thạch-Sùng đời nhà Tấn.

ngày lau chùi cho sáng loáng, để cắt đứt phiền não vậy. Các quan văn võ đều theo hầu Vương-giả, đón chực đường trước để tiễn đưa. Cửa biển là cửa ngõ của Vương-đô, Thuận-hóa, để đi thông qua các phủ khác. Vì đất nước Đại-Việt chỉ là một dãi núi dọc theo mé biển, các đô ấp đều tựa núi day mặt ra biển, núi cao sông hiểm, cây rừng rậm rạp, nhiều tê tượng hùm beo, các phủ không có đường lối thông nhau, mỗi phủ đều do một cửa biển đi vào; muốn đi từ phủ nầy qua phủ khác tất do đường biển, thuyền đi biển khó đi gần bờ vì sóng lớn ; gặp gió xuôi đi chừng một ngày, nếu ngược gió không chừng mười ngày, nửa tháng mới có thể đi thông từ cửa nầy qua cửa khác. Tàu ngoại-quốc thường vào khoảng tháng 5 chạy đến Hội-an, Hội-an thuộc phủ Thăng-hoa, từ Thuận-hóa vào Hội-an đường bộ tất do Ngãi-lãnh (đèo Hải-Vân).Sách Dư-ký bảo rằng : « Khoảng tháng 2 tháng 3, hoa ngãi nở, trôi ra biển, cá ăn hoa ấy hóa rồng », tức hoa ngãi ở núi nầy vậy. Núi cao nắng gắt, trèo qua rất khó, nên đi thuyền theo đường biển tiện hơn.

Đến ngày 28, chừng canh 3, Cai-bá, Giám-quan bắt Hồng-tuyền và thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá) mỗi thứ 8 chiếc để chở chuyên hành-lý. Rạng sáng, giới-tử tứ-chúng tập-nập, quân lính cầm đao thương dàn ra hai hàng, người đi xem đông như kiến cỏ, chen nhau từ cửa chùa thẳng đến bờ sông. Lúc ta lên thuyền, tứ-chúng lạy đưa tung bụi mờ mịt. Thanh-la khởi lệnh, mở neo buông thuyền ; dân chúng vẫy nước mắt thành mưa, có kẻ kêu khóc vang trời động đất ; thuyền đi giữa dòng, người đi đưa, đi dọc sông thẳng hai bên bờ, đến mút đường mới đứng lại khóc nức nở lấy mắt nhìn theo ; ta cũng ngùi ngùi rơi lụy, cảm thương chúng chẳng được theo ta cùng về.

Đầu thuyền ngồi một vị quan, đuôi thuyền đứng một người cầm lái, giữa thuyền sáu mươi bồn quân-nhơn đứng chèo ; giữa khoang thuyền có bồn cọc-nạng sơn son, trên bắc ngang một cây mõ gỗ, một người lính ngồi gõ mõ làm nhịp cho những người đứng chèo ; thuyền cạy qua tả là qua tả, bát qua hữu là qua hữu, miệng hò-lơ, chân dậm ván, đều răm rắp theo nhịp mõ chẳng chút đơn sai, mới nghe qua thực chẳng hiểu dịp gì lạ vậy. Thuyền dài mà hẹp, như hình long-chu, mũi cất cao, đuôi thuyền sơn đỏ, giữa không thấy để bếp nấu, thầm nghĩ, bao nhiêu người sẽ ăn uống vào đâu ? Riêng ta đem theo đồ ăn và nước trà để dùng, quân lính đều ở trần trùng-trục, dưới nắng cháy như thiêu, chỉ có trử một vò nước lạnh, khát thì lấy gáo

múc uống, bụng đói trống trơn, mà sức chèo chẳng giảm, sự khó nhọc vẫn đáng thương thay ; nhưng cũng khá nghiệm thấy thân xác không nên an dưỡng quá chừng, sinh ra biếng lười ; đến lúc có sự khó nhọc, lại chẳng chịu nỗi vậy..

Thuyền ra đến sông lớn, sắp thành từng hàng, quân lính rán sức chèo đi mau như tên bắn ; trông lên hai bờ, chẳng phân biệt rõ hình ngựa với trâu.

Gần đứng bóng, đến chùa Hà-Trung. Man mác xa trông, đây là một vũng eo của biển cả, ba đào chẳng gợn, phẳng lặng như tờ, một vũng cạn bùn lầy, cỏ rêu xan xát, nơi ẩn núp của tôm tép cá cua. Thẳng bờ có đóng cừ, mọc đầy những cây dương nước ; một gian chòi cỏ, nơi nương náu của những kẻ làm nghề lưới chài. Chùa cất trên một đám đất bằng, nước bao quanh ba mặt; ngoài cửa chừng trăm bước là nơi bùn lầy ; đắp đất làm đê, thẳng đê trồng dương liễu ; gió hiu hiu thổi, lau lách phất phơ, cá lội cua bò, ốc hàu lễn-nghễn ; người đi đường quanh co đùa giỡn, nhắm nhìn phong cảnh, hứng thú xiết bao ! Chợt thấy một cây tùng xanh rợp bóng, một cổ-thụ đã mấy trăm năm ! Các chùa nước Đại-Việt, chùa nào cũng trồng đầy những thứ tạp-mộc, cau dừa xoài mít v.v..., còn cây tùng chỉ thấy đây là một. Xuyên bóng tùng đi vào, chùa không có vòng tường ngoài. Một ao vuông trước điện, nước ao lên xuống ăn rập với nước lên nước ròng ngoài sông, vì gần biển đất thấp, lẽ cổ-nhiên như vậy. Trong ao cá gáy đỏ vô số, mấy người tùy tòng bẻ bánh tai-voi quăng xuống, từng bầy nhảy lên đớp; lội qua lội lại, tự-nhiên chẳng sợ người. Luống rau giàn bầu, bồn hoa bụi cúc, rải-rác ở các nơi đất trồng dưới gốc tùng. Sau điện có những cây tùng lớn mấy ôm, ngọn queo cành cỗi, rậm rạp ly kỳ, thực là những thiên-niên cổ-thụ; trên đọt tùng sầm uất, lá xoắn thành từng nắm tròn; theo lời Truyện-ký bảo đọt tùng xoắn thành nắm tròn, đào dưới gốc có củ phục-linh và hổ-phách; nhưng ta chẳng dám nói «Thuyết » ấy ra, sợ làm hại đến cây quý. Cai-bá, Giám-tự rước ta vào trong điện để cúng chay. Giám-tự nguyên cũng là một thụ-giới đệ-tử.

Cơm chay xong, trở ra thuyền, kéo neo đi nữa. Đoái nhìn chùa son điện ngọc, lấp-lánh trong bờ biển rừng tùng. Nước mây man-mác, trắp-trùng bóng dương, phưởng phất chồn Bồng-lai Lang-uyển. Nhơn có ba bài thơ vịnh chùa Hà-trung.

Bài thứ 1

Che khuất ngàn dương nẽo Cửa-không,
Chuông vàng buông tiếng gió bên sông.
Giậu tre lối cỏ xông hơi biếc,
Gành đá lầu mây ngã bóng hồng.
Cá đỏ chờ mồi lên mặt nước,
Chim xanh huýt gió xuống giàn bông.
Miếu đền vua chúa nơi u-tịch,
Muôn thuở linh-quang chiếu biển đông.

Bài thứ 2

Sắc nước màu non lợt vẽ thu,
Xanh xanh mấy đỉnh đối Nam-hồ.
Gạo vàng đất Bụt lăn-tăn nở,
Mây biếc non Bồng lớp-lớp phô.
Trúc múa nghìn cây sương nặng trĩu,
Trùng reo bốn mặt sóng vang ù.
Tìm đâu bạn cũ chùa xưa nhỉ,
Trăng sáng bên cầu hội họp nhau.

Bài thứ 3

Gà ai xao xác gáy bên thôn,
Một nóc chùa mây dựng giữa cồn.
Thanh-thảo đau lòng người viễn-lữ,
Bạch-vân êm giấc sãi thiền-môn.
Xa dòng núi biếc, dòng sông chảy,
Lặng tiếng chim kêu, tiếng mõ dồn.
Dưới gốc tùng xanh thông thả chán,
Buông thuyền ngâm vịnh buổi hoàng-hôn.

Chiều đến cửa biển, dừng thuyền. Vương đã khiến người làm cơm chờ sẵn. Còn cách chỗ Vương tạm trú chừng một dặm, đêm tối chưa có thể gặp, chỉ khiến người thông tin mà thôi. Sáng bữa sau xin chèo thuyền đến ra mắt. Vương cất một thủy-các ở giữa dòng, bốn mặt chiến-hạm bao quanh, giữa chừa một cửa đi vào. Thấy mặt, Vương rất vui-mừng nói :

« Nỗi mừng ngày nay tức là nỗi buồn ngày mai; ngày nay gặp gỡ, ngày mai trời biển hai phương, muốn gặp Từ-nhan, chưa biết ngày nào được gặp. Chỉ mong, hằng khiến Tùy-Tăng độ hải, ngõ hầu như thầy Đạo-dung. Hoặc giả, chùa cũ công việc viên mãn rồi, chẳng nài xông pha, Từ-hàng lại trở qua một phen, ấy là trông mong sự bất-ngờ vậy. Ta cũng ở ngôi vài ba năm nữa, chờ Thế-tử trưởng thành, có thể trông coi việc nước, chừng ấy sẽ chọn người phụ bật hiền lương, rồi truyền ngôi cho Thế-tử. Ta sẽ cạo đầu làm sãi vậy. Việc lớn chung-cục của ta, đã mong nhờ Lão-Hòa-Thượng chỉ rõ, biết rằng kiếp trước là Tăng-nhơn nước Đại-minh, ngẫu-nhiên lạc bước đến đây ; há khứng trọn đời đắm đuối trong vòng thanh sắc phú quý mà mờ quên nguồn gốc của mình hay sao ». Lưu luyến thành khẩn, hẹn ngày mai lại thiết tiệc tiễn hành tại chùa Vĩnh-hoa ở núi Khuê-phong, ở đầy, nhìn suốt biển cả, có thể nhìn theo đưa buồm về vậy.

Chiều tối, lấy ra một cái gối-mát, một viên đá nam-châm Tây-vực và các món tinh xảo khác tặng biếu.

Qua ngày sau, võng giá chực sẵn, bắt đầu lên đường bộ. Cai-bá dẫn một tiểu-đội làm hướng đạo. Bóng mai mờ tỏ, đi lên một gò cao. Đi được một đỗi, sương mù buổi sáng chưa tan, người đứng cách nhau chừng vài thước, chỉ nghe ồn ào tiếng nói ; trong tia sáng mặt trời, có lúc chỉ thấy nón đội không thấy nửa người phía dưới, lại có lúc chỉ thấy chân di-động, không thấy nửa người phía trên. Đường cát có nhiều cỏ gai giây muống. Đất ruộng phần nhiều trồng khoai. Dân làng có người đương bới khoai và dắt bò cho ăn giây khoai ; khoai có củ rất lớn, đường kính độ 3,4 tấc, vì đất cát mềm trồng khoai rất hạp vậy. Đến chân núi, phu lính nghỉ xả hơi để trèo đèo. Theo đường quanh co đi lên, đường đèo làm tùy theo chỗ đất chỗ đá, ở triền núi dốc có trồng lan-can để để phòng nguy hiểm, đều quét dọn sạch sẽ. Bộc-phu lau mồ hôi thở hào hển. Trong rừng cây đã nghe tiếng chuông trống rất gần, nhưng đi quanh mất hàng giờ mới đến. Chùa Vĩnh-hòa cất trên chóp núi, tuy không mấy tráng lệ nhưng cũng kiên cố chỉnh tề, khuôn khổ chùa ở núi chỉ phải làm như vậy. Các quan mời vào, bày trà xong, các ông đạo ra sơn-môn mời mọc. Thửa đất bằng phẳng chừng vài mươi mẫu, cây cối xanh tốt, có thể ngồi nghỉ mát dưới bóng cây. Lúc ấy vừa đúng ngọ, khí trời trong sáng ; buông mắt trông ra, trời nước mênh mông, muôn khoảnh ba đào như núi bạc non vàng, rất đáng kinh hãi,

nhưng biết đâu ở đây còn cách biển mấy dặm vậy. Người xưa bảo : « Lên núi Thái-Họa thấy sông Hoàng-hà đánh thẳng vào chân núi », chắc cũng như thế nầy. Vì núi Thái-Họa cao nên thấy xa như gần, bây giờ đây vì biển lớn thấy xa, nếu đến gần lại thấy khác vậy. Ta tức cảnh làm 4 bài thơ :

Bài thứ 1

Võng xe mười dặm đến cao-phong,
Hang núi nghe chuyền mấy tiếng chuông.
Xa thấy người đi ngoài dặm khói.
Chợt nghe trái rụng giữa sân tòng.
Chim hồng tiu-tít mưa chùa cổ,
Rồng bạc chờn vờn sóng biển đông.
Buông mắt kiển-khôn kêu một tiếng,
Đầu non chống gậy ngó mênh mông.

Bài thứ 2

Từng mây yến hội mở chiêu-đề,
Lìa nước xa nhà dạ tái-tê.
Hoa nở đầu non thấy dạo mát.
Khánh vang rừng thẳm hạc bay về.
Lối quanh lần bước theo phương thảo,
Cảnh lạ thừa nhàn ngắm thúy-vi.
Bên chốn hương đài ngồi nghỉ mệt,
Chiều rêu ngắt-ngưỡng, tóc ly-phi.

Bài thứ 3

Đỉnh xưa khắc chữ « Vĩnh-hòa-niên » (29).
Bên mé biển xanh, mở cửa chiền.
Mặt đất mù sa non dợn sóng,
Lưng trời mây bủa nóc như thuyền.
Tre xanh nghìn xóm màu thu rạng,

29) Đông-Hán Thuận-đế niên-hiệu (C.N. 345). Thời Ngũ-Đại Mân Vương-Diên Quân niên-hiệu (C.N. 935).

Khe đá một bầu bóng nhật xuyên.
Ham ngắm dáng chiều bên đỉnh núi,
Phiên-tăng lễ bái thỉnh khô-thiền (30).

Bài thứ 4

Non xanh muôn lớp dạo chơi rong,
Rừng suối liên-miên nẻo chẳng cùng.
Nhà cỏ nửa rèm mưa lún phún.
Thúy vi bồn mặt khói mông-lung.
Biển khơi man mác vừng mây bủa,
Gió núi lao xao ngọn cỏ rung.
Thắng cảnh ngày nay ghi mấy nét,
Đăng lâm biết có dịp nào không.

Khuê-phong nằm giô ra bờ biển, thành thử ngó phía nào cũng thấy biển ; phía tay phải một dải núi xanh tức Ngãi-lãnh, theo đường núi từ đông-bắc đi vào đến cửa Hội-an ; thuyền sẽ đi đường tắt. Mấy hòn núi đều cao chất ngất, những viên đá trơn như hình búi-tó (búi tóc) nằm rãi rác ở chân núi, hơi giống Thất-tinh nham ở Quảng-đông. Giám-quan chỉ tay bảo rằng : « Đây là núi Tam-thai, ngôi chùa trong ấy tức là đạo-trường của Quả-Hoằng Quốc-sư. Núi ấy có nhiều nham động như cửa ngõ, như cửa sổ, làm đường hang, làm nhà, làm phòng, như hình vung nồi, như hình chuồng câu, v.v... thảy đều linh lung khoáng đãng; nằm ngồi được, ngồi gảy đàn, ngâm thơ được. Mỗi lúc nói lên, có tiếng vang đáp họa. Ngày mai Lão-Hòa-Thượng chắc sẽ qua đó chơi». Ta đương nghĩ Khuê-phong tuy đẹp nhưng không có nham động u thúy, để dạo chơi cho vui. Nghe Giám-quan nói, giận không thể buông thuyền đi đến tức thì.

Dùng cơm chay xong, lại ra dạo chơi một vòng, lúc trở về, trời đã xế chiều, muốn đến từ tạ Quốc-vương và cáo việc khai thuyền ; xảy có Vương-huynh và các quan xách cơm chay đến mời ăn, nói chuyện phiếm, lúc tan tiệc đã canh hai, nhơn mỏi mệt bèn đi nằm nghỉ.

---

30) Khô-thiền nghĩa là khô tọa tham thiền, quên hết mọi sự.

Sáng mai, Vương cùng các quan lui thuyền dạo chơi Hà-trung, phải chờ người trở về để giả từ ; vã lại tắc lòng lưu luyến, như uống rượu ngọt đương ngầm ngầm say, nỡ nào bỏ đi dứt khoát. Ngày ấy thông thả, nhơn làm thêm 4 bài thơ, tả cảnh sáng đi từ Tỏ-hồ đến cửa biển.

Bài thứ 1

Thuyền hồng khởi phát buổi ban mai.
Gỏ nhịp đưa chèo lướt gió bay.
Chiếc bóng tha-hương trăng bảng lãng,
Mối tình cố-quốc nước vơi đầy.
Rắn vàng muôn đợt toe mòi sóng,
Mây biếc nghìn trùng khuất rạng cây.
Nội cỏ xa nhìn trong nắng sớm,
Kìa ai khéo vẽ cảnh chùa mây!

Bài thứ 2

Êm trời buông mái lướt như bay.
Thoắt đã thuyền qua chốn điều-đài.
Ngựa hý trên ngàn tìm thú bắn,
Người phô bên bến giục đò quay.
Non xanh chào đón đeo sương nặng,
Chim trắng bồi hồi sợ gió lay.
Man mác biển trời như dải-lụa,
Cách rừng mưa nhỏ bụi lay phay.

Bài thứ 3

Chiêng trống khua vang bên bãi cát,
Lửa chài nhấp nhới giữa lòng sông.
Mù sa cách bến người mờ mịt,
Khói tỏa mặt hồ thuyền lướt xông.
Tiếng địch phương nào nghe não-nuột,
Bóng thu ban sáng tỏa mông-lung.
Chuông vàng thức tỉnh người trong mộng,
Châu-phố là đây có phải không ?

Bài thứ 4

Lách lách buông thuyền quanh mé núi,
Một đường khói tỏa, bẩy thâm u.
Khinh-châu chở nặng tình phương-thảo,
Vân-thủy pha màu áo hiếu-thu.
Bên bến kìa ai thơ-thẩn đứng,
Giữa sông xem cá nhỡn nhơ đua.
Sương sa nguyệt lặn chim kêu sáng,
Lão-khách buồm xuôi kịp gió mùa.

Đến nửa đêm mới nghe Vương về đến thủy-các. Rạng sáng Quốc-sư lại yết-kiến, nghe ta sắp sửa qua từ giả Quốc-vương, bèn nói với ta rằng : « Vương rất nặng tình, nay nếu Lão-nhơn qua yết-kiến, thế nào người cũng cầm lại chưa cho đi, như thế phải trì trễ hành trình. Chi bằng cứ thâu thập buông thuyền đi ngay, rồi làm thư khiển người hầu đem đến cáo biệt cũng đủ rồi. Tôi nay đến ra mắt Vương, rồi theo đường bộ đi trước vào Hội-an để sắp đặt chờ đón Lão-Hòa-thượng ». Ta giả lời rằng : « phải ». Nhơn khiển Quốc-sư đi trước. Tứ chúng từ Thuận-hóa đưa chân vào, đều an ủi khiển về. Truyền các thuyền quan-quân, quyết định đêm nay đến canh hai khai thuyền. Làm một bài trường-ca lưu biệt và một bức thư khiển kẻ hầu đem đến từ tạ Quốc-vương.

Bài thư

« Quốc-vương cùng Lão-tăng, xa cách thiên-sơn vạn thủy, nếu chẳng phải kiếp xưa có hẹn, làm sao có cuộc tao phùng đặc biệt như ngày nay.

Thầy trò một đoàn hơn 50 người, đến quý quốc suốt 6 tháng nay, no hưởng của thiên-trù cúng-dưỡng ; suốt ngày ngắm non cao, hứng gió mát, ngâm thơ vẽ cảnh, luận cổ đàm kim, hưởng vô-lượng-phước tiêu dao tự tại. Lẽ nào chẳng đem lòng quyến luyến, lại nỡ vội từ giả lui về cho đành!

Ngặt vì, chùa cũ bị phá hư sáu bảy chỗ, xây cất chưa xong; tăng chúng theo học bốn năm trăm, công phu chưa trọn ; thêm vào đó, còn cúng lễ bao nhiêu công việc, đều trông chờ một mình Lão-tăng. Bất-đắc-dĩ định đến ngày 29 tháng 6 sẽ trở thuyền. Đã cáo từ Quốc-vương từ ngày mùng

3, Vương thành khẩn cầm lại, cúng dưỡng các thứ bình bát, y trượng, trầm hương, hoàng lạp, cỏ lạ hoa thơm ; trời phật hoan hỷ, kẻ đạo người phàm đều tán dương phước điển của nhà vua, so với tầm thường có khác vậy. Tự thẹn lưỡi vấn lời dài, chẳng biết xưng tạ theo thường-tình sáo-ngữ. Lão-tăng chỉ đổi Tam-Bảo chắp tay tụng niệm, cầu cho quốc thái dân an mà thôi. Tuy vân danh phận thầy trò, cần gì đau-đáu việc nhỏ mọn, nhưng cũng khó nỗi dứt khoát vẫy tay ra đi. Lục soát hành nang chẳng có vật gì đáng giá để lưu-biệt ; suy đi nghĩ lại, chỉ có văn thơ khá dễ biểu dương đạo đức ; bèn làm một bài thất -ngôn trường-ca, và lấy đá Thọ-sơn làm một cái triện vuông, khắc 10 chữ: « Tích nhật Trung-hoa tăng, kim triêu Nam-quốc-Chúa » chỉ nghĩa Quốc vương không quên gốc tích kiếp trước và để cầu chúc Vương-nghiệp như núi gò bền vững ; chút gọi là vật mọn lông hồng, đặt ở đầu bàn, gợi một trận cười cho vui vậy ».

Kéo neo vì gần đến giờ, muốn trở lại giả từ một phen nữa ; chĩn e, một là quấy nhiễu, hai là lại phiền thêm đưa đón xa xuôi, vì thế lại thôi, chị khiến người cầm mấy hàng nầy thay mặt.

Thôi Lão-tăng xin đi. Gió thu vừa thổi, ấm lạnh một mình. Cúi xin, trân trọng giữ gìn đạo-thể, lâu dài làm chúa hải-bang.

Nay kính.

Bài thơ thất-ngôn trường-ca lưu tặng

Chùa cũ chia tay từ thuở nọ,
Kẻ nam người bắc biệt tăm hao.
Vương ra thế-gian ta giữ đạo,
Linh-quang một điểm chiều thông nhau.
Muôn dặm trùng trùng cách đại-dương,
Lão-Tăng bỗng tiếp thư Quốc-Vương.
Sắp lên Kinh-bắc bỗng sinh bệnh,
Sắp đi, lại chẳng biết đâu lường.
Ta đến chính đương mùa hoa nở,
Dưới hoa gặp nhau mừng hớn hở.
Mày phượng cầm hùm mặt nở nang.
Chính ngôi Nam-chúa chẳng khoe khoang.
Đón chào Hòa-thương cười vui vẻ,

Trong điện Ngân-an đặt bồ-đoàn.
Giúp nghìn tăng-nhơn đủ y-bát,
Giới điệp cho dùng bửu ấn kiểm.
Chăm lo việc phật không biết mệt,
Tiếng hay sắc đẹp chẳng mê đam.
Trong cung lúc rảnh lần tràng hạt,
Chẳng làm Quốc-Vương làm Bồ-tát.
Nửa đêm nghe chuông dậy tụng kinh,
Cung dưởng Lão-tăng lo chay lạt.
Tự đem quyền thuộc và thần dân.
Kiển cầu phật-pháp hiền gia-trân.
Nghĩ ta đức mỏng càng tự-thẹn.
Ân tình khắng-khít ngày thêm thân.
Hương-hải đoàn viên vừa nửa năm.
Nhớ nhung chùa cũ muốn về thăm.
Nhìn nhau chẳng nỡ phô ly-biệt.
Gió mùa đã thổi thuyền khôn cầm.
Hỏi ta tái ngộ chừng ngày nào ?
Muốn nói, chẳng nói lòng ngán-ngao.
Tạm lưu hai sãi ở hầu hạ,
Hôm sớm cũng như thầy mặt nhau.
Vương và quyền-thuộc thành phật-tử.
Chùa chiền chung ở làm tăng lữ.
Thần quang tả hữu chiều thông nhau.
Muôn dặm trùng dương há cách trở.
Từ nay hai ngã chia sâm thương.
Tạm thời chia tay lại gặp gở.
Mấy phen từ giả lại lưu-liên.
Dứt khoát tình thâm ôi chẳng nỡ !
Chia tay cõi tặng kim-giới-đao.
Lấy gì đền đáp, lòng nao-nao.
Trường-ca một bài chẳng nên câu.
Trước song mai trúc, gió ào ào.
Đêm nào dưới nguyệt nhớ nhung nhau.
Lại ngồi một mình viết thao-thao.

Ngày 26, sau giờ ngọ, có người từ hành-dinh Quốc-vương trở về, báo việc chuẩn-bị khai thuyền ; Bỗng gió tây bắc vụt thổi, cát bay cây đổ, mưa như xối, trên đường người đi, vuốt mặt không kịp. Đoàn thuyền đều cột neo thẳng bờ, ta đi một chiếc thuyền lớn dùng làm nơi hội khách, và làm chỗ nằm ngồi cho các tăng-chúng theo hầu. Ta sợ nóng cho cột hồng-thuyền ra bên ngoài. Nhơn vì dây neo không chắc, thuyền bị sóng đánh trôi, quân giữ thuyền thiếu sức không chống vào được, quân trên bờ phải nhảy xuống nước bốn năm mươi người để kéo phụ, nhưng gió to mưa lớn, sóng quá dữ dội, không sao kéo nổi ; thuyền bị gió thổi trôi ra giữa dòng, gặp nơi có cồn cát, nước hơi cạn mới đứng yên được. Mọi người đều hoảng sợ, ta biết sức gió chỉ đến thế, dầu có trôi cũng không sao, bởi thế ngồi nhìn yên lặng phó mặc sóng tạt mưa dầm.

Mưa tạnh, thuyền đã neo vững, có người bàn nên đi đường bộ chắc chuyện hơn, cũng có người bàn nên đi theo thuyền Điền-xá (thuyền đánh cá) rất ổn tiện. Bàn cãi phân vân, các quan đều mỉm cười, lặng thinh nhìn ta chờ quyết định. Ta bảo « Các người nói đều không đúng. Từ lúc khởi hành, ta đã trù tính kỷ-lưỡng, quyết định đi hồng thuyền thẳng đến cửa Hội-an, nay há nhơn một trận mưa gió xoàng mà thay đổi chương trình hay sao. Nếu đi đường bộ với năm sáu mươi người hộ tùng, võng lọng ngựa xe, phu đài hai ba trăm, khổ dân biết mấy. Vả lại trời nắng đường dài, đèo cao núi hiểm, hiện đã có mấy người bị bịnh, há không đáng lo hay sao. Còn nếu đi thuyền Điền-xá, chỉ nặng nề chậm chạp thêm mất ngày giờ. Hoặc sợ mưa gió đến như ngày nay, nhưng mưa gió không phải mỗi ngày đều có, nếu có chăng nữa, cũng vào khoảng giờ mùi, giờ thân, quyết đêm nay trời chắc tạnh ráo. Chúng ta chiều nay, chờ gió xuôi, chừng canh hai khai thuyền đi đường biển, sáng ngày đã đến cửa Hội-an, chừng giờ ngọ sẽ đến chùa Tam-thai. Lúc ấy chỉ sợ không có mưa gió như ngày nay, nếu có càng thêm một phần cảnh sắc vậy. Các ông thôi chớ bàn cãi, ta chỉ nghĩ theo chương trình đã định, không thay đổi làm gì ». Các quan đều chắp tay cười rằng : « Quả nhiên Lão-Hòa-Thượng kiến-thức rất đúng ». Chờ đến lúc ra biển, mới biết đi hồng thuyền rất tiện-nghi. Nhưng trong bọn cũng có người dời hành-lý qua thuyền điền-xá. Giây lát lo cụ bị lương thực, trử nước ngọt để cung cấp quân-nhơn.

Ăn cơm chiều xong, có nhiều thuyền chèo lại tống tiễn, các qúy-thần đều nói rằng : « Chuyến nầy họp mặt, chẳng biết ngày nào sẽ gặp lại ». « Từ dung ». Nói đoạn, bồi hồi quyến luyến, gạt lụy chia tay.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN IV

MỒNG 1 tháng 7 thuyền ra cửa biển. Hôm ấy, sắc trời trong sáng, bốn mặt linh lung, giăng giăng đèn xóm lửa chài, nhấp nhoáng đầy trời tinh tú ; xa nhà lìa nước, lòng riêng chạnh thấy ngùi ngùi.

Cai-Bá khởi ba hồi trống lịnh, các thuyền đều lên chèo. Trong thuyền đèn lửa tắt hết. Cai-Bá đứng trước mũi thuyền, cầm một dây hỏa-mai ra hiệu ; hoặc bát hoặc cạy, khi chậm khi mau, các thuyền đều ngó theo hỏa hiệu lái chèo, chẳng hề sai chậy.

Thuyền ra khỏi cồn cát mé biển đậu lại, triệt hết bòng che mát, mọi thuyền đều để khoang trần. Chờ đến canh hai, trống đồng lại nổi lệnh. Trăm thuyền chuyển động, ba-đào húng dũng, vang dội núi gò. Chúng quân nổ lực chèo, mái chèo chém sóng, nước mặn tỏa sáng ngời ; xem trong biển sóng dậy chớp giăng, như mấy mươi con hỏa-long đương múa nhảy trên gò núi biếc, an nguy thân thể chẳng biết đường nào. Chợp ngủ chừng nửa giờ, đã thấy phương đông sáng bạch. Khoác áo choàng ngồi dậy, thấy sóng yên nước lặng, té ra thuyền đã vào vũng, ở trong vòng núi bao quanh. Dọc bờ biển, đá lèn lởm chởm, trên cây vượn trắng nhảy nhót từng bầy ;

trái đồi hoa núi, xanh đỏ sum sê. Xa trông cách bờ, cột buồm như rừng tên xúm xít, hỏi ra mới biết đó là đoàn thuyền chở lương, đậu chờ gió tại cửa Hội-an vậy.

Tám thuyền đều đến, tạm đình ở cửa biển. Bãi cát phẳng như tấm gương, xa trông mút mắt. Trên bãi đầy vỏ sò vỏ ốc, cảnh trí rất xinh. Lại khiến giăng bong lên để nằm ngồi nghĩ ngợi, mới biết Hồng thuyền rất tiện lợi vô cùng, có thể lấy sức chèo lướt sóng, dầu sóng dóc cũng phăng tới rất êm.

Chuyến thuyền ra mũi cát, một chốc đã đến chỗ thuyền lương đậu, neo lại. Hai bên bờ, nhà cửa đông đúc, người đi đường xôn xao, kẻ gánh người gồng, người ta đã đi chợ sáng. Một chiếc Hồng thuyền đậu trước ở đó, quan trấn-thủ Hội-An đến yết-kiến, cung đồn bửa cơm sáng rất tươm tất. Mới biết dọc đường có người lo cung đồn cơm nước đúng theo ngày giờ đã định, chẳng chút sai chậy. Chúng ta khỏi lo thiếu đồ nấu nướng, nhưng thương hại quân lính khó nhọc, cũng nhân đó, thầy lệnh vua cứng rắn như sắt, chẳng ai dám đơn sai. Quay lại bảo kẻ tùy-tùng rằng : « Đức tu mỏng kém, làm sao đương nỗi cúng dưỡng thế ấy cho khỏi chiết phước ».

Giới-gử tập họp ở đó và tứ chúng thiện nam tín nữ đều đem cau trầu hoa quả đồ ăn đến dâng lễ.

Cơm nước xong, trống đồng lại nổi lệnh. Các quân-nhân đương thổi cơm trên bờ, có kẻ đương ăn, có kẻ chưa ăn, cũng có kẻ đương nấu hoặc đương vò gạo, đều dẹp lại, vội vàng chạy đến mở dây thuyền. Mõ đánh giữa giòng, các thuyền khi đi hàng dọc, khi sắp hàng ngang, khi đi thẳng một hàng, khi chia thành hai dãy; ba quân miệng hò khoan, chân dậm ván, thảy đều đúng nhịp, rập ràng.

Gió thổi hiu hiu, nước xanh lẽo lẽo, rừng tre thâm thẩm, bãi cát sáng ngời ; đã vui mừng gió thuận buồm xuôi, lại hớn hở gần ngày về nước, tắc lòng khoan khoái, biết lấy chi cân. Thừa hứng làm bài thơ tả cảnh : « đêm thu vượt biển, sáng đến Hội-An ».

Bài thứ 1

Thu về Hải-quốc, nhớ hương quan,
Đêm vắng buông thuyền dạ chứa chan.

Thơ tứ nảy sanh trong hiện cảnh,
Tiếng người nghe nói giữa không-gian.
Sao thưa lác đác gieo lòng biển,
Đèn chớp xa xa sáng đỉnh ngàn.
Cửa Hội-An đâu ? Còn dọ hỏi,
Thuyền Hồng đã đến Lục-Hoa-Loan.

Bài thứ 2

Núi đồ chầm nghiêng dồn đồng tuyết,
Còn ngờ tiếng sấm dậy từng không.
Đầu thuyền khoác áo ra ngồi ngó,
Tiếng nước dường như dưới đất thông.
Sóng xỏa ngọn cây lòe lữa chớp,
Nguyệt ta eo núi nép thân rồng.
Người Phiên tống cúng ngoài đồng nội,
Nhà cỏ Trấn-quan cách bợc sông.

Bài thứ 3

Lụm cụm già nua rũ̃i khách trình
Yên ba đi giữa biển mông-mênh.
Sườn non gió lạnh, vượn kêu gấp,
Bãi cát sóng xao, mây kéo quanh.
Sơ lược người cười ta ngạo mạn,
Nổi chìm ta chẳng chuộng hư danh.
Cửa từng ví phỏng nay về đến,
Dưới nguyệt xem hoa chán thích tình.

Bỗng chốc đã trông thấy núi Tam-Thai trước mắt. Nghìn đổi quanh co, đều bằng đất, chỉ có gò núi đá Tam-Thai đứng cao chất ngất, hai hòn lớn day mặt ra nước, còn một hòn hơi nhỏ hơn. Nhìn xa, hình núi suông sẽ, lại gần, trông lên, có nhiều cây lớn hai ba vòng ôm, mọc từ trong hóc đá. Đi quanh theo mé núi, thấy đá có viên mọc đứng thẳng lên, có viên chúc ngược thòng xuống. Có chỗ sâu lõm vào thành hang, lại có chỗ đứng dựng như bức vách, nhưng chẳng thấy chùa ở đâu, mới trông qua thấy thô lỗ, tưởng chẳng có gì kỳ thú vậy. Chúng tôi đi cách núi còn chừng nửa dặm, thấy một thầy sãi đứng nhìn chăm chỉ, rồi chạy vội chui vào kẻ đá sau nú

đi mất. Trước núi có một cái gò, trước gò trèo lên chừng trăm bước có một ngôi chùa cỗ ; sãi trông chùa đánh chuông trống, mặc áo tràng ra rước vào lễ Phật. Mời ngồi, thết trà, cung đồn tươm tất. Nghĩ sao nhanh chóng thế ! Mới biết, vừa rồi thấy tăng đứng trông chừng rồi chạy lui, cốt để thông báo cho nhà chùa chuẩn-bị trước vậy. Nhà chùa muốn dọn chay, ta bảo hãy chờ sau khi lên núi về sẽ hay.

Ta chống gậy ra cửa. Núi ở phía vai trái chùa. Quanh núi đều cát trắng mịn, gò cao đồng thấp, gió thổi mặt cát gợn thành thủy-ba. Vách đá nứt nẻ từng đường, từng lớp, xem như lượn sóng. Mặt trời dọi vào rêu đá, nơi đỏ nơi đen. Trông ra bốn phía núi cao chất ngất, chẳng có lối leo lên. Bỗng thấy trong hai vách đá có một đường hẻm, có những viên đá trắng như ghế ngồi, trên đỉnh núi thường có nước rỉ xuống, nghỉ mát ở dưới như ngồi trông đường hầm. Gió mát lạnh lùng, khiến người gối đá nằm chơi thiu thiu buồn ngủ. Trèo lên hết hẻm đá, một vùng rộng rãi bằng phẳng, cây cối um tùm. Một ngôi đền cất tựa vách đá không cao lắm nhưng kiên-cố có thể chịu đựng lâu dài. Đền do Quốc-Sư Hóa-Vương (?) xây dựng vậy. Ra trước đền, một lối đi qua phía hữu, đến cuối đường bẻ qua phía tả, có hai bờ đá rất cao, cây cối dây leo chằng chịt. Cửa động tối mò, bước vào từng bậc thềm thấy sáng dần. Vào hết bậc thềm, thấy mặt trời sáng trưng, từ kẻ hở trên động dọi xuống ; động tròn lại bằng phẳng, có thể chứa hàng nghìn người ; phía trên có mấy khe hở, cành lá giao bóng trập trùng ; khỉ vượn leo bò ở trên, cúi xuống dòm người, nạt đuổi cũng không chạy. Tăng-nhân ở đó bảo rằng : « Người ít, chúng nó đông từng bầy, cho nên khinh lờn chẳng sợ vậy ». Có một dây song già từ trên hẻm đá thòng xuống tận đất, hình tròn bằng miệng chén, dài cả trăm thước, thẳng như dây cung, Đông-Dương-Di (người Nhật-Bản) từng giả nghìn vàng đòi mua, nhưng không bán. Ta sinh bình du-lịch khe động rất nhiều, thấy động nầy sạch sẽ đẹp hơn hết. Tiếc vì bố-trí thần phật, tướng mạo ác tục, làm giảm giá động rất nhiều. Uống trà chưa xong, nghe ớn lạnh, liền tìm cửa động đi ra ; trải xem núi hang vài chỗ phong cảnh hẳn như lời người đã nói lúc còn ở Khuê-Phong. Đến sườn núi có hai viên đá dựng đứng như trụ cửa. Đứng trong cửa trông ra, mênh mông biển cả, gió lùa vào quá mạnh, đứng giữa cửa muốn xỉu cả người. Quanh co chuyển qua tay phải, nơi an-trú của tăng-ni ; lối quanh u-tịch, phới phới hoa rơi, chỉ có bầy ong núi vù vù đua nhau cướp nhụy. Am-Chủ mời ngồi, uống một chung

trà, lại đi. Phía tả thềm điện, một lối hẹp quanh co đi xuống, ấy là đường đi gánh nước ; đường dài chừng trăm bước, bắc một cây tre lớn làm tay vịn lan-can ; xuống hết đường, đến gò đá dưới chân gò có hai giòng nước róc rách chảy ngầm ; thông gàu giây múc nước lên, nước trong veo mát lạnh, uống vào lạnh ghê cả răng. Trèo lên, đi rẽ qua phía hữu, lại có một động rất cao, có một cửa đá, nhìn vào trong mờ mờ có ánh sáng ; người đi theo bảo, đi vào trong, mái động có khe ngách mở sáng như cửa sổ vậy. Lúc ấy đương ngồi trên thạch bàn, sực nhớ nửa năm nay nằm núp ở chùa Thiền-Lâm, chỉ thấy lô-nhô những nấm mồ đồng mã ; nay được một phen du ngoạn, thực đã rửa sạch cả tai mắt trông bấy lâu nay. Chỉ tiếc tòa núi đẹp thế nầy mà chủ-nhân không gia công dũa gọt ; khiến chỗ nào cũng gai gốc dơ dáy, dun dẻ âu sầu ; ví biết săn sóc sửa sang, thì phiến đá gốc cây, đều phát ra sinh-thú tốt đẹp vậy. Nhơn thanh sơn-thủy sinh ra trên đời, cũng có chỗ may, chỗ không may ; ở Trung-Hoa một gò đá, một giòng khe, cũng lắm các đình đài, đua chiếm phong-cảnh ; rồi một phen trải qua cao-sĩ, văn-nhân đề vịnh, bèn trở nên danh-thắng nghìn xưa. Còn ở nơi xó tối hang cùng, tuy đá tốt núi xinh cũng chôn vùi trông gai cỏ ; may ra chỉ làm nơi ca ngâm cho bọn tiều mục, nơi ăn nằm cho đàn trâu dê. Rồi một mai chẳng may bị bọn tục tử chú ý, bố-trí quê mùa, điểm trang dơ dáy, làm cho thần núi thất kinh, khách qua đường ái ngại, thì lại đáng tiếc biết chừng nào.

Cuộc du-lãm hôm nay, không có thơ không được, ít ra cũng phải vì non động ghi danh. Biết đâu nghìn năm sau, nơi rừng bụi hoang-vu, chẳng trở nên phồn hoa đô ấp; ve than dế khóc, chẳng đổi ra xướng hát đờn ca; thì danh của núi nầy, từ ta gây dựng, phải có một vài bài thơ để phẩm đề.

Có kẻ bảo, nếu muốn đi xuống, có thể đi theo thang « trăm trượng », đường sau núi để về chùa. Ta bảo. « Thôi thôi, hãy lưu liên vài ngày, để xem khắp phong-cảnh núi nầy, cần chi phải vội vàng như thế ».

Xuống đến Viện, ăn chay xong, liền thấy võng Quốc-sư, đi theo đường bộ mới đến. Thất kinh : « Sao thuyền đến chóng thế ! Lão Hòa-thượng hãy ở đây du-ngoạn vài ngày. Ăn cơm trưa xong, tôi sẽ đi trước vào Hội-An, dặn Cai-Bá lo dọn dẹp sắp đặt ; vài hôm sau, Tôn-Giá sẽ vào cũng được ».

Đương nghĩ để tên núi làm « Hải-Dũng-Phong », tên động làm « Hoa-Nghiêm-Động ». Làm một bài ca, rồi mài đá khắc vào. Giám-quan nghe vậy, bèn thưa rằng « Quốc-Vương khiến ngày nay phải đưa Hòa-thượng đến Hội-An, nếu trễ, chúng tôi sợ có lỗi trái lệnh. Vả lại quân-nhân hàng nghìn, chỗ nầy không kiếm đâu ra lương-thực. Xin Hòa-Thượng về thuyền, ngày khác rãnh rang sẽ trở lại. » Ta tiếc sơn-thủy thắng-du, tạo vật ghét ghen gì bấy ! Kẻ lên thuyền, mở neo chưa bao lâu, mặt trời đã về tối. Thuyền do sông nhánh đi đường tắt, nước ròng cạn, bị thuyền lương ngáng đường, quân-nhân nhảy xuống bùn lầy, kéo đẩy không nhúc nhích. Nội-Giám giận đánh lung tung, quân-nhân nổ lực vác thuyền đẩy đi. Qua canh hai, đến bờ Hội-an. Vẫn nằm lại trong thuyền, làm một bài trường-ca « Chơi núi Tam-Thai », và hai bài thơ thất ngôn.

BÀI TRƯỜNG-CA Chơi núi **Tam-Thai**.

Rày ngọn gió tây-nam đã thổi,
Ruỗi Hồng-thuyền ra lối Hà-Trung.
Đa tình chi bấy Chúa-công,
Bồi hồi chưa nỡ dứt lòng phân ly.
Bên cửa biển sơn kỳ thủy tú.
Cùng dạo xem cảnh thú Khuê-phong.
Thuyền về chỉ nẻo Việt-đông,
Nhìn theo đưa mắt muôn trùng xa xa.
Trên chóp núi « Vĩnh-hòa » sơn-tự,
Cây xanh um, mây tứ phía bao.
Một đoàn quân lính xôn xao,
Võng dù rực rỡ, thương đao sáng lòa.
Lướt gai gốc xông pha cùng tiền,
Hết bờ dài lại đến rừng sâu.
Biển khơi xanh ngắt một màu,
Xa xa nghe tiếng chuông đâu vang rền.
Lần bước một, bước lên chậm rãi,
Dầu nhọc nhằn cũng phải gắng công,
Đỉnh non buông mắt xa rông,
Nước trời man mác hồng-mông một vùng.

Thề hung hiểm xui lòng run sợ,
Sóng ầm vang nhường lỡ núi sông.
Khói đổi điểm điểm từng không,
Sắc trời đã thấy sáng trong dần dần.
Chỉ đường bảo : « Đi lần theo đó ».
Đền Tam-Thai ấy chỗ Bồng-lai,
Thoắt nghe hằng đợi sáng ngày,
Mở thuyền vượt sóng lướt bay tức thì.
Chèo chém sóng khác chi rồng múa,
Bọn giao đà nép ngủ lặng yên.
Một đêm suốt sáng băng miền,
Non cao thoắt thấy nhãn tiền ba ngôi.
Làn sóng biển đập xoi chân núi,
Đá lỡ loang cây cỗi tơi bời.
Gậy thiền lần bước dạo chơi,
Đường đi cát nóng mặt trời giữa trưa.
Vào sơn-tự rau dưa tiếp đãi,
Trên bữu-tòa hoa giải phù-dung.
Mờ mờ vách đá rêu phong,
Vẽ xanh phỉ-túy, vẽ hồng đơn-sa.
Đi lần đền sơn pha hai đỉnh,
Ngửa mặt nhìn thấy ánh thiều-quang.
Vạch cây luồn đá trông sang,
Cây chằng-chịt mọc, đá ngang-ngỗn nằm.
Núi Thái-Họa nghìn tầm cao vút,
Cửa Hàm-Quan trét một viên bùn.
Sơn-đồng mách bảo ôn tồn,
Rằng đây mười bảy động môn rành rành.
Có một động thiên thành mát mẻ,
Trong nắng hè nhường thể ba đông.
Cứ theo đường tắt cong cong,
Đi ra sau điện quanh vòng đền nơi.
Gần đền cửa có hai vách đá,
Bước ngập ngừng trong dạ âu lo.
Mới vô trông thấy tối mò,

Nhường như sơn quỷ theo dò dấu chân.
Gai gốc vướng áo quần lôi lại,
Lá bàng khô trở ngại gót chân.
Lom khom chân bước tới dần,
Tầng trên như có hé vầng kim-ô.
Ai khéo trổ tròn vo một lỗ,
Sáng như gương trên đó trồng không.
Trần hang dòm suốt thiên thông,
Nhụ-toan lóng lánh như lồng đèn treo.
Đá lớn nhỏ cheo leo thẳng cửa,
Lớn tày đình, nhỏ tựa trứng ga.
Thiên-công khéo tạo một tòa,
Một tòa khổng-động văn-hoa rỡ ràng.
Nơi rộng hẹp có hàng có lối,
Thấp lại cao, dứt nỗi khôn cùng.
Cửa hang một gốc mây-sông,
Dài ba trăm thước như rồng có vây.
Ngồi sờ mó liền tay chẳng ngán,
Ngồi đã lâu bỗng ớn lạnh lùng.
Tìm nơi động khẩu ruỗi giong,
Ra ngoài du lãm một vòng thử coi.
Đưa mắt ngó núi đồi chớm chở,
Khắp nơi nơi rực rỡ linh lung.
Lên cao nhìn xuống quanh vùng,
Một giòng suối ngọt đùng đùng chảy tuôn.
Một tảng đá cũng nguồn hứng thú,
Một cành cây cũng đủ ngâm nga.
Tiếc thay thắng-cảnh sinh ra,
Không may chẳng gặp văn-gia phẩm-đề.
Nhiều gai gốc bỏn bề quái-thạch,
Điểm tô, thêm quê kịch những loài.
Than ôi ! thắng tích nhường nầy,
Tiếc thay không có tay người sửa sang.
Nếu trong chốn phồ phường đô-thị,

Có Tam-thai hùng-vĩ danh sơn,
Thiều chi tài-tử văn-nhơn,
Rượu tiên vui chuốc , thơ thần ca ngâm.
Kìa chẳng thấy Sơn-âm Nghiện-thủ,
Hội Dương-Công (1) vui thú quần hiền.
Đền nay danh tiếng còn truyền,
Không sơn há để dề phiền kêu đêm.
Nay ta đặt Hoa-Nghiên tên động,
Đoản-trường-thiên Hải-Dũng bi minh.
Tạc ghi nhơn sự sơn linh,
Tháng ngày mãi mãi để dành về sau.
Mộc-Loan-Tử đồng du cư-sĩ,
Thạch Hán-Ông lưu ký đôi lời,
Nam-Bang để tiếng muôn đời.

BÀI THƠ VỊNH TAM-THAI

Bài thứ 1

Nam-Minh một vũng dựng phan mây,
Chất ngất từng không khí biển xây.
Quét sạch mưa mù lên bửu điện,
Tỏa ra ánh sáng chiếu linh-đài,
Hoa rừng đưa khách đường thông một,
Khe núi chia dòng nước rẽ hai.
Sơn-quỷ đuổi nhau rồng nép bóng,
Khói mây cửa động nửa phên gài.

Bài thứ 2

Sấm vang gió thét sóng ào ào,
Đàn vượn bên khe thót nhảy cao
Mắt ngắm biển khơi xanh thẳm thẳm,

1) Dương-Hựu đời nhà Tấn, lúc làm Tổng-Trấn Tương-Dương, thường lên chơi núi Nghiện-sơn, sau chết, dân dựng bia trên núi kỷ-niệm, ai thấy bia cũng chảy nước mắt, thời ấy xưng làm Trụy-Lệ-bi.

Chân giày dặm cát trắng phao phao.
Cỏ-đắng nghìn trượng xuyên hang đá,
Bích-nhụ muôn tua rủ động-đào.
Cát nóng giữa truông ngồi nghỉ mệt,
Hơi thu bỗng đã lạnh nao nao.

Sáng bửa sau (tức mồng 2 tháng 7), đình trú ở chùa Di-Đà. Nhà chùa chật hẹp, không đủ chỗ chứa đông người, phải phân tán ở Quan-Âm-Đường và các nơi khác. Nghĩ ở tạm ít ngày, sẽ lên tàu về nước; chẳng cần làm thêm nhà cửa, sợ phiền khổ quân dân. Nhưng Cai-Bá chẳng dám làm trái lệnh Quốc-Vương, rạng ngày đã thấy tre gỗ tấp nập, buổi sáng khởi công, chiều đã làm xong tám chín gian liêu-xá, chính giữa dựng một gian nhà rộng để tiếp khách. Vì Hội-An là một mã-đầu lớn, nơi tập họp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại-Đường-Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thảy đều người Phúc-Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền-triều (nhà Minh). Phần đông phụ-nữ coi việc mua bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bản-xứ cho tiện việc thương-mãi. Cuối đường là cầu Nhật-Bản, tức Cẩm-Phố ; cách bờ bên kia tức Trà-Nhiêu, nơi đình bạc của các tàu ngoại quốc. Nhân dân đông đúc, cá tôm rau quả tập họp mua bán suốt ngày. Thuốc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận-Hóa không có thì người ta vào mua ở đây. Đại ước Hội-An đông nam bắc ba mặt gần biển, chỉ có phía tây đường núi liên tiếp, thông Tây-Việt và Đông-Kinh. Vì thế cách phía tây chừng mười dặm có đặt một nha trấn-thổ như Vương-phủ để phòng ngự lân bang. Khách trú đông đảo, sống thì làm ăn, đến lúc lâm chung, bơ-vơ lữ-thần, nắm xương đành gửi quê người. Ta nghe nói rất lấy làm động lòng, bảo Quốc-sư nói với khách Phúc-Kiến, thủ xướng mộ quyên, lập một nơi nghĩa-địa để quy tụ di-hài của những người quá-vãng. Ta Nhân làm một bài Dẫn như sau.

Trộm nghe:

Khánh sinh điều-tử, bè bạn thường tình,
Đắp điếm xương tàn, lòng người phước đức.
Vì thấy di-hài bộc lộ,
Thương thay lữ-thần bơ vơ.

Xa quê hương biết cậy nhờ ai,
Không giúp đỡ làm sao nên việc.
Nay nước Đại-Việt phủ Hội-An ấy,
Ngủ hổ tứ hải, trạm qua lại của thuyền bè.
Bách Việt bát Mân, nơi tập họp khách buôn bán.
Thiếu chi kẻ Đào-Chu (1) trí phú,
Há không ai Bào-Thúc (3) chia vàng.
Thương ôi ngòi rảnh chôn xương,
Phó mặc trâu dê dậm đạp.
Có kẻ quê miền Giang-Tả, làm sao trở lại Thái-hàng.
Có người sanh quán Hồ-Nam, khó nỗi quay về Hoành-Nhạc.
Quanh năm trôi nổi, những là nước mắt tuôn rơi,
Một phút nguy vong, thôi đã tay chân rời rã.
Đã không kẻ họ hàng thân-thích,
Lại ở nơi trời biển xa xuôi.
Oán chất trời thu, bơ vơ phách quế.
Mộng về cố quận, lấp lóe lữa trời.
Thi-hài bộc lộ ở hoang giao,
Tin tức ai đưa về cồ-lý.
Lợi danh theo mãi, thân thể hao mòn.
Hài cốt ai chôn, tớ thấy xa lánh.
Ai ngỡ nửa đường bỏ xác,
Thương ôi xứ lạ cô hồn.
Biết đâu tìm hỏi tăm hơi, phương trời nhạn lạc.
Luống những mong chờ tin-tức, buồng cũ bướm mơ.
Nhớ ngày nào khẳng khái bi ca, buông dòng nước chảy.
Nay xứ lạ chu toàn đắp điếm, nhờ khách qua đường.
Gạo cơm giúp bạn ngặt nghèo, gương tốt Phạm-Hy-Văn còn đó (4).
Bó cỏ viếng người quá vãng, thói hay Từ-Nhụ-Tử nên theo. (5)
Giúp đỡ nhau hạt gạo đồng tiền,
Ơn đức ấy ngậm vành kết cỏ.

---

2) Tức Phạm-Lãi, năm lần làm giàu, năm lần tán của.
3) Bào-Thúc chia vàng cho bạn là Quản-Trọng.
4) Tức Phạm-Trộng-Yêm, làm tướng đời Tống.
5) Hiền-sĩ đời nhà Hán.

Muốn lập nghĩa trang một sở,
Phải nhờ thiện-sĩ thập phương.
Kẻ ít người nhiều,
Công đức vô lượng.
Dám ví hạc về hoa-biểu. (6)
Xin cho trâu ngủ Giới-sơn (7).
Treo kiếm Diên-Lăng. (8),
Chôn cẩm Tử-Kính. (9)
Chớ từ hợp lực,
Bổ cáo đồng tâm.

Viết bài Dẫn trao cho người thủ-xướng để mộ quyên, Quốc-sư đọc xong, đính lễ thưa rằng : « Chùa Di-Đà nầy ở nơi xung yếu, khách vân-thủy thập phương qua lại đều nghỉ nơi nầy; nay vì lâu năm gió mưa đổ nát, tôi muốn tu bổ lại một phen, cúi xin Lão-Hòa-Thượng giúp cho một lời làm tiền dẫn. Lão-Hòa-thượng thường lấy bút mực làm việc Phật, chút tình bọc bạch, xin từ-bi nhậm lời ». Ta Nhơn làm một bài sớ để khuyến mộ tu-bổ chùa Di-Đà như sau :

Duy-tâm tĩnh-đỗ, tuy rằng khắp xứ hiện thành,
Tự tính Di-Đà, há dễ mọi điều đầy đủ.
Vô-vi ắt nhờ hữu-vi mới tỏ,
Chơn-đề phải nương thế-đề mới thành.
Luyện đá vá trời, khen ngợi Nữ-Oa tài giỏi.
Đem vàng cúng Phật, suy tôn Trưởng-giả thần thông.
Kỳ công toàn cậy sức người làm,
Thiện sự há khoanh tay ngồi ngó.
Nay nhân Phật-tự,
Dựng tự Đường-triều.

---

6) Đinh-Lệnh-Oai học đạo ở Lênh-Hư-Sơn, sau hóa làm chim hạc, đậu ở hoa-biểu mà kêu.
7) Đào-Khản đời nhà Tần, lúc gần đi chôn mẹ, thầy một Lão-nhơn chỉ bảo trước gò núi nơi có con trâu đương nằm ngủ, ở đó có một huyệt mã rất tốt.
8) Quý-Trát người nước Ngô, đi sứ ngang qua nước Từ-quân thấy có cây gươm bán có ý muốn nhưng không nói ra. Lúc Quý-Trát đi sứ về, Từ-quân đã chết, bèn treo gươm trước mồ để tặng. Diên-Lăng là phong-ấp của Quý-Trát.
9) Tức Lỗ-Túc, nghe bạn là Châu-Do chết, bèn chôn đàn không gảy nữa.

Chùa ở Hội-An, thông nẽo tám châu ba quận.
Tăng đến Đại-Việt, trên đường nước lại mây qua.
Cửa tiếp-dẫn mở ra,
Nơi an-thiền ở đó.
Phía đông trông ra biển, minh-hà liền Bột-hải thần-lâu,
Mười dặm cách phía nam, hoa thảo nhuốm Chiêm-thành xuân sắc.
Pha trà đồi Ngãi-sơn ngồi uống, tha hồ Cao-sĩ ngâm nga.
Hái sen quanh Sa-chiểu dạo chơi, mặc sức danh hiền hội họp.
Hải hồ ngừng bước,
Phàm thánh ở chung.
Đạo trường mỡ tự ngày nào,
Nhơn quả còn lưu hiện tại.
Tuy linh đài không biến hoại,
Nhưng ngày tháng có đổi dời.
Thời xưa đổ, thời nay xây, mặt Phật đương còn mặt người khác.
Ba ngày mưa, năm ngày gió, nhà tu xiêu đổ nhà trai hư.
Tượng Kim-Cương bùn đất ổ hoen, khó lấy tay không chống đỡ.
Cốt Di-Lặc gỗ cây mục nát, dễ đem lời nói tô bồi.
Khói lạnh hương tàn, rêu cỏ mọc đầy trù-thất.
Đông qua hạ lại, nắng mưa dầu dãi pháp-thân.
Tai nghe cũng đã thương tâm,
Mắt thấy dễ không động niệm.
Nay có Quả-Quốc-Sư phát nguyện tu-bổ,
Muốn cùng hão-tâm-Hán hiệp lực đồng tâm.
Chớ bảo Tây-phương mười vạn dặm, ngảnh mặt làm lơ.
Tuy rằng khổ-hải không bến bờ, quay đầu vượt khỏi.
Quan quyền dân giả, hãy mau nhờ bè pháp đưa qua.
Tín nữ thiện nam, chớ chờ đến cùng đường trở lại.
Có sẵn tín tâm là cực lạc,
Kịp thời quyên cúng ấy cơ duyên.
Sao cho đại-điện sơn-môn, lạc thành mau chóng.
Tất cả tăng-phòng trù-thất, mới mẽ sửa sang.
Biết một cây làm chẳng nên non,
Xin góp gió chung nhau làm bão.
Lòng lành vô lượng, vàng từ Tương-thủy tuôn ra.

Công-đức biết bao, của tợ phong lôi đem đến.
Trang nghiêm đã từng biết rõ,
Phước thiện chẳng cần nói nhiều.

Đến đây chưa bao nhiêu ngày, có những tăng nhân chưa kịp thụ giới trong ngày đăng đàn ở Thuận-Hóa, suốt ngày đến lễ. Tàu buôn vì cớ thâu tiền hàng chưa thanh khoản, nên chưa kéo neo ra cửa. Ta phải tâu xin Quốc-vương phê giấy, phàm quan quân ai còn thiếu tiền của Tàu buôn, bắt buộc phải thanh toán kịp kỳ hạn. Nhất định đến ngày mồng 10, dời thuyền ra đảo Tiêm Bích La, dự-bị củi nước ; qua ngày 15, 16 sẽ lên thuyền chờ xuôi cho kịp gió.

Tăng tục luôn luôn đến xin truyền giới, nhơn nghĩ còn mười ngày nữa mới khai thuyền, bọn chúng đã thành tâm khẩn cầu, tiếc chi khó nhọc hai ba ngày, không thành tựu cho vẹn toàn công đức ; bèn truyền rao xa gần, hẹn đến ngày mồng 7 truyền giới.

Đến ngày kỳ hẹn, tứ chúng giới-tử hơn 300 người, đều thụ giới hoàn tất. Khiến Quốc-sư và Hậu-đường cấp phát điệp-văn cho họ, mặt khác tư giấy trình Quốc-vương xin dùng ấn để đóng kiểm điệp-văn.

Khí trời đã sang thu, nhưng càng nắng gắt. Các tăng-chúng tùy trượng nổi nhau ngã nắng, phát hỏa-ban, thang thuốc chi cũng không lành, chỉ ăn dưa hầu uống nước lạnh là khỏi.

Phía hữu chùa, có miếu Quan-Phu-Tử, thờ tự rất huy hoàng ; đây cũng là Hội-quán Phúc-kiến, viên Hội-chủ xin một bài chúc-văn để đọc khi có cúng tế, bèn cầm bút viết cho một bài thư sau :

Chúc văn

Nên thánh nên thần,
Hay văn hay vũ.
Đọc sách thông đại-nghĩa, mắt từng xem một bộ kinh lân.
Báo quốc tỏ tình trung, lòng ôm giận ba phần chân vạc.
Lòng chỉ có Hán, Thọ-Đình-Hầu há chịu tước Tào-Man.
Mắt đã không Ngô, Kinh-Châu-Hội xem thường mưu Tử-Kính.
Thâu đêm cầm đuốc,

Treo ấn từ vàng.
Nhứt sinh giữ vẹn lòng trung,
Muôn thuở vẽ vang hiền thánh.
Anh hùng từ xưa, xưng vương xưng đế, chưa ai xưng Phu-Tử bao giờ.
Hào kiệt thiên-hạ, khen thẳng khen ngay, được khen tiếng thánh hiền mấy kẻ.
Cao nhân liệt sĩ, nghĩa-khí ngạo vương hầu, nhưng thấy tượng Mỹ-Diêm-Công, thảy đều thờ lạy.
Hiếu-tử nghĩa-phu, tôn thờ trong một xứ, nay sùng bái khắp thiên-hạ, đâu cũng cảm-thông.
Xứ xứ phụng thờ,
Năm năm tế tự.

Chúng tôi,
Gặp ngày Thánh-đản, ngày mười ba tháng năm, năm nay.
Dâng lễ điện tiền, hơn hai trăm sáu mươi đồng-chí.
Tôn-thần thượng hưởng,
Thánh đức phò trì.

Phục nguyện :
Sông trong biển lặng, mọi người đều hưởng phước thái- bình.
Nhà đủ người no, trăm họ thảy mang ơn bảo hựu.

Cẩn cáo.

Ngày 13 tháng 7, thuyền rời đậu chỗ khác, đem những vật hạng nặng chở trước, nhưng phải chờ đến ngày 15 mới ra đảo Tiêm-Bích-La, chừng ngày 20 mới lên thuyền để chờ gió. Vương khiến Phiên quan Thông-lại Đạo và sãi Thiết-phàm đưa ta về nước. Ngày 19 sáng sớm, Giám-quan chỉnh-bị 40 chiếc thuyền Điển-xá (thuyền đánh cá), chở ta bằng Hồng-thuyền. Sau giờ ngọ, mở neo, lúc ấy ta tuy mừng đã gần ngày về nước. Nhưng nghe tin gió, thế nước đã quá kỳ, chưa chắc đi được. Lo không nói ra, sợ điềm xấu. Đến cửa biển đậu lại, chờ con nước đêm để ra cửa. Canh ba, mọi thuyền đều khởi hành, rạng sáng đến Tiêm-Bích-La. Trên tàu định chia làm 12 « mã-ly » (chia từng ô để nằm), tuy chật hẹp nhưng vì hồi hương, nên cũng không quan tâm lắm. Vương sai người hỏi thăm, mọi thứ cần dùng, xem chẳng thiếu món gì, nhưng còn trở gió, nếu

trì trễ lâu ngày, cần trử thêm gạo nước, nhơn viết giấy giao cho công-sai trở về báo-cáo. Hai ngày sau, đã thấy chở đến 40 gánh vừa gạo trắng, vừa gạo đỏ. Ta rất lấy làm lạ lùng về sự tiếp tế mau chóng. Có người biết thưa rằng : « Trong ấy có đường voi đi, một lối đường tắt để thông hành khi có việc cần kíp, có thể một ngày đi đến Thuận-Hóa ; có lệnh truyền đến, các thuyền lương đậu trong cửa biển, lập tức chi phát, cho nên mau chóng như vậy ».

Nội-Giám Cai-Bá cáo từ lui về. Thuyền cũng chỉnh-bị, lấy thêm nước, chờ có gió là kéo buồm. Các tăng-chúng tùy trượng, lúc ở trong chùa Di-Đà, không một người nào chẳng lên ban phát nóng. Chỉ có ta chưa chi, tưởng chừng tránh khỏi ; ngờ đâu lên thuyền được ba ngày, đã phát nóng phát lạnh.

Mấy ngày liền đều thổi gió đông bắc, hơi mưa mù mịt, trông chẳng thấy núi. Những người lão luyện ở đây bảo rằng : trời đã « làm xuân ». Khí hậu nước Đại-Việt, lấy thu đông làm xuân hạ, trong mùa thu đông thường khi mưa dầm liên miên mây mù tứ phía, các khe nước đầy dẫy, đường vắng người đi. Những lúc ấy thứ gì cũng lên giá. Một bó củi 10 đồng tiền, nấu chẳng chín nồi cơm. Bởi thế người ở đây đều lo dự phòng mọi thứ, gọi là « Làm xuân ». Lúc ấy thì, trăm núi mịt mờ, mênh mông biển cả, thuyền chẳng dám rời bến đi xa,.

Chứng bịnh vì gió mưa thêm nặng, còn một chút hơi ngoi ngóp, nằm xẹp nép trong thuyền. Khiến sãi Thiết-Phàm chèo thuyền trở lại Hội-An đón thầy thuốc, luôn tiện báo cho nhà vua biết việc thuyền đương trở gió.

Đến ngày 27, quá ngọ, trời hơi tạnh, suốt đêm trời có sao, sáng ngày sa mù. Sáng bửa sau, tức tốc khai thuyền. Thuyền chủ vẫn lo gió không được thuận, phàn nàn bảo rằng : « thầy sãi sai đi chưa về, Lão-Hòa-Thượng đương đau, không có thầy thuốc thì sao » ?

Lòng về nóng như lửa đốt, bèn đốt đuốc thắp hương, day về hướng tây-nam quỳ lạy, đọc chú cầu gió. Chiều lại, gió tây-nam bắt đầu thổi, sãi Thiết-Phàm cũng đã về đến.

Qua ngày 30, đánh thanh-la nhổ neo. Mấy mươi chiếc điển-cô, (thuyền đánh cá) cột dây dắt thuyền ra cửa. Gió thổi thẳng buồm, đương khao khát trở về, lòng vui xiết kể.

Đêm ấy, Mộc-Loan chiêm bao thấy một người mình mặc áo cẩu, đai mão rất phong nhã, đương trong mộng, kinh ngạc làm sao chốn nầy có được người phong-nhã như thế kia ! Người ấy bảo Mộc-Loan rằng : « ngươi từng đọc sách Giới-Tử, tự nhiên biết ta. Còn về Lão-Hòa-Thượng, giúp nhau chẳng khó gì nhưng ta có lời báo trước cho biết ». Nói đoạn, người ấy cởi chiếc thắt-lưng bằng da giao cho Mộc-Loan và bảo rằng : « ngươi vì ta trao lại vật nầy cho Lão-Hòa-Thượng, nhân-duyên sau nầy đều ở trong ấy ». Tỉnh dậy, còn nhớ rành rành tất cả, thuật lại với ta. Chẳng hiểu ý gì, nhưng lúc ấy thuyền đang đi mau, chẳng để ý bàn giải.

Gió nam thổi dịu dần, thuyền chạy vát tới vát lui, chẳng tiến được bao nhiêu. Bỗng chốc mưa lớn, gió bắc thổi mạnh, thế không chạy tới được, cả thuyền đều lo ngại vì quãng đường Trường-Sa (Bãi dài). Ta khoác y vào niệm chú. Hồi lâu, phía đông-nam một trận gió bão nổi lên, đêm tối mây mù, ngữa bàn tay chẳng thấy. Mọi người đều sảng hồn, mường-tượng trông thấy rồng bay múa hai bên thuyền, ước chừng một canh, rồng bay đi. Khoảng đường gió bắc thổi đi nảy giờ, trong giây phút đã thấy thuyền trở lại chỗ cũ. Sau cơn mưa, màu trời sắc biển sáng suốt gần xa ; đến đây lòng về đã nguội lạnh hết vậy.

Sáng ngày, mây tạnh trời quang, xa xa trông thấy ngấn núi, cách chừng vài mươi dặm, vẫn thấy đảo Tiêm Bích-La. Theo gió xuôi vào sơn-cảng, người trong thuyền đánh trống tạ thần, đều giơ tay lên trán nói rằng: «Thực là sống sót ».

Luôn mấy ngày gió to sóng lớn, các thuyền nhỏ ở mé biển đều kéo lên bãi cát. Ta lúc ấy tuy nóng lạnh và đau bụng hơi bớt, nhưng ăn uống không được, vã lại bị sóng nhồi mấy ngày, thân hình gầy gò, chỉ còn xương tàn một nắm mà thôi. Mộc-Loan bảo với người hầu tên Diệc-Nhĩ rằng : « Nay trời biển như thế, coi mòi thuyền không chạy được. Nghe nói trên núi nầy có am thờ Quan-âm, sao không mời Lão-Nhân lên bộ, cho huyết mạch được lưu thông, may ra có thể ăn uống được. Vừa rồi nghe người ta nói, đến ngày mồng 6, chắc có gió lớn. Người xứ biển am tường sóng gió, không thể không tin. Há nỡ để Lão-Nhân trong lúc đương đau, cứ nằm chịu sóng nhồi như vậy » ? Diệc-Nhĩ không nói rõ với ta. Y lên bờ dạo xem, rồi đem hai chiếc thuyền nhỏ đến giục ta lên bộ. Lúc ấy, sóng gió dần dần nổi lên rất lớn.

Quan-Âm-Đường cách xa vài dặm, không thể đi đến. Ghé vào một ngôi nhà tranh nghỉ tạm; cửa nhà rất thấp, đi vào phải khom lưng tránh khỏi đụng đầu. Kiểu nhà gần biển, sợ gió thóc, nên đều làm thấp như thế. Vừa ngồi yên, sóng gió nổi lên đùng đùng. Đến đêm sóng gió lại càng dữ dội, cát bay đá chuyển, nhà lá đều đổ xiêu. Sóng đánh vào núi nghe ầm ầm, kinh hồn lạc phách. Ta may được mãnh đất gởi thân, nghĩ mấy người đương ở trên thuyền, gặp lúc hiểm nghèo, sống thác chỉ cách nhau sợi tóc, đêm nay sẽ lo sợ biết chừng nào. Nhưng đêm tối sóng to, biết làm sao được. Suốt đêm trằn trọc, nằm ngủ không yên. Sáng ngày, có người ở thuyền chạy lên, reo mừng « sống sót ». Tình trạng đêm qua như thế nào, thôi khỏi phải nói.

Qua một ngày, khí trời quang tạnh, ta gắng chống gậy đi ra ; hỏi thăm người bản-xứ, mới biết đây là núi Cú-Lũ (six), nơi Cát-Hồng xin bổ làm quan Lệnh ; tuy nay đơn-sa không còn, nhưng hình thắng rất tốt, chắc địa-mạch vẫn còn thiêng vậy. Mấy hòn đảo bao quanh như vành ghế, ở giữa một vùng đất bằng phẳng ; phía đông khuyết, có hai hòn núi, hai bên đối nhau như cửa ải, làm cửa cho tàu thuyền ra vào. Trực tiếp dưới hòn núi chính (chủ phong), có miếu Bản-Đầu-Công ; phía tả miếu chừng một trăm bước, có một suối đá, nước trong và ngọt, người trong thôn ra đó múc uống. Đàn Ông đàn bà đến suối tắm rửa suốt ngày, không khi nào hở. Sách Tục-Ký chép rằng : « Dân ưa tắm », thực quả đúng chẳng sai. Dưới chân núi, một bãi cát bằng phẳng hình bán-nguyệt. Có rãi rác chừng non trăm chiếc nhà gianh. Trừ những người già cả và trẻ con, có chừng 300 tráng-đinh, dân nội-tịch, sanh nhai bằng hai nghề đánh cá và hái củi. Cá mắm bảy mùi hôi, nhà nào cũng vậy. Núi toàn đá, cây cối rậm rạp, hoa quả khắp núi, làm đồ ăn cho chim chuột và mục-đồng. Ngôi miếu cũng khá rộng lớn, thần rất thiêng. Thuyền bè qua lại đều lên cầu cúng. Ta khiến Cai-Xã mở khóa cửa, người theo-hầu thắp hương ; xem thần-tượng, đọc phong-hàm, mới biết miếu thờ Hán-Phục-Ba Tướng-quân, người trong nước tôn xưng thụy-hiệu làm Bản-đầu-Công vậy. Kéo màn xem thần-tượng, thấy rất nho nhã phong lưu. Mộc-Loan thất kinh nói rằng : « người trong mộng tôi thấy đêm trước, giống hệt tượng nầy vậy ». Mới nhớ ra, « Giới-Tử-Thư » (10) là sách của Phục-Ba làm. Ngài cởi dây da đưa cho, là lấy nghĩa « Bội

10) Mã-Viện có làm Giới-Tử-Thư để dạy con.

vi » (11). Thần báo mộng rõ ràng, cho biết nhơn duyên còn nên hoàn lại, năm nay chắc chẳng được về vậy. Có một tấm bảng phẩn treo ở vách tường, trên có khắc một bài thơ thất-ngôn của Từ-Phu-Viễn, chữ bị bụi mờ, chùi ra còn đọc được. Bài thơ rất hay. Ta cũng bắt chước làm một bài viết lên vách như sau.

BÀI THƠ

Sóng xao cuộn cuộn, đá nham nham,
Hán-Tướng đền thờ đỉnh núi lam.
Giới hạn từ xưa non rẽ cỏ,
Bắc Nam nay thấy biển giăng buồm.
Gẫm trong thần mộng câu « tam phục »,
Báo trước ngày về thư một hòm.
Nghìn thuở oai linh lưu tượng cũ,
Trời thu bóng xế nước An-nam.

Một chiếc tàu hiệu « Mã-Tào (tàu ngựa) ra biển chạy trước thuyền ta mấy ngày, bữa nay cũng lui trở lại. Tàu ấy có tiếng chạy hay nhứt trên biển, bạn thuyền cũng tinh-nhuệ, đến nay đã ba lần ra chạy, đều phải trở lui; bởi vậy mọi người đều quyết ý « áp đông ». Áp-đông là một danh-từ dùng chỉ sự đình lưu qua mùa đông của các tàu buôn vậy. Thiết-Phàm ra báo cho biết Vương chưa trở về. Bồi hồi ta ngồi trên bàn thạch làm mười bài thơ « Cú-Lũ trở gió » như sau.

Bài thứ 1

Đã đi còn trở lại,
Sương gió động lòng quê.
Niềm vẫn lo thân phận,
Duyên còn vướng sơn khê.
Đảo hoang không vượn hú,

11) Hàn-Phi-Tử, thiên Quan-hạnh : « Tây-Môn-Báu, tánh cấp, thường bội vi dĩ tự hoãn » (Ngươi Tây-Môn-Báu có tính nóng, thường đeo dây da để hoãn tính lại). Nay chiêm bao thấy thần cởi dây da cho, ý thần bảo còn phải hoãn lại, chưa về được.

Gò cũ có chim về.
Gió bắc liên ngày thổi,
Trước rừng mưa dầm dề.

Bài thứ 2

Năm đã thu hầu nửa,
An-nam mới « làm xuân ».
Sóng mòi vang suốt sáng,
Mưa gió luôn cả tuần.
Khói núi un xanh biếc,
Nước khe chảy trắng ngần.
Dư-đồ-ký có chép :
« Ưa tắm tục phương-dân ».

Bài thứ 3

Điền-cô mấy chục chiếc,
Dây buộc kéo đưa tàu.
Chiêng trống tiếng vang dội,
Tây-Nam gió gặp chầu.
Trở về cảng « Cú-Lũ »,
Hỏi đền am Bãn-đầu.
Muốn cậy sức thần thánh,
Dương buồm về Quảng-Châu.

Bài thứ 4

Lưu-luyến ý thuyền chũ,
Chậm trễ bởi sương sa.
Nhơn tình nhường ấy đó,
Thời-tiết thế kia a !
Gió dịu thuyền khôn tiến,
Nước xoay chèo khó qua.
Quê nhà luống mộng nhớ,
Về trễ riêng gì ta.

Bài thứ 5

Cõi bờ đời Hán mở,
Huyện-lệnh Cát-Hồng qua.
Tu luyện vắng Tiên-lại,
Đền thiêng thờ Phục-Ba.
Núi gò đầy mưa gió,
Phưởng phất chuyện đơn-sa.
Chỉ thấy đoàn ngư mục,
Tơi nón dạo yên hà.

Bài thứ 6

Mình ồm lại say sóng,
Vào nhà lưng uốn cong.
Trời thu đương bão lớn,
Mái cỏ bị gió tung.
Đèn xóm leo heo ngọn,
Chim rừng ướt xụ lông.
Lênh đênh giữa dòng nước,
Thương mẫy gã tùy tòng.

Bài thứ 7

Sắc thu gượng dậy ngắm,
Chống gậy tới bờ khe.
Sầm vang, sóng dưới núi,
Cát nhoáng trăng bên đê.
Hoa trái quan cầm hái,
Vượn kêu đói thảm thê.
Chiều hôm buồm trở cánh,
Con vợ mừng cá về.

Bài thứ 8

Sinh nhai nghề chài lưới,
Vật thực sẵn cá cua.
Không lúa lo kiếm gạo,
Có tiền ra chợ mua.

Chiều màn nực mùi mắm,
Cây cỏ nhuộm màu thu.
Nam-Việt nay lưu trệ,
Ngày dài biết về đâu.

Bài thứ 9

Trăng thu dọi nhà cỏ,
Gió biển thổi rừng sâu.
Quê nhà mây nước khuất,
Đất khách gió mưa sầu.
Rùa biển nhào sóng giỡn.
Chuột đồng đứng núi kêu,
Giật mình trong cơn lạnh,
Bóng trúc ngã dầu dầu.

Bài thứ 10

Tặng ta rau một bó,
Nhìn nhau mĩm miệng cười.
Rau đâu xứ biển có ?
Thăm viếng cảm ơn người.
Tàu biển còn lưu trú,
Sứ Phiên chữa đến nơi.
Dưới trên không bè bạn,
Lòng quê luống bồi hồi.

Ngày ấy Thiết-Phàm đã đem thuyền đến rước. Chiều lại trở về Hội-An, Vương khiến Nội-Giám đưa thư đến, muốn phái Hồng-thuyền rước ta trở ra Thuận-Hóa để cung dưỡng. Ngặt vì trong mình đương đau, không chịu nổi đò giang nhọc nhằn. Bèn trở lại chùa Di-Đà, tu bổ nhà cửa để an trú đồ đệ. Ta sẽ kiếm thuốc thang điều-dưỡng, vui tình văn mặc, tiêu-khiển cho qua tháng ngày. Thong thả sẽ trở ra Thuận-Hóa, để yết kiến Quốc-Vương. Chẳng ngờ Vương nghe ta chưa về được, mừng rỡ nói rằng: « Ta khẩn khoản cầm Lão Hòa-Thượng ở lại chẳng được. Nay nhờ thần-gió vì ta ngăn lại, há chẳng phải vì nhân duyên túc thế, nên trời cố lưu Hòa-Thượng lại nước ta đó sao ? » Vương giục Quốc-Sư vào đón, nhưng vì

trời mưa lụt chưa đi được, bèn khiến triệt phương-trượng ở chùa Thiền Lâm, sửa soạn lại chùa Thiên-Mụ, sai người vào thỉnh ; kế tiếp được tin ta đương bệnh, chưa có thể ra được ; bèn khiến người đưa thư và nhơn-sâm vào cho. Ta thâm cảm tấm lòng quyến luyến của Quốc-Vương, làm một bức thư, khiến người đem ra đáp tạ.

BÀI THƠ

« Trước đây Lão-Tăng vạn bất đắc dĩ muốn trở về chùa cũ, điều đó Vương cũng đã thông cảm cho.

Lúc ấy Vương khẩn khoản bảo rằng : « Lão-tăng chẳng đình lưu được hai ba năm. Cũng nên rán ở chừng một năm, cho ta được thỏa chút lòng cung dưỡng ».

Lão-tăng nghĩ mình phước mỏng, buộc phải đau lòng từ biệt ; Vương thông lãnh văn võ bá quan, tiễn chân ra đến cửa biển, lên viếng cảnh Khuê-Phong, rồi cho thuyền đưa vào Hội-An, đến đảo Tiêm-Bích-La. Đến lúc Lão-tăng lên tàu, tiết thu đã muộn. Thuyền-chủ và đồng bạn đều bảo rằng gió bắc thổi mạnh, chẳng khá buông buồm. Lão-tăng niệm chú cầu gió nam. Qua ngày sau, gió tây-nam thổi lên, trống đánh chiêng hồi, dương buồm ra biển, đi được hai ngày đêm, gió bắc lại thổi lên, thuyền không đi được. Lão-tăng lại cầu gió. Chiều lại gió nam thổi thẳng buồm. Thuyền đương đi rất mau, bỗng gió bắc nổi dậy, mưa như trút vò, rắn múa rồng bay, trời long đất lỡ, cơ-hồ giữa bãi dài muôn dặm, chẳng khỏi bụng cá chôn thây Ta chỉ ngồi lặng thinh niệm chú. Trong lúc hoang mang bó tay chờ chết, bỗng một trận gió đông-nam đưa tnuyền trở lại đảo Tiêm-Bích-La. Nghĩ bụng trời cũng có ý khi nghèo trọng giàu, chẳng thế, sao thổi gió ngược làm gì, cho Lão-Tăng đi chẳng được đi, mà Quốc-Vương lại được toại nguyện « một năm cung dưỡng ».

Quốc-Vương nghe Lão-Tăng chưa đi được, mừng rỡ nói rằng : « Trời chìu lòng ước nguyện của ta vậy. » Bèn lập tức khiến Nội-quan phát Hồng-thuyền đón ta về Hội-An.

Lão-Tăng muốn ra triều-kiến ngay, nhưng vì sóng gió dồi dập hơn 20 ngày nay, hiện nay đương đầu nhức, bụng đau, phát nóng phát lạnh.

Các tăng-chúng tùy tùng cũng đều đau cả. Lão-Tăng đương phàn nàn vì đau chưa ra yết-kiến được. Thế mà chưa đầy nửa tháng., Vương lại đưa thư hỏi thăm và mỗi lần đều biếu cho nhơn-sâm. Lão-tăng thực thâm cảm, rất lấy làm áy náy. Lòng ân cần của Vương tỏ ra thầy trò chí tình. Nhưng luôn luôn phiền lụy Quốc-Vương, Lão-Tăng cũng chẳng biết lấy lời nào cảm tạ ; chỉ biết khẩn vái mây trời trăng biển, xin soi sáng cho « Thiên-Túng Đạo-Nhơn » của ta.

Ngày gặp gỡ chẳng xa, sẽ còn nhiều chuyện thưa gửi. Trời thu mưa gió, chẳng nói dong dài.

Mưa dầm luôn mấy ngày., nước sông tràn ngập. Đậu thuyền ngay trước cửa chùa. Khí-hậu dần dần trở nên mát mẽ. Có người hầu từ Thuận Hóa trở về, thuật chuyện khi yết-kiến, Quốc-Vương tỏ ý thân thiết mừng rỡ, hỏi thăm Lão-Hòa-Thượng ăn ngủ như thế nào ? Được biết Lão-Hòa-Thượng đương đau, Vương bảo rằng : « Nếu thể tùy Lão Hòa-Thượng phương tiện, hãy nghỉ ngơi điều-dưỡng, ngày nào muốn ra Thuận-Hóa, Ta sẽ sức bắt phu ngựa tiếp đón. Nhưng chớ mãi lưu luyến Hội-An, ta trông Hòa-thượng như nhà nông trông được mùa vậy. Nay đường xa cách trở, nhứt thiết cung dưỡng, không làm sao cho chu đáo được, lòng ta áy náy chẳng yên. Xin gửi vào một cây vãi Hoa-Lang (Pháp-quốc) và các thứ tơ đoạn, để Lão-Hòa-Thượng may thêm áo mùa đông ; còn các tăng chúng, đều may cho mỗi người một bộ áo vãi quyền » Quốc Vương lại sai một viên Nội-Giám theo vào hầu hạ.

Bãng-nhãn Văn-chức Thế-Nam, Vương-huynh Lệ-Tuyên-Hầu và Thiều-Dương-Hầu, nghe tin ta trở lại, đều mừng rỡ khiến người đem thư vào mời. Ta làm thư hồi đáp.

THƯ GỞI CHO VĂN-CHỨC THẾ-NAM

Lão-Tăng vốn là một người có tính quyết liệt, nhưng giờ đây, ở đi hai ngã, chẳng được tự-do theo ý muốn của mình.

Mùa thu trước mong Quốc-Vương thành khẩn cho mời, tự bảo dưới chân đã dứt mối chỉ hồng, chẳng còn bị ràng buộc, bèn nhảy tót ra núi, lên tàu thẳng đến Đại-Việt.

Từ ngày đến quý-quốc, mông vương-thần nhiều người quy y, cũng muốn cùng quý-công được bàn hoằn sớm tối.

Nhưng ở nơi chùa cũ có một cái câu móc « đại chúng » nó cứ móc mãi lòng ta, chẳng về chẳng được. Ở đây, Quốc-Vương muốn lấy quả neo neo ta lại, cũng neo chẳng được, ta chỉ muốn về chùa cũ mà thôi. Ngờ đâu Long-thiên ngoài biển, muốn hợp theo ý Quốc-Vương, chẳng dùng móc, chẳng dùng neo, chỉ dùng mấy trận bắc-phong thổi ta trở lại.

Muốn đi đi chẳng được, muốn ở ở chẳng yên, khốn tới khốn lui, bối hồi đạo lộ. Gần đây bị sóng gió dồi dập, phải lui lại dưỡng bệnh ở Hội-An, khác nào con chuột già chui vào sừng trâu, quay mình chẳng được ; co chân duỗi chân, nếu chẳng bị câu móc chùa cũ kéo lui, thì lại bị quả neo quý-quốc trì lại. Mấy ngày nay lại bị thổ-dân kéo đến quấy nhiễu. Thêm vào đó, trong ngoài ma quỷ, phá phách lung tung, làm ta phải mất công để phòng ngăn chống. Tìm đâu thấy giải-cứu Bổ-Tát, dẫu Phật Dược-Sư trở lại, cũng chẳng chữa lành bệnh ta.

Xảy vừa có người Tàu biếu cho một ít rau cải Nhật-Bản, ăn được vài bát cháo loãng, nghe trong bụng khoan khoái ít nhiều ; nhơn nghĩ làm một vài bài thơ, tiêu sầu khiển hứng ; nhưng nghĩ quanh nghĩ quẩn, nghĩ mãi chẳng được một câu. Ngẫu nhiên ra ngoài, ngồi xổm trên ván cầu nữa ngày mới nghĩ được một bài bát cú; trở về phòng nằm ngủ, lấy chăn trùm đầu, nằm trên gối nghĩ mẩn mò mãi, được thêm ý tứ một bài nữa ; làm luôn mấy bài, tính viết ra trình Quý-Công ; ngõ hầu trong bữa ăn gia đình, cùng với Cụ-Cồ, làm món quà cho các Ngài vỗ tay cười chơi cho vui.

Nay ta lại tiếp trước thư của Quý-Công, bởi vậy chẳng chờ làm xong thơ, vội vàng viết mấy hàng nầy gửi ra hậu bái.

Tuy tán tụ việc thường, chẳng cần bận nghĩ. Ta chỉ nghĩ, sau lúc chia tay, chẳng biết Quý-Công, ngoài giờ thăm viếng Cụ-Cồ, có từ tạ hết tục-vụ để lặng ngồi đọc sách hay chăng ? Trong lúc tuổi trẻ, một tấc quang-âm là một tấc vàng ; thế mà nhiều người coi vàng ấy như phấn-thổ, phung phí một cách rất đáng tiếc. Như Lão-Tăng đây, lúc tuổi trẻ cũng ham đọc sách, nhưng chỉ vì nhiều bệnh, nên học thư học kiếm, môn nào cũng không thành. Sau theo Hoàng-Diện Lão-Tử (Lão-Tử mặt vàng : Phật), học theo lối chẳng cần văn-tự, trải ba bốn mươi năm nay, gọi là có chút ít trí-thức ;

thường khi mở đàn chủ tiệc, có mấy trăm đại-chúng la liệt trước tòa ; nhưng tự xét kiến- văn hẹp hòi, vẫn lấy việc chẳng từng đọc sách làm hổ thẹn. Thường nghĩ, nếu lúc nầy cho mình được như lúc mới 21, 22 tuổi, ra công học hỏi thêm mươi năm nữa, đến lúc 33, 34 tuổi mới ra đời truyền đạo Phật-Tổ, chẳng là được thêm một phen sáng sủa hơn hay sao. Trong trời đất không ai đã già còn trẻ lại, chẳng qua chỉ mơ ước hảo huyền vậy thôi. Việc đời mười phần đã bỏ đi hết tám chín, ăn năn cũng chẳng kịp nào. Nay mừng Quý-Công sinh trưởng trong gia-đình lễ-nghĩa, trên có Cụ-Cố là bậc đại-thần đương triều, tả hữu có thầy hay bạn giỏi vùa giúp; chẳng qua mười năm mài kiếm, đã hay ra biển chém rồng, còn gì sung sướng hơn nữa. Chỉ sợ lãng-phí thì-giờ, nên lấy lời hồi hận của Lão-tăng, làm roi quất bóng ngựa Truy-phong vậy.

Quá yêu Quý-Công, hạ bút nói thẳng, lỗi lầm xúc phạm, xin rộng lòng tha thứ cho.

Bài thơ phúc Lệ-Truyền-Hầu, anh thứ hai của Quốc-Vương.

Gấp gấp muốn về, vội vàng từ biệt ; trong lúc bồi rồi công việc, được anh em Hiển-Vương tiễn đưa một đỗi rất xa.

Vào đảo Tiêm-Bích-La, đã lên tàu vượt biển ; chỉ vì gió nam chẳng tiện, buộc lòng phải trở lộn lui.

Lại được Hiển-Hầu khiến người đem thư thăm hỏi, mới biết trong khoảng tháng tám, Hiển-Hầu được gia quan thăng lộc, chẳng xiết vui mừng. Một bậc lang-miếu nguyên-huân, chẳng bỏ rơi kẻ già nua ngoài cục, ấy là chỗ hơn người của Hiển-Hầu vậy. Tưởng tượng : trung-thu giai tiết, trong lúc Hiển-Hầu được dâng rượu, chắc có xướng bài « Thụ vinh hoa phú quý trường xuân ». Lão-Tăng nên chống gậy vượt núi ra nói với Hiển Hầu rằng : « Người học đạo tại gia chẳng bị công danh phú quý mai một, nếu ở trong phú quý biết dùng công-phu, cũng sẽ đi đến kết-quả tốt đẹp. Lời xưa bảo rằng : « Xứ xứ lục dương kham hệ mã, gia gia hữu lộ đáo Trường-an », (Nơi nào cũng có cây dương để buộc ngựa, nhà nào cũng có

đường đi đến Trường-An) là vậy đó». Chúng ta sẽ cùng nhau nói chuyện mươi ngày cho thỏa thích, một là để mừng Hiển-Hầu, hai là để mở lòng, ba là vì học đạo, một dịp được làm ba việc tốt, còn gì vui hơn.

Nhưng nay Lão-Tăng còn yêm lưu ở chùa Di-Đà, vì bị sóng gió dồi dập mấy bữa trên tàu, vừa thổ vừa tả, gân cốt rã rời, chỉ còn mấy đoạn xương cứng chưa gẫy mà thôi. Hằng ngày đương chống chỏi với ma bệnh, cũng tưởng mượn bệnh để qua loa cho rồi việc, ngờ đâu bệnh chẳng thành bệnh, việc chẳng thành việc, ngơ ngơ ngẩn ngẩn, nghĩ cũng buồn cười.

Nay được ngài hỏi đến, xin cho thư thả ít ngày, hết bệnh sẽ ra hầu. Trong bụng còn bao nhiêu chuyện muốn nói, thư chẳng hết lời, xin chờ ngày gặp mặt.

Thư gửi Thiều-Dương-Hầu, vương-huynh thứ ba.

Đại-Sĩ Đạo-thể không được yên. Lão-Tăng cũng đương đau, không thể bay đến hầu thăm, trong lòng rất lấy làm ân hận. Người ngoài cuộc chẳng có gì hệ lụy, chỉ thiên giai tri kỷ, đạo nghĩa ưa nhau, chưa được hầu thăm trước giường, làm sao khỏi ngùi ngùi tắc dạ.

Vừa tiếp lai-thư, mừng rỡ khôn xiết. Vâng lời dạy rằng : « Tình đời ấm lạnh, biến đổi chẳng thường ». Xưa nay đều than như vậy, nhưng biết đâu cả thế-giới chỉ có một chữ lạnh, làm gì có chữ ấm, điều đó Hiển-Hầu đã biết rõ, khá phát một trận cười dài.

Trong ngày Thọ-Đản, Lão-Tăng lú lẫn, không ra chúc mừng, thật có lỗi rất lớn.

Gần đây, khách-song vừa ôm dậy, chấm mực vẽ được một bức « Thương tùng điệp chướng » (cây tùng xanh trong rặng núi), để từ một câu : « Chỉ tại thử sơn trung, vân thâm bất tri xứ » (chỉ ở trong núi ấy, mây kín biết nơi nào), xin gửi dâng để hình dung dáng điệu cỗ kính của Hiển-Hầu ; tuy chẳng tả hết cao-hoài, cũng chút tỏ bản sắc của Lão-Tăng vậy. Chẳng biết có xứng đáng với tình cao đức tốt hay chăng. Lão thảo đôi lời, ý riêng khôn tỏ.

Ngày nọ ốm dậy, đương ngồi ở nhà cỏ, có khách ghé qua hỏi rằng : « Mùa xuân sinh, mùa hạ lớn, mùa thu thâu liễm, mùa đông tàn tạ, ấy là khí hậu chánh của bốn mùa. Chỉ có nước Đại-Việt trái hẳn, thu đông mưa gió, muôn vật tốt tươi, đến xuân hạ lại khô héo hết, tại cớ sao vậy » ? Ta trả lời rằng : « trời đất rất lớn, khó lấy danh-từ để chỉ rõ, đại-ước chỉ một khí xoay vần chẳng nghỉ, chẳng có thu đông riêng biệt, cũng chẳng có khí-hậu chánh với bất chánh khác nhau ; chẳng qua tự người ta gượng lập danh-từ, theo thói quen để gọi vậy thôi. Do một khí chia ra làm âm dương, định theo phương-vị thì đông nam thuộc dương, tây bắc thuộc âm; tây-bắc là núi, đông-nam là biển ; núi thuộc dương sinh ra âm-phương, biển thuộc âm sinh ra dương-vị, ấy là âm-dương sinh ra phương-vị, đắp đổi làm « thể, dụng » lẫn nhau vậy. Chúng ta thấy rằng số lẽ (cơ) là gốc của số chẵn (ngâu), số chẵn do số lẽ sinh ra ; độc dương chẳng sanh, cô âm chẳng trưởng, đông nam dương-vị, nhiều nước, làm dương-chất mà âm-dụng. Do đó mà phân tách, thì nước cũng là âm dụng mà dương chất. Nước mặn ban đêm phát ra ngời sáng, ấy là một chứng-nghiệm. Nước Việt ở về cực-nam, chung quanh bao bọc bởi biển, thuần-âm làm dụng mà hàm có chất dương ; đến thu đông là mùa cùng âm, đất mỏng nước nhiều chất dương bị xao động không giấu chặt được phải phát tiết ra, rồi xông bốc lên thượng tầng, khí âm sa xuống làm mưa mốc tưới nhuần muôn vật; dương-phương đất ẩm, muôn vật nhờ vậy mà phát sanh. Còn ở tây bắc-phương đất dày, trong mùa thu đông, dương-khí giấu nép, khí âm ngưng ở thượng tầng, không giao thông được với khí-dương, sa xuống làm sương tuyết, làm cho muôn vật bị tàn tạ. Ấy là điều dễ biết, có thể nói được. Đến như Tạo-vật mịt mờ, không đầu không cuối, có điều chỉ lấy thần trí mà lý-hội, không thể lấy lời nói mà giải rõ được. Điều đó, kẻ cư-sĩ nầy chẳng sao biết được ». Khách nghe nói vâng lời lui ra.

Nhơn khí-hậu bất đồng như thế, nên người bản chất bắc-phương đến đây hay sinh bệnh, thêm vào điều dưỡng không đúng phương-pháp, bệnh dễ sinh nặng. Trước đây mấy ngày, được tin người hầu tên Cỗ-Nhai người Giang-bắc, vừa qua đời ở Thuận-hóa. Nay chủ-nhơn Điểm-Ba-Đường, người Sơn-Tả, cũng vừa viên-tịch ở Hội-an. Vẫn biết sống thác do mệnh trời, nhưng người ta cũng có quyền di-chuyển. Sự đau yếu chết chóc, phần nhiều cũng do bắc nam bất phục thủy thổ mà ra.

Ngày tống chung Điểm-Ba-Đường chủ-nhơn, Phiên-trấn phái mấy trăm quân-nhơn phục dịch, đao thương cờ phướn bày la liệt thẳng đường, tất cả dân-chúng Hội-An đều đến đưa đám. Ta châm lữa làm lễ đắp mồ.

Đại phàm những kẻ tu hành chưa sáng tỏ « bát thức » (12), trong khi ngọa bệnh, đau đớn rên la, tỏ ra trạng thái không chịu nổi. Ta viết mấy lời sau đây, để an ủi Điểm-Ba-Đường trong lúc đương đau :

« Khoan nói, trên đời muôn việc đều giả, cho đến tấm thân của chúng ta cũng chỉ giả hợp mà sinh ra. Có sinh thì có lão, huống-hồ trải qua gió mưa sáng tối, rét nóng đổi thay ; mừng giận không thường, ăn uống lỗi độ ; trăm lo dồn dập, tứ đại (13) khó hòa ; hơi xúc phát một chút là trăm bệnh đều sinh, theo sau lại có một cái chết đi đến, làm sao khỏi chân tay rụng rời cho được. Lão-Đam nói rằng : « Ta có cái lo lớn, vì ta có cái thân ». Cỗ-thánh tiên-hiền, sở dĩ coi cái thân làm cái lo lớn, vì biết rằng người ta bị ngũ dục (14) kéo lôi, thất tình ràng buộc ; đã sa vào khổ-hải, nghìn đời muôn kiếp không thể thoát ly. « lở một bước trăm năm ôm hận, quay đầu về chín suối làm ma », đau đớn biết chừng nào. Chỉ có một đường giải thoát, ấy là đường minh đạo. Đức Khổng-tử nói rằng: « Buổi mai nghe đạo, chiều chết cũng được vậy ». Nếu chẳng minh đạo, thì dẫu ở thiên-cung vui vẽ, rốt cuộc cũng chỉ bị thiêu đốt bởi muôn nghìn khổ não mà thôi. Bởi thế đức Đại-giác chẳng màng Kim-Luân vương-vị, vui sướng giàu sang, đương đêm vượt thành, vào học đạo ở núi tuyết. Nay ví khiến đem địa-vị Đại-Giác cho ta, được trở lại xuất thế độ sanh, chịu nhân thiên tứ chúng cung dưỡng ; thì phước điền tam giới, ta chỉ xem như nơi dơ uế, nhắm mắt bít mũi, chạy tránh đi không kịp, há lại chịu dấn thân vào đó làm gì. Vì có thân là có khổ, chỉ có một cái thân đã chịu khổ không rồi, lại còn đa mang thêm khổ lụy khác làm gì nữa. Chẳng những lúc già nua lẩm cẩm là khổ, lúc thơ ấu không biết chi cũng đã khổ lắm rồi ; chẳng những bị bệnh hoạn đau đớn là khổ, dẫu vô bệnh mà đa dục cũng đã khổ rồi ; chẳng những

---

12) Tức Nhan-thức, nhĩ-thức, tỷ-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, mạt-na-thức (thức nầy lấy tư-lượng làm tự tính) và A-Lại-Na-Thức (tức tàng-thức, thức nầy nhiếp tàng hạt giống. Người ta luân hồi tam giới lục đạo, thức nầy làm chủ nghiệp-báo ; lúc gần chết, thức nầy tức lìa ra khỏi xác).

13) Xem phụ-chú số 25, quyển III.

14) Phật-gia gọi sắc-dục, thinh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục, làm ngũ dục. Còn Đạo-gia gọi dục thứ năm (xúc dục) làm tâm-dục ái-tăng (yêu ghét).

đến lúc chết mới có cái khổ biệt ly đau đớn, lúc chưa chết bị điên đảo thác loạn cũng đã khổ rồi. Chẳng những nghèo hèn nhỏ mọn, không nơi nương nhờ là khổ, cho đến giàu sang kiêu ngạo, khinh bạc phóng túng để cầu vui, cũng đều khổ cả. Than ôi, người đời si mê, nếu biết vui là mầm khổ, tức khắc biết cảnh giới cực khổ là con đường để cho ta phát tâm cầu đạo vậy. Những người không lo giải thoát, cam tâm trong cái thú khổ ấy, khác nào con bọ-hung, nằm trong đống phẩn, tự cho là suốt đời hưởng thụ không cùng ; trong đống phẩn ấy vui thú biết bao, mặc ai đá ngữa xô nghiêng, bọ-hung vẫn khư khư ôm phẩn. Nghiệt chướng tham luyến, chẳng ai cứu khổ điếm mê, những loài ấy bất tất nói đến làm gì. Còn như chúng ta đây, cắt đứt tình yêu, lìa bỏ thân-thích, xa trần lánh tục, học đạo tham thiền thì phải cần nghiên-cứu lẽ sinh tử cho rõ ràng mới được. Chẳng thể thì mang y cầm bát cũng chỉ vô ích mà thôi. Có kẻ bảo, nối gót theo thầy, chuyên cầu học đạo; chẳng ngờ càng cầu càng xa, đạo chẳng thấu rõ; năm lại tháng qua, rồi dần dần già đến, bệnh đến, khổ não xúm đến, cho đến lúc đường cùng chiều xế, khốn tới khốn lui, chẳng biết kẻ làm thầy người sẽ liệu cách nào để đem đường chỉ lối ? Thương ôi, đạo chẳng xa người, chỉ người tự xa đạo mà thôi. Ta với ngươi sớm cùng Phật dậy, tối ôm Phật nằm ; ấm lạnh đói no, chẳng từng lìa Phật nữa bước, nằm ngồi đi lại, thảy đều có Phật ở chung. Chẳng qua vì gần hóa quên, giáp mặt như xa nghìn dặm. Khác nào người thường thế-gian hằng ngày đeo đuổi đường danh nẽo lợi, xây lưng sấp mặt, chẳng lo tìm hướng sáng trở về ; cho đến khi thân ốm tuổi già, mới chợt thấy mọi việc chẳng vui, đường nào cũng khổ ; muốn cầu giải thoát, bó tay chẳng biết làm sao. Nếu kẻ học đạo chân chánh, thì chẳng lấy vui làm vui, lấy khổ làm khổ ; «già » là ông thầy dẫn đường chỉ nẽo cho chúng ta, « đau » là thuốc hay, « chết » là rượu ngọt. Nếu chẳng già thì ai chịu nguôi lòng, chẳng đau thì ai chịu lui bước, mà chẳng chết thì ai chịu tu hành. Như Lão-Tăng mấy năm gần đây, ôm chứng đau bụng, không ngày nào không tương đối với cảnh bệnh cảnh già. Đã không tránh khỏi, thì trong cảnh già bệnh, mặc cho năm tháng tiêu mòn, ta cứ an tâm để chờ chết vậy. Nay tuy chưa chết, nhưng thiên-hạ chẳng có người không chết bao giờ. Ví khiến có người không chết, cũng chẳng qua « xa trông núi có sắc, gần lắng nước không tăm », vậy thôi. Huống chi gần đây ta đi trên tàu biển, bị sóng dồi gió dập, phát hàn phát nhiệt, vừa thổ vừa tả ; đến lúc đau quá không thể làm sao được, ta bèn lạnh lùng nhìn đời,

kiểm điểm lại cuộc đời của ta từ đầu: Quang cảnh 30 năm trước, lúc mới ra đời, không còn một tý sinh-khí, chỉ là một vị Hòa-thượng chết, té ra chết rồi khó được sống lại. Kể đó 10 năm, hơi có ý sống, làm nên vị Hòa-thượng sống, chẳng ngờ sống rồi lại khó được chết. Lại 10 năm gần đây, nghe có chút tăm hơi động đậy, lại trở nên một vị Hòa-Thượng chẳng sống chẳng chết, ôm cái đãy da, chạy đông chạy tây, quản bao đất lở trời long, qua một ngày hay một ngày, gặp việc nào làm việc ấy. Nếu ngày nay được chết cứ chết, chẳng chết lại chờ đến ngày mai, nếu năm nay chẳng chết chờ đến năm sau, năm sau cũng chẳng chết thì tháng tháng năm năm lại cứ trôi qua như vậy. Tuy vậy, chẳng thấy chết đến, vẫn thấy cái già đến làm bầu bạn, cái bệnh đến đòi thuốc thang; một đôi lúc được chút tự tại tiêu dao, lại chẳng tránh khỏi thái cực sinh bỉ. Lại còn một bọn ngu dốt làm quái làm ma, bới lông tìm vết, bày đặt bao nhiêu chuyện thị thị phi phi ; những chuyện thị phi ấy chẳng phải có rõ ràng, chỉ từ trong bóng tối, quấy cho sóng động mời xao; vì lòng ghen ghét, bày chuyện đặt điều, làm cho người ta không chịu nổi để khoái ý riêng của mình. Nhưng ta vẫn chẳng núng chẳng nao, rồi mọi việc đều vô ảnh vô tông, trôi xuôi theo dòng nước chảy. Ta lại nhờ mọi thử thách ấy làm cho ý-chí càng tinh, hành nguyện càng vững ; càng mài càng chẳng mòn, càng nhuộm càng chẳng đen, ấy cho biết bọn qủy-sứ làm bậy ấy, chẳng phải ganh ghét tranh đua ; chúng nó là thầy nghiêm bạn tốt của chúng ta vậy.

Mỗi lúc chờ cái chết đến, chết vẫn chẳng đến ; thừa dịp cái thân của ta chưa chết, ta hãy cho cái tâm chết trước; khiến cái chẳng chết ấy chết trước, tự khắc biết chết mà chẳng chết vậy. Điểm-Ba-Đường-Chủ nếu chẳng cho lời ta là sai, hãy nên lấy tam muội (15) của ta đã dùng, mở mắt nhìn cho kỹ, nếu ở trong Điểm-Ba-Đường làm được chủ, thì ở đâu lại chẳng khá làm chủ ; chẳng những lão bệnh đến, cho cái chết đến ngay trước mặt, cũng vất hết đều coi như không ; bao nhiêu sanh lão bệnh tử gọi là khổ ấy, cũng đều trở nên đại-giải-thoát-trường cho ta vậy. Thấu hiểu đến chỗ đó, thì mọi cảnh tiêu dao, toàn thân khoái lạc ; chẳng những không khổ, lại còn được vui ; Điểm-Ba-Đường Chủ-nhợn sẽ vỗ tay cười hả-hả vậy.

---

15) Tam-muội cũng gọi là tam-ma-địa, nghĩa là chính-định, tịch-mịch, không tà loạn.

Qua ít ngày có ai-tín Chưởng-Thanh Tả-Xu-Mật đưa đến... Chưởng Thanh là một vị đại-thần rường cột nước Đại-Việt, giữ chức Cơ-mật, luôn bồn triều vua, lão-thành luyện đạt, trung-hậu, trầm nghị, có dũng-lược hơn người. Trong lúc Chiêm-Thành gây hấn, ông phụng mạng cầm quân đánh dẹp, thắng luôn mấy trận, chém tướng bắt vua Chiêm-Thành, mở thêm đất đai cho nước nhà hơn vài nghìn dặm ; làm cho quân xà-qủy Hắc-man (mọi đen qủy rắn), nghe danh ông đều vở mật. Quân ông đi đến đâu, một mãy của dân, cũng không đụng chạm, nên rất được lòng dân. Sau khi đã ca khúc khải-hoàn, bọn chúng đền nay vẫn còn mến đức. Ông có 5 con trai đều làm quan tại triều. Quốc-Vương sắp bổ nhiệm ông làm Trấn-Thổ Đại-tướng-quân để coi việc biên phòng. Năm nay ông 63 tuổi, bỗng một hôm không đau mà chết. Quốc-Vương thương xót sa nước mắt, bỏ cơm không ăn. Gần xa mọi người nghe tin thảy đều đau xót. Từ ngày ta mới đến, cùng nhau qua lại rất thân. Sau ông quy y làm Bồ-Tát-Giới đệ-tử. Tin buồn đưa đến, ta rất lấy làm thương tiếc vô cùng, bèn khiến Tự-phó sắm lễ nghi đem qua phúng điếu. Ta làm một bài thơ và một bài tựa để ai-vãn, và viết thư an ủi 5 công-tử.

BÀI TỰA

Trộm nghĩ,

Trượng-phu lập công-danh với nước nhà, dầu đền khi nhắm mắt về thần, sinh-khí vẫn còn mãi mãi.

Anh-hùng ra chinh chiến ngoài biên-ải, chờ đến lúc gia-phong tặng thụy, công-luận mới thấy rành rành.

Sống đội ơn vua, tiếng tăm lừng lẫy.

Thác còn kỷ-niệm, hương khói phụng thờ.

Thú điền-viên chưa rủ áo lui về.,

Ngày chung-cục đã nắp hòm sớm đậy.

Công-nghiệp thật đáng ca đáng vịnh,

Nhơn-tài gồm hay võ hay văn.

Nay kính,

Đại-tướng-quân Chưởng-Thanh Nguyễn-Công,

Tôi giúp bồn triều,

Công cao một nước.

Sinh trưởng chốn phân mao Cú-Lũ, công-danh nỗi gót Phục-Ba (16).
Hiên-ngang ra đầu bút nhung-hiên, chí-khí noi gương Định-Viễn (17).
Dưới mắt không tám nghìn đệ-tử,
Trong bụng có trăm vạn giáp binh.
Hăm hở huơ roi, chẳng đợi nghe gà vùng múa tít (18).
Nghinh ngang vào tiệc, rắp toan mò rận nói ba-hoa (19).
Dốc một lòng tổ-quốc đền ơn,
Gặp phải lúc biên-cương nhiều việc.
Dựng cờ mở phủ,
Cầm búa lên đàn.
Bắt vua Chiêm-Thành, Ô-Man không dám làm phản.
Chém tướng Chơn-Lạp, Nam-Thùy từ ấy khỏi lo.
Dẹp giặc một giây,
Đầy mình can đãm.
Trải nguy hiểm chẳng nài công khó nhọc,
Ra chiến-trường cũng vẫn thú phong-lưu.
Rửa giáp đầu gành, chung hưởng ân-cao cùng tướng sĩ,
Phất cờ ngoài ải, mừng xem lộ-bố khắp trong ngoài.
Cầm thơ chẳng thiếu mặt hiền hào, tướng quân vốn có khách bạn.
Trụ thạch hẳn nên trang phụ bật, chúa thánh há không tôi hiền.
Theo Xích-tùng toan nỗi gót tiên-gia (20).
Tựa đại-thụ há giấu mình đại-tướng. (21)
Trên đảo thần tiên đang họp
Nhơn gian vui thú còn nhiều.
Bỗng tướng tinh sa xuống tây-phương.
Khiến hạc-ảnh trở về hoa-biểu (22).

---

16) Mã-Viện đời Đông-Hán được phong làm Phục-Ba tướng quân.
17) Ban-Siêu đời Đông-Hán Minh-đế, được phong làm Định-Viễn-Hầu.
18) Tổ-Địch đời nhà Tấn lập chí muốn khôi phục Trung-nguyên, mỗi lúc nghe gà gáy dậy tập múa gươm.
19) Vương-Mạnh ra mắt vua Tần, tay mò rận mà bàn việc thiên hạ, vua Tần dùng Mạnh làm thừa tướng.
20) Trương-Lương từ quan theo Xích-Tòng-Tử, tịch cốc tu tiên.
21) Phùng-Dị đời Hán-Quang-Vũ, tính chẳng hay khoe khoang, mỗi lúc đánh giặc hơn, các tướng luận công, ông chỉ đứng nép dưới gốc cây, người ta gọi ông làm Đại-thụ tướng quân.
22) Xem phụ-chú số 6.

Bia trụy-lệ Ngãi-sơn còn đó, nào người đai rộng áo dài (23).
Tượng truyền-thần Thảo-Xá còn đây, nhớ kẻ quạt lông khăn xéo (24).
Người dầu mất tiếng tăm còn để,
Công đã cao tài-nghệ ai bì.
Cháu con hưởng lộc muôn đời, may được đài-mây nối gót.
Sắc mạng ban ơn chín bệ, càng thêm suối-bạc vẽ vang.
Lão-tăng,
Chút phận bèo mây, muốn đọc thơ liệt-sĩ về già, mà hùng-tâm chẳng dứt.
Chưa vào bờ cõi, chợt nghe tiếng man-di vỡ mật, mà hào hứng muốn bay.
Ngọc sáng tuy chưa được xem,
Thô sơ đã có hơi biết.
Khúc Ba-Lý (25) lời quê chắp nối, bày tỏ tấc lòng.
Ca khải-hoàn vẫn cũ tiếp theo, tuyên dương dưới trướng.
Dám bảo dùi-Mao sắc bén.
Trộm nhờ giáp tượng vẽ vang.
Lời một nhà chưa tỏ hết bình sinh,
Truyện trăm tướng xin viết thêm vài đoạn.
Dỡ câu dỡ chữ, chẳng nên ngọc tốt vàng tinh.
Càng thấy càng kỳ, tự có rồng thêu cọp chạm.
Âu ca khí tiết,
Mô tả anh-hùng.
Chia lũy văn-đàn, ai dám xưng làm kình định.
Dâng công linh-các, ta nên theo thứ an dinh,
Chớ hiềm trên giấy luận binh,
Chút tỏ bên sông múa giáo, mà thôi vậy.

BÀI THƠ AI-VĂN

Nay vừa thạnh hội, hiền-triết giáng sanh. Thân-Phủ giáng thầu (26). Phó Duyệt sanh thánh (27). Tinh quang chiếu ảnh, nhật nguyệt trùng luân.

23) Xem phụ-chú số 1.
24) Di-tượng của Khổng-Minh, luân cân vũ phiến.
25) Ba-Nhơn Hạ-Lý là bài ca khúc rất dỡ, ấy là lời nói khiêm, tự cho văn mình không được hay.
26) Kinh-Thi có câu « Duy Nhạc giáng thần, sinh Phủ cập Thân ». Doãn Cát-Phủ và Thân-Bá là hiền tướng của nhà Châu.
27) Phó-Duyệt, hiền thần giúp vua Thành-Thang.

(28). Kìa nước hải-tân, đức vua chói sáng. Dùng người xứng đáng, hội hộp quần anh. Mạnh mẽ can thành. Đường hoàng hầu bá. Dùng người hiền giả, giúp con cháu sau. Nước cũ cây cao, ngọn ngành tươi tốt. Bốn triều rường cột, có Ông Chưởng-Thanh. Vượt sóng chém kình. Miễu đường thủ-hiến. Trâu Ngô chẳng suyễn, lúa mạch hai bông. Ba mùa được thông, chó đêm chẳng sủa. Ra tay giúp chúa, một cột chống trời. Văn-đức trị đời, binh cách chẳng chuộng. Mán mường ngu suẩn, dám phạm biên-thùy. Nổi giận tức thì, đem quân tiễn đánh. Dựng cờ phát lệnh, nhạc ngựa rinh rang. Thắng toán sẵn sàng, quân thù mất vía. Đánh tan thành lũy, đột trận tung hoành. Nghĩa kỳ phất lên, muôn dân đón rước. Theo về như nước, yên ở làm ăn. Diệt kẻ gian manh, cứu dân trăm họ. Thắng trận cờ đỏ, báo về Vương-Kinh. Danh toại công thành, quốc-vương ban thưởng... Đời đời cửa tướng, phú qúy công danh. Thương bậc lão-thành, sao trời nỡ phụ. Cột nghiêng kèo đổ, vua tiếc quan thương. Dân khóc đầy đường, quân sầu khắp trại. Minh sanh thờ lạy ; bia đá ghi công. Ân huệ ghi lòng, cảm thương xiết nỗi. Mờ mờ chín suối, Quân-hầu ngậm cười. Tử-phòng xa chơi ; Lý-Bí quy ẩn. Khuông phò quốc vận, soi gương Hàn Bành. Đương triều trâm anh, ông sao như vậy ? Đông-phương ẩn-sĩ, Lão-Tử Châu-Khanh, thoát xác lìa hình, công danh chẳng mộ. Hành tàng kim cổ, chẳng khuyết chẳng đầy. Trường-canh sáng ngời, linh-quang một điểm. Vịnh-ca truy niệm, thần nghe hòa-bình.

BỨC THƯ AN ỦI XU-MẬT CHƯỞNG-THANH CÔNG-TỬ :

Trở gió tại đảo Cú-Lũ, chưa được hoàn sơn ; trong lúc đương đau nằm tại chùa Di-Đà, bỗng được tin Chưởng-Thanh Xu-Mật-Công đã tạ thế. Xu-Mật-Công là một đệ tử quy y rất xứng ý của lão-tăng... Vừa được tin, Lão-tăng liền chắp tay niệm Phật, nhưng trong lòng chẳng mảy may thương tiếc xót xa. Vì cớ sao vậy ? Trong nước Đại-Việt quân dân, đàn ông đàn bà ai chẳng biết Chưởng-Thanh Thái-Ông, là một người chánh trực lập thân, trung-lương giúp nước, phò nguy cứu nạn, vui đạo ưa lành ; nay đương hóa thân tòa sen, thượng-sanh thượng-phẩm, ta rất mừng cho người chẳng xiết, có gì phải bị thương.

---

28) Nhật nguyệt trùng luân là điềm thái-bình.

Nhưng trong phút chốc bỏ vợ lìa con, bỏ năm vị Hiền-Công và tôi tớ trong cả phủ, sao cho khỏi kêu la than khóc, theo bóng trông trời, suy nghĩ không biết vì đâu. Rồi oán trách báo ứng đạo trời, sao quá lầm lỗi. Hoặc giả lời dạy của Phật thánh, đều chẳng đủ tin ? Thường nghe Phật bảo rằng: « Thiện ác báo ứng, như bóng theo hình ». Thánh bảo rằng : « Làm lành được phước, làm dữ chịu họa ». Lẽ thường như thế, sao việc xảy đến lại chẳng thế, thật khó hiểu quá. Còn có thể tin theo lẽ chánh, khiến người chẳng thay lòng được chăng ? Nói thế, vì chẳng biết Kiếp-hỏa minh mông, đại thiên thế-giới đều hủy hoại, chỉ có linh-quang, của thánh hiền Phật-tổ. đến nay còn chiếu sáng bến-mê. Như Thái-Ông là một tay lương-đống của quốc-gia, một vị can thành của đạo Phật ; dựng công trồng đức, nỗi trước mở sau, linh quang của người vẫn còn mãi chẳng bao giờ lu ám vậy. Người sống bảy mươi, từ xưa vẫn hiếm. Thái Ông năm nay 63 tuổi, đã đến lúc Tây-phương chầu Phật ; công nghiệp ở thiên-hạ, tiếng tăm phước thiện ở thiên-hạ, sau nầy các hiền công-tử vin rồng cỡi cọp, danh tiếng lẫy lừng ở thiên-hạ, người người đều xưng tụng mến yêu ; thế là Thái-Ông chết mà chẳng chết, đạo trời báo thưởng người lành, phân minh biết chừng nào. Lời Phật thánh dạy đời, lúc nào cũng đáng tin đáng cậy. Bởi thế Lão-tăng vui mừng chẳng xiết, chẳng lấy làm thương tiếc chút nào. Đại phàm người đời thương tiếc, vì tự xét có chỗ thiếu sót đáng tiếc đáng thương mà ra. Cầu chúc các Hiền-Công trọn đời chẳng quên đạo của cha mình, chẳng những trọn đại hiếu với Thái-Ông, lại còn làm đại thiện đối với thiên-hạ, đời đời như thế, đời đời sẽ trở nên bất tử vậy.

Nói đến đây, bệnh của Lão-tăng cũng biến đi đâu mất. Mừng Thái-Ông được chết trong lúc đáng sống. Còn lão-tăng lại được sống trong lúc đáng chết. Cứ theo quan điểm ấy, thì dù xa cách Thái-Ông mười vạn tám nghìn dặm, cũng chẳng hề một tơ hào xen cách nhau vậy.

Thái-Ông nay ở nơi nào ? Nếu chẳng thấy đầu non Quần-Ngọc, sẽ gặp nhau dưới bóng nguyệt Dao-Đài. Nay xin khiển Phó-Chùa đem nén hương bát nước, bày ca-vãn, điện tế trước Linh-sàng Thái-Ông.

Và kính khuyên
Các Hiền-Công nên bớt bi ai, cùng nhau an-ủi.
Chút tình đáu đáu, nói chẳng hết lời.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN V

Có người khách Phức-kiển đem biếu một giỏ đường, từng bánh tròn hình mặt nguyệt, gọi là đường hoa-nhụ (nhựa hoa), sắc trong trắng, ăn vào miệng ngọt thanh hơn đường mía. Hỏi thăm, người ấy bảo rằng ở Chiêm-Thành và Giãn-Phổ-Trại (Nam-vang), và suốt giải Đông-dương có một thứ cây gọi là cây Thốt-nốt, nhỏ hơn loài cây, lớn hơn loài cỏ, có từng đốt thưa, thân giống cây cau, lá tựa lá qùy, hơi lớn hơn, khá dùng làm chiếu. Vào khoảng tháng ba, tháng tư, từ trong gốc lá, nở hoa trắng từng buồng mươi bông như bông lúa, lòng-thòng như buồng cau. Chích trên buồng có một thứ sửa trắng chảy ra ; buộc ống tre vào, hứng một đêm sẽ đầy, đem về ngào ra thành đường. Chỉ trong mùa hoa mới có nhựa, hết mùa thì khô ráo, cũng như đàn bà chỉ có sửa trong lúc đương nuôi con mà thôi. Trong các xứ ấy, cây thốt-nốt mọc đầy đồng khắp núi, chẳng có ai trồng. Cho biết trong trời đất thấy nghe chẳng khắp, vật gì cũng có ; ví-dụ có nơi nắng ấm suốt năm, chim-sẽ ép dầu, cây sinh ra rượu cũng là việc thường vậy. Người bản-xứ thấy quen cho làm thường, du-khách lại không lưu tâm ghi chép việc kỳ lạ, vì thế sự vật bị mai một chẳng được truyền xa.

Quốc-vương lại thường nói, trong núi nước Cao-miên có một giống người đuôi dài 3,4 thước, bộ cười tiếng nói giống hệt như người; nếu

chọc giận sẽ cắn người ăn thịt, nên chẳng ai dám gần, ấy cũng là một giống dữ vậy.

Mình đau chưa khỏi, đêm bắt đầu dài, mưa gió suốt tuần, quê người chiếc bóng; chạnh nhớ sinh bình thi-hữu, kẻ nam người bắc, xướng họa cùng ai. Làm thành thư-hoài-thơ 6 bài, gởi các tri-kỷ.

Bài thứ 1

Đau dậy ngồi nghe sóng bổ gành.
Thu sang, đầy dẫy thủy-triều sanh.
Ai về Bạch-Xã tìm Chi-Độn, (1)
Ta ngắm thanh-vân nhớ Tử-Kinh (2).
Dấu vết tìm đâu quê quán cũ.
Mày râu đổi khác bạn bè kinh.
Bấy lâu phòng sách không mơ mộng,
Mưa gió đêm nay lại nặng tình.

Bài thứ 2

Đất khách chưa về nhớ cỗ-lâu.
Mơ màng còn tưởng Việt-vương-Châu,
Tiếng tre rừng vắng rì-rào gió,
Sắc núi cây già ám-đạm thu.
Người muốn ngâm thơ vào tiểu-viện,
Ta nay ôm nguyệt xuống cô-chu.
Phù-dung hoa nở Trầm-hương-phố,
Buồn bã năm năm kết bạn bầu.

Bài thứ 3

Thềm vắng đêm trường bóng quạnh hiu,
Xa vơi bạn cũ thấy nào đâu,

1) Bạch-xã tức là Thơ-xã. Chi-Độn là cao-tăng đời nhà Tấn, rất thông thái-thái, thường cùng bọn Tạ-An, Vương-Hy-Chi kết bạn.
2) Tử-Kinh là ai (?)

Đọc thư chạnh nhớ Lâm-Cao-Sĩ (4).
Vịnh phú càng thương Sở-Đại-phu (5).
Gió giục động tiên chim vút dậy,
Thu sinh giếng cỗ rề kêu sầu.
Nước Nam người đẹp thường ly biệt,
Ai kẻ ôm cầm dạo Ngũ-Hồ.

Bài thứ 4

Xuân vừa qua đó đã sang thu,
Veo-vút tây phong thổi biển sầu.
Non muốn dứt tình mây ở lại,
Cát còn trơ mặt nước về đâu.
Người đau khó chịu hoa vào mắt,
Nhớ bạn đương khi nguyệt đứng đầu.
Phới-phới mù sa ai nện vãi ?
Một con chim đậu giữa rừng sâu.

Bài thứ 5

Xa vơi ngoài cõi vắng âm-hao,
Núi cũ lâu nay cách bạn bầu,
Muôn dặm Đông-lâm mây mượn-tượng.
Ba canh Nam-Việt nguyệt đeo sầu.
Gặp nhau chẳng muốn bàn văn-tự,
Làm khách bao giờ hết ẩn-ưu.
Tiếng hát vì đâu nghe khẳng-khái ?
Nửa vì hiu quạnh, nửa vì đau.

Bài thứ 6

Lá luột lưa thưa dọi bóng hà,
Bạc đầu thu-tứ vẫn thiên-nha.
Đường dài ai kẻ chung làm khách,
Rượu chuốc nơi đâu chẳng nhớ nhà.

---

4) Ẩn-sĩ đời nhà Tống, học giỏi thơ hay, ưa trồng mai nuôi hạc, nhân gọi là « mai thê hạc tử ».
5) Khuất-Nguyên, tôn-thất nước Sở, làm những bài phú ly-tao rất hay.

Mây nổi đảo xa màu cỏ loán,
Còi reo xứ lạ bóng dương tà.
Sang xuân dì-gió tua tin sớm,
Chớ khiến buồn về buổi rụng hoa.

Một hôm khí trời trong sáng, chứng đau bụng hơi êm, một mình thơ-thẩn chống gậy dạo chơi dưới hành lang; bỗng gặp một việc rất xúc cảm trong lòng, bèn đặt một câu đối và viết ra để răn chúng. Cuối tuần tháng chín, đau vừa dậy, buồn bã, đương đêm tản bộ một mình, tứ bề lặng lẽ. Đi qua một trại nọ, cửa tre nửa khép, thấy hai người ngồi đối diện dưới đèn, đều cúi đầu chăm chỉ may áo, ngó bộ vội vàng như sợ may không kịp vậy. Nhìn quanh các trại khác, thấy trại nào cũng đều đã ngũ say. Nhơn liên-miên suy nghĩ, mấy người thợ may kia, làm việc để kiếm cơm áo hàng ngày cho vợ con cha mẹ; chỉ vì sinh kế của người khác, thế mà họ còn biết siêng năng chịu khó như vậy. Trái lại các người tu hành học đạo, toàn-thị làm công-phu cho việc lớn sống thác của mình, sao họ chẳng biết lo, dám yên tâm nằm ngũ ngon lành như vậy ! Ta nhơn cảm tưởng, buột miệng đặt một câu đối rằng: (Người thợ may, mắt chẳng lìa chỉ, tay chẳng ngừng kim, thâu đêm suốt sáng làm công-phu ; hữu dụng suốt ngày, thực nên thẹn chết kẻ tu-đạo. Kẻ tu-đạo, thân ở một nơi, tâm ở một ngã, hết mưa sang nắng qua ngày tháng; không nên một việc, há không cười ngất người thợ may).

Than ôi, kẻ tu hành học đạo chẳng thành, đều bởi dụng tâm hỗn tạp chẳng chuyên theo đạo vậy. Nếu chuyên tâm học đạo một ngày học chẳng hết, học thêm một ngày; một năm học chẳng rồi, học thêm năm nữa, sao cho rõ đạo thành công mới thôi; như thế, chẳng chờ thầy bạn khuyên bảo, đạo học cũng ngày càng tinh tiến vậy. Khốn nỗi, kẻ kia vốn chẳng phải thực tâm cầu học, chẳng qua mượn bốn chữ « xuất gia học đạo », làm đường tắt để tìm lười tránh mệt cầu được ấm áo no cơm; chẳng còn biết tham thiền học đạo là việc gì, sinh tử là giống gì, chẳng quản gì đạo sáng với chẳng sáng, chỉ làm sao cho rồi việc thì thôi; đói lại ăn cơm, mệt lo đi ngũ, không lo không nghĩ, ở trong phường vô-sự lẫn sòng; cốt nói được vài câu « cao khoáng thanh nhàn, bà má tu hành, bất thông sự lý » làm sao cho bọn thí-chủ tin nghe, cúng-dường được nhiều cho thế là đắc sách, có bao giờ nghĩ đến việc sinh tử là việc gấp đâu. Nhưng bọn ấy chẳng những chẳng

biết cầu đạo, cả đến lợi-lộc cũng chẳng biết cầu; nếu muốn cầu lợi lộc càng nên rõ đạo; đạo tức là gốc của lợi, hễ gốc lớn tức được lợi lớn, chỉ sợ đạo chẳng rõ, chẳng lo lợi chẳng được vậy. « Lo đạo chẳng lo nghèo », thánh-hiền xưa đã lấy câu ấy dạy cho những người như bọn chúng. Vì thánh-hiền tùy cơ đặt lời dạy, tùy cái lòng « tham đồ lợi lộc » của chúng mà dẫn dụ chúng học đạo. Sự thực, nếu đã đến chỗ rõ đạo, thì tự mình chẳng tham lợi, chỉ lấy đạo làm vui, chẳng lo cầu lợi mà lợi cũng tự đến vậy.

Thử xem người thợ may kia, ngày không bỏ việc, đêm chẳng nghỉ công, chăm chú luôn luôn, dùng tất cả tính lực vào công việc ; còn lo áo may không xong, tiền công chẳng có, mà tiền công nào có được bao nhiêu đâu. Nếu họ chẳng chịu gắng công, cũng biếng nhác như mấy chú học-đạo của ta đây, chẳng những vợ con cha mẹ cả nhà mất bữa, cho đến một miệng của họ, cũng không biết lấy chi nuôi sống vậy.

Nay ví khiến các chú học-đạo của ta cũng đều có vợ con cha mẹ, và cơm áo của vợ con cha mẹ cũng đều tư-ngưỡng vào các chú, bao nhiêu lợi-dưỡng cũng đều do sự học đạo mới có, thì chắc các chú phải cầu cho đạo nghiệp chóng thành, lực học khổ công, cũng như bọn thợ may kia gục đầu dưới đèn, vội vàng chăm chú vậy. Nếu dùng công phu được tinh tấn như thế, chắc Chư-Phật Bồ-Tát sẽ đều chắp tay quỳ lạy dưới gió vậy. Vì lẽ, « nếu niệm-đạo cũng như niệm-tình, thừa sức thành Phật », ta sẽ đổi làm một câu-đối khác để khen tặng chẳng hết, còn phải than thở làm gì, còn có điều gì phải than thở » ?

Vương nghe ta hết bệnh, hằng khiến sứ vào giục ra Thuận-hóa, ý rất ân cần. Ta định đến mùng 8 tháng 10 sẽ lên đường, đi ra theo đường bộ. Bèn viết thư trước, khiến bọn Hậu-đường Khánh-Ngu và Tri-khách Thiên-Vũ lo sắp đặt sẵn chương-trình đi đứng.

BỨC THƯ :

Đau bụng nhức đầu vừa khỏi, lại bị lở miệng lở mồm. Nghĩ kỹ, chẳng qua vì Lão-Tăng bạc phước, thiếu sót còn nhiều; vì thế, một chỗ ở xây cất chưa xong, thợ thầy trông đợi, đại chúng tùy trượng, lộn xộn chưa yên, nợ nần kiếp trước còn chưa giã xong, nên kiếp nầy phải khó nhọc như thế.

Nhưng tật bệnh phiền não, chẳng phải thuốc thang có thể chữa lành, chỉ có sự hòa-thuận của kẻ theo-hầu là phương thuốc làm cho lão-tăng được yên ổn; chẳng lo không có nước lửa để sử dụng, chỉ lo không có món thuốc thỏa đáng ấy mà thôi vậy.

Gần nay, tinh thần khí sắc và sức khỏe đều chẳng như xưa. Cần có người biết đạo-lý, cùng ta đồng khí đồng tâm, thì chẳng đợi thuốc thang, bệnh cũng tự khỏi vậy. Huống nay trong ngoài mọi việc lớn bé thị phi, đều một tay già nầy chống chỏi; có khi kẻ tả hữu khích khí rầy rà lẫn nhau, lão lại phải mất công mỏi miệng phân giải điều đình; cổ-nhiên vì ta bạc phước, nhưng há chẳng phải lỗi của bọn đệ-tử theo ta hay sao. Nay nói chẳng được, ta quyết liều lội bùn dầm nước, miễn-cưỡng ra đi, để xem có ai phát tâm Bồ-tát, vì chùa chiền, vì đại-chúng, vì Lão-tăng, làm trọn bổn-phận vì mình hay chăng. Nói đến đây, hễ đã là người chóng giữ pháp-môn, nếu chẳng bỏ hết thân mệnh riêng mình, làm sao khỏi đánh trống rút lui cho sớm vậy.

Hiện nay, Quốc-vương lại sai Nội-quan cầm thư mời Lão-tăng ra Thuận hóa. Trong thư nói hiện nay tại chùa Thiên-mụ, phương-trượng, tăng-phòng, liêu-thất, trù-khố đều sửa chữa mới lại, cung ứng sẵn sàng để chờ ta ra. Tấm lòng chí-thành cung dưỡng của Quốc-Vương thực rất hiếm có. Vì vậy ta chịu lời, định đến mùng 8 tháng sau, chống gậy đi ra một chuyến. Các người ở ngoài ấy nên sắp đặt trước mọi việc, chớ chờ đến lúc Lão-tăng đại-chúng đến nơi, mới vội vàng chạy nghiêng chạy ngửa. Ngoài ấy, nhất thiết việc đời vặt vặn, dầu việc quan hay việc dân, cũng chớ dự vào; thế mới tỏ ra sự đứng đắn của bọn tu-hành chúng ta, khẩn thiết căn dặn, căn dặn.

Ngày mùng một, Nội-giám vâng lệnh vào trước, bắt 300 quân làm phu-đài, sắm sẵn võng ngựa, ràng buộc hành lý. Gặp trời đang mưa dầm, ta làm một bức thư gởi cho Phò-Mã Hữu Doanh-Đồn.

BỨC THƯ

Nghe rằng nước Đại-Việt có Xu-Mật-Phò-Mã, Nguyễn Công, phẩm-chí hiển hào, một bậc người có thể so sánh với Hoắc-Phiêu-Nhiêu đời nhà

Hán (6); vã lại sùng-tín Phật-giáo làm phên giậu che chở đạo ta; về điểm đó, lại chẳng phải Hoắc-Công có thể bì kịp. Ta biết tiếng quý Công, chẳng phải mới một ngày. Trong lúc quý-Công xuất trận, nhận chức xa ngoài nghìn dặm, mà tấc lòng vẫn chẳng quên kẻ Đầu-Đà già bị đời bỏ rơi, ở tại Chùa Thiền-lâm Thuận-Hóa, khiến em đưa thư và các thứ quà quý, ôn tồn gửi tặng, như thế đủ thấy tấm lòng quý hóa biết bao. Đã được hậu tặng, thể mà ta lại từ khước một cách rất bất kính. Ý riêng của ta nghĩ rằng, chờ ngày được thừa tiếp Quý-Công sẽ bái lãnh ân huệ cũng chưa muộn gì. Chẳng ngờ từ ngày đến Quý-quốc, chưa có hân hạnh được giáp mặt Quý-Công để hầu chuyện, vậy đâu giám lạm lãnh ân huệ, chỉ muốn một lần biết mặt Hàn-Kinh-Châu, còn hơn được phong Vạn-Hộ-Hầu kia mà. Nhưng người ta biết nhau quý ở chỗ biết lòng nhau; chỉ biết nhau ngoài mặt, chưa chắc đã biết lòng nhau vậy. Quản-Trọng nói rằng: « Bào-Tử cho ta chẳng phải tham-lam ». Ý ông cho kẻ nào hay làm lợi cho ta tức là bạn tri-âm. Thế thì tâm thuộc lợi hay sao ? Dự-Nhượng nói rằng : « Trí-Bá lấy tư-cách quốc-sĩ đãi ta, ta cũng lấy tư-cách quốc-sĩ đền đáp lại ». Ý ông cho kẻ nào làm rạng danh ta, tức là bạn tri-âm. Thế thì tâm thuộc danh hay sao ? Nói một cách khác, không dối chẳng chơi, không quen chẳng bạn, cả thiên-hạ nhao nhao, ai cũng nói anh nọ anh kia là bạn tương tri của ta; phải, tương-tri thực, nhưng đã chắc gì tri tâm đâu ? Nếu quả tương-tri và tri-tâm, như Khổng-Tử sanh sau đời Đường Ngu Hạ Thương, cách nhau hơn nghìn năm, chưa từng biết mặt Tam-Vương Ngũ-Đế, nhưng vẫn biết « đạo tâm duy-vi ». Như thầy Đại-trí sanh ở đời nhà Lương bên Trung-Quốc, cách Tây-Trúc Linh-thứu (8) rất xa, chẳng biết mặt Thích-Ca Văn-Phật bao giờ, nhưng vẫn thấy « nhất hội nghiễm-nhiên chưa tan », như thế thực khá gọi tri-tâm vậy. Lão Tăng cùng Phò-Mã đến nay chưa từng biết mặt nhau, nhưng vẫn biết lòng trọng đạo của Phò-Mã, biết lòng chưa biết mặt, ai bảo chẳng phải tương tri. Lòng trọng đạo của Phò-Mã, ở hương đảng, ở triều-đình, ở Thuận-Hóa, ở đâu người ta cũng ca ngợi. Quý-Công gửi quà tặng cho Lão-Tăng, thiên-hạ ai lại chẳng biết. Chỉ thẹn kẻ phương-ngoại Lão-Hủ nầy, chẳng có trí-thức gì đáng kể, sao lại mong được quá yêu như vậy.

---

6) Tức Hoắc-Khứ-Bệnh đời Hán-Vũ-đế, sáu lần đánh Hung-nô có công, được phong làm Phiêu-Diêu-Hiệu-úy.

7) Lời của Lý-Thái-Bạch.

8) Linh-Thứu là nơi Phật ở.

Nay có chuyết họa một bức, chuyết lục một bộ, xin kính dâng Thanh-giám, tuy lời thô nét vụng, cũng chút tỏ thành tâm của Lão-Tăng, xin Phò-Mã mỉm cười thâu nhận, Lão-Tăng rất lấy làm vinh hạnh vô cùng.

Ngày ấy chưa kịp chầu hầu Tôn-Giá, vội vã cáo về, chẳng may lại bị trở gió, chưa hoàn sơn được, phải tạm lưu lại Hội-An. Nay Quốc-Vương sai nội-quan vào thôi thúc hai ba lần khiến ta ra Thuận-Hóa. Lão-Tăng đã sắp sửa phu ngựa, chờ ngày qua đèo, ước độ qua rằm tháng mười sẽ ra đến chùa Thiên-mụ; cơ duyên trời khiến, gặp gỡ có ngày, từ xưa tao phùng bạn tri-âm, chẳng phải việc dễ. Vài hàng tuyên bố, thông-cảm tinh-thần.

Ngày mồng 7, Nội-Giám bắt phu, muốn cho đài-đệ đi trước. Ta xem chừng trời biết chắc ngày mai có mưa lớn, sợ đi giữa đường, hành-lý sẽ bị ướt, chi bằng chờ mưa xong sẽ cùng đi cho tiện. Qua mồng 8, quả nhiên có mưa, đến ngày 11 mới tạnh. Sáng sớm ngày 12, mới khởi trình. Kỳ-lão hàng phố trương cờ xách giỏ, đánh thanh-la đưa chân. Kẻ đưa người rước, phu-ngựa giăng dài vài dặm. Mưa thu mới tạnh, cảnh vật giống mùa xuân. Núi biếc đồng xanh, kẻ cày người cấy, ruộng vườn luôn tiếp vài mươi dặm, trông ra núi Tam-Thai. Những người đưa chân bày biện cơm nước; dùng cơm trưa xong, từ giả lui về. Ta định quanh đường ra viếng hăm chùa Tam-Thai, nghỉ lại một đêm sẽ đi, nhưng Giám-quan nói không thể được. Đi đến được vài mươi dặm, trời chiều khói tỏa, trăng lên bìa rừng, dọc đường biển đi ra phía nam (?), nước trắng cát ngời. Vô số hình ảnh nón tơi, xao xuyến trong sương lạnh. Trông ra mé biển một mạch xanh lờ, đàn ngựa xe từ xa tuôn đến, hiện thành một thứ cảnh sắc. Đến quán lên đèn ăn cơm tối. Sáng bửa sau, đi chừng mười dặm, qua ngang một cái khe, vượt qua một đèo nhỏ, lại qua một khe nữa, thế là đến rừng Ngãi-Lãnh (Đèo Ải-vân); đi ngựa không được, đều đổi qua đi võng. Dân ở dưới đèo rất khổ, quan-dịch đi đông, bắt-phu không đủ, người ta phải vào lùng bắt từng nhà; nếu không có người, thì trong nhà có mâm nồi gì, quan đều tịch thâu hết. Ngày ấy bắt ra được mấy người dân nghèo, gầy gò dơ xương. Người nào cũng bới tóc đứng kêu van rất thảm thiết. Ta trông thấy bùi ngùi, nói với quan, tha cho mọi người mừng rỡ, vái tạ lui ra. Quá trưa, lên đèo, đường đá gập nghềnh rất khó đi, hai bên đường toàn bụi rậm, dây leo chằng chịt. Càng lên cao, phía trên, hai hàng cây cao vút chừng vài mươi

trượng, không có cành phụ cong queo. Mỗi cây đều bắt rễ trong rừng sâu, phải vượt lên cao để cướp hứng sương mốc. Quay nhìn xuống biển, thấy thuyền cá nghìn buồm đứng chong. Vì đứng cao nhìn xuống, nên trông thấy hình như mọi thuyền đều đứng yên. Cũng như ngửa trông lên trời, chẳng thấy các hành tinh vận hành vậy. Trông lên đỉnh núi che khuất trông mây, chỉ thấy một dòng suối từ trên cao chảy xuống trắng toát như cây lụa. Chỗ đương đứng vừa lưng chừng nửa núi vậy. Phu đài đi thoăn-thoắt, hình như chân không bén đất; quanh co trên đá rêu hang hốc, bỗng chốc đã đi tuốt vào trong mây. Nhìn qua phía trái, trong rừng bỗng có tiếng lướt qua ào ào như gió đi cỏ rạp. Người ta bảo có con trăn đi, nhưng chẳng thấy hình dạng đâu cả. Hai bên đường phưởng-phất có mùi thơm hoa ngãi, nhưng không tìm thấy. Trái rừng lổng nhổng, hoa núi toét toe, trên hoa sinh hoa trong lá kết trái; chẳng phải nhìn tận mắt, chẳng sao tưởng-tượng cho hết được. Mấy gian nhà cỏ, dòng suối chảy quanh. Người ở đó nấu nước trà bán cho quá-khách. Khói mù che kín, xa cách cõi người, trên đỉnh núi mây mốc tỏa bay, ướt dầm khăn áo. Trông lên cành cây có từng bầy vượn trắng, to lớn như người, đuôi dài, nhảy chuyền cây nầy qua cây khác, rung cành tuôn nước xuống từng giọt như mưa. Dần dần xuống đèo, nghe có tiếng ào ào, trông ra eo núi thấy một vùng mênh mông, mọi người mừng reo lên : xuống đến rồi, kìa đã thấy biển ! Đi quanh đến gần, mới biết rằng đó là những đám mây. Kế đó mặt trời lặn. Trăng lên, cây lá rợp bóng tối mờ, đá trơn, đom đóm đầy rừng. Gần xa xào xạc những tiếng lạ, nghe rùng rợn. Chỗ nào cũng thấy nhấp nhô như hình người đứng, thú ngồi, lấy gậy gỏ nghe reng reng, té ra toàn là đá. Một quán nhà ba gian, vừa thắp đèn. Khách trong quán thấy đài võng đến, đều bỏ chạy vào rừng trốn, vì sợ bắt làm phu. Một cây lớn làm cầu, ghép ba vài chắc chắn, bắc ngang trên dòng suối, nước chảy ồ ồ, tức là tiếng vừa nghe mà mọi người lầm tưởng là sóng vậy. Đứng trên cầu nhìn trăng, hang vắng tiếng vang, nghe rởn tóc gáy. Đi lần xuống dốc, có quan quân đón rước, bồn bể đèn đuốc sáng trưng. Khi vào đến quán trọ, đêm đã về khuya. Than ôi, non xanh nước tốt, động thẳm suối trong, chỗ nào cũng có thể ở được. Không hiểu vì sao, không ai về đây làm nhà ở ? Vã lại trên một con đường hành khách thường qua lại, thế mà không ai sửa sang, thật đáng than tiếc biết chừng nào! Xảy có các giới-tử, quảng-đại quần-chúng, vượt đèo đến đón, nghe ta nói như vậy,

bèn phát nguyện khuyến-mộ để sửa chữa đường đèo, nhưng cậy ta dìu dắt. Ta bèn viết một bài khuyến quyển đắp đường đèo Ải-vân như sau.

Nơi trọng-yếu nầy, xưa xưng Ngãi-Lãnh.
Thông lối Tây-Nam Thuận-Hóa, ở miền Đông-Bắc Hội-An.
Ngày lại tháng qua, từng trãi bao nhiêu năm tháng.
Suối reo cây rụng, ruỗi rong nghìn dặm phong sương.
Cửa Trần-Di, cầu Thiết-Lăng, mười phương giáp giới,
Nước Chiêm-Thành, xứ Chơn-Lạp, tám mặt thông thương.
Cớ sao hang núi tối tàn,
Vì nỗi bể dâu biến đổi.
Xéo xiên lối lõm, mây phun trục núi tuôn-tuôn.
Nghiêng ngữa dọc ngang, đá ngất từng không vòi-vọi,
Rêu phong cỏ loán, khói biếc sương mờ.
Sãi học-đạo, sãi du-phương, thuận nẽo tu hành tiến bước.
Khách Trung-Hoa, khách Ngoại-quốc, trên đường buôn bán đi qua.
Bước bước gian nan, như giày giá mỏng.
Bời bời tân khổ, như ruỗi đường dê.
Hãy lấp hết hố hang, cho chư-tử bách-gia qua lại.
Nên chặt phăng gai gốc, để lục-phàm tứ-thánh (9) cùng lên.
Thầy bùn xúc bùn, cũng như giải tóc cho Nhiên-đăng giẫm đạp,
Gặp đất ban đất, còn hơn quyên vàng cho Thái-tử mua vườn.
Tiền-bộ quả thực thiện-nhơn,
Độc-giác há rằng tiểu-quả.
Nay giới-tử quảng-đại, cậy Lão-tăng một lời ;
Ai là khách bộ-hành, hãy gắng làm phương làm tiện.
Hỡi những người tu thiện, mau lo tu trước tu sau.
Cứ theo đường ấy tiến lên,
Tránh khỏi nhường kia sa ngã ;
Chặt một gốc cây, lấp một vũng nước, khoái thay đường sá tiêu dao.

---

9) Phật-gia gọi địa-ngục, Ngạ-quỷ, Súc-sinh, tu-la, nhơn và thiên là lục phàm. Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát và Phật là tứ thánh.

Đắp vài thước đất, đóng vài thước cừ, vui vẽ công trình tiến triển.
Dưới gót sao cho bằng phẳng,
Trong lòng ắt phát chơn thành.
Kẻ giúp của, người giúp công, đông tay vỗ nên bộp.
Anh tầm gạch, tôi viên đá, muôn trượng đắp nên đường ;
Cất bước bình-an,
Vang danh đồn đãi.

Sáng bữa sau, mây khói tối mù, suốt ngày đi trong mưa dầm nước lụt, Vương khiển Tả Hữu Công-Bộ, Cai-Bá-quan đem hồng thuyền chực sẵn tại cửa biển, lãnh một đội quân 500 người, tiếp đón ta giữa đường, qùy mà thưa rằng : « Vương khiển chúng tôi ra đón, chờ đã lâu ngày, vì trời mưa bùn lầy, không rước xa được, thực rất có lỗi. » Nói rồi dẫn đường đi trước. Đêm ấy nữa, là ba đêm nằm lữ-quán. Sáng ngày mai, canh năm lên thuyền. Nhớ lại lúc xuống thuyền vào Hội-An,Quốc-Vương và các quan tống tiễn, Khuê-phong còn đó, dòng nước ngược xuôi, thắm thoát đã trải qua 5 tháng ! Nhân làm 18 bài thơ chép việc đi đường.

Bài thứ 1

Tam-Thai kìa trước mắt,
Đèo động trải chơi qua,
Chim trắng bay đâu mất,
Non xanh vẫn còn trơ.
Đường quan giục ngựa trạm ;
Đồng nội tỏa khói mờ.
Vằng vặc trăng một tấm,
Đêm nay chiều người xưa.

Bài thứ 2

Nhao nhao nạp lúa mới,
Lo vãi giống mùa sau.
Thu tiết còn hơi nắng,
Áo manh nằm võng tao.
Bóng chiều dọi gò cát,
Thiều-phụ ngồi bổ cau.

Hành-lý mệt quân-sĩ
Việc quan biết làm sao

Bài thứ 3

Thăng-Châu ba tối mũ
Ven biển nửa hành trình
Mù-tít chim tung khói,
Trắng-phao sóng vỗ gành.
Hoa sương, áo thấm ướt,
Bóng nguyệt, gương tròn vành.
Đồng ruộng đầy tơi nón,
Lăm xăm khách bộ hành.

Bài thứ 4

Mướt-mướt cỏ xanh biếc,
Đồng quê giữa tháng mười.
Chăn-trâu mừng sãi đến,
Thấy ngựa trẻ con cười.
Cờ xí bay tung gió,
Trống chiêng vang dậy trời,
Ngó ta đều vui vẻ,
Trôi nổi dầu quê người.

Bài thứ 5

Đường bộ sang đường thủy,
Gió tây đẩy nhẹ chèo,
Khói mây bay khỏi núi,
Đèn lửa sáng bên đèo.
Xứ lạ đau lòng khách,
Tiếng thu ngã bóng chiều.
Đêm nay trăng núi cũ,
Lầu đá rọi trong veo.

Bài thứ 6

Đường đá dây chằng chịt,
Quanh co biết mấy trùng.

Mây che ba mặt biển,
Núi lọt một hồi chuông.
Cõi tục nên xa lánh,
Người tiên khó tao phùng.
Chiều hôm mưa mới tạnh,
Ướt đỏ mấy cành tùng.

Bài thứ 7

Bóng hoa ngời đáy suối,
Kẻ đá lắp rêu xanh.
Khe núi khói mờ tỏa,
Đường rừng chim liệng quanh.
Hư không trùm bí-mật,
Uổn lượn lên gập nghềnh.
Bỗng tai nghe sóng vỗ,
Hơi lạnh thấm bên mình.

Bài thứ 8

Lão-Tăng nên dậy sớm,
Huống gặp tiết thu dương.
Ruỗi giong nơi xứ lạ,
Trằn-trọc suốt đêm trường.
Núi Ngãi gà cất tiếng,
Rừng tre ngựa buông cương.
Chòi tranh còn tối mịt,
Quân nhân đã rộn ràng.

Bài thứ 9

Qua ngang khe bổn bận,
Vượt đỉnh núi một vòng.
Hoa rụng nghe hơi ngãi,
Mây sâu chẳng thấy rồng.
Con trăn bò uổn khúc,
Bầy chuột leo cây tòng.
Trên núi nhà ai ở,
Suốt ngày khói kín phong.

Bài thứ 10

Triều non vang tiếng sắm,
Cồn cát sóng tung bay.
Nước chảy về hướng bắc,
Bóng ô ngã non tây.
Mây biển phun mưa đến,
Cây rừng mặc thu chầy.
Gập ghềnh qua đỉnh núi,
Bèn đò lại đòn đây.

Bài thứ 11

Thu sắc dần dần đổi,
Hoa rừng hương núi bay.
Voi đồng núp bụi rậm,
Dê núi ngũ ban ngày.
Đất khách toàn đường lạ.
Bên trời mái tóc thay.
Đương nay mới tháng chín,
Cảnh-vật đã xuân đầy.

Bài thứ 12

Núi ngoảnh đầu ngó lại,
Nước quanh ruộng mấy lần.
Người đi, bóng cây khuất,
Ác lặn dầu chim gần.
Ngọn cỏ hơi sương ẩm,
Lều tranh khói nấu vấn.
Đường đi beo với cọp,
Rừng rú phải phòng thân.

Bài thứ 13

Đầu núi cây dâm mát,
Cuối đèo ngọn suối trong.
Trái đồng ăn chẳng hết.
Hoa núi nhớ khôn cùng.

Vượn vít cây nhảy nhót,
Ác dọi bóng mông lung.
Cảnh nầy ai thưởng thức,
Viêm hải đây phải không ?

Bài thứ 14

Rừng sâu trăng chẳng sáng,
Đom-đóm bay khắp nơi.
Vượn hót nghe ai oán,
Thú ngồi kinh rụng rời.
Đá rêu trơn quá mỡ,
Phu cáng bước như chơi.
Đi đường ghi mọi việc,
Dưới đèn chép nên lời

Bài thứ 15

Thuận-Hóa thuyền lui bến,
Hội-An xe ruỗi qua.
Trời chiều khuất rặng núi,
Vách đá tỏa bóng hà.
Khói biếc ngờ liễu-thọ,
Mưa hồng nhớ đào hoa.
Chiêm bao về xứ sở,
Quán khách biết đâu nhà.

Bài thứ 16

Trèo non lại vượt bể,
Xuống thấp rồi lên cao.
Chồn đói ra ngồi ngó.
Én bay biết về đâu.
Quanh hang dòng suối chảy,
Đầy núi dẫy bìm leo.
Chiều tối lên gò đá,
Chiêm-Thành thôi đánh nhau.

Bài thứ 17

Trời thu mưa gió giục.
Đi lại ngừng, lỡ-làng.
Cầu ván qua tây-bắc,
Rừng tre thẳng xóm làng.
Bên trời chèo một mái,
Bờ đá nhà vài gian.
Đỉnh núi đứng dòm xuống,
Lữa chài giống sao băng.

Bài thứ 18

Chia tay nơi nóng nực,
Trở lại biết ngày nào.
Nước lụt tràn bờ cũ,
Đường rêu loán núi cao.
Sứ-thần vâng lệnh chúa,
Thuyền lướt dưới mưa rào.
Tự thẹn ơn không đáp,
Chưa rãnh viết thư trao.

Xảy có Mộc-Loan Cư-Sĩ nghe Chúc-Vạn Thị-Giả nói chuyện . Thị-Giả luôn luôn có ý trọng mình khinh người, mỗi chút gì cũng xưng « Bọn Ta », nhưng khi hỏi lại chữ « Ta » nghĩa làm sao ? Thì mù mờ chẳng hiểu chi cả. Thế là hoàn toàn « Ta » chẳng biết « Ta ». Nhơn viết mấy hàng sau đây, để dạy bảo các gã theo-hầu : « Thường thường thế-gian hay xưng « ta đây », lầy cái « ta » giả làm « ta », thảy đều chẳng phải cái « ta » thực vậy. Ví như giàu sang lợi lộc, ta có thì vui, kẻ khác có thì ta không vui, ấy là lầy « tham » làm « ta » vậy. Nếu có một vật kia, ta tham, kẻ khác cũng tham, hai bên đồng tham cả, được thì mừng, mất thì đau xót, sanh lòng tranh cạnh. Ấy là lầy « sân » (giận), làm « ta » vậy. Do lòng giận cồ tranh đoạt cho kỳ được, đến lúc đã được lợi rồi, lại luyến tiếc lo lắng, ôm giữ bo bo chẳng biết chán, cho đến khi già chết đến nơi, còn chẳng biết giác-ngộ, ấy là lầy « si » (ngốc dại), làm « ta vậy ». Rõ ràng bỏ hết cái « Ta » thực, để cho « tham, sân, si », mạo danh làm ta, đặt ta vào chỗ nào, khiến ta chẳng biết làm tai hại cho cái thân thanh-tịnh của ta. Rốt cuộc ta bị chúng che mờ,

chẳng những trọn đời ta bị lừa, mà kiếp kiếp đời đời, sẽ bị chúng sai khiến ; lại còn nhận cái thân bảy thước biết đi lại nằm ngồi, mừng vui thương giận, biết động biết tịnh, biết nghĩ ngợi âu lo, làm toàn thân của ta, há chẳng lầm lớn hay sao. Nhưng cuối cùng lấy cái gì làm « ta » ? Nếu biết nhứt thiết vật gì đứng trước mặt, trong đồng-tử con mắt của ta, đều nhứt thiết không phải « ta », thì vật nào lại chẳng theo ta mà có ? Ví như nhà cửa cỏ cây, chim muông sâu bọ, nguyên chẳng tự biết làm vật gì, nhơn vì ta trông thấy rồi thành tên từng vật; vậy thì nhà cửa cỏ cây chim muông sâu bọ đều là « ta » vậy. Châu-báu, vàng ngọc, khí-mãnh, áo quần, nguyên cũng chẳng tự biết là vật gì. Nhơn vì ta trông thấy rồi chia thành từng loài, vậy thì châu-báu, vàng ngọc, khí-mãnh áo quần, cũng đều là « ta » vậy. Cha mẹ sinh ra ta, ấy là cái « ta », từ cha mẹ mà lại, ta sinh ra con cháu, ấy là cái « ta », do bởi con cháu mà đi. Thế-gian, nhứt thiết sự vật đạo-lý, đều vâng theo phép tắc người xưa để lại. Vậy thì người xưa tức là ta vậy. Thế-gian nhứt thiết sự vật đạo lý đều lưu truyền lại cho người sau noi theo. Vậy thì người sau cũng là ta vậy. Cho đến mặt trời mặt trăng, tinh tú non sông, chia ra mỗi thứ đều đứng riêng, hợp lại không thứ gì chẳng phải ta, mà cũng không thứ gì chẳng phải người vậy. Ta, người, muôn vật, xem đồng một thể như nhau, mới có thể không có ý riêng, không cố chấp, không câu nệ cái « ta ». Bởi thế, bậc chơn-nhơn không có ngôi, từ vô thỉ đến nay, vẫn có cái lương-tri của « bản-ngã », chỉ nhơn trong lòng còn nghĩ đến cái « ta », cố-chấp cái « ta », mới sanh ra trăm thứ phiền não; nếu hay giác-ngộ cái « ta », làm cho cái « ta » trở nên không hư, thì lòng dục vọng vô minh của ta, tự nhiên tĩnh tuyệt. Ta không cố-chấp người với ta, tự nhiên chơn-tính bộc lộ, các tính tham sân si không thể giả-trá ta, lợi-dụng ta, luôn luôn ta dùng chúng nó, chúng nó tức thị ta vậy. Ai hay chuyển vật, tức đồng « Như-Lai», nếu thông nghĩa ấy thì xưng « ta » cũng chẳng hại. Ta tự nhớ rằng :

Biết ta ấy là nó, biết nó ấy là ta, nó ta đều chẳng biết, rõ ràng đèn là lửa »

Đêm 15, trời mưa ; ra đến chùa Thiên-mụ, chùa nầy tức Vương-phủ ngày xưa, chung quanh có trồng nhiều cổ-thụ, day mặt ra bờ sông. Trước chùa ngư-phủ, tiều-phu, tấp nập sớm chiều qua lại. Trong chùa, cột, kèo, chạm trổ rất tinh xảo. Ta nhân làm 2 bài thơ.

Bài thứ 1

Cảnh Bụt từ xưa chúa Nguyễn xây,
Cửa son điện ngọc phủ rêu đầy.
Một đời tươi sáng còn cây cỏ,
Muôn thuở mưa hoa kết điện đài.
Sơn thủy ngoài hiên mây ngã bóng,
Đi về trước ngõ cánh buồm bay.
Trích-tiên chuyện cũ truyền Thiên-Mụ,
Hồn mộng mơ màng trở lại đây.

Bài thứ 2

Từ ngày vượng-khí dậy trung-lưu,
Nghiệp bá gây nên bởi nghiệp tu.
Năm tháng nhà Tần bia chẳng để,
Xuân thu đời Hán dấu còn lưu.
Sóng mòi cát chắn ba nghìn dặm,
Mưa gió chuông reo trăm tám châu.
Lữa bụt một lò thiêu hạt bá,
Dưới trăng sưởi ấm khá tiêu sầu.

Ngày hôm sau, Vương tiếp kiến mừng rỡ, ân cần cùng nhau thuật lại mối tình cưu nhớ. Vương hỏi rằng : « Nghe nói Kinh-các, nơi thường-trú của Lão-Hòa-Thượng, xây cất chưa xong phải chăng? » Ta đáp rằng: « Kinh-các do Thạch-Chế-đài, Chu-Vũ-Quân và các quan Bố, Án tỉnh Việt đồng xây cất. Các vật-liệu đã đủ cả. Chỉ còn Đại-Hùng-Bửu-điện, nguyê n quan tỉnh Việt-tây hứa cất. Gần đây, nghe nói người đã thăng bổ đi nơi khác, nên còn thiếu đại-diện, chưa làm mà thôi ». Vương hỏi : « Sở phí chừng bao nhiêu » ? Ta nói rằng : » Nếu làm trọn cả, phải tốn độ 7, 8 gnàn vàng (đồng ?), nhưng nay vật-liệu đã có chừng 3, 4 ngàn, chỉ thiếu 5 ngàn lượng nữa là xong việc. « Vương sốt sắng bảo rằng : « Lão-Hòa-Thượng qua đây, ta may được làm đệ-tử, nhưng tự thẹn chưa được làm gì để đền đáp công-đức. Nay lương tiền xây cất đại điện ta xin hoan hỷ đảm phụ.

Sang năm, lúc Lão-Hòa-Thượng trở về, xin cứ tùy ý xây cất, hao tổn bao nhiêu ta chẳng tiếc ». Nhơn thuật chuyện tại Trung-Hoa, chùa chiền đầy khắp thiên-hạ, nhưng không có ngôi nào do vua chúa ngoại-quốc xây cất ; chỉ có chùa Pháp-Tướng ở Chiết-Giang do Quốc-Vương Cao-Ly xây dựng từ đời nhà Tống, đến nay người ta vẫn còn ca tụng. Nay nếu Vương hoàn thành đại-điện chùa Trường-Thọ, sẽ cùng chùa Pháp-Tướng đều để tiếng tốt nghìn thu vậy. Vương vui vẽ nhận lời. Xin Lão-Nhơn nói rõ lai-lịch chùa Trường-Thọ cho nghe, và nếu nơi thường-trú chưa làm xong, xin sẵn lòng khuyến mộ công-đức, hầu khiến sau nầy được biết rõ nguồn gốc Tổ-Đình vậy.

Đến đêm, từ giả lui về, làm một bài sớ dẫn nhơn-duyên cất lại chùa Trường-Thọ.

Tu-Đạt giải vàng dựng Phật-đường, công-đức còn hơn đào biển. (10)
Hiển-Vu cắm cỏ làm Quỳnh Điện (11), tài trí chẳng kém vá trời.
Mừng vần nước để an thuyền,
Lại nương rừng để tọa định.
Mãnh-hổ ở trong núi hiểm, còn khá hóa làm đạo-trường,
Đạt-Ma đi qua phương đông, há chẳng xây thềm cựu-nghiệp.
Đắp bồi Đại-pháp, xưa đã nhường kia,
Giúp mở chính-tông, nay sao chẳng vậy.
Nay chùa Trường-Thọ,
Sắc ban Tiền-triều.
Khu-vực ở phía tây Tam-Thành,
Đường lối thông toàn cõi Bách-Việt.
Trải sáu đời Hoàng-đế, làm gia-hương cho kẻ tu hành.
Tọa bốn vị Chú-trì, nơi viễng cảnh của khách đàn-việt.
Cơ duyên mới mở, Đường-Lô-Tổ tự tay trồng bồ-đề.
Hồn mộng cảm-thông, Minh-Án-Đài (12) dốc túi duyên bổng lộc.
Vương ngự-sử khắc bia đề chữ (13), rực rỡ tinh lam.

---

10) Tức Cấp-cô-Độc, trưởng-giả giải vàng dâng Kỳ-thọ-viên.
11) Điển nầy chưa rõ.
12) Tuần-án Trầm-Chánh-Long xây cất Từ-Đồ-Các và Diệu-Chánh-Đường tại Trường-Thọ-am.
13) Tại am Trường-thọ có Ngự-sử bi-ký.

Hán Đại-sư quảy bát ngâm thơ, chỉ huy tâm yếu.
Chùa hướng về Ngũ-Dương-Thạch,
Cửa thông ra Bạch-Nga-Đàm.
Mai trúc nghìn hàng, xuân đến La-phù chia phỉ-túy.
Ba-đào muôn khoảnh, thu về Dũ-Lãnh nổi thanh-luy.
Sao dời vật đổi, người trải qua vương bá mấy triều.
Gió mát trăng trong, hương phưởng phất điển viên trăm dặm
Dưới mắt dâu gai gà chó, như đời Thái-Cổ hồn nhiên.
Ngồi xem mây khói hang gò, giống cảnh thâm sơn tịch mịch.
Chưa chôn hết bụi xe dầu ngựa,
Còn khá dung hùm nhảy voi giày.
Tuy chơn thường chẳng phá hủy bao giờ,
Nhưng việc thể đã đổi thay khác trước.
Cảnh tình buồn bã,
Chiêu-đề vắng tanh.
Trên báu-tòa dơi đậu nhện giăng, trải bầy gió mưa lay động.
Trong pháp tượng én chui chuột khoét, còn đâu áo mão huy hoàng.
Lối xóm mục-đồng, đua thả trâu bò chơi giỡn.
Qua đường hành-khách, luống ngồi bệ đá thở than.
Đài mầy từng vách đổ tường xiêu, xui lòng khách đăng cao luống những.
Giếng trăm thước dòng khô nước cạn, khiến bóng người phản chiếu nơi đâu !
Há phật trời phò hộ không thiêng,
Hay đạo vận hưng suy có số.
Tự thẹn tu hành yếu sức,
Chỉ lo việc đạo hết lòng.
Gắng vâng lời các thân hào, và hiệu-triệu của hai mươi bốn ấp.
E mất lòng các kỳ lão, với thành tâm của các bậc công-khanh.
Dám đâu châu-chầu chổng xe,
Phải gắng ruổi lằng đội núi.
Ba năm giong ruỗi, còn thua Lâm-Tế trồng tùng.
Chín tháng lóm khom, bắt chước Thọ-Xương chắt đá.
Bảy dây vừa tầu,
Muôn ngón buông theo,
Tuy lều con chái hẹp đã làm xong,

Nhưng nhà lớn liêu dài chưa chỉnh bị.
Chánh-điện phối-điện, tiền-hậu-tả-hữu-điện, đều phải sửa sang.
Thuyền-đường, trai-đường, Bửu-cảnh-Vân-thủy-đường, thảy đều làm mới.
Sẵn ôm chí ấy,
Kính cáo đồng tâm.
Như Tào-Khê, như Nam-nhạc, như Thanh-nguyên, khắp các Trung-Hoa Phật-Tổ-Đình, từ trước chẳng có vua nước ngoài xây cất.
Nào Hiển-Thánh, nào Bác-Sơn, nào Linh-Ẩn, chỉ có Chiết-Giang Pháp-Tướng-tự, ngày xưa mới có vua Cao-Ly dựng nên.
Mây độ chăm lo, chưa thâu hết sóng mòi biển cả.
Một niềm cảm cách, may khá lên tột đỉnh non cao.
Qua sông cần phải dùng bè,
Lên bờ khá nên ngoãnh lại.
Cày bừa cấm sẵn
Giống mạ chờ gieo.
Giáp mặt rình nhau,
Tri-âm may gặp.
Một tầm ngói một tầm gạch, cần lo mài cạnh cho trơn.
Một cái cột một cái kèo, ắt phải dùng gỗ cho tốt.
Chẳng bì Lộc-Uuyển thuở trước,
Riêng có Thuyền-thiên rõ ràng.
Báo-thổ trang nghiêm
Phước-cơ tác dụng.
Chớ bảo thanh-tịnh-thể nguyên vốn vô hình, cần chi che lợp.
Phải biết công-đức-chàng vốn xưa có chủ ắt phải tu trì.
Đại-Việt Nguyễn-Đạo-Giả, nguyện cúng năm ngàn vàng.
Việt-Đông Hán-Đầu-Đà, xin hoàn nhị bát nguyện.
Trước thềm hồng-ngọc, mặc ai người lại người qua
Dưới lò kim-hương, cười ngắm hoa tàn hoa nở.
Văn-đàn-sĩ đến Châu-Giang ngoạn cảnh.
Thái-sử-công chơi Hương-phổ để thơ
Cảnh bụt vẽ vang,
Rừng thuyền rực rỡ.
Xếp đặt một qui mô rộng lớn,

Để làm nơi tu-viện mười phương.
Chẳng vì lợi riêng,
Đồng khai trí-tuệ.

Vương duyệt xem lá sớ, gật đầu, nói rằng : « Mùa xuân sau Lão-Hòa-Thượng về, thay ta xây cất điện đường chùa Trường-Thọ; tiểu-quốc may được phước ấm, đều nhờ đức từ-bi che chở vậy ». Bèn định đến ngày 4 tháng 11, sẽ rước tùy-trượng 24 thầy để làm sầm-lễ Vạn-Phật, một kỳ 40 ngày.

Sau giờ ngọ, ta trở về chùa Thiên-mụ, Đông-triều-Hầu sai gia nhơn đem cau, trái cây, vật thực đến biếu và nói rằng : « Chủ-nhơn nghe Đạo-giá đến nơi, theo lẽ phải cung kính đón rước; ngặt vì đau hai tháng nay, nên chẳng đến làm lễ được. Xin để lời chịu lỗi ».

Ta bèn viết hồi-thư hỏi thăm.

Thư rằng :

Từ giả lên đường vội vàng chỉ đến núi Cú-Lũ, bị gió bắc thổi nghịch, thuyền không về được. Quốc-Vương nghe tin đón trở về Thuận-Hóa, bỗng chốc trong nháy mắt, đã qua 5 tháng trời!

Tiếp quý gia-nhơn đến thăm, mới hay Đại-sĩ có hơi khó ở, nhưng Ngũ-Uẩn (14) vốn không, bệnh từ đâu mà có ? Có lẽ vì lo dân lo nước mà ra chăng ? Xưa Duy-Ma vì muốn giúp chúng sanh không có bệnh mà tỏ ra bệnh, trước hết Ngài muốn cho mọi người biết tấm thân bào ảnh mộng ảo chẳng qua vì sợ, sinh ra tư-tưởng chán ghét sự thoát ly. Rồi sau nói cho biết pháp-thân công-đức đoạn tuyệt đau khổ, tự nhiên được vui. Ấy là Ngài muốn khởi phát lòng cầu-tiến của chúng sanh vậy. Đến khi chúng sanh lành bệnh, thì bệnh của Duy-Ma cũng tiêu trừ. Nay Đại-Sĩ lấy bệnh làm phương-thuốc — hay chữa bệnh cho chúng sanh. Khốn nỗi, bệnh của chúng sanh thời nay, càng khó chữa hơn xưa. Nhưng cũng không về thể mà bỏ qua vậy. Suy nghĩ mãi, muốn khiến kẻ theo hầu đến thăm hỏi, nhưng

14) Phật-gia gọi Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức làm ngũ uẩn.

tuy có Mục-Liên (15) Thu-Tử cũng không thể đảm nhiệm sứ-mệnh đi thăm bệnh. Sở dĩ Lão-Tăng chưa khiến đi, vì nghĩ Đại-Sĩ hay lấy tâm hiểu Phật, ắt biết lòng Lão-Tăng vậy. Gần đây đạo-thế chắc đã bình phục, ấy là bệnh giúp cho người thành tựu, cái nghĩa ấy rất rộng và lớn. Nghiêu-Thuấn bệnh ở chỗ « ra ơn giúp dân », một ngày chúng sanh còn khổn khổ, là một ngày muốn giúp. Khổng-tử bệnh ở chỗ « an kẻ già, thương yêu kẻ trẻ », một ngày chúng sanh còn bối rối, là một ngày chẳng yên. Lão-Đam bệnh ở chỗ « thường vui yên tịnh », một ngày chúng sanh còn lo lắng, là một ngày không vui lòng. Thích-Ca bệnh ở chỗ « chỉ mê phá ám », một ngày chúng sanh tối tăm, là một ngày thương xót chẳng cùng. Bởi thế thánh-nhơn bệnh vì bỏ lợi mà sửa mình, phàm-phu bệnh vì đam mê mà tha-thứ mình. Bệnh vì danh dụng t nh giả dối, bệnh vì lợi là làm việc xấu xa. Lồ lồ lăng lăng ở trong trời đất thế-gian nầy, nguồn gốc sâu xa Nếu một nơi nào chẳng bệnh, thì nơi ấy chẳng thành thế-giới; một người nào chẳng bệnh, thì người ấy chẳng hợp thời nghi. Thiên hạ đều thế, thì Đại-Sĩ lấy một bệnh để chữa mọi bệnh là việc chẳng khá đừng vậy. Vì bệnh bởi tâm sinh, trong lúc một niệm chưa sinh thì tứ-đại (địa, thủy, hỏa, phong) cũng không có danh-tự vậy. Tâm với bệnh đều cảnh duyên giả hợp, có gì là thực đâu. Ấy biết « bất nhị pháp-môn » của Duy-Ma, mở mang cho đại-chúng rất nhiều, nay bệnh của Đại-Sĩ cũng lại như thế. Vài hàng thăm hỏi, mong có tin lành phúc đáp, ngõ hầu được yên tâm.

Nhị Quốc-Cậu Tổng-Công ngày đương làm Cai-Bá, lúc ấy ta vừa đến Đại-Việt, đã cho đem lễ đến biếu. Nay được thăng chức Tả-Thừa-Tướng, cả nước đều xưng tụng; ta bèn làm một bài khải gửi mừng.

Nay kính,

Trung-thư giúp trị, nêu họ tên đặt vững âu vàng
Thừa-tướng cứu thời, hòa âm dương sáng ngời đuốc ngọc.
Chở xe hiền-sĩ, rước người luận đạo an bang.
Sửa chiếu tướng-công, xem việc Thạch-Cừ thiên-lộc (16).
Công-cô (17) chẳng khuyết,

15) Tức Mục-Kiện-Liên, đệ-tử thần-thông của đức Phật.
16) Phủ Thừa-tướng gọi là Thạch-Cừ-Các hay Thiên Lộc-Các.
17) Tức Tam-công, Tam-cô.

Trủng-tể có người.
Kính vui, Thủ-Tướng các-hạ,
Chức giữ quyền hoành,
Ngôi cao văn võ.
Tiếng tăm không hổ, chí chẳng màng ấm áo no cơm.
Mừng giận như thường, lòng chẳng muốn khoe công tụng đức.
Trên án sách học theo Khổng-Tử, nửa bộ giúp khai-sáng, nửa bộ giúp thái-bình (18),
Trong chiêm-bao nơi dầu Phó-Nham, dùng người làm thuyền bè, dùng người làm mơ muối (19).
Tiếng khen trụ-quốc,
Chọn tự lòng vua.
Giữ lẽ công bằng, trị thiên hạ như chia đều phần thịt (20).
Ngừa lòng dục vọng, phòng miệng người như phòng nước vỡ bờ đê.
Đành chọn tướng chẳng đâu hơn Trung-Hoa, khuôn phép nhà Đường nhà Hán
Mà giúp vua phải theo đời thượng-cổ, phong độ vua Thuấn vua Nghiêu.
Chủ-tể được người, mừng thấy long-nhan cả đẹp.
Cử hiền phá cách, khá khen công-phụ nhiều tài.
Trăm việc duy-tân,
Các quan đều phục.
Lão-Tăng : nước mây thân mọn,
Gió bụi tuổi già.
Dầu yêu nhờ lượng cao minh, chẳng quen đường lối khiêu-khê, khi vui xướng một họa ba, tự nhiên tiêu sái.
Danh tiếng đồn vang thủ-tướng, không chút mãy may miễn-cưỡng, gặp việc lòng ngay miệng thẳng, quyết đoán ôn hòa.
Trên đá ba sinh, từng thuở dắt tay cùng bước.

---

18) Triệu-Phổ, tướng nhà Tống, thường nói : « ta sanh bình chỉ học một bộ Luận-ngữ, dùng nửa bộ giúp Thái-Tổ định thiên hạ, nửa bộ giúp Thái-Tông lập nghiệp Thái-Bình.

19) Vua Cao-Tông nhà Ân nằm chiêm bao thấy Phó-Duyệt, bèn rước về làm tướng và nói rằng : « Ví như qua sông, dùng ngươi làm thuyền bè, ví như nêm canh, dùng người làm mơ muối ».

20) Trần-Bình thường nói : « Nếu tôi được làm tể-tướng, xử việc thiên-hạ công bình, cũng như ngày nay tôi chia đều phần thịt vậy ».

Đầu đường thập-tự, mừng nay họp mặt gặp nhau.
Nhơn nguyện-lực xưa, chồng vững can thành pháp-uyển.
Lấy tâm-quang ấy, tán làm mưa mốc bửu phường.
Cẩu chúc,
Tháng lại ngày qua, sớm tiễn gương vàng nghìn thuở.
Mở sau nối trước, lưu truyền sách vở muôn đời.
Tôn xã vững yên,
Vua tôi hợp đạo.
Mừng vui dâng khải,
Cung kính chắp tay.

Ngày nọ, Đăng-Long-Hầu cho người cầm thư đến hỏi, « Thuyền đạo là giống gì ? Giác-ngộ là lý làm sao ? » Bèn viết thư phúc đáp.

Bức thư

Lai thư dạy rằng : « Thuyền đạo ta vốn rất ưa chuộng nhưng chưa biết đạo là việc gì ? Thuyền là giống gì, ngộ là lý làm sao ? Trước đây nghe nói đến cứu cánh, lòng rất lưu luyến, nhưng mỗi khi nghe nói đến chữ « Phật », trong lòng liền chẳng ưa, không hiểu vì sao ? Xin nhờ Lão-Hòa-Thượng cao minh, bảo rõ cho biết ».

Lão-tăng đọc xong thư, buột miệng than rằng : « Hay lắm thay ! Nếu chẳng phải người có phật tâm rõ rệt, ắt chẳng hỏi được như thế ». Nhưng chưa biết « chữ Phật » mà Cư-sĩ chẳng ưa ấy là phật nào ? Lấy chữ tăng mà nói, vốn có người đáng ngờ đáng ghét, kẻ lão-hủ nầy xin biểu đồng tình với ngài mà chẳng ưa vậy. Phật tức là bản-tâm đồng có ưa có ghét của chúng ta, tức là tấm lòng « nghe cứu cánh mà lưu luyến » của ngài nói trong thư vậy. Há tự mình lại chẳng ưa tự mình hay sao ? Vã lại học đạo vốn cầu vô sự, ngài chẳng nghe nói : » cần ở trên chỗ hữu sự đạt đến vô sự » hay sao ? Tham thuyền vốn chẳng nương tựa vào một vật nào, ngài chẳng nghe nói: « Bản-lai không có một vật nào » hay sao ? Nếu lấy sự vật cầu thuyền-đạo, tức chẳng phải thuyền-đạo vậy. Ví phỏng bảo, người sinh ở đời có công danh phú qúy, có vợ chồng con cái, được thì mừng, mất thì lo, chết đi sống lại, đều là việc « sự » cả, sao bảo là vô sự ? Trong trời đất

núi cũng là vật, biển cũng là vật, mặt trăng mặt trời, các vì tinh tú đều là vật, lục phàm tứ thánh (21) cũng đều là vật, một ngàn bảy trăm nguyên-tắc công án, cái gì lại chẳng phải là vật. Người tham thuyền phải tiêu quy từng sự từng vật, bảo chẳng nương cứ vào sự vật được sao. Nên biết rằng thuyền đạo qúy tự mình tham cầu, tự mình giác-ngộ, chẳng phải do ở người khác, do ở sự vật vậy. Chẳng thấy Bàng-Công hỏi Mã-đại-Sư rằng : « Cái người chẳng làm bạn cùng vạn-pháp ấy, là người thế nào » ? Đại-sư nói rằng: « Bao giờ người uống một hơi hết cả nước Tây-Giang, ta sẽ nói với ngươi ». Lời nói ấy, có phải câu trả lời chăng ? Hay tỏ ra một cơ-vi mầu nhiệm gì khác chăng ? Hay chỉ thẳng cái người chẳng cùng vạn pháp làm bạn chăng? Hay có cái bí-mật chẳng truyền, ngụ ở trong ấy chăng ? Thử đem ra suy gẫm từng lẽ, tìm cho đến cứu cánh; chẳng khá xuyên tạc một cách cưỡng ép, đem ý-thức riêng mà giải-nghĩa quầy quá lại chẳng nên nhứt thiết bỏ qua; nên làm sao trong bận rộn cũng cứu cánh như thế, nhàn hạ cũng cứu cánh như thế, dầu gặp chỗ nghịch cảnh bế-tắc chẳng thông, cũng cứu cánh như thế; mặc kệ chỗ sống gần chín, chỗ chín gần sống, lại chớ bàn đến « con người đi đến cứu cánh và câu chuyện cứu-cánh » ấy, là một là hai, là có là không, là phàm là thánh, là lý là tình, là phép đời là phép phật; dụng tâm đến đó, rồi bỗng nhiên, trong trí mở mang rộng rãi, đại giác-ngộ và cười xòa lên.

Đến như nói một chữ « ngộ » (biết giác ngộ). Ví dụ: « như người kia có việc sinh tử tương quan với người khác, hẹn nhau đến một chỗ nào đó, thương lượng, mới có thể ổn thỏa được. Đương lúc mới mờ sáng, ngũ dậy rửa mặt chải đầu, lấy bít-tất mang vào, trong lúc bối rối cấp bách, mang bít-tất vào một chân rồi, còn một chiếc tất nữa chưa thấy; bèn tìm khắp trong tử trong rương, lục soát hết các gian buồng, dưới giường trên vách, không chỗ nào không tìm, tìm đâu cũng chẳng thấy; tức quá, ngồi lại suy nghĩ. Nghĩ mãi nghĩ hoài, moi óc nghĩ đến chỗ sâu sắc, vẫn nghĩ chẳng ra, bỗng cái đầu ngó xuống, thấy hai chiếc tất mang vào một chân ! Bèn lột ra, mang qua chân khác và vô cùng khoan khoái. Mới biết chiếc tất ngay ở chân mình, biết (ngộ) thì dễ dàng như thế. Cho nên người ta bảo rằng: « Giày sắt bước mòn tìm chẳng thấy, tìm ra chẳng phí chút công-phu. » Tuy căn-tính có kẻ bén, người lạt, giác-ngộ có kẻ sớm người chầy. Nhưng phải cần

21) Xem phụ-chú số 9.

thận, giữ lòng mình chớ cho sai lệch, chớ mới hơi thấy biết chút đỉnh, đã tự cho đúng phải mười phần; rồi chạy theo lầm lối sai đường, ba lầm bảy lạc; thà như Cư-sĩ đến nay chưa hiểu biết chi, còn hơn cái quang-cảnh « thừa ba thẹo bốn » vậy. Nếu cầu đến cứu cánh, thì phải cứu cánh cho đến đầu đến đuôi, hầu khỏi lầm đườnb lạc lối. Ví bằng chẳng xua đuổi ngày thường nghe thấy, nửa phải nửa chẳng, để gia tâm tham cứu một cái chỗ đại định, thì chỉ thành một tấm gương lờ mờ, mà tự mình cho là sáng lắm, có thể thấy được nước ao trong trẻo, không sóng không mòi, trăng sáng giữa trời, không mây không bụi. E trong kinh-tạng đức Như-Lai của ta không có cái pháp như thế. Nếu chẳng trừ bỏ hết cái khí-tập trước kia, cho rằng « đã thấy được thông suốt không có gì chẳng phải », thì cho người thực đến địa-bộ ấy, cũng chỉ như ao nước tù, chẳng có rồng ở, tức còn mơ màng trong sinh tử luân hồi vậy. Cái bệnh tối kỵ của kử tham thuyền học đạo, ở cả trong cái chữ «minh » (sáng »), nằm che trước mắt, rồi lầm nhận « bệnh » làm « thuốc » vậy. Nếu biết lấy việc bổn-phận làm việc cần kíp, mặc kệ thuyền đạo sự-lý,, lòng lưu luyến, ưa với chẳng ưa; chỉ chuyển mình một cái thì thuyền-đạo sự-lý, lòng lưu luyến, ưa ghét, tự nhiên trên mắt quén sạch một từng mây, chẳng bị sáng mờ chướng ngại. Chẳng thể thì một chữ « phật », ta cũng chẳng ưa nghe, Vân-môn nói được, Cư-sĩ nói chẳng được, phải chờ đến khi thấy rõ một chân mang hai chiếc bít-tất, lột ra mang lại, tự-do thẳng bước tiến lên, mới tin lời Lão-tăng nói chẳng sai vậy. Chẳng thể cũng ví như ngồi ở bên giỏ cơm mà cứ kêu đói bụng vậy. Xin chớ chấp mấy lời đường đột. Thong thả sẽ còn thư sau tiếp theo.

Lúc ta đang đau nằm tại Hội-An, Quả-Công hai ba lần xin cử Lưu-Thanh làm chức Oai-phủ, quản-lý hàng hóa ngoại-quốc. Ta vô tình nghe lầm, làm thư tiến cử, liền được Quốc-Vương phê chuẩn. Theo lệ cũ, Lưu-Thanh phải nạp bạc thuế một vạn lượng, hạn trong 10 ngày nạp đủ. Lưu cầm cái giấy có chữ Quốc-Vương phê, chạy khắp nơi cưỡng bức dân chúng để vay mượn. Đến lúc ta đến Thuận-Hóa, các khách buôn thuyền chủ đều quy oán, thuật chuyện Lưu-Thanh làm chuyện bất chánh, đều xác thực có chứng cớ. Ta nghĩ tiến hiến vì nước, vốn là việc hay; nhưng con người như thế nầy, sẽ làm việc hại dân, bốc lột kẻ buôn bán, tai hại vô cùng. Chính đương tính việc điều-tra cho biết các tệ-đoan, thì y lại đến khẩn cầu ta giúp đỡ. Nhưng một lần lầm đã chẳng được, huống lại lầm lần thứ hai, vì vậy ta từ khước. Quả-Công rất lấy làm buồn, bàn mưu với những người cận-

thị thân yêu, vẫn nói người của Lão-Tăng tiến cử, xin làm cho xong công việc. Như vậy, ngày sau sanh ra tai hại, lỗi ấy về ai ? Bèn viết cho Quốc-Vương một bức thư, bàn về việc dùng Lưu-Thanh như sau.

Bức thư

Trong thiên hạ, việc khá có lúc chẳng làm, đạo chẳng khá một ngày chẳng sáng. Việc khá chẳng làm, quyền chẳng tự mình, chẳng tổn hại gì cho ta; đạo chẳng khá chẳng sáng vì lời nói do ta, mà có ích cho người.

Vì vậy, ta phải đem đầu đuôi công việc dùng Lưu-Thanh, giải bày tường tường tận cho Quốc-Vương được rõ.

Từng nghe, nước có tôi ngay, nhà có con thẳng, do đó, vua, cha mới có thể trở nên thánh hiền. Cho nên trong triều « đô, du » (vâng, phải), chẳng quyên câu « hu, phất » (hờ, không phải) (22), dưới gồi « thừa hoan » (vui chầu cha mẹ), chẳng quên việc khuyên can. Đời Đường, Ngu, Tam-Đại thường dặn bầy tôi rằng: « Các ngươi có mưu hay chước giỏi, hảy vào trình bày cho vua các ngươi ». Lại nói rằng: « các ngươi chớ hùa theo trước mặt, rồi có lời phiền trách sau lưng ». Đức Khổng-Tử, sau ngày thầy Tử-Lộ chết, than rằng: « Từ ngày ngươi Do chết, tai ta chẳng được nghe lời nói ngay thẳng. Than ôi ! Trời hại ta ». Thánh-nhơn xưa, hằng ngày chỉ lo không được nghe lời ngay thẳng, vì sao vậy ? Bởi vì đẳng nhơn quân một mình đứng đầu tất cả thần dân, mừng giận ghét yêu có thể làm cho người ta trở nên sang hèn sống chết. Còn thần hạ toàn là những kẻ mưu cầu giàu sang, và có hạng người tham sanh úy tử rất nhiều; còn những hạng người có lòng yêu vua lo nước, dám can ngay nói thẳng, chẳng tránh nguy vong, thì lại chẳng có mấy. Lại có một hạng người sâu sắc, nham hiểm, chuyên giao kết với người riêng của vua, cùng bọn cung-nữ hoạn-quan kết thành bè đảng, lừa dối che lấp tai mắt đẳng nhơn quân, bài xích chánh nhơn, cự tuyệt lời trung trực, để dễ bề trộm cầm quyền bính, dẫn dắc bè gian, chỉ lo làm lợi cho mình, chẳng kể gì thanh danh của vua chúa. Những bầy tôi trung nghĩa thấy thế, vì tình yêu vua, lúc đầu thì mềm dẽo khuyên can,

---

22) Trong triều vua Nghiêu, vua Thuấn, vua tôi nói với nhau, nghe nói phải thì nói : « đô, du », trái lại, nghe nói quấy thì nói : « hu, phất ».

nhưng khuyên can chẳng nghe, đến đỗi phải dùng lời nghiêm chính, làm phật ý vua, đến khi cần phải đối cái chết để can vua, hoặc phải bỏ ngôi lìa chức. Ấy há chẳng biết kiếm cách làm cho vua ưa, để an hưởng phú qúy, lại làm cho vua giận ghét, để rước lấy nghèo hèn làm gì, chẳng qua vì lòng trung ái, muốn dẫn vua đi theo đường chánh, chẳng chịu tham ô cẩu thả, khiến vua có hồi hận ngày sau mà thôi. Lão-tăng mở đạo ở Trung-Hoa 30 năm nay, đói ăn mệt ngũ, lạnh lẽo việc đời, nhưng đối với quốc kế dân sinh, cũng có lúc sốt sắng. Ở đất nước nào cũng được các bậc vương hầu khanh sĩ yêu mến, việc đắc thất của chánh-trị, nỗi đau khổ của nhân dân, thường được phỏng vấn luôn. Lão tăng hễ có biết là nói, nói đều hết lời, hay nói chỗ thiết yếu trước khi sự cơ chưa phát; các bậc công-khanh đương cục cũng nhận thấy Lão-tăng là người ngoài cục, biết rõ công việc thế-gian, hại chẳng sợ, lợi chẳng tham, đối với lẽ pqải trái nên chăng, dám trương mắt chỉ ngay tình tệ; có lúc gặp việc quan hệ, cũng chỉ một lời nói là quyết đoán xong xuôi.

Ngày nay ở qúy quốc, Lão-tăng cũng giữ lòng như ngày trước ở Trung-Hoa vậy. Huống nay, Lão-tăng đối với Quốc-Vương, danh phận tuy là khách là thầy, mà tình ái xem bằng cốt nhục. Trước đây, Lão-tăng vì nghe lầm Quốc-sư, nên tiến-cử Lưu-Thanh làm chức Cai-phủ. Kẻ nghe những người quen thuộc kể chuyện gian-phi của y, biết y là hạng người bất lương, có tính quên ân phụ nghĩa. Trong lúc, Thanh-triều đánh dẹp giặc biển, y phiêu-lưu không nơi nương tựa, nhờ Lam-Tổng-Binh hết lòng che chở; Lam nghèo không đủ sức chu cấp, đảm bảo cho Lưu lãnh một chiếc thuyền chở hàng-hóa, vượt biển mua bán để kiếm lời, ân-đức chẳng khá bảo chẳng hậu vậy. Thế mà Lưu chẳng lo đền đáp ân đức của Lam, nhẫn tâm phụ bạc, đi chẳng trở về, khiến Lam phải oan bồi số hàng ấy . Ngày nay Quốc-sư yêu-cầu Lão-tăng hết lòng hết sức duy-trì bảo đảm cho Lưu-Thanh, một ngày kia thế tất y cũng trở lại phụ bạc; trông mong cho y làm một viên-chức đứng đắn, biết hết lòng vì nước lo đền đáp ơn vua, là một việc vô lý trăm phần trăm vậy. Con người có lòng đen tối, đương lúc không quyền thế, còn cậy uy-thế người khác, để làm điều tội ác, kiếm cách chạy chữa, gạt Quốc-Vương châu phê điểm danh để cưỡng ép vay mượn. Nếu trở nên một viên chức có uy-thế, có quân-sĩ làm nanh làm vút, giúp sức để làm tội ác, lại còn có một bọn đồng loại qủy quái làm vây làm cánh, ắt đến sanh sự trăm cách, làm hại nhà buôn, làm sâu mọt cho dân

chúng, Đã vậy, lại vay tiền lo lót để làm quan, sau nầy lương bổng không đủ để giả tiền lời, còn lấy đâu ra mà giả tiền vốn. Ắt phải kiếm trăm mưu ngàn chước để bốc lột hàng hóa thương thuyền, thậm chí còn đục khoét tận xương tận tủy, khiến cho khách thuyền hàng năm bị hại, khiếp sợ không dám đến. Thế là dứt đường thương-mãi, làm cho quốc-khóa bị thiệt-thòi, rồi tiếng đồn lan ra bảo Vương-quốc đải khách-nhơn hà khắc, làm tổn thanh danh cho nhà vua biết chừng nào. Mưu gian của chúng nó rải khắp mọi nơi, kẻ có thế-lực bị chúng nó dùng quỷ kế gửi gắm, bỏ qua chẳng nói. Còn kẻ yếu hèn thì sợ độc-thủ của chúng nó ám hại, nên chẳng dám nói. Nếu ngày nay Lão-tăng cũng làm thinh, thì còn ai nói lên cho vua nghe? Vì thế Lão-tăng phải nói hết lời, chẳng chút kiêng nể, cốt muốn Quốc-Vương chẳng dùng lầm người vậy. Lưu-thanh lại dùng 3.000 vàng làm mồi, muốn cho Lão-tăng điên đảo thị phi, nói vô một lời với nhà vua để cho nó được việc, thế thì thiệt buồn cười quá. Sao nó chẳng nghĩ Lão-tăng được Quốc-Vương thành tâm thỉnh cầu qua đây để quy y, Quốc-Vương cung dưỡng, mỗi việc đều long trọng châu đáo. Nếu Lão-tăng có việc công-đức chưa hoàn thành, ắt Quốc-Vương cũng hoan hỷ thành tựu, sá gì vật nhỏ mọn ô uế ấy. Thử xem Lão-tăng ở vương-quốc gần một năm nay, chưa từng chịu lời của ai, lo lót gửi gắm, để cầu Quốc-Vương dụng tình bao giờ. Lúc đầu vì không biết nên tiền lầm, ấy cũng do cái ngu của Quốc-sư, chớ không phải Lão-tăng dụng ý vậy. Chẳng thể sao mấy bức thư ngày trước, có đầy lời lẽ kịch liệt nhường ấy. Quốc-vương kính yêu Lão-tăng, Kính thì chẳng nở để cho người ta khinh thị, cho nên trong thư nói rằng: « Há đải Lão-tăng chẳng bằng đàn bà con gái hay sao ? » Nói như vậy, để Quốc-Vương động lòng. Yêu thì chẳng nở để cho Lão-tăng xa cách, cho nên trong thư nói rằng: « Nếu chẳng thể, thì Lão-tăng xin xuống ngay Hội-An nghĩ ngơi cho qua ngày ». Nói như thể, để Quốc-Vương động tình, gắng gượng làm theo. Ấy tức như lời thường của người ta bảo: « Nói chẳng thiết tha, thì người nghe chẳng để vào tai ». Và « lấy sự đi và ở để tranh luận » vậy. Đã biết rõ mà còn dùng Lưu-Thanh, Vương chẳng muốn làm trái ý Quốc-sư, mà cũng vì yêu trọng Lão-tăng. Sở dĩ Lão-tăng tin như thể, vì lẽ Quốc-sư là Pháp-tử của Lão-tăng và là người của Quốc-vương cung dưỡng, nhơn Quốc-sư mà Vương được thân gần Lão-tăng, thì nay Vương có lòng tốt chẳng làm trái ý Quốc-sư, chính là yêu Lão-tăng rất nhiều vậy. Xưa thầy Mạnh-tử đến nước Lương, vua Huệ-Vương nói rằng:

« Lão-Tầu chẳng nề xa nghìn dặm mà đến đây, cũng hầu có điều gì làm lợi cho nước ta » ? Thầy Mạnh-tử bảo « lấy điều nhân nghĩa để làm lợi nước ». Nay Lão-tăng sợ dùng Lưu-Thanh sẽ làm tàn hại xứ sở, ấy là Lão-tăng lấy điều nhơn làm lợi cho vương-quốc vậy. Đến như lấy lời thẳng thắng can ngăn để cứu vãn công việc cho hợp lý, ấy là Lão-tăng lấy điều nghĩa làm lợi cho vương-quốc vậy. Lão-tăng làm như vậy, ấy chính vì Lão-tăng tỏ ý thương Quốc-Vương thầm thía vậy. Lão-tăng bảo chẳng khá dùng Lưu; lời lời thống thiết, lòng Lão-tăng đã yêu đương Quốc-vương lắm vậy. Vương chẳng nên làm trái ý Quốc-sư, cố ý dùng Lưu và bảo rằng vì đã do Lão-tăng tiến-cử; vã lại chẳng nên quên rằng vì nhờ có Quốc-sư, Vương mới được dịp gặp Lão tăng, thì lòng Quốc-Vương yêu Lão-tăng cũng chí tận vậy. Hai lòng tương giao chí tận, như thanh thiên bạch nhật, chẳng chút mây mù, đây đó hòa thông, như ao nước mùa thu, không hề dơ bợn. Chỉ tiếc Quốc-Sư đã làm một vị tỳ-kheo bạc đầu, nghĩ rằng chẳng sống còn bao nhiêu ngày, mà gấp lo mưu tính lợi riêng, cam tâm cùng với bọn gian-hiểm tiểu-nhơn; suốt sáng thâu đêm dùng hết tâm thuật mưu-kế, chỉ mong Quốc-Vương chẳng nghe lời ta; ấy là muốn cho đạo ta chẳng được lưu-hành. Tấm lòng đệ-tử trả ơn cho thầy, há nên như thế chăng ? Nhưng đạo ta chẳng lưu hành, thì đạo y lưu hành được chăng ? Lưu hành hay chẳng lưu hành, chẳng thấy Khổng-tử bảo rằng: «Đạo hầu lưu hành chăng? mạng vậy. Đạo hầu bị bỏ chăng ? Cũng mạng vậy. Công-Bá-Liêu cãi được số mạng hay sao » ? Càng mong Quốc-sư trong việc ấy hồi tâm tự xét, chớ để trọn đời mê muội, để bọn tiểu-nhơn nhẫn-tâm bịt mắt bưng tai vậy.

Thiết nghĩ Quốc-Vương, Quốc-Sư đều là đệ-tử của Lão-tăng, chẳng khá chẳng hết lòng vì nhau. Vì vậy chẳng ngại dài dòng, hết lời khuyến cáo, xin Vương lượng xét cho.

Nay kính.

Kể từ ngày thượng-nguyên lên thuyền, cuối tháng giêng đến nước Đại-Việt. Ban đầu lưu trú tại chùa Thuyền-lâm, Thuận-Hóa, kế đến ở chùa Di-Đà Hội-An, bị trở gió tại Cú-Lũ-Sơn, lại trở về ở chùa Thiên-Mụ . Vượt qua biển cả, trèo đèo Ngãi-sơn (Hải-Vân), trèo non vượt biển, thấm thoắt đã qua một năm. Hằng ngày cùng với Quốc-Vương và các Đại-thần thù tạc, cùng thập phương tứ chung bàn hoàn, những điều mắt thấy tai nghe,

hoặc thuộc về phương diện chánh-trị đắc thất, hoặc thuộc phong tục chánh tà, nhơn-vật sơn xuyên, côn trùng thảo mộc, tuy những nơi chưa trải qua còn nhiều; nhưng biết xa từ gần, cũng đã thâu thập được ít nhiều đại khái vậy. Việc bất phân lớn nhỏ, vật chẳng nệ xấu tốt, hễ gặp việc trọng yếu là chép, thấy vật kỳ dị là biên; há dám khoe hành đạo nam phương, chỉ muốn đem phong-tục ngoại bang và tất cả những điều mắt thấy tai nghe, trình bày lại với nhân-sĩ Trung-Quốc. Hoặc giả, một ngày kia, đời chuyển được di-phong tập tục hay chăng ? Năm non bồn biển, dám khoe lịch duyệt như Tử-Trường (23). Rau lạ tre kỳ, há sánh kiến-văn bằng Bác-Vọng (24). Chẳng qua tùy việc phát lời, gom lời thành tập, vậy thôi.

Trong những lúc đau nằm ở Hội-An, dưỡng nhàn ở chùa Thiên-Mụ, tháng ngày qua lại, biết bao thù ứng vãng lai, xúc cảnh hứng tình, gặp người trò chuyện. Có khi, nhân sự đòi hỏi của người khác, thổ lộ lòng mình, hoặc cùng viết trong một lúc, hoặc làm thành trong nhiều ngày. Thứ tự đảo điên, thiên tập khó sắp, họp làm một quyển, thảo suất hoang đường, dám đâu xuất bản để trình đời, chẳng qua chép lại để khảo sát ý mình mà thôi.

Văn chương vụn vặt, lục tục ghi biên.

23) Tức Tư-Mã-Thiên, Thái-Sử-Công đời nhà Hán.

124) Hán-Vũ-Đế phong Trương-Khiên làm Bác-Vộng-Hầu. Trương-Khiên đi sứ Tây-vực, đem rau Cú-tương, tre Ngang-trúc về Trung-quốc.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN VI

GIÓ mưa quán khách, lặng ngồi thâu đêm. Ngẫu nhiên đọc lại bài của Quốc-Sĩ-Ông Ký-Lục, bàn về thơ và thiền đạo, lời bàn tợ phải mà hóa trái. Đại-phàm phật-pháp văn-chương làm thơ viết kệ, quý ở chỗ đánh phá ý-thức phát ra từ chỗ trí-tuệ căn-bản, tự nhiên thấu rõ; nếu chỉ luống cậy học rộng nhớ nhiều, thì lý-luận thường không tránh khỏi cái bệnh phụ-hội khiên-hợp vậy. Nhơn viết một bài đưa cho Nhiếp-Chi Hoàng Cư-Sĩ, tiêu-khiển trong cơn mưa lạnh, và bảo cho các trò :

Sách vốn chẳng khá chẳng đọc, đạo càng chẳng khá chẳng sáng; người sáng đạo tuy chẳng tập văn-tự nhưng vẫn thường thông thái; nếu chẳng sáng đạo, tuy chuyên công học tập văn-tự, vẫn hay lý luận cưỡng-hợp mà thôi. Tuy câu nói nghe hay ho, nhưng nghĩa không thấu đáo, điều ấy đã từng xảy ra. Xưa Tử-Chiêm học-sĩ (1) làm văn, hạ bút nên lời, chữ tuôn ra thao-thao theo ý nghĩ, như gió bay, như nước chảy, phô diễn một cách tự nhiên. Nhưng đến lúc theo ý riêng thuyết thiền, ông có viết một bài bạt sau bộ Kim-Kinh, chẳng hiểu rằng, Kinh ấy, chẳng phải có thể thấy bằng sắc, nghe bằng lời, lại phán đoán rằng « Chỉ được nửa bộ », thế là chỗ

1) Tức Tô-Đông-Pha, văn-sĩ đời nhà Tống.

cưỡng-hợp của ông vậy. Đã tự biết rằng : Ngũ-Tổ-Giới tái lai, sao lại quên hẳn bổn-phận, trở lại hỏi Tham-Liễu (2) « thác sắc núi tiếng khe mới xưng ngộ đạo » ? Ấy lại là chỗ cưỡng hợp của ông vậy. Trong bài « Kim-Sơn-Thù-Tứ-Đại (3) ngũ-uẩn» (4), ông muốn đem đai ngọc trấn sơn-môn, nhưng luôn luôn dây xỏ-mũi bị nắm trong tay người khác, chỉ vì từ trước ông chỉ dùng ý-thức thông-minh ức đạc nghĩa-lý, chưa từng dùng đạo để đánh tan sự chướng ngại của cách-âm, cho nên hoảng hốt chẳng thấy rõ đoan đích vậy. Thần-Tú Đại-sư (5) ở trong Hoàng-Mai-Hội, làm thủ-lãnh 800 long-tượng (các vị hành-giả và bát bộ Long-Th iên), nghe rộng nhớ nhiều, ai chẳng suy tôn ngài làm ngôi thứ nhất. Ngài làm câu kệ rằng : « thân tợ bồ-đề thụ » (mình tợ cây bồ-đề), bồ-đề theo tiếng phạn gọi là chánh-tri, cũng gọi là chánh-kiến, hư linh không thể chất, chỉ có tính viên-minh, hoặc khá lấy bồ để chỉ mặt trăng, chớ cùng với «thân» có giống gì đâu, huống chia lìa bỏ chánh-tri chánh-kiến mà nói bồ-đề, thì bồ-đề há có mắt tai mũi lưỡi, xương máu tay chân, mà ví với thân người được sao. Ấy là đại-sư nói cưỡng hợp vậy. Lại nói rằng : « Tâm như minh-cảnh-đài » (lòng như đài gương sáng), chẳng kể sự lý hư thực dưới chữ « minh cảnh » hạ một chữ « đài » làm vận chân, để chữ « cảnh » hư, chữ « đài » thực; rồi câu kế nói : «« thời thời cần phất thức » (buổi buổi siêng lau chùi) ấy là lau chùi cái đài, chớ không phải lau chùi cái gương; tức bảo rằng : « tâm » như mặt gương, thể đã là chẳng phải « tâm » rồi, hà-huống bảo như cái « đài » của mặt gương, thì với « tâm », lại còn có giống nhau chút nào. Tây-Thiên 28 tổ, Đông-Thổ 6 tổ, đều lấy tâm truyền tâm, chẳng phải lấy gương truyền gương hay lấy đài truyền đài bao giờ, ấy là cưỡng hợp vậy. Làm thơ, làm văn có khởi thừa chuyển hợp, thuyết pháp cũng vậy. Nay trong bài kệ, hai câu đầu lấy « thân » và « tâm » song khởi, mà câu kết nói « vật sử giả trần ai » » (chớ khiến dính dơ bụi), chỉ kết câu « minh cảnh », không hề nói đến « bồ-đề »; thế là chỉ luống chuyên công văn-tự, mà nghĩa lý không được thấu đáo, tức là phụ-hội khiên-hợp vậy. Than ôi, trong một bài kệ, chưa bàn đến chỗ luận đạo

2) Tổng-Tăng-Đạo-Tiềm hiệu Tham-Liêu-Tử, tu ở chùa Trí-quả ở Hàng-châu. Lúc Tô-Thức ở Hàng-Châu, chiêm bao thấy cùng Tham-Liêu-Tử làm thơ, sau ra trấn-thủ Hàng-Châu; có đến phòng vấn Tham-Liêu-tử, làm bài Ứng Mộng Ký.

3) Phật-gia gọi địa, thủy, hỏa, phong làm tứ đại.

4) Phật-gia gọi sắc, thụ, tưởng, hành, thức làm ngũ uẩn.

5) Đại-sư là đồ-đệ của Ngu-Tổ Hoằng-Nhẫn.

phải hay trái, chỉ trong chỗ dùng tự đặt câu đã có đến 3 lỗi. Bởi thế Lô-Hành-Giả (6), nói lại rằng: « Bổ đề bản vô thụ, minh cảnh diệc phi đài » (Bổ-đề vốn không cây, gương sáng chẳng phải đài), dùng bốn chữ « bản vô, diệc phi », như một tiếng sét vang dội trong đám mây mù, chớp sáng lòe ra tỏ rõ chẳng phải « đài » cũng chẳng phải « cây », chẳng chờ phân biệt mà ai cũng thấy rõ như vậy. Nhưng lại sợ người ta bỏ « đài » bỏ « cây » mà lại nhận cho « bổ-đề và « minh-cảnh » là vốn có, nên lại bảo thẳng rằng: « bản lai vô nhứt vật, hà xứ giã trần ai ». (Nguyên không có một vật, chỗ nào dính bụi dơ). Thế là hướng ra ngoài chỗ « phi đài, vô thụ », đánh thêm một tiếng sét nữa, đem « bổ đề, minh cảnh » nhứt luật đánh tan luôn, khiến người ta không còn chỗ nào bám bíu để làm chân đứng; bảo là « bản lai vô nhứt vật », chẳng phải minh cảnh bổ-đề; huống « minh-cảnh-đài, bổ-đề-thụ», hiện có đến ba bổn vật, thì bảo « bản lai vô nhứt vật» sao được. Ý Lô-Tổ muốn vì người tìm chỗ cứu cánh vậy. Toàn hay ở chỗ hỏi tiếp theo hai chữ « hà xứ », muốn người tự hiểu biết « hà xứ giã trần ai », mới biết rõ « bản lai vô nhứt vật »; bản lai đầy đủ, bản li thanh tịnh, cần gì phải lau chùi phất thức »; nếu cần lau chùi gương tức chẳng sáng; chờ lau chùi mới sáng, tức là nhìn bóng quên đầu. Nếu nói lau chùi minh-cảnh mà quên bằng bổ-đề, thì rốt-cuộc minh-cảnh cùng với bổ-đề nào có quan hệ gì. Chỉ ở một câu hỏi ấy, nhắm ngay chữ « hà xứ », chích một mũi kim, đoạt cảnh, đoạt người, đoạt pháp, buông bắt khéo léo, sinh sát tỏ tường. « Ta không có một phép nào cho người, chỉ biết bệnh mà thôi », lời nói ấy há dối người hay sao ? Chúng ta quý ở chỗ hiểu đạo cho sáng rõ, rõ đạo rồi quý ở chỗ biết thể-niệm (hòa-mình với đạo). Một phép đã thông, tất nhiên mọi phép đều thông vậy. Chẳng tin, hãy nhìn xem Lô-Hành-Giả, con người chẳng từng đọc sách bao giờ ấy, hiểu biết văn-tự một cách tinh-vi như thế nào ? Bởi thế, ta bảo người đời muốn cầu thông, không chi bằng rõ đạo. Đã rõ đạo mà còn biết đọc sách, thì há chẳng thông hơn vị Hành-giả giả gạo trong bếp ấy mấy bậc nữa hay sao. Gần đây, thường thấy những người tham thuyền, đạo đã chẳng rõ, sách lại chẳng đọc, gượng muốn bàn thuyền bàn đạo, làm kệ làm thơ, khác nào con ruồi nhúng chân vào nước biển, muốn vẫy lên làm mốc làm mưa, phỏng có được hay chăng ? Huống chi Cư-Sĩ là một người đọc sách thông thái, thường lấy tay sờ mó lò lửa chùa Trường

6) Tức Tuệ-Năng Đại-sư, tức Đệ-lục-tổ, được tâm-ấn của Ngũ-Tổ Hoằng-Nhẫn.

thọ, xem nóng hay nguội; chẳng chịu lấy văn-tự thông-minh tự cam lòng, muốn hùa cùng Tử-Chiêm cải cho vừa ý, chẳng chịu để cho đầu lưỡi các Hòa-Thượng già xưa nay áp đảo. Việc ấy hãy tạm ngừng. Hãy hỏi : « Đêm nay trước thềm từng giọt mưa » vì cớ gì chẳng rơi xuống nơi khác ?

Thư bảo Diệc-Nhĩ Ký-thất

Thân thầy học đạo, cũng ví như đẩu thai vậy. Sinh vào gia-đình nghèo hèn, đội thuê gánh mướn kiếm ăn, làm việc thấp hèn kiếm lợi, tập quán như thể, tâm thân trở nên hèn kém, chẳng nói làm gì. Sinh vào nhà giàu sang, từ thuở đương bú mớm, đã được nâng niu chìu chuộng, mặc thì gấm vóc, ăn thì chả nem, điều dưỡng từng ly từng tý, chỉ e không sống; dần dần trưởng thành, dạy tập thi thư lục nghệ, văn vẻ thanh tao, hầu mong sớm được thành tài, để nối dõi tông-đường tổ-phụ. Còn e thanh-niên tử-đệ, tính-khí kiêu căng, hào phóng tự thị, hay đi lạc lối lầm đường; rồi thì tư tưởng sơ sót, nghe thấy sai lầm, học-nghiệp chẳng thành, công danh làm sao đạt được. Bởi thế đã có phụ sư dạy dỗ, lại cầu bầu bạn dồi mài, nếu giải đãi để ngày tháng trôi qua, ắt sẽ ăn năn chẳng kịp. Kẻ học đạo làm công-phu cũng thế. Cứ như Lão-tăng đây, lúc trẻ tuổi hay đau, không được học để nối dõi thư-hương, theo đòi khoa-cử; nhơn nhờ gặp Tiên-Trượng-Nhơn thế độ cho xuất gia, tham thuyền chưa được bao lâu, đã biết rõ bản-phận; Trượng-nhơn bèn cho theo hầu quỳnh-lâu-ngọc-điện để làm công-phu, từ đó được làm người thanh nhàn vô sự. Tuy kiến-thức đã định, nhưng học hành thiếu sót; tiếng làm trí-thức, mà sách chưa từng đọc được một câu, chữ chẳng từng viết được một nét, lăng nhăng lổ nhổ bị thua sút mọi đường; ngày qua tháng lại, râu tóc bạc phơ, than ôi, đã già mất rồi, chỉ e uổng phí tấm thân hiện tại, làm hư hạt giống sau nầy mà thôi; bèn quyết chí một mặt hành đạo, một mặt học tập, nhưng hiện tại sức khỏe trí nhớ chẳng bằng lúc thiếu niên, ăn năn đã chẳng kịp vậy. Gần đây thấy có những đạo-tử học-sinh, tướng mạo khôi-ngô, khí thể cường tráng, nếu chịu lập chỉ, thì tham thuyền minh đạo, nào khó gì đâu; thế mà các người cứ lững lững lơ lơ, tháng ngày uổng phí, đáng tiếc biết chừng nào. Thường có một vài người chịu khó tham học, nhưng lại xấu tốt chẳng biện, đen trắng chẳng tường; cày cục bên nầy, tìm tòi bên khác, giày mòn chưng mõi mà đi chẳng đến đâu. Chẳng

biết hai chữ « tham học », trước cần phải phân biện cho rõ ràng, « tham » nghĩa là dứt bỏ tất cả thê-giai (thang bậc), chẳng tìm nơi nào khác; tập trung khí-lực, tự trong mình tìm ra một con đường mà đi, nghĩa là « tham » cho đến chỗ « niết-bàn » lòng dễ hiểu, sai biệt (?) trí khôn minh » vậy. Chừng ấy rộng xem thêm sách vở của người xưa, lại từ mặt ngoài đánh tiến vào. Trong rèm dạ-minh, chuyển mình một cái, trong ngoài lớn nhỏ, một mạch quán thông; lúc bây giờ chúng ta thấy nghe việc gì, xử sự luận lý, ắt đến chỗ thiện-chí, thế mới gọi là học. Gần đây những kẻ thuyền-giả, thảy đều câu nệ, chẳng biết biến thông sự lý, thành ra cổ chấp thực thà. Còn những kẻ giảng giáo thì hằng ngày lo tính tiền tài châu-báu của nhà người khác, chẳng biết đến cái đáng quý của mình; rốt cuộc « ham xem trăng trên trời, rớt mất ngọc trong tay », nào có ích gì. Trong tôn-giáo tìm cho được người « tham-học hoàn-toàn », thực khó lắm vậy. Những bọn ù-mờ chẳng biết đường lối, thôi chẳng bàn đến làm chi; cho đến những kẻ hơi biết chút ít, chân đứng chưa vững, đã bị hoàn-cảnh nhơn-duyên lôi kéo, thì lại phải cần có thầy bạn đào luyện, mới mong thành tài; chẳng những không thầy đồ mấy làm nên, mà không bạn cũng chẳng khá độc tiến, cỏ bòng sinh trong cây gai, chẳng uốn tự thẳng vậy. Khổn nỗi, trong thế gian nầy, chơn-sư hiếm có, mà chơn-hữu cũng chẳng được mấy người. Những bạn đời nay là những bạn a-dua, chỉ ừ ừ vâng vâng, một mặt lo tán tỉnh; khen ta là «tiên-sanh hầu hầu », chẳng qua làm ngu ta, làm hại ta, chỉ thiếu điều giết ta mà thôi. Bạn như thế lo tránh xa chẳng kịp, còn thân gần được sao ? Nếu là chơn-hữu cần biết chỉ-trích điều lỗi của ta, bắt ta phải làm việc thiện; nói ngay chẳng nể, mới là yêu ta, muốn làm nên cho ta. Cho nên người xưa được một người đồng-chí chơn-hữu, qúy hơn anh em đồng-bào vậy. Như Nhưng cũng chớ lấy làm lạ, vì sao thế giới lớn như thế nầy, lại khó tìm được chơn-sư, chơn-hữu. Nay trước hết hảy tìm một người chơn học đạo đã. Nếu có thầy bạn mà chẳng có học-nhơn, cũng ví như « vịt nước lội giữa đồng » chỉ lênh đênh theo dòng nước xuống lên, một lúc gặp biển động ba-đào, đã chìm mất dạng vậy. Than ôi, nếu chơn-học-nhơn có được nghiêm-sư lương-hữu, hằng ngày theo đào luyện khích thành, có lúc lấy lời độc-ác, mắng nhiết nữa. Chẳng những mệt không từ, khổ không oán, đến nỗi đuổi cũng không đi, đánh cũng không chạy, càng bức bách lại càng tinh cần, càng chiết tỏa lại càng phấn phát; như thế mới thấy lòng kiên quyết của học nhơn vậy.

Nếu Diệc-Nhĩ từ nay có chí hướng kiên quyết, nguyện lực chơn thành, dụng tâm trong 4,5 năm, thì khó gì chẳng thông đạt đạo-lý, khai thông chướng ngại. Người học đạo sợ nhất là tự dối mình; tự dối mình thì ý chẳng thành thì tâm chẳng chánh, tâm chẳng chánh thì nghe tiếng chú tâm theo tiếng, thấy sắc chú tâm theo sắc, tâm chú tùy theo ngoại-cảnh, đến đỗi « tâm bất tại yên », xem mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, chú cảnh sanh tâm, tâm chẳng còn tự tại, bị thanh sắc có không sử dụng, dụng tâm ở « có không » cũng chẳng biết, dụng tâm ở « không có » cũng chẳng hay. Chỉ bao giờ giữ được đừng cho tâm bị lưu-chú, mà lưu-trú cũng không trở ngại; chú không trú vào đâu, mới thấy thường trú; chơn-tâm hư mà tịch, linh mà sáng, hay chiếu mọi vật mà chẳng bị mọi vật lấp che. Thông suốt hơn người mới làm nên đấng trượng-phu hơn người vậy. Đến chỗ đó mới biết phát tâm học đạo là người cha sinh ra ta, tham thuyền ngộ đạo là ông thầy dạy cho ta nên và chí-nguyện chẳng đổi là người bạn giúp ích cho ta vậy. Xem lại phụ sư bằng hữu chẳng phải ai khác, đều ở cả trong một nhà của ta; đại gia vỗ tay cả cười reo lên rằng: « Như thế mới chẳng phụ tấm thân nam tử, một phen ra đời », khiến Lão-Tăng cũng tự thẹn vậy.

Thư gửi cho Đại-Việt-Quốc Hữu-Thừa-Tướng Tổng-Công

« Năm ngoái, mông ơn hạ-cố, được bái lãnh huệ-lộc hai lần. Từ ấy, về sau tin-tức vẫn thông, nhưng ít có dịp bái-yết. Mới đây, nhơn dịp chúc mừng năm mới, được lên Long-Môn, cúi mông khoản tiếp ân cần, đủ thấy Minh--Công nhã ý hư hoài, chẳng kém lòng đãi sĩ của Chu-Công ngày trước. Trong lúc trò chuyện, Minh-Công lấy tư cách một vị Quốc-triều Tể-Pbụ, đứng đầu nhơn-dân, lấy việc tăng-già có nhiều người hỗn loạn làm lo; Minh-Công nghĩ rằng, muốn hộ-sinh cần phải dùng sát, cần phải cuốc hết cỏ dại, lúa tốt mới có thể mọc lên; điều đó lại càng thấy Minh-Công quả là thành vàng ao nóng của pháp-môn, lòng hộ-đạo hùng dũng phi thường, nếu chẳng phải người tu hành kiếp trước tái sinh, chẳng bao giờ được như thế. Lão-tăng từ ngày đến qúy-quốc; vẫn lấy việc ấy làm thống-hận, nghĩ rằng mình có trách-nhiệm phải gánh vác việc Phật-pháp; nhưng đến đây chưa được bao nhiêu ngày, chưa thấu rõ hết những chỗ ẩn-vi; vã lại bọn chúng từ trước đến nay, không được nghe pháp-hóa, chẳng biết bản phận

một tăng-nhơn phải làm những việc gì, nay bỗng lấy trọng phát thẳng thúc, thế là chẳng dạy mà giết gọi rằng « dữ », chẳng phải lòng trắc ẩn của kẻ có nhơn, vì giáo-hóa mà ra tay vậy. Trong lúc hầu chuyện, ứng đáp vội vã, chưa được rõ ràng, nay xin bàn tiếp thêm cho rõ lẽ bên đạo bên đời, việc làm tuy khác nhau mà đạo vẫn hợp nhau vậy.

Thử nghĩ xem, trời đất chẳng khá có dương mà không âm, đế-vương chẳng khá có thưởng mà không phạt, nhà chùa chẳng khá chỉ dắc dìu mà không có luật-pháp; ba lẽ ấy vận-dụng tuy chẳng đồng mà lòng nhơn-ái thì như một vậy.

Trời đất không nói, mà hai khí âm dương qua lại, bốn mùa vận hành; có mưa mốc để tưới nhuần, lại có sương tuyết để làm cho tàn tạ. Muôn vật chịu hình khí của trời đất, cũng có lớn nhỏ hậu bạc khác nhau, lớn ấy chịu khí được hậu, nhờ ơn mưa mốc để sinh, cậy oai sương tuyết để nở, sinh nở càng lâu, gốc rễ càng bền, cành lá càng tốt, bèn cho là lòng nhơn-ái của trời đất rất hậu vậy. Còn nhỏ ấy thì chịu khí rất bạc, ơn mưa mốc chẳng cứu được điêu-tàn, oai sương tuyết lại làm cho mục nát, sinh nở càng kém, gốc rễ càng khô, cành lá càng héo, bèn cho là sự tàn phá của trời đất rất khốc-hại vậy. Biết đâu, vững thì bồi thêm, nghiêng thì đạp đổ, trời đất chỉ vận hành âm dương qua lại theo lẽ thường; mà muôn vật trong vòng chở che, tự nhiên có vật được sinh, có vật lại bị sát, chẳng khá bảo rằng trời đất chỉ có sanh mà chẳng sát vậy. Đến như chín năm nước lụt, bảy năm đại hạn (7), âm dương cũng có lúc trái thời, ấy là cái biến, cái phi-thường của khí số vậy.

Đấng nhơn-quân thể theo ý trời mà hành đạo, kẻ nhơn-thần thờ vua chăn dân ; quân thần kính răn, hằng ngày lo muôn dân không được yên sở; mở ruộng lập làng để nuôi dân, lập nhà học-hiệu để giáo-hóa, khiến dân được vui sống hằng ngày trong vòng lễ nghĩa hiếu đễ. Dân chúng có kẻ hiền lương tuấn tú, liền được tuyển dụng, được vinh-hoa chức cả ngôi cao, bèn bảo rằng lòng nhơn-ái của quân-tướng thật tột bực vậy. Chẳng may có kẻ gian tà tham ác, lúc đầu cũng uốn nắn tìm cách dạy dỗ, nếu cứng cổ ngang đầu, dạy mãi chẳng nghe, thì dời đi an trí một nơi cho hối cải tự tân; cuối cùng tật đâu nết đó, sự hung dữ có hại đến dân lành, lúc bấy giờ mới dùng

7) Thời Đế-Nghiêu bị lụt 9 năm liền. Thời Thành-Thang bị 7 năm đại-hạn.

đền hình phạt lưu đày, giết một người cho trăm họ được sống, bèn bảo rằng vua tướng ghét bỏ đến thế là cùng vậy. Vua Nghiêu cử cửu quan, dùng 12 quan mục, mà chẳng quên giết bốn kẻ hung (dữ). Vua Văn-Vương vỗ yên trăm nước mà phải đánh giết Hữu-Sùng, Hữu-Mật. Ắt phải minh quân lương tướng, chánh đại công bình, mới biết rõ kẻ dữ người lành, dùng bỏ xứng đáng, thiên-hạ càng ngày càng được thái-bình. Ví phỏng kẻ trên mờ tối, kẻ dưới a-dua, đua nhau ăn hối lộ, tuyển dụng hay truất bỏ, chỉ tùy theo sự ưa ghét của một mình; kẻ giữ lý thẳng ngay, thì ghét vì trái mình mà truất bỏ; bọn a-dua gian nịnh, thì ưa vì đồng đảng mà thâu dùng. Chừng ấy, tước thưởng lạm cập bọn tiểu-nhơn, ắt hình phạt gia oan cho quân-tử.

Dần dần gian tà đắc-lộ, thêu dệt làm gian, làm cho tai mắt nhơn-chúa bị che lấp; tư-môn chuyên-chánh, kẻ trên ra lệnh, kẻ dưới làm sai, dân chẳng biết đâu mà nghe theo, triều loạn nước nguy, không còn chỗ nói được. Bởi thế, chẳng phải bậc đại-nhơn minh-chánh vô tư, chẳng bao giờ thi-hành thưởng phạt được công bình thích đáng vậy.

Đến như bọn tăng-nhơn ở nhà chùa, từ ngày cắt tóc đi tu, niệm phật tụng kinh, từ bỏ quân thân, đứng ra ngoài cuộc tự cho mình đã thoát khỏi lưới đời; bao nhiêu quyền che chở từ-bi đều nắm cả trong tay sư-trưởng. Kể từ phật pháp truyền qua Trung-Hoa đến nay, cùng với nho-giáo, đạo-giáo tịnh lập, ở Trung-Quốc khắp các kinh thành, quận huyện, chùa chiền cùng với Khổng-Miếu đều được sùng phụng như nhau, để chúc phước hộ quốc. Trong các chùa chiền, các quan địa-phương tuyển lựa minh-nhãn Tôn sư để chủ trì pháp-tịch, thập phương vân-thủy đều nương tựa quy y; kẻ cầm đầu pháp-môn ban bố giới-luật nghiêm minh, tùy tài lập giáo, khiến kẻ thọ giáo biết theo bổn-phận tu trì; lại còn kiểm cách dắt dìu để hóa phàm thành thánh. Người nào căn khí chánh đại, tự nhiên theo bậc mà tiến, một đường tinh-tấn tu hành. Nhưng biển bụt rừng thuyền, thánh phàm lẫn lộn, những kẻ ngu ngoan cuồng vọng, có khi trái luật làm càn. Tội nhẹ thì quỳ hương sám hối, tội nặng thì lột áo đuổi ra khỏi chùa. Đại ác thì đốt sống để trừ hại cho pháp-môn. Ở các đấng từ-bi quảng-đại, gì cũng muốn dung tha. Nhưng đối với dung ngoan bạo ngược, bất-đắc-dĩ cũng phải lấy đại-nhẫn làm đại-từ, cốt để trừ tà phò chánh, không cho ma nghiệt được làm nhục môn phong của Phật-Tổ vậy. Lại còn một thứ nghịch hành Bồ-Tát, hành vi huyền diệu, thoát hẳn ra ngoài lề lối, như bọn Phong-Can,

Kiền-tử, Tề-Điên, Thiện-Tử v.v... giấu hình đổi dạng, làm việc dơ uế ngang tàng; chơi giỡn độ sanh, mà tự có tài lạ phép mầu để giải-thoát. Đối với các vị ấy, phải có mắt tinh hơn đời mới phân biệt được. Nếu gặp phải bọn phàm phu mắt thịt, đã vội cho bọn thầy-chùa giả dối, muốn giết chết ngay lập tức cho hả giận sướng tay, há chẳng oan lắm thay ? Cho nên trời đất, đế vương, nhà-chùa đều dùng thưởng phạt sinh sát để duy trì thế giáo, chấn chỉnh lòng người, đồng một đích như nhau vậy.

Vả lại Quốc-gia thiết lập chùa chiền, chẳng phải chỉ để tạo ra một mớ thầy tu biết « giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhơn tâm thành phật » mà thôi. Cũng cần có những tăng-nhơn để hôm sớm đốt hương tụng niệm, kiền cầu cho trời sinh thánh minh để làm vua, làm tướng, trong triều-đình đều những người hiền-lương phương chánh, lấy trung hiếu tiết-nghĩa dạy người, khiến thiên-hạ vui lòng làm lành, giặc cướp chẳng sanh, nhà-lao bỏ trống; chừng ấy điều-hòa âm-dương, ngũ hành chẳng lỗi, mưa nắng phải thời nhơn-dân được vui sống thái-bình, chẳng sanh ra tai-ương tật dịch; hầu thấy hình phạt chẳng dùng mà người biết kiêng sợ, đời há chẳng thạnh-trị hay sao ?

Nay Quốc-vương đương lúc tuổi trẻ, thấy anh em Minh-công đầu bậc hiền-lương, dùng giữ chức Trủng-Tể ở nơi xung-yếu. Vả lại Minh-Công là Quốc-Cậu thích thuộc, chính nên hư tâm kính lễ kẻ hiền, quảng tập chúng trí, dùng chánh-nhơn, làm chánh-sự, tiến chánh-ngôn, kiền lập học-hiệu kính lễ nhà nho để giảng dạy lục kinh đạo thánh; từ Vương-Thế-Tử, con em các đại-thần, cho đến nhân-dân tuấn tú, đều khiến vào học nghe giảng; các phủ cũng đều mở nhà học để giáo-dục nhơn-tài; như vậy chẳng qua mười năm, dân trong nước đều dần dần hiểu biết Đại-nhơn từ cái học tu tề trị bịnh để nối vảng-thánh mở mang kẻ hậu-học ; đối với quốc gia chính sự, đều cứ lý mà làm, chẳng chuộng âm mưu trá thuật. Mỗi lúc Quốc-Vương có chánh lệnh gì, trước phải cùng với các đại-thần thương xác cho hợp với nhơn tình thiên-lý, sau mới thi hành. Một khi có vương-lệnh đã truyền ra, chẳng khá dời đổi; như thế oai lệnh mới tôn nghiêm mà đại quyền chẳng đến đỗi lọt vào tay người khác. Kinh-thư bảo rằng : « Lời vua như tơ », nghĩa là lời nói đã phát ra, không còn lấy trở lại. Thất-phu một tiền từ, còn nghìn vàng chẳng đổi; há mạng lệnh của nhà vua, mà khúc trực thị phi, có thể dùng đồng tiền lo lót, để nhờ cậy đại-thần che lấp tai mắt nhơn

chúa, đến đỗi một việc mà phản phúc mâu thuẫn mấy lần. Tức như việc Thái-Thanh-Quan chết ở quý-quốc, bao nhiêu tiền-của tư-bản đã vâng Vương-mệnh phân phó thuyền-chủ đem về giao cho vợ con y; đủ thấy quý-bang chí công vô tư, việc nhơn chánh ấy ai lại chẳng cảm phục. Ngờ đâu, người dưới kiếm chuyện làm trái mạng lệnh Quốc-Vương, cùng bọn tiểu-nhơn chia nhau tư túi; khiến Thái-Thanh sống chết chẳng minh bạch, thiên hạ nghe việc ấy cho rằng mạng vua chẳng bằng lệnh tôi, há chẳng thẹn cho đức-chúa và khinh rẻ quý-quốc hay sao !

Thiết nghĩ quý quốc từ khi khai sáng đến nay, đã vài mươi đời, phần nhiều công việc trong nước, ông cha làm sao, con cháu noi theo như vậy; cầu thả qua buổi, yên được thì thôi; còn về mặt cương thường luân lý, lễ nhạc, chánh giáo, đều bỏ qua chẳng ngó ngàng đến. Nay Quốc-Vương đương trẻ tuổi, đã biết tin dùng Minh-Công, thế mà Minh-Công lại bận lo cân nhắc tính toán, chẳng rảnh nghĩ đến việc sửa sang triều chánh. Trên không có quân tướng xướng xuất, trong nước đều ù ờ chẳng biết đạo thánh hiền, người nào cũng chỉ lo bội nghĩa trục lợi; bởi thế những phường chồn cáo mới dám tung hoành, bọn hùm sói mới dám làm dữ, dầu có một hai người chánh trực quân-tử, cũng là nước gáo chẳng cứu được lửa xe vậy. Quân-hầu anh em đều ngôi cao tột bậc, quyền giữ yếu xung, Quốc-cậu lão thành, vinh hoa phú quý, cần phải giữ mình khiêm tốn, tránh tiếng gièm pha, khiến thần dân trong nước đều tin-tưởng Minh-Công lúc nào cũng trong sạch thờ vua, đi theo đường chánh, hầu cho Tôn-miếu xã-tắc, đời đời hưởng phúc miên-trường, sử sách lưu danh, biết bao tốt đẹp. Nếu chẳng thế, Minh-Công chẳng hay xướng xuất chánh tâm, cứ để mặc cho bọn gian-tà tiểu-nhơn, lăng xăng bôn tẩu, làm hại kẻ hiền, làm hại cho nước, vơ vét cho đầy túi tham, xâm lần cả oai quyền nhơn-chúa. Một mai thời thế đổi thay, công việc hư hỏng, lúc bây giờ muốn xin làm một tên thất-phu cũng không thể được, như bọn họ Lữ đời Hán, họ Vũ đời Đường. Kìa gương Thất-Quý Ngũ-Hầu đáng sợ biết chừng nào !

Lão-Tăng mông được Quốc-Vương kính lễ làm bậc thầy, Quân-Hầu lại hết lòng yêu dấu; nay nhơn thừa tiếp, nói chẳng kiêng lời; tấc dạ ngu trung, tuy Cao-Minh chẳng sá kể; mong rằng núi Thái-Sơn đắp thêm một giỏ đất, lại càng thêm cao, biển Thương-Hải nạp cả nước các dòng-con lại càng thêm lớn. Chớ cho lời nói của Lão-Tăng là lỗ-mãng điên-cuồng mà

nạt mắng xua đuổi; thì rất may cho Quốc-Vương, rất may cho dân chúng, và rất may cả cho Quân-hầu.

Thư bảo cho Khữ-Phi-Thuyền-Nhơn

Đồn được vác được, ấy là người khẳng khái. Nhưng chỉ sợ đánh giặc đầu lưỡi, uổng bày trận thiên-môn, luống mài dao thuyết-nhẫn, chẳng những làm nhụt lòng Khữ-Phi mà cũng nhụt lòng Lão-Tăng, chúng ta luống phụ lòng nhau mà thôi vậy. Lời xưa bảo rằng : « Người giác-ngộ lớn tụng 18 biền, người giác ngộ vừa, tụng không biết bao nhiêu biền mà kể ». Lại chẳng nên lấy ít làm đủ, phải bỏ bậc nhỏ mà làm nên bậc lớn mới được. Nếu muốn xông xáo triệt để, để báo đức cao dày, cần phải có sẵn một thủ-đoạn « giết người không nháy mắt », gặp Phật-tổ giết Phật-tổ, gặp bạn thân giết bạn thân, gặp người giết người, gặp mình giết mình mới được khinh-khoái tương ứng. Nếu hơi có nhìn trước ngó sau, nghĩ chuyện bước lùi, thì cây dao bén cầm ở trong tay ta, liền lọt vào tay người khác. Chẳng thấy Đức Cù-Đàm lúc phát tâm mạnh mẽ như thế nào, bỏ cả cẩm tú giang sơn, bỏ cả vợ con cha mẹ, mới có cái ngày ngồi xem sao trên trời mà ngộ đạo, đến nay xưng làm bậc « Thiên-Nhơn-sư ».

Ngươi là một người có khí cốt, há chẳng hạ nỗi quyết tâm, chặt làm hai khúc, còn nói những gì là « ngọn cờ Lâm-Tế chẳng khá cướp », kìa Tào-động tư-mang há chẳng ở trong tay rồi sao ? Tuy nhiên đã đến địa-bộ ấy rồi, điều đáng sợ nhất là tự ý làm càn, rồi có chỗ sai lầm không thể hiểu. Cần phải biết lo lắng, đem cả sách vở nội-kinh ngoại-truyện, sách trong đạo và sách ngoài đời, sách Tiên-Tần đến sách Hậu-Hán, thanh-đàm của người đời Tấn, lý-học của Tống-Nho, đều tinh-tế nghiên-cứu ; cho đến sự mầu-nhiệm về kinh-tế, quyền biến, cách tiến-thoái theo thuận nghịch cơ-nghi, sách vở bách-gia chư-tử, nhứt nhứt đều đọc qua tất cả, mới có thể cứu chữa cái sai lầm của mình. Chớ làm như người đời nay, muốn làm danh-sĩ, mà sách chưa đọc hết ba bốn quyển, vật-lý chẳng biết một tý gì, rồi làm bộ thông-thái phóng khoáng như người đời Tấn, chẳng kể tiên-hiền hậu-đạt, đem một hai lời nói hay, việc là tốt của người xưa, gặp ai cũng bàn luận ba hoa, chỉ trích bậy bạ, tận tình chê bai cả xưa nay, làm cho người

ta thấy mình ăn nói như gió bay nước chảy, tưởng đâu có học-vấn dọc đất ngang trời, rồi tôn xưng làm danh-sĩ, làm tài-tử v.v... rồi cũng an nhiên tự đại tự tôn, rút cuộc sách chẳng đọc qua một quyển, việc chẳng làm được việc gì, chỉ dối đời trộm danh mà thôi. Trong đạo chúng ta rất nhiều hạng người như thế. Than ôi, trong cửa Nho Thích của hai vị Thánh-nhơn, sao chẳng may mà có những giống người thế ấy. Lão-Tăng vốn chẳng ưa xoi móc, nhưng sinh ở đời nầy, gặp chạm hằng ngày chẳng phải người giả-đạo thì người giả-tư-văn, cho nên phải đem bộ mặt giả ra đải nhau, há phải bản tâm của ta muốn làm như thế đâu ? Chẳng qua mấy năm trở lại đây, công-án xây cất chùa thường trú chưa xong, nên ta cũng nằn-ná tùy nghi, chỉ chờ điện đường lầu các, kho tàng bếp núc của nhà chùa làm xong cho toại nguyện, ta sẽ mau mau đóng cửa đọc sách, làm kẻ chung thân mà thôi. Nghĩ ngươi còn tuổi trẻ, đương lúc tinh-lực cường tráng, chính nên lập chí kiển tu, chớ bảo rằng ăn hết bao nhiêu tương muối của thập phương là qua chuyện vậy. Đồ lợt của chùa Trường-Thọ, nuốt vào bao nhiêu lại nhả ra bấy nhiêu, tuy chẳng phải như bọn chỉ ngồi nhìn khói chực ăn, nhưng cũng chớ thấy biển lớn mà tự khoe đầy nước, cũng chớ thấy núi Tu-Di mà tự làm nhỏ núi của mình. Chính nên đắp cao thành, xưng vương-giả, con chim lạ ba năm chẳng kêu, một lần kêu lên, ai nghe cũng phải khiếp. Một ngày kia chim bằng cất cánh biển nam, sẽ thấy dưới chân Phật-tổ ta có người, chẳng phụ lòng mong mỏi của Lão-Tăng vậy. Thời đến chẳng nên bỏ qua, thời nay là thời nào, Lão-Tăng chẳng cần nói thêm nữa.

Vì người có lỗi uống rượu mà nói :

Người ta đều có cái thích tình, từ Thi Thư lục nghệ, cho đến thưởng trà, uống rượu, săn bắn, đi câu, xem tuồng, nghe hát, đánh cờ, đánh bạc v.v..., những cái ưa thích cho tai mắt mũi miệng thân thể của con người, không biết bao nhiêu mà kể. Bởi vì tấm thân khí-huyết của con người, nếu cứ giữ mãi trơ trơ, khiến ngũ quan tứ chi, tuyệt nhiên không giao tiếp với ngoại-vật, thì khí huyết ngưng trệ, chẳng được lưu lợi, làm cho cơ-trí cũng trầm trệ mà trở nên khô khan. Cho nên các món thích tình, ngoài có thể làm cho khí mạch vận hành, trong có thể khích phát cơ-trí, giúp ích cho con người chẳng ít vậy. Đức Khổng-Tử đi săn, Nhậm-Công đi câu chơi, cũng chỉ vì lẽ ấy. Người đời chẳng hay làm chủ lấy mình, chẳng phải chơi để thích tình, mà buông lung theo tình sở-thích, đã bước chân vào là lưu liên

quên trở lại, đến đổi bại hoại khí huyết, dứt mất trí cơ, rút cuộc làm hại lớn cho thân-thể. Thạch-tín là một món thuốc độc, nếu dùng cho đúng độ lượng, cũng có thể cứu sống người. Trái lại sâm kỳ phụ-tử, dùng quá độ cũng có thể giết người vậy.

Người ta trong các món thích tình kể trên, hoặc bị hạn chế bởi sức khỏe, hoặc bị cách trở vì hoàn-cảnh, hoặc thiếu tập quán, dầu muốn chơi cũng không thể được. Chỉ có món rượu, ở đâu cũng có, ai cũng có thể uống, bởi thế người xưa có người nhờ uống rượu mà nổi tiếng tăm, vẫn biết có nhiều người vì rượu mà đến đỗi giết mình mất nước. Thầy Thiệu-Tử nói rằng : Huyền-tửu vị còn lạt » ấy nói lúc bắt đầu có rượu vậy. Dần dần có Nghi-Địch chế ra một thứ rượu, vua Đại-Vũ uống nghe có mùi ngon ngọt, bảo rằng : « Đời sau ắt có người vì uống rượu mà mất nước vậy ». Đến sau có thiên-Tửu-Cáo, răn cấm uống rượu, tiên-thánh tiên-hiền nghiệm ở mình, xét ở người, lập ra khuôn phép để ngăn phòng đời sau, rất tường tận chu đáo. Thế mà đời sau có những nhân-sĩ thông minh, khôi ngô, từ trong rượu tỏ ra một bộ mặt hiên ngang, khiến người đời thấy cái say cũng có chỗ huyền diệu hay hay, không còn cho rượu là đáng kiêng đáng cử nữa. Như Thuần-Vu (9) uống rượu thì ăn nói lưu loát, Uyên-Minh (10) uống rượu thì làm thơ hay, Kê-Khương, Nguyễn-Tịch (11), nổi tiếng tửu-cuồng, Thanh-Liên nổi tiếng (12) tửu-thánh, Ư-Kỳ (13) uống rượu nổi tiếng dũng-sĩ. Mấy gả ấy trong mình sẵn có tài cán, chẳng qua mượn rượu để bày tỏ nỗi lòng vậy thôi, không phải cái hay, cái tài toàn nhờ ở rượu vậy. Bởi thế Đức Cù-Đàm của ta răn uống rượu, nhưng rượu thuốc, rượu ngọt, cũng cho phép các Thích-tử uống chút ít để bồi dưỡng tinh-thần, điều-hòa khí huyết. Thế là Cù-Đàm tuy răn mà vẫn cho uống vậy. Khổng-tử chẳng răn uống rượu, cho uống rượu không hạn lượng, chỉ không đến đỗi quá loạn là được. Không đến quá loạn, tức là răn vậy. Uống có hạn lượng mà không loạn, người thường có thể làm được. Uống không hạn lượng mà chẳng đến loạn, chỉ có thánh-nhân mới hay. Chúng ta nên biết rằng Cù-Đàm răn

---

9) Thuần-vu-Khôn, biện sĩ đời Chiến-quốc, hay dùng hoạt-kê ẩn-ngữ, Châu-Oai-Vương cho làm Chư-Hầu Chủ-Khách.
10) Tức Đào-Tiềm, thi-sĩ đời nhà Tấn.
11) Danh-sĩ đời nhà Tấn, trong số người Trúc-lâm thất hiền.
12) Tức Lý-Bạch, thi-sĩ đời nhà Đường.
13) Hiệp-sĩ đời Chiến-quốc.

rượu mà uống. Khổng-Tử uống mà chẳng rãn, đều chẳng hại chi cả. Nếu ta uống rượu mà chẳng bị rượu làm khốn, thì cũng đồng như vậy. Nhưng nếu uống rượu mà sút khăn rơi mão, tuột áo văng giày, mượn tiếng bọn Kê Nguyễn, Uyên-Minh để phóng đảng ra ngoài hình hài lễ-giáo; không có phẩm vọng như cổ-nhơn, mà luống chỉ thích tình túng dục, thì cùng với bọn ma-men phàm tục, nào có khác chi. Hãy xem trên núi Cô-dịch (14), có một vị Thần-nhơn, chẳng uống chẳng ăn, nhưng da như sương tuyết, sắc tợ hoa-đào, nào có cần rượu để bồi-dưỡng tinh-thần, điều-hòa khí-huyết gì đâu. Thần-nhơn đã có cách ăn uống riêng biệt, xem món quý của Nghị-Địch (rượu) cũng ví như gà tơ so cùng chuột chết vậy. Ta ước ao người đời chớ bắt chước thèm muốn như bầy đười-ươi.

Thư bảo cho Trí tặng A-Hỷ

A-Hỷ chính đương lúc thanh-niên đắc ý, mỹ lệ phồn hoa, bỗng nhiên đã đến cầu Lão-Tăng thế-độ, chuyên ý học đạo tham thuyền, thế là « chẳng chờ ca tàn rượu cạn đã rút lui », khách ấy không phải dại vậy. Nhưng con đường tham thuyền học đạo phải đi mau như buông tên, chăm chú như tìm của. Xưa nay, những kẻ bỏ tiền duyên, tìm đường khó, vồ ngực tiền tới rất nhiều, nhưng thuyền chèo ngược nước, tiền một thoái mười cũng chẳng ít. Cần phải biết việc cầu đạo cũng ví như trèo lên núi cao chẳng do cấp bậc vậy mới được. Thoảng bảo rằng, công-phu mênh mông, không bám bíu vào đâu thì biết đâu núi nào mà phăng tới. Nếu có bám bíu thì đã chẳng phải ý nghĩa « trèo lên núi cao, chẳng do cấp bậc » vậy. Nếu chẳng phải từ chỗ « không cấp bậc để cầu lên núi cao », thì làm sao gọi là công-phu. Cho nên Thọ-Xương Lão-Tổ bảo rằng: « Hư không có đường hư-không lớn, chỉ sợ người đời chẳng biết đi ». Đi lên con đường ấy chẳng phải người chẳng được. Nói đến chỗ ấy rất chẳng phải dễ nói, trừ phi giết chết hết lòng thông-minh, lòng tính-toán, lòng ức-đạc từ trước, khăng khăng giữ một tấm lòng ngốc độn, ví như chuột già khoét quan-tài, nhận định một chỗ khoét ngày khoét đêm tự nhiên khoét thủng một lỗ làm đường đi, chẳng

14) Cũng gọi là Thạch, thuộc tỉnh Sơn-Tây, có Cô-Xạ-Sơn, Nam Cô-Xạ-Sơn và Bắc Cô-Xạ-Sơn.

đến đỗi « lên núi không đường, trông đỉnh núi mà bước lui » vậy. Như vậy kẻ ngốc độn trở lại hơn người có học, kẻ học-giả mỗi lúc gặp một đoạn công-án, một chương sách chẳng rõ ý, cứ nhìn chữ tìm tòi, lấy ý-thức thông-minh để đoán định, chẳng ai chịu dùng công-phu « day mặt vào vách chín năm (15), hay chịu lạnh lẽo ở chốn thư-song mười năm » để chờ Thánh Hiền Phật-Tổ tự nhiên ở trong lòng ngốc độn nhảy thót ra vậy. Xưa Triệu-Châu (16), mở pháp-đàn, hỏi một trả lời mười, bỗng gặp một câu hỏi thoáng qua vài tiếng, trả lời không trôi; bèn bảy mươi tuổi mà còn đi bộ, quyết đi đến tận nơi, trông thấy một lần mới thôi. Tô-Tử-Chiêm (17), một văn-hào nghìn xưa, mừng cười giận mắng tỏ ra bút mực, đều thành văn-chương, thế mà đến khi thuyết thuyền, bèn mất hết bản sắc. Thế là một chứng-nghiệm, tính-toán thông-minh chẳng giúp ích gì cho đạo vậy.

Nay A-Hỷ ra dáng thông-minh lanh lợi, chẳng chịu đứng ngang hàng với bọn ngốc-độn tăng-thuyền, lại chẳng chịu cho đạo là một việc thực khó sáng tỏ, hằng ngày quanh quẩn vẩn vơ, làm cho thông-minh lại trở nên ngốc độn; lại chẳng chịu cam phận ngốc độn, hằng ngày đem tập Chỉ-Nguyệt-Lục để tìm đường đi. Ta e « chỉ tham một hột lúa mà mất hết nửa năm lương » vậy. Nên biết rằng ngũ-vị, thất tam cú, lục-tướng, (18), tứ-yết, tứ-tung, thập-cữu-môn, đều chẳng ở trong sách vở. Thế mà trong chỗ nhật-dụng tầm-thường ăn cơm mặc áo, trong hồng-trần lộng-lộng nẩy,

---

15) Đạt-Ma Tổ-sư ở chùa Thiếu-Lâm núi Tung-sơn, day mặt vào vách chín năm, vì muốn từ trong chỗ tĩnh-mặc, không dùng lời nói mà dạy bảo tâm-ấn vậy.

16) Triệu-Châu Đại-sư tên Tòng-Nẩm, đời Đường Đại-Tông, xuất-gia ở chùa Long-Hưng, Thanh-châu, sau đến Trì-dương tham học với Nam-truyền, Phổ-nguyện thuyền-sư, rất được sư trọng-đải. Ngày nọ hỏi Nam-truyền rằng : « Thế nào là đạo ? » Nam Truyền rằng : « Lòng bình thường ấy là đạo ». Lại hỏi rằng : « Có thể đi đến đạo chăng » ? Nam-Truyền rằng : « Nghĩ đi đến là sai ». Lại hỏi rằng : « Nếu chẳng nghĩ thì sao biết là đạo » ? Nam-Truyền rằng : « Đạo chẳng buộc « biết », chẳng thuộc « chẳng biết ». Triệu-Châu giác-ngộ ý-chỉ huyền diệu của câu nói, bèn qua Trung-sơn lưu-ly-đàn thụ giới, sau chú ở Triệu-quận Quan-âm-viện đời hiện là Triệu-Châu môn-phong.

17) Xem Phụ-chút số 1.

18) Phật-gia gọi, tổng-tướng, biệt-tướng, đồng-tướng, dị-tướng, thành-tướng, hoại-tướng làm lục tướng. Sáu tướng ấy xuất tự Hoa-nghiêm-Kinh; theo sở-kiến của phàm-phu mà nói, thì sáu tướng cách ngại, chẳng dung thông nhau. Theo thánh-nhãn thì sáu tướng viên thông, nhứt thiết các phép đều là nhứt chân pháp-tướng, vô tận duyên khởi vậy.

chẳng nơi nào chẳng có; chẳng cần đi đến tận nơi, trông thấy tận mắt, mới khỏi bị đầu lưỡi người xưa lừa dối. Nếu chẳng thấy rõ tận mắt mà cho rằng ta đã hiểu thấu tôn-chỉ đạo thuyền, đã sáng rõ bổn-phận; khác nào Trường-Thọ Lão-Tăng cứ ngồi ở trước nhà Chiêu-ẩn, trên đỉnh Điển-Tâm, trông mong A-Hỷ ngày nào được chơn-chánh phát minh việc ấy để giải-khuây lòng buồn lão tăng. Nhưng 4, 5 năm nay chẳng thấy có chút gì động tịnh ảnh-hưởng. Nhơn chẳng thấy gì, thường tưởng tượng, chắc A-Hỷ lúc nầy đương đóng cửa tạ khách, đốt hương niệm Phật, chắc A-Hỷ lúc nầy đương tịnh tọa bồ-đoàn, làm tròn bổn-phận... Nhưng sự thực A-Hỷ chẳng từng đốt hương lễ phật, tịnh tọa bồ-đoàn bao-giờ, chẳng qua trong ý-tưởng tượng của Lão-tăng vậy thôi. A-Hỷ nay có chịu làm bổn-phận như ý tưởng tượng của Lão-Tăng vậy chăng? Chẳng thể hãy thử xem sách của đạo ta, trong sách chép rằng : ấy là dòng Ví-Ngưỡng, ấy là dòng Tào- Động, ấy là dòng Lâm-tế, ấy là dòng Vân-Môn, ấy là dòng Pháp-Nhãn; cũng chép rằng : nếu chẳng phải Ví-Ngưỡng, chẳng phải Tào-Động, chẳng phải Lâm-Tế, chẳng phải Vân-Môn, chẳng phải Pháp-Nhãn (19), thì cớ gì cái có sắc khá thấy, có tiếng khá nghe, có văn-tự lời nói khá thông hiểu, lại cho là không phải gia-báu ? Nếu muốn thấy rõ chỗ xuất-hiện của các Phật-Tổ nói trên đây, thấy rõ mặt mũi chơn-tướng của Ấ-Hỷ, thì ắt phải từ lúc chưa giờ quyển Chỉ-Nguyệt-Lục, « Thịch » xuống đất một tiếng, đã thấy các Phật-Tổ xuất hiện đồng một lúc, mới thấy rõ chơn-tướng mặt mũi của mình như thế nào. Nên nhận rõ cái chữ « Thịch », nếu chưa được vậy, xin chớ bỏ qua.

Thư bảo cho Khả-Trung -Thị-Giả

Ngươi vốn có thiên-chơn phật-tính rất tốt, chẳng ngờ sinh vào trong ổ trộm cướp, bị ý-thức dẫn dụ dần dần tiêm nhiễm, hóa ra theo bọn chúng dòm đông ngó tây, đánh làng cướp xóm. Một khi đã vào bọn, không thể

19) Theo tôn-phái nhà Phật, từ Lục-Tổ Tuệ-năng, pháp-thông truyền lại đời sau có hai hệ-thống rất thạnh, ấy là hệ Nam-Nhạc-Hoài-Nhượng và hệ Thanh-Nguyên Hành-Tư. Nam-Nhạc mạt lưu, chia làm hai phái, Ví-Ngưỡng và Lâm-Tế, Thanh-nguyên mạt lưu có 3 phái : Tào-động, Vân-Môn, và Pháp-Nhãn.

lùi bước, nhưng Khả-Trung cắt tóc đi tu, bỏ bọn trộm cướp, thế là Khả-trung đã quyết chí bỏ đường quấy theo về đường chánh vậy. Từ ngày về nương náu Lão-Tăng, bẩm đốt hơn mười năm nay, Khả-Trung nếu vẫn chẳng biết nên lưu-tâm chỗ nào, nên làm việc gì; thì nay hảy đem những điều mình đã biết, thế nhận cho kỷ; đương-sơ phát niệm khữ tà quy chánh, nếu chẳng phải nam-nhi quyết liệt có căn-tính thông-minh lanh lợi, chẳng làm được thế, ấy là Khả-Trung rất có thể đi đến đạo vậy. Nếu cứ vẫn vơ ngày tháng, theo ngọn quên nguồn, căn tính bản-lai, trầm-luân hỗn-độn, thì thà nhưng-cựu trở lại nhập bọn trộm cướp, còn hơn thấy biển đạo mênh mông luống ngồi than thở vậy. Cho biết tầm thân bảy thước của con người rất dễ thiên ở chỗ không lo không nghĩ, thanh thanh nhàn nhàn, đến đổi say mê vì tình, gắn bó vì ái, đắm đuối theo lưu-tục; kêu chẳng trở lại, đáng tiếc biết chừng nào ! Nếu xử tình chẳng luyến, xử ái chẳng mê, xử cảnh thuận đắc-ý chẳng kiêu ngạo, xử cảnh trái ngược thất-ý chẳng thay lòng, lúc nào cũng lấy việc chẳng hiểu đạo làm lo lắng, mới thấy trượng-phu chí-khí, chỉ lo không thường, hay noi theo quá-khứ; lại đáng sợ nhất là bị bốn chữ « phù hốt chấp trệ » (nhẹ tính và cố chấp) làm cho sai lầm. Bởi thế Vương-Dương-Minh tiên-sinh bảo học-trò rằng : « Thầy Nhan-tử là người rất thông-minh, hễ người thông-minh thì hay có tính sơ-sót, cho nên lúc thầy hỏi điều nhơn, đức Khổng-tử dạy rằng : « Phải sửa mình theo đúng lễ », thế là người lấy lời nói chơn thực để sửa chữa tính sơ sót vậy. Thầy Tăng-Tử là người rất chơn thực, hễ người chơn-thực hay có tính chấp trệ. Bởi thế đức Khổng-Tử bảo thầy rằng : « Đạo ta cứ một mạch kéo suốt » lấy lời nói hoạt-bát để sửa chữa tính chấp trệ vậy. Xem đó biết cách dạy người của Đức Khổng-Tử, tùy theo từng người mà thay đổi . « Bảo rằng tùy theo từng người mà thay đổi cách dạy, vẫn có thể; nhưng nay xét kỷ lại, thầy Nhan-Tử hỏi điều nhơn, mới nghe câu « sửa mình theo đúng lễ », bèn hỏi chi-tiết cách sửa mình, ấy là vì người khác mà hỏi. Đức Khổng-tử lại nhơn câu hỏi ấy mà dạy thêm. Chính là đánh trống gảy đàn, gặp nhau trong một hội, Thầy Nhan-Tử há phải người sơ sót đâu? Thầy Tăng-tử mới nghe câu : « Đạo ta cứ một mạch kéo suốt », Thầy đã « dạ » liền; thầy còn nói lại với mấy người khác: « Đạo ta chỉ có điều trung và điều thứ mà thôi ». Nếu ý câu nói « một mạch kéo suốt hẳn ở trong hai chữ « trung-thứ », thì thầy Tăng-tử chẳng phải người chấp trệ vậy. Xem đây biết lời Dương-Minh tiên-sinh nói với học-trò, cũng tùy người mà nói vậy. Lão tăng nói

ra đây cũng đồng một ý ấy. Xưa có người làm nghề ăn trộm, muốn dạy nghề cho con, đương đêm dẫn con đến một nhà kia, mở tủ khóa con vào trong, rồi bỏ đi về. Một chốc sau thấy con cũng trở về, hỏi làm cách nào mà về được ? Con nói : « Bắt chước tiếng chuột kêu, chủ nhà khiến tôi tớ mở đuổi chuột, thừa lúc bất ngờ chạy thoát ». Người cha bảo rằng : « Con đi ăn trộm được rồi » vậy (20). Than ôi, thầy Nhan-tử hỏi điều nhơn, thầy Tăng-tử thưa rằng: « Dạ ». Cũng một lẽ như tiếng chuột kêu trong tủ, thừa hư mà thoát ra ». Ta tuy chưa dám ví Khã-Trung với các bậc tiên-hiền, nhưng cũng nên biết « vua Thuấn là người nào, ta là người nào ». Nay Lão-Tăng nhơn ngươi từ trong ổ trộm cướp thoát ra. Muốn khóa ngươi ở trong tủ, xem ngươi hành động cách nào, nhưng chớ thừa hư thoát ra, phải tìm đường sống khác thoát thân mới được. Hãy nghĩ kỷ xem, rồi làm ngay.

Mùa xuân năm Ất-Hợi đến nước Đại-Việt, định ở qua một năm, ngày về đã định vào tiết đầu thu. Năm Giáp-Tuất mưa dầm, trái vãi (lệ-chi) mất mùa mà mùi lại kém ngon, ăn chẳng đã thèm, đã 3 năm nay. Trịnh-Tử-Nguyên Cư-Sĩ từ Phước-Kiến vào Quảng-Đông, mỗi lúc ăn trái vãi hay để lời hình-phẩm. Lúc Cư-sĩ trở về, nhơn viết hai bài sau đây tiễn chân.

Bài thứ 1

Ghe từ Hải-Ngoại chữa mười tuần,
Đất khách hằng ngày tiễn cố-nhân.
Mãnh nguyệt Tây-Hồ ngươi chở đến,
Núi cao, Nam Bắc cũng hiền gần.

Bài thứ 2

Tháng mười cam đỏ đượm hơi sương,
Khôn sánh tháng năm « ly-chi » hương.
Mấy độ Lãnh-Nam qua hạ-chí,
Qúy-mai (21) thơm ngọt được ăn thường.

20) Câu chuyện nầy thầy có chép trong sách « Liễu-trai chi-dị » của Bồ-Tùng-Linh.

21) Theo chú-thích của tác-giả : Quỳ-mai là tên một thứ lệ-chi rất quý.

Đồng-chí, Tử-Thuyên Vương-Đại-Tham vời Phàn-Thái-Sử, Lưu-Thuyên-Bộ đến. Các Bạn Bạch-xã (thi-xã) đều tập hộp ở tiểu-viện, chia nhau làm thơ, bỏ vần thất-dương.

Bài Thơ

Đau nằm thăm hỏi nhau,
Vườn cũ quên hoang-vu.
Lãnh lót chuông đưa tiễng,
Mơ màng trăng đứng đầu.
Trước thềm dội sóng biển,
Ngoài cõi pha sương mù.
Sứ tiết vừa qua cửa,
Nước, cây rực rỡ màu.

BÀI KHẢO - CỨU

HẢI - NGOẠI KỶ - SỰ

Đông-Dương Văn-Khố tàng thư.
Chụp hình ngày 27 tháng 2,
Chiêu-Hòa năm thứ 32.

Người dựa sách nầy để khảo-cứu:

Giáo-sư TRẦN-KINH-HÒA

1. **Ngày tháng xuất bản sách Hải-ngoại kỷ-sự và nội dung của sách.**
2. **Sư Đại-Sán, nhân-phẩm và việc làm.**
3. **Sư Đại-Sán du-hành đến Quảng-Nam.**
4. **Toàn văn sách Hải-ngoại Kỷ-sự.**

I. NGÀY THÁNG XUẤT BẢN SÁCH HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ VÀ NỘI-DUNG CỦA SÁCH

NGUYÊN bản in sách Hải-ngoại Kỷ-sự do Thích Đại-Sán biên soạn, hiện còn tàng trữ tại Đông-dương Văn-khổ Nhật-Bản (日本東洋文庫) và Quốc-lập Trung-ương đồ-thư-quán Trung-hoa (國立中央圖書館，中華.) bản của Đông-dương Văn-khổ (kệ sách số 11, 11-k-56) chia 6 quyển ra làm 6 tập. Còn bản của Trung-ương Đồ-thư-quán thì 6 quyển đóng thành 2 tập. Đầu bản sách của Đông-dương Văn-khổ có đóng 3 con dấu: « Đông-dương Văn-khổ », « Tứ-minh Lư-thị bão-kinh-lâu Tàng-thư ấn », và « Đẳng-điển kiểm-phong tàng-thư chi ấn », do đó biết bản sách ấy nguyên thuộc Bão-kinh-đường tàng-thư của Lư-Văn-Chiêu ở Dư-Diêu, sau vào tay Đẳng-Điển Phong-bát (Khiêm-phong), bác-sĩ người Nhật-Bãn và sau khi Đẳng-Điển bác-sĩ qua đời, mới bỏ vào Đông-dương Văn-khổ. Đầu bản sách nầy có 3 bài « tựa » của Dũng-giang Cừu Triệu-Ngao (Thương-trụ), Ngô-giang Từ-Phàm (Thiên-đình), Tần-Lăng, Mao-đoan-Sĩ (Hành-cửu) và bài Bản-sư Hải-ngoại-Kỷ-sự-Tự của Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-phúc-Châu (tức Minh-Vương Nguyễn-phúc-Châu chép trong Đại-Việt Sử-ký); toàn bộ các quyển chữ in đều sạch-sẽ, có thể gọi một bộ sách hoàn hảo. Trái lại, trong các bài tựa của bản sách Trung-ương đồ-thư-quán, trừ bài tựa của họ Từ được hoàn toàn, còn bài của họ Mao, họ Cừu đều không toàn vẹn, thứ tự cũng xáo trộn; vã lại không thấy tự-văn của Nguyễn-phúc-Châu, cách sắp đặt bản in cũng không có mỹ-thuật, trong sách chỗ nào cũng thấy có thiếu chữ, thiếu bài và thiếu trương (quyển 1 thiếu trương 9 đến trương 16, quyển 11 thiếu trương 11-12, 25-26 và 33, quyển 111 thiếu trương 25-26-35-36, quyển IV tniếu trương 1-2-19-20-29 đến 36, quyển V thiếu trương 1 đến 4-17-18-21-24-

31-33, quyển VI thiều Từ trương 3 đến 8). Chỉ có hai bản đều thuộc bản nguyên-san, điều đó không thể nghi ngờ.

Ngoài bản nguyên-san nói trên, Thượng-hải Tiền-bộ Thư-cục còn phiên ấn, bản sách nầy chia làm 2 quyển, để đem vào bộ Bút ký tiểu-thuyết đại-quan, đệ-lục tập, đệ-lục-Hàm, đầu quyển có phụ chép bài « Hải-ngoại Kỷ-sự đề-yếu » như sau :

« Sách này do Đại-Sán Hán-Ông (大汕厂翁) đời nhà Thanh soạn, tất cả 6 quyển. Khương-hy năm giáp-tuất, đáp ứng lời mời của Việt-vương, ông đi qua Quảng-Nam; những nơi trải qua, sơn-xuyên, hình-thể, phong-thổ, tập-tục ông đều ghi chép tất cả, xen lẫn những thơ văn rất tao nhã hứng thú, Ông chính là một ẩn-giả lánh mình trong cửa thiền vậy. Cừu-triệu-Ngao bảo sách nầy gồm có cái hay của Đỗ-thiều-Lăng, Liễu-Tử-hậu, có thể bổ khuyết những điều mà các sách Sơn-Hải-kinh, Hải-chí, Chức-phương-ký, Vương-hội-đồ chưa từng chép đến v.v... ».

Lại ngoài ra, Tứ-khố toàn-thư-tổng-mục đề-yếu (quyển 78), sử bộ 34, Địa-lý-loại tổn-mục 7 chép rằng :

« Hải-Ngoại Kỷ-sự 6 quyển, bản sách do Quốc-triều Thích Đại-Sán biên soạn và Chiết-giang Tuần-vũ tìm thấy đem dâng. Đại-Sán là Thiền-sư ở chùa Trường-thọ, tỉnh Quảng-Đông. Mùa xuân năm ất-hợi Triều Khương-hy Đại-Việt Quốc-Vương mời qua thuyết-pháp, hơn một năm lại trở về, nhơn ghi chép phong thổ nước ấy và những điều nghe thấy trong khi qua lại trên đại-dương. Đại-Việt-Quốc Tiên-thế là rể của nước An-nam, chia cứ nam-biên, xưng hiệu Đại-Việt. Đầu sách nầy có bài tựa của Nguyễn-phúc-Châu, đề lạc-khoản bính-tý bổ-nguyệt (tháng 5), tức Khương-hy năm thứ 35 vậy ».

Xét lạc-khoản bài « Bản-sư Hải-ngoại Kỷ-sự-tự của Nguyễn-phúc-Châu, đề giáp-tý bổ nguyệt (tức tháng 5 thứ 35 niên-hiệu Khương-hy) mà trong bài tự có nói rằng : «Chép một vài điều, góp lại thành tập, nhan đề « Hải-ngoại Kỷ-sự », ngày trở về nước đưa cho tôi xem và khiến đề tựa». Xem đó, đủ biết bài ấy do Đại-Sán yêu-cầu Minh-vương viết lúc sắp sửa từ giả Quảng-Nam về Quảng-đông. Thứ nữa, bài tựa họ Cừu đề Khương-hy Kỷ-mão mạnh-xuân, bài tựa họ Mao đề Khương-hy kỷ-mão tháng 8, bài tựa họ Từ không đề rõ ngày tháng, nhưng trong bài bảo rằng : «khoảng

mùa xuân năm giáp-tý (Khương-hy năm 23) từng gặp thầy Thạch-công hòa-Thượng (tức Đại-Sán). 15 năm sau trở lại Châu-giang, lại gặp Thạch Hòa-thượng từ Cổ An-nam về nước và được thầy thảo-bản tập Hải-ngoại Kỷ-sự và các tập thơ». Thế thì bài tựa ấy làm ra cũng có lẽ vào năm Khương-hy kỷ-mão. Xem các dẫn văn trên, năm san hành sách Hải-ngoại Kỷ-sự có lẽ vào khoảng Khương-hy kỷ-mão năm thứ 38 (1099) nghĩa là 3 năm sau ngày Đại-Sán từ Quảng-nam trở về Quảng-đông.

Sách ấy ghi chép khởi đầu từ tháng 8 năm giáp-tuất Khương-hy 33 (1694), lúc Đại-Sán tiếp kiến Sứ-giả Đại-Việt tại am Trường-thọ Quảng-đông, cho đến khoảng tháng 11 năm Ất-hợi Khương-hy 34 (1695), lúc Ông trở lại Thuận-hóa, vì ngược gió chưa trở về Quảng-đông được, thì chấm dứt.

Xét tổng quát những ghi chép trong sách, chẳng những đối với việc Đại-Sán được quan dân Quảng-nam nhiệt-liệt hoan nghênh, những lời nói thù ứng trong lúc ông cùng Nguyễn-Vương trò chuyện và việc ông chủ-trì các ngày Pháp-hội, đều có tự thuật rõ ràng, cho đến những trạng-huống các thương thuyền vượt biển qua Nam, các phong-thổ, nhân-vật, tập-tục, chế-độ xứ Quảng-nam và tình-trạng sinh-hoạt Hoa-Kiều đương thời, cũng đều thuật lại một cách rất tỷ-mỷ. Ngoài ra còn thâu góp ghi chép các bài thơ điều vãn, các bài luật-thơ hay tuyệt-cú do Đại-Sán trong lúc lưu cư đất Việt, tùy thời tức cảnh, cao hứng ngâm đề, cộng tất cả 110 bài (trong số có 3 bài làm sau khi trở về Quảng-đông, đầu thu năm Bính-tý) và những bài thiền-luận, những thư từ qua lại với các yếu nhơn trong Nguyễn-phủ, tất cả cộng 21 bài văn. Duy chỉ tình-trạng sinh-hoạt của Đại-Sán trong lúc áp-đông (2) tại chùa Thiên-mụ Thuận-hóa, từ tháng 11 năm Ất-Hợi đến tháng 6 năm sau, Bính-tuất (Khương-hy năm 35), và tình hình vượt biển trở về Quảng-đông thì không thấy chép đến.

Những « An-Nam du ký » của người Trung-Quốc trong khoảng cuối nhà Minh đầu nhà Thanh, thực ra thưa thớt không có bao nhiêu. Trừ tập « Hoa-di-biến-thái » (3) của Nhật-bản, ghi chép những báo cáo của bọn thương khách thông thương với Quảng-Nam, chỉ có tập « An-nam cung-dịch ký-sự » (4) của Chu-Thuần-Thủy (Chi-dự), « An-nam Kỷ-du » (5) của Phan-đình-Khuê, « An-nam tạp-ký » (6) của Lý-Tiên-Căn và « Hải-ngoại Kỷ-sự » của Thích Đại-Sán, mấy bộ ấy mà thôi.

Tựu trung, xét về phạm-vi Ký-thuật rộng-rãi, nội-dung đầy đủ và tánh cách khá tin cậy, thì bộ Hải-ngoại Kỷ-sự hơn xa các sách khác; do cao độ của giá-trị sử-liệu, khiến người ta có thể nhìn thấy một tia sáng về xã-hội Hoa-Kiều và dân Thổ-trước Quảng-nam cuối thế kỷ thứ 17, đồng thời sách ấy cũng có thể bổ khuyết cho cácbộ sử Đại-nam Thực-lục Tiền-biên, Đại-nam Liệt-truyện Tiền-biên và các sách Quảng-nam du-ký hay Văn-kiến-lục của người Âu khoảng thế kỷ thứ 17-18 như C.BORRI,BÉNIGNE VACHET, W.DAMPIER, THOMAS BOWYEAR, PIERRE POIVRE, JEAN KOFFLER, ROBERT KIRSOP.

Nay cứ theo bản của Đông-dương Văn-khố, chúng tôi chụp hình toàn bộ sáu quyển Hãi-ngoại Kỷ-sự và giải thích sơ lược lai lịch của Thích Đại-Sán và đầu đuôi chuyến lữ hành qua Quảng-nam của ông, để giúp các học giả đồng-chí tham khảo.

CHÚ THÍCH :

1) Bản ấy hiện tồn trử tại kho sách Trung-ương đồ-thư-quán thôn Bắc-câu, làng Vụ-phong, huyện Đài-Trung, Đài-Loan. Tổn-Đài-Văn-vật Thanh-sách của Quốc-Lập Trung-ương đồ-thư-quán sách thứ 5 (nguyên chữ 5, trước đề thùng 95) chép rằng : « Hải ngoại Kỷ-sự 6 quyển, 2 tập, do Thích Đại-Sán soạn, nguyên san bản khoảng Khương-hy đời nhà Thanh).
2) Hải-ngoại Kỷ-sự (quyển 4-18b).) chép rằng : « áp-đông là danh-từ chỉ sự đình lưu qua năm sau tại nước khác của các tàu biển ». Trịnh-hoài-Đức Gia-định Thông-chí (Sơn-xuyên-chí) cũng chép rằng: Các tàu Trung-Quốc phải đợi đến mùa Xuân có gió đông bắc, gió xuôi, mới đi qua và phải đợi đến mùa hạ có gió nam mới trở về được. Nếu trễ qua mùa thu trở gió, phải đậu lại từ mùa thu suốt đến mùa đông, gọi là « Lưu-đông » cũng gọi là « áp đông ».
3) Thuộc về biên soạn và nội dung của sách Hoa-Di-Biến-Thái xin xem bài « Thanh sơ-thương-thuyền chi Trường-kỳ mậu dịch dữ Nhật-Nam thuyền vận » của bút-giả, đăng trong Nam-dương-học-báo, quyển thứ 13, tập 1.
4) Đạo-diệp Quân-Sơn biên tập, Chu-thuần-Thủy toàn-tập, Đông-kinh Văn-hội-đường thư-Điếm, Minh-trị năm thứ 45 xuất bản, trương 541-565.
5) Mã-tuấn-Lương long-Uy bí-thư (San hành năm Càn-long thứ 59) tập thứ 7 và thu vào trong quyển thứ 10 bộ Dư-địa-Tùng-sao của Vương-Tích-Kỳ, Tiểu-Phương-Hồ-Trai, đời nhà Thanh.
6) Tiểu-Phương-Hồ-Trai Dư-địa Tùng-sao, quyển thứ 10, và Học-hải-loại-biên do Tào-Dung và Đào-Việt biên soạn, tập thứ 8, Du-Lãm có thâu chép.

II. TIỂU-SỬ CỦA THÍCH-ĐẠI-SÁN

THUỘC về danh hiệu của Thích Đại-Sán, Đại-Nam Liệt-truyện Tiền-biên (quyển 6) chép rằng: Thạch-Liêm Hòa-Thượng (石濂和尚) hiệu Đại-Sán Hán-ông (大汕广翁) người tỉnh Chiết-giang, nhà Thanh. Xét chữ tên Thạch-Liêm. Sách-Hoa-Di-Biến-Thái chép làm Thạch-Liên, (石蓮) ngoài biệt hiệu Đại-Sán và Hán-ông, tục thường lại gọi « Thạch đầu-đà » (石頭陀). Còn thuộc về quê-quán, bài tựa của Tăng-Sán trong Ly-Lục-Đường-tập, tư tập của Đại-Sán, chép rằng: « Hòa-thượng người Cữu-giang đồng làng với tôi», cũng trong tập ấy bài tựa của Đào-Huyên chép rằng : « tôi nghe nói Hòa-Thượng nguyên-quán ở Giang-hữu và đến Quảng-châu thuyết-pháp v.v... » Ngoài ra, hoặc bảo ông người Lãnh-nam, hoặc bảo người Ngô, hoặc bảo Giang-Nam hoặc bảo Trì-Châu, hoặc bảo Tô-châu, hoặcb ảo Nam-kinh, các thuyết, phân vân chưa biết thuyết nào đúng. Cứ theo thiển-kiến của tôi, trong các thuyết ấy, nên lấy thuyết Chiết-Tây có thể đúng hơn. Xét hai bài tựa của họ Tăng, họ Đào bảo Cữu-Giang, bảo Giang-hữu thì cũng đều thuộc Giang-tây, hình như đều là chữ « Chiết-Tây » nói nhầm. Vả lại, Đại-Sán năm về già bị bắt giải về nguyên-quán, giữa đường mắt tại Thường-sơn thuộc Tây-nam tỉnh Chiết-giang (tường thuật ở đoạn sau). Chiết-tây tức Chiết-tây-lộ đời nhà Tống, lấy Hàng-huyện làm lỵ-sở, tức một giải Hàng-Gia-hồ ngày nay, nơi ấy cũng tiếp liền với Tô-Châu (tức Ngô), có lẽ vì thế mà bảo nhầm là Giang-nam.

Thứ nữa, thuộc về tài cán của Đại-Sán, Đại-nam Liệt-Truyện-Tiền-biên chép tiếp rằng: «Bác nhã khôi ngô, phàm các môn tinh tượng, luật-lịch,diễn-xạ, lý-số, triện-lệ (viết chữ), đơn thanh (vẽ), môn nào cũng

thông hiểu, càng sở trường về thơ ». Câu nầy k ông phải do sử-gia Việt-nam tự ý viết ra, thực ra đã rút câu văn « Trượng-nhơn là bậc bác-nhã khôi kỳ, càng sở trường về thơ, cho đến các loại tinh tượng, lịch-luật, diễn-xạ, lý-số triện-lệ đơn thanh, môn nào cũng siêu việt », trong bài tựa của Mao-tề-Khả để Ly-lục-Dường-tập. Đại-nam Liệt-truyện tiếp theo đoạn văn dẫn trên, chép rằng:

« Cuối đời nhà Minh, người Mãn-Thanh làm chủ Trung-Quốc, Thạch-Liêm giữ nghĩa chẳng chịu làm tôi, bèn từ giả mẹ già, xuất gia đầu Phật chống gậy vân du, phàm những nơi danh thắng sơn-xuyên, dầu chân hầu khắp ».

Mao-đoan-Sĩ để tựa Hải-ngoại Kỷ-sự cũng viết rằng: «Hán-ông Hòa-Thượng sinh ra đã kỳ dị, từ trẻ theo đạo Phật, rộng xem các kinh-luận ngũ-minh và âm-dương toán-số, thấu rõ cát hung, thường châu-du thiên-hạ, tiếng tăm dậy khắp trong ngoài ».

Và sách Hoa-di biến-Thái (trong quyển 32) chép lời báo cáo của người Tàu, chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36, năm Hợi (1695), rằng :

« Nói tóm tắt, Thạch-Liêm tuy sinh quán tại Nam-kinh, nhưng cư trú Quảng-đông hơn 20 năm, trong khoảng ấy đức hạnh của ông rất thịnh sáng, bởi thế quan dân xa gần quy y rất đông. Trong bọn thương khách thuyền chúng tôi cũng có người đã từng đến Trường-thọ-Am lạy Phật ».

Mặt khác, đầu quyển Ly-lục-đường-tập, do Đại-Sán biên tập, có phụ đính 34 bức tranh vẽ, miêu tả sự sinh-hoạt hàng ngày của Đại-Sán, từng bức phân biệt, có để văn của Khuất-đại-quân (Ông-sơn), Tăng-Xán (Thanh-lê), Lương-bội-Lan (Dược-đình), Vương-thế-Trinh, Từ-phàm, Ngô-Ỷ (Viên-thứ). Ngô-thọ-Tiềm và Cao-Tăng-Vân; lại có bọn Khuất-Đại-Quân Tăng-xán, Lương-Bội-Lan, Ngô-Ỷ, Vương-Bổi, (Ích-trọng), Hùng-nhất-Tiêu, Trương-Tổng, Cao-tăng-Vân, Đường-Hóa-Bằng, Châu-tại-Tuần, Phàn-trạch-Đạt, Ngô-thọ-Tiềm, Đào-Huyên, Lý-phương-Quảng, Mao-tề-Khả, Hoàng-hạc-Nham để tựa, thực có vẻ đẹp đẽ dào (1) và trong tập chỗ nào cũng thấy những thơ văn để vịnh hoặc tống tặng nhau của Đại-Sán cùng với Khuất-ông-Sơn, Ngô-viên-Thứ, Tăng-thanh-Lê, Lương-dược-Đình, Ngô-mai-Thôn, Từ-tùng-Chi, và Trần-kỳ-Niên (Duy-tùng),

bọn văn nhân nổi tiếng triều Khương-hy. (2) Gần đây Lý-Tuấn-Chi biên tập Hoạ-Gia thi-sử đời nhà Thanh (nhâm hạ 6 b), ở mục Đại-Sán cũng chép rằng :

« Đại-Sán tự Hán-ông, người Lãnh-Nam, tu ở chùa Kim-Lăng, có tài vẽ chân dung rất khéo. Khương-hy năm Mậu-ngọ (1678)) vẽ cho Trần-Già-Lăng một bức đồ hình, có để lời, mặt đẹp rau dài, tinh thần hoạt bát, thời ấy hầu khắp mặt danh nhơn trong nước đều có để vịnh. Có biên soạn Lục-(Sic) Ly-đường-tập ».

Và người Mỹ A.W. Hummel biên tập « Thanh-đại-danh-nhơn-Liệt-truyện » ở mục Ngô-Ỹ cũng có nói đến sự tích Đại-Sán. Mục ấy chép rằng: (3). « Những tập sách của Ngô-Ỹ được xuất bản đều nhờ ở sự khuyến-khích của bao nhiêu bạn tốt lúc sinh tiền, thứ nhất là nhờ ở sự giúp-đỡ rất đắc lực của một nhà sư giàu có tên Đại-Sán (1633-1702). Nhà sư ấy nhờ sự cung-dưỡng của Thượng-Chi-Tín (con Bình-nam-Vương, Thượng-Khả-Hỷ) và của bọn quan viên quản-lý việc mua bán ở nước An-nam phồn-thịnh, mà trở nên giàu có. Y dùng những của cải súc tích ấy viện-trợ cho các văn nhơn địa-phương. Nên nói thêm rằng bọn văn nhơn ấy, do những tác-phẩm của họ, làm cho việc tốt lành của kẻ viện-trợ được đồn tiếng khắp nước ».

Xem tổng-quát các bài Kỷ-sự và các sự thực nêu ra trên đây, chúng ta có thể tưởng thấy: khoảng giữa Triều-đại Khương-hy, ở xã-hội Lãnh-nam và trong thơ-đàn có một vị Thiền-sư tiếng tăm lừng lẫy, y cùng với bọn Khuất-Ông-Sơn, Ngô-viên-Thứ, Tăng-Thanh-Lê, Lương-dược-Đình, Ngô-Mai-Thôn, Từ-Tùng-Chi, Trần-kỳ-Niên, giao tình rất khăng khít. Những người đến tham thiền tại am Trường-thọ do y chủ-trì, chắc đông đúc lắm, và trong ấy cũng có nhiều thương khách, bọn thông thương với các nước Nhật-bản, Quảng-nam. Nhưng đọc kỷ Hải-ngoại Kỷ-sự và Ly-lục-đường-thơ-tập, chúng ta nhận thấy rõ vị Hòa-Thượng ấy tự phụ chẳng tầm thường, đắc ý tỏ ra ngoài mặt, quyết chẳng phải một nhà tu hành khiêm-tốn; đối với sự ương gàn tự thị, dua nịnh quan trường, ngôn luận quá buông lung, và sinh hoạt đời tư quá xa xỉ của Thạch-Liêm Hòa-Thượng, trong bọn nhơn-sĩ trí-thức lúc bấy giờ, có kẻ để lời phiền trách, đến đỗi xem y như yêu tăng, đứng lên đả kích chẳng thiếu chi người. Nay lược cữ ra vài điều sau đây, để giúp độc giả hiểu rõ đời sống lạ lùng của Đại-Sán.

Vương-sĩ-Trinh, Ngư-dương Sơn-nhơn, làm bộ sách Phân-cam dư-thoại (qu.4), từng công kích gắt-gao việc làm và nhân cách của Đại-Sán. Bài ấy viết rằng:(4) « Quảng-châu có yêu-tăng tên Đại-Sán, tên chữ Thạch-Liêm, tự xưng người Giang-nam, hoặc bảo người Trì-châu, hoặc bảo người Tô-châu, quê quán chẳng biết nơi nào đích xác. Xuất thân rất bần tiện, có kẻ bảo y từng làm tùy-phái các phủ huyện, tính sâu độc, vẽ khéo, xây cất nhà cửa rất có xảo tứ. Cạo đầu làm sãi, tự xưng Giác-lãng Đại-sư (5). Mang ybát, dẫn môn-đồ, du phương Lãnh-nam, cư trú ở phía tây thành, chùa Trường-thọ; hằng ngày hầu chực các nhà đương-sự có thế-lực, thường vẽ đồ hình tồ-nữ, điểm kiểu chơi bí-mật, để dua mycác qúy-nhơn; càng được thân cận, chừng ấy không còn kiêng sợ chi nữa; những quan lại tỉnh Việt-đông, lọt vào vòng mưu mô xúc sử của y, mười người hết chín. Năm giáp-tý, (Bút-giã chú-thích: Khương-hy năm thứ 23, tức năm 1684) ta vâng sứ mạng đến tỉnh Việt, nghe chuyện, trong lòng rất ghét, sau nghe y buôn lậu qua An-nam, chở về hàng thuyền báu vật, như sừng tê, ngà voi, châu ngọc, san-hô v.v... trị giá hàng vạn, mà các quan địa-phương chẳng ai làm khó dễ gì ».

Nay xét Vương-sĩ-Trinh là người đồng thời với Đại-Sán, thời kỳ biên soạn bộ Phân-cam-Dư-thoại là tháng chạp năm kỷ-sửu triều Khương-hy (48), tức đầu năm Công-nguyên 1710, vài năm sau khi Đại-Sán tạ thế; những ghi chép trong ấy được xem như đại-biểu ý-kiến của người đương thời, tất nhiên có thể tin cậy được. Cuối đời nhà Thanh, Mậu-Thuyên-Tôn có soạn một bài « Thạch-Liêm-Hòa-thượng sự-lược », ghi chép nhiều việc có thể bổ sung cho thiếu sót của « Phân-cam-dư-thoại ». Sự xuất thân qủy quyệt của Đại-Sán, thời-gian y trú-trì Trường-Thọ-am như thế nào, sự thực y cấu kết với các yếu nhơn Quảng-châu và bọn Khuất-đại-Quân ra làm sao, đều do bài ấy làm cho sáng tỏ. Bài văn của họ Mậu chép rằng:(6) « Sư Đại-Sán tự Thạch-Liêm, người Ngô-quận, từ bé đã tinh ranh, vẽ hình sĩ nữ rất khéo, làm thơ có câu hay; chẳng biết vì cớ gì xuất-gia, tông-tích rất bí-mật qủy-quyệt; chẳng hề thọ giới với thầy nào, nhưng nhờ Khuất-Ông-Sơn chứng nhận, mạo xưng đích-tự nối dòng sư Giác-Lãng. Nay xét sư Giác-Lãng mỡ Thiền-đường vào cuối đời Vạn-lịch, thời ấy Thạch-Liêm còn chưa sinh, ngài viên-tịch vào năm mậu-tý đời Thuận-trị, (Bút giã chú-thích: Thuận-trị năm thứ 5, tức năm 1648) Thạch-Liêm mới 16 tuổi, chẳng hề được tiếp kiến hay được chúc phó điều chi bao giờ. Lúc đầu mới

vào Quảng-châu y bán họa-tượng Quan-âm, chỉ xưng là thầy giảng mà thôi, sau nhờ nịnh hót Kim-Quang-Huyền, mạc-khách của Bình-nam-Vương, nhờ Huyền giới thiệu được vào yết kiến Bình-nam-Vương và Yêm-đạt-Công (7). Nguyên chùa Trường-thọ ở Quảng-châu và chùa Phi-Lai ở Thanh-Viễn, hai chùa đều do Thực-hành Hòa-Thượng làm chủ-trì. Sau khi Thực-hành tịch, Quang-Huyền nói với Yêm-đạt cho Thạch-Liêm chủ-trì Trường-thọ-Am; Trường-Thọ không có sản-nghiệp, chùa Phi-Lai có ruộng cho thuê mỗi năm được hơn 70 thạch lúa; Thạch-Liêm xin với các nhà đương-sự lấy chùa Phi-Lai làm Hạ-viện, rồi đuổi hết đồ-đệ của Thực-hành Hòa-Thượng để nuốt hết số lúa của ruộng chùa, việc ấy có nhờ Ông-Sơn giúp sức. Từ ấy Thạch-Liêm ngày càng giàu có, y vốn người có nhiều xảo tứ, thường lấy gỗ lê, gỗ đàn, đồng thau, đá hoa, chế làm các đồ dùng như bàn, ghế, bình-phong, tủ bàn, bát đĩa v.v... để biếu các nhà đương-sự và các bậc sĩ đại-phu, rất được mọi người tán thưởng. Bức họa đồ có để từ cữa Trấn-già-Lăng, chính do tay Thạch-Liêm vẽ, rực rỡ như hình sống; có kẻ bảo y có vẽ một tập hình tỏ-nữ với kiểu chơi bí-mật rất khéo, để dua mỵ các qúy-nhơn, việc đó chưa biết chừng cũng có. Ngô-Viên-Thứ (ỹ) ra chơi Quảng-châu, Thạch-Liêm than phiền với Ngô về việc thù ứng rộn ràng, khó nhọc không chịu nổi. Ngô cười bảo rằng: « Ngươi chịu không nổi, sao chẳng xuất gia cho rồi »? Người ta truyền tụng câu nói ấy để cười chơi ».

Cứ theo Quảng-đông-Thông-chí (San lại năm Đồng-trị thứ 3, bản khắc họ Nguyễn, quyển 229) chép rằng: Trường Thọ-Am tọa lạc cách phía Tây-nam thành Quảng-đông 5 dặm, nền cũ của Thuận-Mẫu-Kiều; đời Vạn-Lịch nhà Minh năm thứ 34 (1.606), Tuần-vũ Ngự-sử Trầm-chánh-Long xây cất Từ-độ-Các và Diệu-chánh-Đường, hai cánh thiền phòng đất rộng chừng tám mẫu, Huyện-Lịnh Lưu-đình-Nguyên lấy ruộng chùa Bạch-Vân (chùa bỏ hoang) 43 mẫu thêm vào để cung phụng hương-hỏa, có bài bi (bia)-ký của quan Ngự-sử. Nhưng đến cuối đời nhà Minh am ấy cũng chưa nổi iếng, từ ngày Đại-Sán kế vị Thực-Hành Hòa-Thượng, am ấy mới ngày càng hưng thạnh, trở nên một nơi danh thắng tỉnh Quảng-châu. Vương-sĩ-Trinh Quảng-Châu du-lãm-tiểu-chí (Chiêu-đại-tùng-thư ất-tập, quyển 22), mục Trường-thọ-Am chép rằng :

« Trường-thọ-Am ở ngoài thành, phía tây, sáng lập khoảng triều Vạn-Lịch, sư Đại-Sán sữa mới lại. Đại-Sán hay thơ khéo vẽ, kiến trúc có xảo

tứ. Mé phía tây chùa có ao chảy thông với Châu-giang, nước khi đầy khi cạn ăn dịp với nước lên nước ròng ở sông; phía Bắc ao là đình Bán-phàm (半 帆), quanh co theo hành-lang đi qua phía đông là Hội-không-Hiên (繪空軒), trước hiên trăm hoa tươi tốt, cảnh trí đáng yêu; từ đình bán-phàm và ao đi qua phía nam, thẳng bờ đều trồng lệ-chi (cây vãi) long-nhãn, phía Nam ao là Hoài-cổ-Lâu (懷 古 樓), nguy nga rộng rãi; phía dưới là Ly-Lục-Đường (離 六 堂), cây nước trong xanh, phòng hiên u-tịch, như kiểu nhà ở vùng Ngô-Việt. Chùa có Tượng Thích-Ca niêm-hoa, quang thếp vàng ngọc mã-não xa-cừ, nghiêm-trang rực-rỡ, lại có tượng đồng, nghe nói đúc từ đời Đường ».

Mậu-Thuyên -Tồn trong bài (Thạch-Liêm Hòa-Thượng sự-lược), cũng có thuật qua cách bố trí của Trường-Thọ-Am như sau :

« Trước cửa am có hai tượng Thiên-vương do tay Thạch-Liêm vẽ, tinh-thần linh động phi thường; Thiên qua phía đông am có ao chảy thông với sông Châu-giang, nước sông quanh co chảy qua trước điện rồi dội vào ao, có một hòn non bộ xây toàn đá Anh (đá non-bộ sản xuất tại huyện Anh-đức, tỉnh Quảng-đông), lập vườn trồng cây, có nhà nghỉ mát, phía bắc ao có Bán-phàm-Thất, phía bắc Hội-không-Hiên, phía Nam Hoài-Cổ-Lâu, phía dưới Ly-lục-Đường, đều làm hồi-lang nối thông với nhau v.v... »

Do đó chúng ta có thể tưởng thấy Trường-thọ-Am thanh u đẹp đẽ như thế nào.

Trong bài của Mậu-thị có dẫn tiếp hai bài văn kể tội Đại-Sán của Phan-thứ-Canh, bài thứ nhất viết cho Lương-Dược-Đình (Bội-lan), bài thứ hai viết cho Đại-đương-sự tỉnh Việt. Văn ấy như sau :

Thư viết cho Lương-Dược-Đình:

« Thạch-Liêm lòng kiêu khí hoạnh, chuyên nói láo để dối đời; chê bai cựu-đức tiên-hiền, chẳng chút kiêng sợ; lại nói láo từng gặp dị-nhơn, thông thiên-văn, hiểu độn-giáp, có tài hô phong hoán vũ, như Văn-thành, Ngũ-Lợi (8) ngày xưa. Kịp đến một lần lên Kinh-sư, một lần qua Giao-chỉ, lại càng lếu-láo quá đỗi, ngang nhiên tự cho là « Duy ngã độc tôn» ! Gần đây tôi có xem tập Hải-ngoại Kỷ-sự của y viết, một bằng chứng giả-dối, không nói không được. Những bộ sách Nguyên-Lưu-Tựu-Chánh (9),

bao nhiêu láo khoét không sách vỡ, ngụy biện vô lý, không thể kể xiết. Nay chỉ đơn cử tập Hải-ngoại-Kỷ-sự, chương đầu nói « hầu sắp sửa đi lên phương Bắc, vì có lệnh bổ trên tuyên-triệu », ấy là nói láo vậy. Dạy học-trò uống rượu, ấy là phá luật vậy. Truyền phép cho Phiên-Quốc-Vương, ấy là bán phép vậy. Khắc chữ «tính dữ thiên đạo» vào đồ-chương (ấn), tự coi mình như Khổng-tử, ấy là tiếm thánh vậy. Ngự-chế bài tự khen ngợi Ngũ-đăng Hội-nguyên (五 燈 會 元) mà y lại bắt bẻ chê bai không tiếc lời, ấy là kháng chỉ (chống ý vua) vậy. « Hủy bản in, nghiêm cấm » là lịnh phán xử nhất thời của đương-sự tỉnh Chiết-Giang, thế mà y bảo « phụng chỉ nghiêm cấm » ấy là kiểu chỉ (mạo xưng chỉ-dụ của nhà vua) vậy. Bộ sách Ngủ-Đăng toàn-thư đã được dâng lên Ngự-Lãm và được Ngự-chế cho bài tự văn, thế mà y dám nặng lời chê bai, ấy là sán-thượng (chê vua) vậy. Tước Động-Tông (Dòng Tào-Động) bọn Đôn-hà-Thuần (bút giã chú: tức Đơn-hà-tử-Thuần) 5 đời, ấy là san tước tổ-tông vậy. Đổi Vân-cư-Ưng (bút giả chú: tức Vân-cư Đạo-Ưng) làm Cữu-phong-Mãn, Đông-an Phi làm Đồng-an-Uy, ấy là thay đổi tổ-tông vậy. Vốn xưng đời thứ 34, Tào-đông lại xưng đời thứ 29, ấy là trái loạn thế-thứ vậy. Bấy nhiêu việc trên ấy có hại cho thế-giáo và làm trở ngại Pháp-môn rất lớn ».

Và Thư viết cho Đại-đương-sự tỉnh Việt:

« Thạch-Liêm cuồng quấy quá đỗi! Kẻ tu hành, trọng nhất là giới luật, thì y uống rượu ăn thịt, điềm-nhiên chẳng biết xấu hổ; ưa nhất là chất phác nâu-sòng, thì y quá đỗi xa xỉ, tự phụng sang như vương-hầu; chuộng nhất là tính nhu-hòa, thì y kiêu ngạo ba hoa, xem người nửa mắt; giữ gìn nhất là đức chân thành, thì y bịp-bợm dối đời, chẳng bao giờ có một lời nói thực; qúy nhất là lòng từ bi, thì y lập tâm hiểm-ác, lấy việc hại người làm sở trường. Sự tội-phạm-pháp của Thạch-Liêm là tư-thông ngoại-quốc, lịnh cấm xuất-dương tuy đã bãi bỏ, nhưng mua bán là việc của nhà buôn, nay Thạch-Liêm là kẻ tu-hành, dám tư-thông ngoại-dương, đem hóa vật can cấm bán cho Giao-châu để cầu lợi; ai nghe nói cũng lắc đầu, thè lưỡi, ấy là việc y thêu 6 chữ vàng: « Vương phủ dụng, Trường-thọ định », (đồ dùng vương-phủ do Tường-thọ định) ở đầu múi những cây hàng lụa. Xét lúc An-nam Mạc-thị mới quy thuận, chỉ phong Đô-thống-Sứ, nay Nguyễn-Phúc-Châu chưa xin phong, chưa chịu sắc mạng Triều-đình, sao được xưng « Vương-phủ», nghiễm-nhiên ngang hàng với các thân-vương Trung-quốc? Lại nữa, Quốc-luật cấm mua bán người, thế mà y dám mua con gái nhà lành làm

con hát, rồi lần lượt đem bán lại ! Thiết tưởng những kẻ có trách-nhiệm phong-cương dân xã, nên thâu hết các sách xuất bản của y đem đốt hết; nghiêm cấm y tư-thông ngoại-dương, tư giấy các sở quan-tân, từ nay về sau cấm các sãi chùa Trường-thọ không cho một người nào xuất dương, và hóa vật chùa Trường-thọ không cho một thùng nào ra khỏi cửa biển, ngõ hầu chấn-chỉnh phép nước, khỏi di hại cho địa-phương »

Trên đây liệt cử các sự tích đê hèn của Đại-sán, phải c hăng đúng chân-tướng đương thời, điều đó không thể xét rõ. Ví-sử các việc ấy đều đúng sự thực, thì sự kết án tội lỗi của y cũng tùy theo sở kiến của từng người; sư nói phải, vãi nói chăng, ý kiến chẳng giống nhau hết thảy. Chẳng qua trong các hành-động của Đại-sán, cũng có chỗ hơi vượt ra ngoài lề lối, ấy là sự thực không thể chối cãi được. Ví-dụ như Hải-ngoại Kỷ-sự (KI 32 a) chép rằng: « Trong nước (Quảng-nam) các Tả, Hữu, Thừa-Tường, bốn Đại-đồn-Dinh và Quốc-nguyên-Lão Đông-triều-hầu, Học-sĩ Hào-đức-Hầu, Vương-Huynh Lệ-tuyền-hầu, Thiều-dương-hầu, các vị Đại-lảo ấy thường cùng ta tiếp kiến, nghe ta ở Trung-hoa thường có rao bán gió sầm, cầu mưa, muốn tâu với Quốc-vương xin ta cầu một đàn » v.v... Và ở quyển đầu Ly-Lục-Đường-Tập có phụ chép một bản đồ bán mưa (Mãi-vũ-đồ), trong đó vẽ 5 người học-trò đứng quay quần trước cửa « Trường-thọ Thiền-lâm » xem một tờ yết-thị viết mấy chữ: « Thạch-đầu-đà hữu ta phong vũ xuất mại » (Ông Sãi họ Thạch có chút ít mưa gió đem bán). Các việc ấy có thể chứng thực câu văn. « Lại nói láo từng gặp Dị-nhân, tinh Thiên-văn, hiểu độn-giáp, có thể hô phong hoán vũ, như bọn Văn-thành Ngũ-lợi ngày xưa», trong bức thư của Phan-Thứ-Canh dẫn ra trên đây. Nay xét hai phong thư của Phan-thứ-Canh, tội trạng rất lớn của Đại-Sán và cũng là nguyên-nhơn chính yếu làm cho y phải hồng chân, chẳng ngoài việc du-hành Quảng-nam của y. Bình tâm mà luận, Truyền-pháp cho Phiên-Quốc-Vương, thì có gì là tội lỗi, vã lại đứng về quan niệm truyền-thống của văn-hóa Trung-Quốc mà nói, thì « Viễn-bá Thánh-giáo», còn đáng được khuyến-khích là khác, nhưng đây lại diễn thành việc phạm tội « Mại-Pháp ». Cứ theo thiển-kiến, ấy chẳng qua vì cớ Đại-Sán nịnh Nguyễn-phúc-Châu, kẻ chưa chịu sắc mạng Triều-đình mà xưng Vương, và đã là kẻ tu-hành còn theo việc buôn bán phi-pháp v.v...

Trong Ly-Lục-Đường-Tập, bài tựa của Cao-Tầng-Vân viết rằng: « Thạch-Hòa-Thượng là thiên giới pháp tự, noi theo Tào-động chánh truyền ». Cũng trong tập ấy, bài tựa của Đường-hóa-Bằng (Bàn-đàm) viết rằng: « Hòa-thượng là đời thứ 29 dòng Tào-Động, con của Trượng-nhơn, cháu của Thọ-Xương ». Và Nguyễn-phúc-Châu, cuối bài « Bản-sư Hải-ngoại Kỷ-sự-tự » để lạc khoãn như sau « Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-phúc-Châu, thọ Bồ-tát-giới đệ-tử, pháp danh Hưng-Long, đính lễ. San tại Tây-cung Giác-Vương nội-Viện, Tĩnh-danh Phương-Trượng và có đóng 3 con dấu: «Tào-Động chính-Tông Tam-thập-thế», « Nguyễn-phúc-Châu ấn» và Thiên-túng đạo Nhơn». Việc ấy có thể chứng-thực hai sự-sự mới sau đây: Việc thứ nhất, Khương-hy năm thứ 34 (1695), lúc Đại-Sán đến nước Việt đã xưng thế thứ 29 dòng Tào-động, đến sau khi truyền Bồ-tát-giới cho Nguyễn-phúc-Châu ở Quảng-nam lập ông làm pháp-tự, đặt cho danh hiệu là « Tào-động chánh-tông đời thứ 30 » và đạo hiệu Thiên-túng Đạo-nhơn. Việc thứ hai, cứ theo Đại-nam Thực-lục Tiền-biên (qu. 8 và 9-10) ghi chép, họ Nguyễn ở Quảng-nam lúc đầu xưng Trấn-thủ, đến Khương-hy năm thứ 31 (1692) tức Nguyễn-thị đệ-lục-đại Phúc-Châu kế lập, năm thứ hai, mới xưng « Quốc-chúa», kể đến tháng chạp năm kỷ-sữu thứ 18 (1705) mới bắt đầu đúc Quốc-tỷ, khắc chữ « Đại-Việt-Quốc Nguyễn-Vương Vĩnh-trấn-chi-bữu », lại đến Càn-Long năm thứ 9, (1744) đệ-bát-đại Phúc-Khoát (tức Võ-Vương 1738-65) ở Phú-Xuân (tức Thuận-Hóa) mới chính thức tức Vương vị, đúc Vương-tỷ, đổi « Phủ » xưng làm «Điện », các công văn còn noi dùng Quốc-hiệu và niên-hiệu Lê-Triều. ¡Nay xem bài «Bản-sưHãi-ngoại kỷ-sự-tự », biết rằng Phúc-Châu đã xưng Đại-Việt Quốc-Vươngsớm từ năm Bính-tý (1695), trên sự thực trước ngày xưng vương của Phúc-Khoát đến 48 năm. Việc đáng chú ý hơn hết, là Đại-Sán đối đãi Phúc-Châu, xưng hô bằng Quốc-Vương chẳng chút kiêng kỵ, thậm-chí trên bài « Khải » còn tôn xứng lên làm «Đại-Vương » là khác nữa.

Xét các bài dẫn ra trên đây, Đại-Sán tự xưng đích tự của Giác-Lãng Thiền-sư, đã là một việc rất khả nghi, y xưng Pháp tự thứ 29 dòng Tào-động, lại bị bài xích làm hỗn loạn thế thứ, nay y lại đem pháp thống truyền cấp cho Phiên-Quốc-Vương, thì sự làm sôi nổi sóng gió giới Phật-giáo Trung-Hoa là lẽ tất nhiên vậy. Đại-Sán xưng Nguyễn-phúc-Châu làm Đại-Việt-Quốc-Vương, ví-sử y có ý a dua, cũng chẳng quathừa nhận địa vị thực tế của ông ấy mà thôi, nhưng đối với luật nhà Thanh và đối với đại nghĩa

danh phận của phái đạo-học, thì cũng như y đã thông đồng với ngoại-quốc, trao đổi riêng danh hiệu với nhau, hình thành một hành động vi-pháp, một tội danh không thể giảm khinh vậy.

Đến như Đại-Sán làm việc buôn lậu, thì sự hiểm-nghi lại càng đậm đà tăng thêm. Cứ theo Hải-ngoại Kỷ-sự kỷ-thuật lúc Đại-Sán khởi hành từ Quảng-đông: « Tăng chúng đi theo hơn 50 người, hành lý cũng nhiều, thuyền chủ nhìn nhau chẳng biết sắp đặt cách nào, phải đem khách hàng chuyển lui Dương-thành (Quảng-đông), còn phải chia một nửa tăng-chúng, hành-lý cho tháp tòng 2 thuyền đi sau ». Đoạn văn ấy có thể chứng thực số lượng hàng hóa Đại-Sán đưa qua Quảng-nam vì mục đích tặng biếu hay buôn bán, quá nhiều một cách lạ lùng; Phan-thứ-Canh chỉ trích những « cây đoạn thêu chữ vàng », là một món trong số hàng hóa ấy. Người ta lại có thể suy tưởng những khí cụ dùng trong các phật-hội do Đại-Sán chủ-trì tại Quảng-nam, nhất thiết đều do Đại-Sán cung cấp cả. Và trong thời gian lưu trú đất Việt, từ Phúc-Châu trở xuống, quan chí dân đều cung dưỡng rất thành kính long trọng, từ các món tiền gạo, yến sào, dầu dầm, tương muối, hương đèn, cho đến kỳ-nam-hương, trân-châu, vàng bạc, người ta đem đến tặng biếu ngày nào cũng có; gia dĩ Phúc-Châu hưởng ứng nhân-duyên trùng tu Trường-Thọ-Am của Đại-Sán, khảng khái xuất ra 5.000 lượng bạc (Ngũ-thiên-Kim) để cúng làm kinh-phí kiến trúc Trường-Thọ-Am đại-điện; lúc Đại-Sán sắp sửa lên đường, Phúc-Châu còn tặng nhiều gỗ qúy để giúp vào việc tu trúc am ấy (nói rõ ở đoạn sau). Phân-cam Dư-Thoại cũng chép rằng: (sau nghe nói y buôn lậu qua An-nam, chở về hàng thuyền các loại trân báu như tê-giác, ngà voi, san-hô, châu-ngọc v.v... trị giá hàng vạn mà các quan địa-phương chẳng ai đã-động chi đến). Xem thế dầu Đại-Sán không có mưu toan kinh dinh thương-nghiệp, nhưng kết quả chuyến du-hành Quảng-nam, y thâu hoạch được vàng bạc và trân báu, không phải là ít, khó lòng tránh khỏi sự kinh ngạc của giới nhơn-sĩ Lãnh-nam; do đó có những đồn đại buôn lậu với Quảng-nam và gây thành mầm họa cho y sau nầy.

Thuộc về đầu đuôi việc Đại-Sán bị bắt bị trục xuất và bị giam chết, Phân-cam-Dư-thoại chép rằng :

« Hứa-Trung-thừa Tự-Hưng làm án-sát-sứ (Hiện nay do Hà-nam bồ-chánh-sứ thăng Phúc-kiến tuần-vũ), rất ghét Đại-Sán, bèn ra lịnh bắt trị; xét rõ gian trạng trước sau, đánh đòn đuổi đến Cổng-Châu. Y đình chú ở Sơn- tự, hưng khởi trở lại, tín đồ quy y rất đông. Giang-hữu Lý-Trung-Thừa Cơ-Hòa lại đuổi đi, áp giải về nguyên-quán, giữa đường, chết ở Thường-sơn ».

Đại-Sán sinh và mất vào năm nào, Hummel chép « Thanh-đại-danh-nhơn-liệt-truyện », vừa dẫn ra trên đây, ghi vào Công-nguyên 1633-1702 (tức Sùng-trinh năm thứ 6 đến Khương-hy năm thứ 41). Nay xét bài của Mậu-thị, năm Thuận-trị mậu-tý (1648) lúc Giác-Lãng Thuyền-sư tạ thế, Thạch-Liêm mới 16 tuổi, thì năm sinh của ông ta chắc chắn là năm 1633, nhưng bút-giả chưa tìm được điển cứ nào có thể chứng tỏ Đại-Sán mất vào năm 1702.

Xét Hứa-tự-Hưng nhiệm Quảng-đông án-sát-sứ vào năm Khương-hy 41 (1702), tại nhiệm 2 năm, năm Khương-hy 43 (1704) thăng Hà-nam bồ-chánh-sứ (10). Còn Lý-Cơ-Hòa do Hồ-bắc Bồ-chánh-sứ thăng Giang-tây Tuần-vũ vào năm Khương-hy 43 (1704) (11). Thế thì Đại-Sán bị Hứa Tự-Hưng bắt tra hỏi và đuổi về Cổng-châu-sơn-tự phải ở vào khoảng năm Khương-hy 41 (1702); y lưu ở lại Cổng-châu chừng 1 năm, nhơn đó «phục hưng trở lại, tín đồ quy y rất đông », cho nên năm Khương-hy 43 (1704) Lại bị Giang-tây Tuần-vũ Lý-cơ-Hòa đuổi, áp giải về nguyên quán, nửa đường chết ở Thường-Sơn.

Việc Hứa-tự-Hưng xữ án Đại-Sán, phải chăng có quan hệ với lời hạch tội của Phan-thứ-Canh, điều đó hiện nay chưa có cách gì đoán định được, nhưng trong ấy có những dính líu quanh co hay hay. Khoảng tháng 8 năm Khương-hy 30, lúc Hứa-tự-Hưng đương nhiệm chức Đồng-tri Mân-châu vì những lỗi « làm nhục thuộc-viên và hạch-xách đòi ăn hối lộ tiền bạc, ngựa v.v... » bị Tuần-vũ Y-Đồ dâng sớ tham hạch, phải bị cách chức; qua năm-34, quyên tiền được phục chức, năm 38 được bổ Hồ-Quãng Hạ-Kinh-Nam, đạo, năm 41 đổi đi Quảng-Đông Án-sát-sứ. Kịp đến tháng 12 năm 45, lại nhơn việc thẩm án chẳng đúng sự thật, bộ xữ phạtgiáng một cấp, đổi đi chỗ khác; sau nhờ tuần-vũ Uông-Hạo dâng sớ xin cho giáng cấp lưu nhiệm, được Triều-đình chuẩn y; tháng 11 năm 48, thăng Tuần-vũ Phúc-kiến.

Do đó mà xem chính-tích của Hứa-tự-Hưng trong lúc làm quan, đâu đã chắc thanh-liêm đúng bậc, thì việc xích trục Đại-Sán, cũng có thể nghi-ngờ là « mọi đen ăn thịt mọi đen » (kẻ có tật bắt kẻ có tì). Vậy Vương-sĩ-Trinh trong bài văn dẫn trên, viết tiếp rằng: «Ta chẳng biết rõ Hứa-Trung-thừa, cứ một việc này, thực khá gọi « Trụ đồng ngăn sóng cả» vậy; nghe nói ông làm quan cũng rất thanh liêm, cứ xem việc nầy, nếu chẳng phải kẻ « Uống nước ao tham, cũng chẳng thay lòng đổi dạ », thì làm sao được như thế ». Lời nói trên đây, chính là chỉ sự chìm nổi quan-trường của Tự-Hưng mà nói vậy.

CHÚ THÍCH :

1) Trong các bài tựa tập nầy, bài tựa của Lý-Phương-Quảng (Đinh-mão 1687) và của Mao-khả-tề (mậu thìn 1688) đều để : (Hán-Ông-Yên-Du-thi-tự); còn các bài khác đều để : (Ly-lục đường-thi-tập-tự) hay là (Hán-Ông thơ-tập-tự), bài tựa của Trương-Tông để lạc-khoản làm đinh-tỵ (1677) quý hạ, bài của Phàn-Sử-Đạt để bính-tý (1696) đông thập nguyệt, bài của Ngô-thọ-Tiếm để Kỷ-Mão ?(1699) bát nguyệt, bài của Đào-Huyên cũng vậy, do đó có thể suy tưởng từ Khương-hy năm 17 (1677) sau khi Đại-Sán đi Bắc-kinh về, đã có ý xuất bản thơ tập, lúc đầu tính để tên « Hán-Ông-Yên-du thi » sau vì cớ nhằng nhai mãi đến năm Khương-hy 38 (1699) mới tổng hợp các tập thơ cũ và lấy tên «Ly-Lục-đường-thi» cho xuất bản. Tập thơ ấy đến năm Càn-Long 53 (1788) bị liệt vào số những sách do tỉnh Chiết-giang tâu xin hủy bỏ. Duyên cớ hình như vì tập ấy có liên-quan với các sách bị cấm của Khuất-đại-Quân và tập Lâm-huệ-Anh-Liêm biên trấp, Dân-quốc năm thứ 36 Thương-vụ-ấn-thư-quán xuất-bản).
2) Mặt khác, ở trong các tập của những nhà thơ đương thời cũng rải rác thấy có những thơ văn có liên quan với Đại-Sán. Ví dụ như Ngô-viên-Thứ Lâm-Huệ-Đường văn-tập tục khắc, thấy có bài (Thạch-Liêm Thượng-nhơn thơ-tập tự) (quyển 2) và bài (Hán-Ông Triều-hành thi-tự) (quyển 3) và Từ-Hoàn Nam-châu Thảo-đường-tập thấy có bài để « Hương-Tuyền-Lang làm tặng Thạch-Liêm Thuyền-sư ».
3) A. W. Hummel, Eminent Chinese of the Ching Period, Washington, 1944, t-11, p. 864 b, Emile Gaspardone, Bonzes des Ming Réfugiés en Annam, Sinologica, vol. 2, Nr. 1 (1949), P. 20 note 57.
4) Vương-sĩ-Trinh (Ngư-dương Lão-nhơn) Mạn-bút, Phân-cam Dư-thoại, Ngư-dương tam thập lục chủng, Khương-hy Kỷ-sửu, tháng chạp san hành.
5) Bọn Tăng-Quốc Phiên trùng tu, Quang-tự năm thứ 6 san hành, Giang-tây thông-chí quyển 179, Tiên-thích mục, Giác-Lãng, chép rằng : « Giác-Lãng tên Đạo-Thạnh, biệt-hiệu Lãng-Trượng-Nhơn, con của họ Trương ở Thác phố, lúc còn nhỏ theo học khoa-cử, nhơn Ông nội bị tù, tội chết, nghĩ rằng lin

hồn ấy sẽ đi đến nơi nào ? ngày nọ đang đi giữa đường nghe tiếng mèo nhảy bèn tỉnh ngộ, gặp lúc cọ Thụy-Nham Thức-Công đi qua phố, bí mật xin thề phát xuất gia, lên ở núi Mộng-hoa, tham thuyền chùa Bác-Sơn, kế tham thuyền chùa Thọ-xương, qua Thư-Lâm ra mắt Đông-uyên-Cảnh; có một lần đau gần chết, Uyên cho uống thuốc cứu sống; nhơn lúc nhàn rỗi Uyên hỏi thăm lại lịch sinh-bình, thất kinh nói rằng : chi Tuệ-đăng của chùa Thọ-xương ta sẽ thuộc về ngươi vậy, nhơn trao phó cho nguồn đạo. Khoảng niên-hiệu Thuận-trị xin chủ-trì chùa Bác-Sơn, sau đến Thiên-giới Côn-Lư-Các nghỉ hạ, thình-lình khiến dời đến ngồi trước thiền-đường, đúng ngọ, viết xong bài kệ, quăng bút viên tịch. Có ngữ-lục trước-tác 52 loại sách.

6) Mậu-thuyên-tôn, Nghệ-phong-Đường-văn-tục tập (Tuyên-thống năm thứ hai san hành) quyển II. 276-296.

7) « Bình-nam » tức Bình-nam-Vương Thượng-Khả-Hỷ, « Yêm-đạt-Công » tức con của Khả-Hỷ là Thượng-chi-Tín. Hoa-di-biến-Thái (quyển 4) chép lời khai của người Tàu, thuyền Quảng-đông chuyến 21, năm thìn (1676), cũng xưng làm « An-đạt-Vương ».

8) Văn-thành tức Phương-sĩ Thiều-Ông, Hán-Vũ-đế phong làm Văn-thành tướng-quân, Ngũ-Lợi tức Phương-Sĩ Loan-Đại, Vũ-đế phong làm Ngũ-Lợi thướng-quân, đều tinh thông phương thuật.

9) Nguyễn-phúc-Châu Bản-sư Hải-ngoại Kỷ-sự-tự chép rằng : « Thầy ta khai hóa hơn 30 năm, trước tác hơn 20 loại sách cho ra đời đã lâu, tự có giá trị nhất định của nó ». Tên các sách ấy, có lẽ là một bộ trong 21 loại sách nói trên.

10) Lý-Hằng (Quốc triều kỳ-hiền loại-trung sơ-biên) quyển 161, mục Cương-thần 13, Quảng-đông thông-chí (Đồng-trị năm thứ 3 san-lại bản in chụp hình của Thương vụ-ân-thư-quán), quyển 44, Chức-quan-biểu 35.

11) Lý-Cơ-Hòa, tự Hiệp-vạn, lại tự Mai-giai, người Hán-quân Nhương-hồng kỳ, đậu tiến-sĩ năm Khương-hy thứ 12, đổi làm Hàn-lâm-viện Thứ-cát-sĩ. Làm quan thăng đến Hồ-Bắc bố-chánh-sứ, năm Khương-hy 43 thăng Giang-tây Tuần-vũ, có Mai-giai thơ-tập (xin xem Giang-tây thông-chí quyển 128, Hoạn-tích-lục 3, Quốc-triều). Quốc-triều Kỳ-hiền-loại-trưng sơ-biên, quyển 161, mục Cương-thần 13, cũng dẫn Đại-Thanh-nhất-thống-chí rằng : « Bổ đi Tuần-vũ Giang-Tây, lúc gần đến nhậm chức, nghe tỉnh ấy có nạn đói, ông đi đến Hồ-Khẩu, quá-giang thuyền buôn gạo để xuống nam, bèn xuất bạc mua cả thuyền gạo đến Nam-xương y giá bán ra, giá gạo bèn trở lại bình thường. Sau thôi quan về cư-ngụ tại chùa, cam chịu thanh-bần đến ngày chết. Giang-Tây tuần-vũ Cơ-Hòa là người thứ nhất được nổi tiếng thanh-li êm vậy.

III. CUỘC DU HÀNH QUẢNG-NAM CỦA THÍCH-ĐẠI-SÁN

NÓI về chính truyện. Hiện tại chúng ta thuật lại đầu đuôi câu chuyện lữ-hành Quảng-nam của Đại-Sán. Đại-nam Liệt-truyện Tiền-biên (quyển 6) chép tiếp rằng:

« Anh-Tông Hoàng-Đế thường khiến Tạ-nguyên-Thiều qua Tàu cầu Cao-Tăng, nghe Liêm giỏi Thiền-học, bèn qua thỉnh-cầu. Liêm mừng, cùng Nguyễn-Thiều vượt biển qua Nam, đã đến nơi, cư trú tại chùa Thiên-mụ. Hiển-Tông Hoàng-Đế thường vời ông vào ra mắt, cùng đàm luận thiền-giáo. Hoàng-Thượng trọng sự học uyên bác của ông, rất yêu qúi kính lễ, ông khéo tùy việc can gián, cũng có bổ ích ».

Đoạn văn ấy cho chúng ta ấn-tượng như sau: « Lúc Anh-Tông (tức Nghĩa-Vương Phúc-Trăn, 1687-1691) còn tại thế, từng khiến Tạ-nguyên-Thiều qua Quảng-Đông rước Thích-Đại-Sán. Sau khi đến Thuận-Hóa, Đại-xán ở chùa Thiên-mụ. Kịp đến ngày Hiển-Tông (tức Nguyễn-Phúc-Châu) kế vị, mới hằng vời ông ra mắt, và rất được Hiển-Tông kính trọng. Thực ra đoạn văn ấy truyền chép có hơi không đúng, có nhiều chỗ cần đến sự đính chính của chúng ta. Nay trước hết xin lược thuật sự tích của Tạ-nguyên-Thiều. Đại-nam Liệt-truyện-Tiền-biên (quyển 6) truyện Tạ-nguyên-Thiều chép rằng:

« Tạ-nguyên-Thiều, tự Hoán-bích, người huyện Trình-hưng, phủ Triều-Châu, tỉnh Quảng-Đông, năm 19 tuổi xuất-gia tu chùa Báo-tư, làm đồ-đệ của Khoáng-viên Hòa-Thượng. Thái-Tông Hoàng-Đế Ất-tỵ năm

thứ 17 (1665) Nguyên-Thiều đi theo thuyền buôn qua Quảng-nam, lưu-trú tại phủ Quy-Ninh, dựng chùa Thập-Tháp Di-Đà (1) giảng-truyền phật-giáo, kế ra Phú-xuân-Sơn, tỉnh Thuận-Hóa, dựng chùa Quốc-Ân, (2) xây tháp Đồng-Phổ, sau phụng mạng Anh-Tông Hoàng-Đế qua Quảng-Đông rước Thạch-Liêm Hòa-Thượng và thỉnh tượng phật, chuông khánh lúc trở về phụng-sắc cho trù-trì chùa Hà-trung, (3) lúc lâm bệnh tập họp tăng-chúng dặn dò, cầm bút viết bài kệ rằng: «Lăng lặng gương không bóng, sáng sáng ngọc chẳng dung; lọng lọng vật chẳng vật, mờ mờ không chớ không ». Viết xong ngồi thẳng thắn mà tịch, hưởng thọ 81 tuổi. Các môn đồ và những quan-tể từng quy-y thọ-giới, dậng tháp ở cữa chùa để chôn dấu xá-lụy, tâu vua xin làm bài Ký-Minh. Hiển-Tông Hoàng-Đế ban cho Thụy-hiệu làm Hạnh-đoan thiền-sư, và làm một bài «ký» ghi chép công đức»

Căn cứ theo bài nầy, thì trong giới phật giáo, Tạ-nguyên-Thiều là một vị tiền-bối của Đại-Sán, đã qua Nam từ năm ất-tỵ. năm thứ 17 đời Thái-Tông (tức Hiển-Vương Phúc-Trăn 1648-1687) tức Khương-hy năm thứ tư (1665), và từ ấy ở luôn tại Quảng-nam. Năm ông mất tuy không có Sử-văn có thể dẫn chứng, nhưng cứ theo bài dẫn chứng trên đây, thì có lẽ vào khoảng năm đầu Minh-vương mới lên ngôi và trước ngày tới nước Việt của Đại-Sán, tức Khoảng Khương-hy năm thứ 30 đến nửa năm đầu năm 33; vì vậy Hải-ngoại Kỷ-sự không hề nói đến tên ông ấy. (4) Chúng ta vốn chẳng phủ nhận việc Tạ-nguyên-Thiều phụng mạng Anh-Tông (Phúc-Trăn) qua Quảng-đông rước mời Đại-Sán, nhưng trên sự thực Đại-Sán chưa hề cùng đi với Tạ-nguyên-Thiều qua Quảng-nam. Nói cách khác Đại-Sán đi qua Quảng-nam không phải kết-quả trực tiếp của Nguyên-Thiều đi rước. Nguyễn-Phúc-Châu Hải-ngoại kỷ-sự-tự viết rằng:

« Trường-thọ bản sư Lão-Hòa-Thượng, ta từ ngày làm thế-tử đã bao năm ngưỡng-mộ, Tiên-Vương đưa thư mời rước hai lần chẳng qua. Mùa thu năm Giáp-tuất, ta muốn vâng chịu Bồ-tát giới-pháp, nỗi chí trước đôn-đốc thỉnh cầu, quả được như nguyện ».

Và Đại-Sán trong sách Hải-ngoại kỷ-sự (K.1 1b) cũng chép rằng:

« Ngày mùng 4 tháng 8 (năm Giáp-tuất) Tri-khách gỏ cửa báo có sứ-nhân nước Đại-Việt đến; mời vào ra mắt, sứ giả là người tỉnh Mân (Phúc kiến), tay nâng một phong bì giấy vàng rất cung kính, sụp lạy dâng lên, với

lễ vật các thứ vàng-nam mây song hoa, lụa vàng và kỳ-nam, dâng lễ xong, qùy gối thưa rằng : « Đại-Việt Quốc-Vương đã lâu ngày ngưỡng mộ Lão Hòa-Thượng, ngày nay đốt hương xa lạy, dâng phong thư trước tòa Sư-tử, kính thỉnh cầu Đạo-giá lai lâm; nếu khứng chịu lời, thực là phước lớn cho tiểu-quốc ». Kể từ Tiền-Vương có thư mời, đến nay nữa là ba lần, mời đến ba lần, cũng đã thành tâm lắm vậy ».

Xem đầy đủ thấy Quảng-nam Nguyễn-Vương thỉnh-cầu Đại-Sán nguyên từ thời Tiền-Vương (tức Phúc-Trăn), đến nay qua lại đã đến ba lần, và lần này ngoài bức thư của Đại-Việt Quốc-Vương (tức Phúc-Châu) còn có thư riêng của Quốc-sư Hưng-Liên (Hoằng-Quả) nữa. Đồng thời chúng ta cũng biết rằng, nếu Tạ-nguyên-Thiều phụng mạng đi rước Đại-Sán, quả như lời Đại-nam Liệt-truyện Tiền-biên đã chép, thì có lẽ chỉ một chuyến trong chuyến trước; còn người tỉnh Mân, sứ-giả thứ hai Đại-Việt, trong chuyến nầy, sách Hoa-di Biến-thái (quyển 22) chép lời khẩu-cung của chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36 năm Hợi (1695), nói rằng:

« Nhưng mà Quảng-nam Quốc-vương lâu nay vẫn quy-y Phật giáo, sẵn lòng hâm-mộ Thạch-Liên Thiền-sư, cư trú tại Quảng-đông Trường-thọ-Am, là người có đạo đức thịnh tốt, cho nên mùa thu năm ngoái từng sai Trần-Thiêm-Quan và Ngô-Tư-quan, hai tên ấy làm chuyên-sứ đi qua Quảng-đông rước mời. (5). Vậy khá biết « người tỉnh Mân, chuyên-sứ nước Đại-Việt, mà Đại-Sán đã bảo đầy,là chỉ hai người Trần-Thiêm-Quan và Ngô-Tư Quan. Hai người ấy hiển-nhiên là thượng-khách từng qua lại buôn bán giữa Quảng-đông và Quảng-nam, nhưng trong hai người, hình như Trần-Thiêm-Quan có một lai-lịch có giá trị hơn. Cứ theo báo cáo của bọn thương khách, chép trong sách Hoa-di Biến-thái (quyển 11), thì Trần-Thiêm-Quan từng làm thuyền trưởng thuyền Quảng-nam chuyến 73, ngày 12 tháng 7 năm Bính-dần, Khương-hy năm 25, 1686) do Quảng-nam đến Trường-Kỳ Nhật-bản.

Đối với sự ân cần mời rước đến hai ba lần của Quảng-nam Quốc-vương Đại-Sán lẽ tự-nhiên vui lòng tiếp nhận. Hãi-ngoại kỷ-sự tiếp theo đoạn văn vừa dẫn trên, chép rằng:

« Chưa đi lên phương Bắc, nhân còn nhàn rỗi, sao chẳng rong chơi hải-ngoại đi đến chỗ lạ tai mới mắt, hoặc giả sơn-xuyên, phong-thổ nhân vật, còn nhiều thứ ngoài tầm thường nghe thấy của ta chăng »?

Ly-Lục-Đường-tập (k-12 23b-24a) cũng có chép một bài thơ để là (An-nam thư-sinh) theo điệu « Độ-giang-Vân ».

BÀI THƠ

Nơi hoang-phục cũng trong đồ bản,
Gió xuôi buồm vượt biển một phen.
Áo-môn sắm sữa khai thuyền,
Tuy nơi có rẽ (phân mao) cũng miền phong nhiêu.
Quốc vương trước, gởi nhiều thư trát,
Nay Tân-Triều há biết danh ta.
Ân cần sính lễ đưa qua,
Vàng thoi, đằng-trượng với là Kỳ-nam.
Sai sứ-giã thư hàm kính đệ,
Nâng Hoàng-phong rạng vẽ long vân.
Thuyền hồng chờ đón Hải-tân,
Nhờ đem mưa ngọt thấm nhuần cỏ khô.
Nhớ câu « phu hãi thừa phù ».

Còn về thời kỳ khởi hành của Đại-Sán (lời báo cáo của chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36, năm hợi), vừa dẫn ở trên, nói tiếp rằng :

« Thạch-Liêm cũng cảm lòng ngưỡng mộ của Quảng-nam Quốc-Vương, bèn cùng bọn đệ tử vừa tăng vừa tục chừng 100 người, khoảng trung tuần tháng giêng năm nay, do Quảng-đông khởi trình qua Nam ».

Lại cứ theo Hải-ngoại kỷ-sự, đêm treo đèn Thượng-nguyên tháng giêng năm ất-hợi (Khương-hy năm 34 tức 27-2-1695),Đại-Sán đem tăng chúng hơn 50 người lên thuyền ở Hoàng-phố, qua giữa trưa ngày 16-1 kéo buồm, trên đường đi ngang qua Đông-quản, Hổ-Môn, Lỗ-mán-Sơn, ngày 27 tháng giêng thuyền đến cù-lao Tiêm-bích-La (Poulo Cham) ngoài cửa Hội-an, bình yên vô sự. Từ đay đổi sang chiến thuyền của Minh-vương sai đón, qua ngày 28 thẳng đến thành Thuận-hóa, định cư ở Thiền-Lâm-Tự (chớ không phải Thiên-mụ-tự), (6) làm khách qúy của Minh-vương Nguyễn-Phúc-Châu.

Nguyễn-Phúc-Châu là một vì quân-chủ trẻ tuổi hăng hái, kể vị từ 4 năm trước, lúc ấy mới 17 tuổi, ông đã bao phen xuất binh đi đánh Chiêm-thành, năm qúy-dậu (Khương-hy năm 32, 1693) thâu phục đất xứ ấy đặt

trần Thuận-thành; lại nguyện muốn quy-y cửa Phật để cứu đời. Việc rước mời Đại-Sán qua Quảng-nam, chính do tôn-giáo-tính của ông làm động-cơ thúc đẩy, và sau Đại-Sán đến đất Việt, trên thực tế lúc nào cũng lấy lễ sư phụ tôn thờ, mỗi việc đều bàn luận hỏi han, thái độ rất khẩn thiết. Ví-dụ như lúc tiếp kiến Đại-sán lần đầu, Minh-vương liền nói rằng:

« Đệ-tử tâm mộ đạo-phong của Lão Hòa-Thượng đã lâu, nay may mắn chẳng vì xa xuôi mà từ bỏ, xin rủ lòng dạy bảo, ngõ hầu đệ tử biết đường chánh để noi theo ».

Đại-Sán thưa rằng :

« Đạo của nhà vua, ở nơi việc trị nước an dân. Đạo chỉ có một nhưng địa vị từng người khác nhau, nếu kẻ cai trị Quốc-gia, lơ bỏ tất cả chánh lệnh kỹ-cương, để cưỡng cầu thanh tịnh, ấy là chẳng biết thanh tịnh vậy. Nếu quả thực những-nhưng không dục vọng, lạt lẽo không dinh cầu; trong lòng hư linh, thời tùy việc thuận lý, tùy vật ứng phó; tuy ngày xữ trí muôn việc, cũng chẳng có một việc, một vật gì quấy rầy; bởi thế nước trị dân an, rủ áo vòng tay không làm mà nên đạo; thanh tịnh tột bậc, Đế-vương Phật-tổ nào có khác biệt bao nhiêu ».

Trong những hoạt-động tôn-giáo ở Quảng-nam của Đại-Sán, chỉ có việc triệu-tập tăng chúng toàn quốc mỡ 3 pháp-đàn truyền giáo,là trọng yếu nhất. Việc ấy nhằm mục đích cứu tế nhơn dân Quảng-nam đương thời và thanh trừng những phần tử trụy lạc trong giới phật-giáo. Sau khi Đại-sán đến Quảng-nam bốn ngày, Minh-Vương khiến Nội-Giám và các quan Bộ-Công suất lãnh lính và thợ hơn nghìn người, trong 3 ngày đêm phải làm xong 5 gian phương-trượng và 5 gian liêu-xá để làm nơi cư-trú cho thầy trò Đại-Sán. Đại-Sán trong sách Hải-ngoại kỷ-sự, cảm thán công tác lanh chóng và tả tình cảnh của quân-nhơn công-dịch như sau:

« Nhơn hỏi thăm, biết rằng trong nước trăm thứ thợ đều quân-nhân làm. Mỗi năm khoảng tháng 3, tháng 4 quân-nhân ra các làng bắt dân, những người 16 tuổi trở lên, thể chất cường tráng, đều bắt sung quân, xiềng cổ bằng một cái gông bằng tre, hình như cái thang nhưng hẹp hơn Ai tình nguyện tòng quân sẽ được cho học chuyên-môn một nghề, thành nghề rồi phân bát vào đội chiến thuyền để luyện tập; lúc hữu sự ra trận

đánh giặc, vô sự bắt làm công-dịch trong quan-phủ, chưa đến 60 tuổi chưa cho về làng chung sống với cha mẹ vợ con, hằng năm, thân nhân đem áo quần vật thực đến thăm mà thôi. Vì thế dân còn lại đều ốm yếu tàn tật, ít có người tráng kiện, cha mẹ sợ con bị bắt lính, con lớn tuổi liền cho đi ở chùa làm sãi, may ra được khỏi. Vì có ấy tăng đồ rất đông, nhưng Phật-pháp cũngdo đó sinh ra hỗn loạn,chẳng những thiền-tông tuyệt nhiên không đếm xĩa, cho đến các việc « luật », « luận », cũng buông trôi chẳng chút quan tâm, đến đỗi những phường áo tràng mão ni, nết xấu tật hư còn quá dân quê nơi làng mạc ».

Đại-Sán cho tệ phong ấy chẳng khá kéo dài, bèn thảo một bài văn, dán lên các cửa chùa để quảng cáo Quảng-nam nhơn-sĩ, mặt khác Minh-Vương cũng thương tâm vì thấy Phật-pháp trong nước hỗn-loạn, ít kẻ chân chính tu hành, vả lại, chính giáo kỷ-cương trong nước còn nhiều việc phải canh-cải, muốn đem phỏng vấn Đại-Sán.

Ngày rằm tháng chạp, từ sáng sớm rước Đại-Sán vào phủ, cùng nhau đàm đạo đến nửa đêm, trên tiệc Minh-vương biểu thị rằng: « Tăng chúng phần đông chẳng giữ giới luật, tôi sẽ phát lịnh-bài đi các phủ, bắt bọn chúng đem về trình Lão-Hòa-Thượng, bắt mỗi người phải cầu chịu 3 đàn giới luật, mới được cấp cho giới điệp, miễn trừ giao dịch tô thuế. Lão Hòa-Thượng nên ra báo-cáo thông tri, định ngày từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 sẽ viên mãn cả 3 đàn cũng được. Tôi sẽ đem quyến-thuộc và bá quan văn võ, ai có tín tâm, đều cầu làm Bồ-tát-giới đệ tử, xin Hòa-Thượng đặt cho đạo hiệu pháp danh v.v... »

Ngày 13 tháng 3, tốp thứ hai, bọn tăng chúng theo hầu Đại-Sán, cũng từ Quảng-Châu đến Thuận-hóa bình yên, đồng thời, những liêu-xá, bàn ghế, khí mãnh cần dùng để mở giới đàn, cũng đều do Minh-Vương ra lịnh trù biện hoàn bị. Ngày mồng 1 tháng 4, pháp hội long trọng khai mạc, do Đại-Sán truyền Sa-di-giới, ngày mồng 6 lại truyền Tỳ-kheo-giới, mồng 8 ngày Phật-Đản, Minh-Vương đem Vương-mẫu, công-chúa, hậu cung quyến thuộc, đồng thọ Bồ-tát-giới và quỳ thọ Hộ-pháp-Kim-thang-thư; ngày thứ (tức mồng 9) Đại-Sán truyền Bồ-tát-giới cho tăng chúng; qua 3 ngày sau (tức ngày mười hai), Đại-Sán suất Quốc-sư hai hàng, đới lảnh hơn 1.400 tân giới đệ-tử, mặc cà-sa, cầm bình bát, cử hành lễ cổ-Phật khất thực và tạ ơn Minh-Vương đã thành tựu công-đức. Minh-Vương mời hai

hàng sư vào cúng chay, đải trà bọn tân giới đệ tử và ban thêm 300 quan tiền, 100 thạch gạo, khiến quân-nhơn gánh đến chùa Thuyền-lâm; lại đem tất cả giới-điệp có đóng Kiềm Vương-ấn, ban cấp cho tăng nhơn, những người đã tham gia pháp hội. Đến đây, phật lễ lớn nhất từ xưa đến nay tại Quảng-Nam, mới tuyên bố bế mạc.

Trong lúc yết kiến Minh-Vương giữa ngày rằm tháng hai trước đây. Đại-Sán cảm thấy: «Ngôn ngữ chẳng thông hiểu nhau, tuy có thông ngôn cũng chưa chắc minh lý, mười điều phiên dịch không được ba, bốn, khiến trong lòng có bao nhiêu điều muốn nói, chẳng làm sao uyển chuyển để-đạt được lên Quốc-Vương»; nhơn đem các việc muốn nói viết ra giấy trình lên Minh-Vương. Trình bày tất cả bốn điều, phân biệt rõ ràng các lẽ đắc thất lợi hại. Nội dung như sau :

1) Cống hiến Trung-triều để chính danh hiệu.

Triều ta (Đại-Sán tự nói) Khương-hy Hoàng-đế thống trị chín châu, mười lăm tỉnh, đất rộng mấy muôn dặm, giáp binh hùng mạnh cả ngàn trăm muôn; mà đất nước Đại-Việt lại gần kề tỉnh Quảng-đông; nếu khiến sứ thông hảo với các quan Đốc-vủ Tướng-quân, rồi sau dâng biểu tiến cống Triều-đình, xin phong Vương để chính vị hiệu, lấy thanh thế Quảng-đông làm nương tựa, thì bọn tiểu khẩu các nước lân cận tự nhiên kiêng sợ chẳng dám dòm hành; thực danh chính lý thuận, ngồi hưởng thái-bình, một việc làm vạn toàn vậy. Người xưa bảo « chẳng đánh mà binh giặc phải thua », chính là như thế. Những lý do thông hảo nhà vua sẽ tường trần sau.

2) Đặt binh đồn thủ để củng-cố biên-thùy.

Bản-quốc địa giới liên tiếp Đông-kinh (Bắc-kỳ), chỉ cách một con sông, dọc biên giới chắc có nhiều nơi nên đóng binh trấn giữ. Binh ít thì sợ khi xung đột, binh nhiều thì hao tổn khó lòng, hai lẽ đều khó tính. Lão-tăng xem xét sơn-xuyên hình thế, có cách giảm bớt binh-số, chỉ đặt cơ binh (cũng như binh lưu động) mà có thể cố hủ được; nếu nhà vua dùng sẽ xin tâu bày sau.

3) Thương yêu binh-sĩ để khích lệ lòng trung dũng.

Thời xưa trong việc võ bị, chẳng hề phân biệt binh dân, lúc vô sự an cư vườn ruộng, lo việc cầy cày, đến khi có việc chiến tranh, ra tòng chinh sung vào đội ngũ. Mỗi năm lúc nông công nhàn rỗi, đem ra tập luyện, giảng cho biết nghĩa tôn quân thân thượng, dạy cho rành phép tác chiến giao-phong; bình thời được vui sống với gia đình, hữu sự ra tận trung báo quốc; tự nhiên dõng khí bách bội, ai nấy đều vui lòng đi lính, chống kẻ xâm lăng. Nay nghe dân trong nước một lúc đã ghi tên vào sổ lính, trọn năm phải phục dịch quan-phủ, không được về làng thăm viếng cha mẹ vợ con; như vậy tuy chúng sợ phép phải tuân theo, nhưng trong lòng sao khỏi oán hận. Sao chẳng khiến quân-sĩ luân phiên theo diễn, mỗi năm ở quan-phủ phục dịch huấn-luyện chừng một quý hay nửa năm; hết hạn cho về làng cày bừa, cùng với gia-đình đoàn tụ; bắt chước theo phép quân đồn ngày xưa. Đến lúc có việc phải hưng-sư, bắt ra tòng chinh, ai lại chẳng hết lòng phò chúa. Như thế người đều cảm khích, giành nhau làm bổn-phận, làm sao binh chẳng thêm mạnh, dân chẳng thêm giàu. Các chi tiết về việc nầy, sẽ có điều ước qui định.

4) Đặt học quan để giáo-dục nhân-tài.

Khổng-thánh là « vạn thế sư biểu », tứ thư ngũ kinh chép đủ mọi lẽ sửa mình trị đời, phải thế nhận cổ làm theo, mới xử sự hợp lý được. Nay nhà vua nên lập Quốc-học-phủ để phụng thờ Khổng-thánh, tầng trử nho thư, mời các nhà lý-học danh-nho để giảng dạy thánh-đạo; từ Vương-Thế-Tử (con vua), con em các Đại-thần, cho đến dân gian những người tuấn-tú, đều bắt theo học; sẽ mở kỳ thi hạch để phân biệt kẻ kém người hơn. Như thế lâu ngày sẽ hiểu biết nghĩa lý cương thường, chánh đại trị đạo, dần dần sẽ trở nên một Quốc-gia văn minh.

Ngày 24 tháng 4, Minh-Vương mời 10 người đồ đệ của Đại Sán, mở một đàn tụng kinh Đại-bi Đà-la-ni sám và mời Đại-Sán ở lại trong Viện để chứng-minh. Lúc rãnh cùng nhau nói chuyện cổ kim, luận bàn chính-trị. Đại-Sán nhơn những dịp ấy trình bày ý kiến về các việc khoan hình chuộng đức, thương lính yêu dân, thông thường giảm thuế v.v... Minh-Vương mỗi việc thảy đều nghe theo, giận mình tuổi trẻ, thấy nghe chưa được rộng rãi. Ngày nọ, trong lúc đương đàm đạo, xảy có quân hầu báo

cáo trại lính phát hỏa, Minh-Vương lập tức đem quan binh đến chữa, chặp lâu mới trở về. Đại-Sán nhân khuyên can nhà vua nên tự ái, kiến nghị nên đặt « lệnh tiễn », gặp lúc trong nước có việc gấp, cần nhà vua phải thân-hành thì sai nội-giám quan-quân đem « lịnh-tiễn » đi, nếu quan-quân tiếp được lịnh mà chẳng đến sẽ bị trị tội không tha. Minh-Vương nghe rất lấy làm phải, bèn tỏ ý rằng : (7) « Mấy ngày nay đàm đạo, có nhiều chính kiến vì nước vì dân, xin Lão-Hòa-Thượng chỉ thị từng việc rõ ràng, tôi sẽ cho khắc yết trước triều môn, để vĩnh viễn cùng thần dân noi giữ ».

Ngày sau (tức 25 tháng 4) Đại-Sán từ giả lui về, Minh-Vương yêu cầu ông đem các việc đàm đạo trong mấy ngày nay chép rõ ra từng việc một. Đại-Sán bèn điều trần « Lập quốc chính ước » 18 điều, nội dung gồm các việc thương lính, yêu dân, thông thương, lợi quốc, kỷ-cương, pháp-độ v.v... Vương duyệt xem rất mừng, nói với Chưởng-sự Nội-quan rằng :

« Pháp độ dân tình nước ta chưa được đúng đắn, nay nhờ Lão-Hòa-Thượng đem lễ pháp Trung-hoa, vì ta bày tỏ 18 giáo-điều, nên khắc vào bảng treo trước phủ-đường, hiểu dụ cho văn vũ quân dân đều biết. Mặt khác làm 24 thẻ bài, nêu rõ từng loại, nếu có người nào phạm pháp, trái điều luật, sẽ cho kẻ bị thiệt hại cầm thẻ bài đến thưa; bất luận vương-thân quốc-thích văn vũ quân dân, đều cứ xét luật trị tội, vĩnh-viễn nêu làm phép-nước ».

Lại ngày sau nữa (26 tháng 4) Minh-Vương nghe Đại-Sán dự định đến tháng 6 sẽ trở về nước, bèn mời Đại-Sán vào cung khẩn-khoản xin lưu lại; trên tiệc, Đại-Sán thuật chuyện Thanh-Thế-Tổ sùng tín Tam-Bữu, Hoàng-đế đương kim (tức Thánh-tổ) rất thần thông nhơn từ và các viên Lưỡng-Quảng Tổng-đốc, Tướng-quân, Đề-đốc, Tư-đạo rất thanh liêm tài cán; nhơn khuyên Minh-Vương làm biểu văn cầu phong. Vương đáp rằng :

Nay nghe Lão-Hòa-Thượng thuật chuyện, mới biết rõ ràng. Ta ở nơi góc biển xa xuôi, vốn chẳng am tường lễ-giáo; tuy sẵn lòng quy-thuận, nhưng tiểu-quốc xưa nay chưa tiến cống lần nào, nay đường đột dâng biểu thỉnh phong, e biên giới Đại-thần chẳng sẵn lòng để đạt, chỉ mất công đi về mà thôi. Lão-Hòa-Thượng đã chẳng chịu lưu lại hạ-bang, sau khi hoàn sơn (về chùa) xin vì ta trần tình với các nhà đương sự tỉnh Việt. Nếu tiếp

được tin cho phép tiến-cống, ta sẽ sắm sửa các vật thổ sản và làm biểu dâng lên ngay, quyết chẳng sai lời ».

Đại-Sán viện những lý-do : (Nhơn tạm nghỉ qua nam, còn chờ ngày phải đi lên phương Bắc; vả lại, xây cất nhà cửa chưa xong, đại chúng đương chờ đợi) v.v..., ngày mồng 3 tháng 6, từ giả Minh-Vương xin đi, và quyết-định ngày rằm tháng 6 sẽ dời khỏi Thuận-hóa đi Hội-An để sắp sửa ngày về nước cho kịp mùa thu gió thuận. Quốc-vương lưu lại đải chay, mỗi lúc nói đến chuyện chia phôi, nghẹn ngào bảo rằng :

« Từ ngày Lão-Hòa-Thượng đến đây, tiểu-bang đã được nhờ ơn 8 chữ « Phong điều vũ thuận, Quốc-thái dân an ». Mấy năm trước tàu ngoại-quốc đến buôn bán, một năm chừng 6, 7 chiếc, năm nay tăng lên 16, 17 chiếc, trong nước tiêu dùng nhơn đó được dư dũ, ấy cũng nhờ phước đức Hòa-Thượng che chở vậy. Chưa biết phen nầy Hòa-Thượng về Bữu-sơn còn khứng trở qua một lần nữa chăng ? Nửa năm náo nhiệt, một phút vắng tanh, khiến người phải cảm thương rơi lụy. Đạo-giá đã không thể lưu lại, xin để lại vài người đồ đệ, khiến sớm chiều gần gũi, cũng như gặp mặt Tôn-sư. Lão-Hòa-Thượng sai bảo điều gì, tôi đều phụng mạng cả, nay tôi sở nguyện có bấy nhiêu, xin Hòa-Thượng chớ từ ».

Đại-Sán thâm cảm lòng ái mộ của Minh-Vương bèn thương lượng lưu lại hai tên, Hậu-đường Khánh-Ngu và Tri-khách Thiên-vũ, để phục vụ tại Giác-Vương Nội-điện Phẩn-tu-sở.

Trên đây tường thuật tình hình đối xử giữa Minh-Vương cùng Đại-Sán và những lời đàm đạo cùng nhau , khiến người ta có thể tưởng thấy vị Thanh-niên Quân-chủ đã thành tâm đối đải Đại-Sán và khiêm hư tiếp thụ những lời chỉ đạo của ông ấy như thế nào. Thứ nhất là việc « dâng biểu cầu phong », hiển-nhiên giữa Minh-Vương với Đại-Sán đã thông cảm nhau một cách triệt-để, việc ấy rõ ràng do Đại-Sán chủ động, dụng ý muốn mượn việc ấy để tăng cao giá-trị của mình. Mặt khác, Minh-Vương cũng không tỏ ý nghi-ngờ, nghĩ rằng trong tình thế đối với họ Trịnh ở phương Bắc, dựa thế Thanh-triều và các nhà đương-cuộc Quảng-đông cũng là một việc rất cần yếu, vì thế hoan-nghinh đề nghị của Đại-Sán, và mong mỏi sau khi về nước ông ấy sẽ vận-động giúp cho.

Ngày 28 tháng 6 cả bọn thầy trò Đại-Sán đi trên 8 chiếc Hồng-thuyền và 8 chiếc thuyền gọ (điền-xá) lìa bến Thuận-hóa, đi ngang chùa Hà-trung, chiều tối ra đến cửa biển. Quốc-Vương đã từ ngày 18 đem các quan văn võ đi trước đến cửa bể làm thủy-các để tiễn đưa Đại-Sán. Sáng bửa sau (ngày 29) Đại-Sán đến ra mắt Quốc-Vương, ngày 30 Minh-Vương đi với Đại-Sán du-lãm chùa Vĩnh-Hòa ở núi Khuê (Quê-phong). Ngày 1 tháng 7 Đại-Sán từ biệt Minh-Vương lên thuyền ra cửa bể, đi ngang Ngũ-hành-Sơn, ghé chơi chùa Tam-thai, (8). Chiều hôm ấy thẳng đến Hội-An, sáng ngày mai (ngày 2 tháng 7) lên bờ đình trú tại chùa Di-Đà (9). Chùa nầy chật hẹp, không đủ chỗ dung nạp cả tốp đông nhơn-viên. Lúc đầu Đại-Sán nghĩ tạm lưu ít ngày sẽ lên tàu về nước; không cần làm thêm nhà cửa làm chi cho quân lính phải khó nhọc. Nhưng viên Cai-bá và Nội-quan không dám làm trái lịnh Quốc-Vương, lâm thời triệu tập quân-nhơn, cất vội 8, 9 gian nhà để làm nơi tạm trú cho Đại-Sán.

Đại-Sán đình lưu Hội-An chừng 15 hôm, trong thời gian ấy cũng khá bận rộn. Đến Hội-An được vài hôm đã có bọn tăng nhơn và bình dân, những người chưa tham dự pháp-hội đầu tháng 4, đến cầu xin thọ giới; Đại-Sán vui vẽ chịu lời, chọn ngày mồng 7 mở một pháp-hội để hoàn-nguyện « truyền Bồ-tát-giới » cho hơn 300 người, và khiến Quốc-sư và Hậu-đường cấp phát chứng điệp. Ngày 19 Đại-Sán dời Hội-An, sớm bửa sau đến Tiêm-Bích-La (cù lao Chàm) lên thuyền chờ gió, đến ngày 30 mới kéo neo vợt biển; chẳng ngờ chiều hôm ấy gió chuyển chiều thổi nghịch, qua sáng ngày mùng 1 tháng 8 thuyền bị đưa trở lại Tiêm-Bích-La. Đại-Sán suốt đêm không nhắm mắt, gia-dĩ đi thuyền nhọc mệt, bị cảm, nhức đầu sôi bụng, lúc nóng, lúc lạnh, ăn uống chẳng được, buộc phải lên đảo Tiêm-Bích-La tạm thời tĩnh dưỡng; sau nhơn gió mãi không được thuận, phải quyết-định lưu lại trở Quảng-Nam « áp đông » (ở cho qua mùa đông) chẳng bao lâu lại trở về Hội-An. Quốc-Vương nghe tin vô cùng mừng rỡ, lập tức khiến triệt phương-trượng chùa Thiền-lâm, lợp lại ở chùa Thiên-mụ (10) để làm nơi cư trú cho Đại-Sán lúc trở ra Thuận-Hóa.

Lần nầy Đại-Sán đình lưu Hội-An chừng hơn hai tháng, bế môn dưỡng bệnh, ít khi đi ra ngoài; sau nhơn Minh-Vương mấy phen thúc mời, ngày 12 tháng 10 bèn khởi hành đi Thuận-hóa, do đường bộ đi qua Ngãi-Lãnh (tức Ải-Vân-quan) mất 3 ngày ra đến cửa Thuận-An. Quốc-Vương sai

Công-bộ Cai-bá đem Hồng-thuyền đón chờ tại cửa bể; sáng ngày đi từ cửa bể, tối hôm ấy đến chùa Thiên-Mụ, Thuận-hóa. Ngày sau (ngày 16) Quốc-Vương mời vào yết kiến, thăm hỏi ân cần. Lúc nói chuyện đến việc xây cất chùa Trường-thọ, Minh-Vương khẳng khái phát nguyện cúng 5.000 đồng, đảm phụ kinh phí kiến đại-điện chùa ấy. Đại-Sán trở về chùa Thiên-mụ làm bài sớ nhân-duyên trùng tu chùa Trường-thọ, khen công đức Minh-Vương, cho rằng có thể so sánh với việc dâng chùa Pháp-tướng tại Chiết-Giang của Quốc-Vương Cao-ly thời nhà Tống. Sớ văn trình lên, Minh-Vương đinh ninh nói rằng :

« Sang năm Lão-Hòa-Thượng về bên ấy, thay ta xây cất điện đường Chùa Trường-thọ, nếu Tiểu-quốc được phúc ấm đều nhờ từ bi che chở của Tôn-sư vậy ». Và định đến ngày mùng 4 tháng 11 rước Đại-Sán đổ đệ 24 người làm lễ Vạn-phật sám kỳ hạn 40 ngày.

Từ đó, Hải-ngoại kỷ-sự thôi không chép đến hành-động của Đại-Sán trong lúc lưu lại Quảng-Nam, và tình-trạng lúc ông đi thuyền trở về cố-quốc. Bài cuối quyển thứ V Đại-Sán chép rằng :

« Thấm thoắt hơn một năm, hằng ngày trò chuyện với Quốc-Vương. quần-thần, tiếp xúc với tứ phương đại chúng, những điều tai nghe mắt thấy, như chính-trị đắc thất, phong tục tà chánh, hay sơn xuyên nhân vật, thảo mộc trùng ngư v.v... tuy còn nhiều chỗ chưa trải qua, nhưng biết xa từ gần, cũng đã thấu rõ được đại-khái. Bởi thế việc bất câu lớn nhỏ, vật chẳng nệ xấu tốt, hễ gặp việc quan yếu là chép, gặp vật kỳ dị là ghi, dám đâu tự cho mình là bậc Quân-tử muốn hành đạo Nam-bang, chỉ muốn sao cho phong tục viễn phương, được phổ biến kiến văn về Trung-quốc mà thôi vậy ».

Xem đoạn văn trên, chúng ta nhận thấy Đại-Sán viết đến quyển thứ 5, cho rằng tập « Kỷ sự » đã đầy đủ, vã lại bầy lâu vất vả nhọc mệt, cho nên sau ngày trở lại Thuận-hóa, chuyên lo tĩnh dưỡng, làm biếng không muốn viết văn. Trên sự thực trong quyển thứ 6, chỉ chép lại mấy bài thuyết luận và ít bài thơ của Đại-Sán trao tặng các nhà quý-hiễn Quảng-Nam mà thôi.

Đại-Sán trong tập Hải-ngoại kỷ-sự thỉnh thoảng cũng có nói đến tình trạng Hoa-kiều tại Quảng-Nam lúc bấy giờ. Đầu tiên tả tình-hình Đường-nhơn-nhai (đường người Tàu) ở Hội-An và công việc buôn bán ở đó, như sau:

« Hội-An là nơi bến tàu tập họp hàng hóa Ngoại-Quốc, một con đường lớn thẳng bờ sông dài chừng 3-4 dặm, hai bên đường phố xá ở khít rịt liền nhau, cuối đường là Nhật-bản-Kiều và Cẩm-phố; bên kia sông là Trà-nhiêu, nơi đình-bạc của các thương-thuyền Ngoại-Quốc. Nhơn dân trù mật, cá tôm rau quả bán tấp nập tối ngày. Hóa vật thuốc men, những món hàng ở Thuận-hóa mua không ra, người ta đều vào mua ở đây cả. Đại-ước Hội-An đông-nam-bắc 3 mặt gần bể, chỉ có mặt tây một con đường núi non liên tiếp giao thông với Tây-Việt và Đông-kinh. Bởi thế cách phía tây chừng 10 dặm có đặt nha Trấn-Thổ giống như Vương-phủ, để phòng-ngự biên cương ».

Và cứ theo lời Đại-Sán ghi chép, phía hữu chùa Di-đà có miếu thờ Quan-Công rất nguy nga, và quán-chỉ Hội-quán Phúc-kiến cũng ở đó. Đại-Sán lại nhận thấy ở đay khách trú ngày càng đông đảo, đến lúc mãn phần quá-cố, bơ vơ lữ-thần, nắm xương đành gởi quê người, bèn viết một bài khuyến-cáo, dặn Quả-Hoằng-Quốc-sư cùng với thương-khách Phúc-kiến để xướng mở một vùng nghĩa-địa để làm nơi chôn cất di cốt những kiều-bào bất hạnh, an giức nơi tha hương. Ông lại hưởng ứng lời Quốc-sư, làm một bài sớ-văn khuyến quyên để tu bổ chùa Di-đà. Ngoài ra Đại-Sán cũng có ghi chép sự tích của một vài Hoa-kiều như sau :

1) Trong thời gian lưu trú ở Hội-an lần thứ hai, Đại-sán thấy trong bọn Hoa-kiều có hai người kể nhau tạ thế. Hải-ngoại kỷ-sự (K.4.28a) chép rằng: « Bẩm chất người phương Bắc đến đây hay sinh bệnh, vã lại, điều dưỡng không biết cách, bệnh trở nên nặng càng mau. Trước đây vài ngày một người lính hầu Hữu-giai, người Giang-bắc, chết ở Thuận-hóa; nay chủ Điểm-ba-Đường người Sơn-tả lại qua đời ở Hội-an. Tuy chết sống do mạng trời, nhưng người cũng có quyền di-chuyển, chẳng qua vì có Bắc Nam bất phục thủy thổ mà ra cả ».

2) Tăng-văn-Lão người Phúc-kiến phạm tội nặng, bị án xử-tử, đương giam trong ngục để chờ ngày hành hình. Bốn ngày nọ chết đói, sau 5 ngà lại hồi-sinh. Ngày 24 tháng 4 người vợ đón đường Đại-Sán lúc đi và Vương-phủ, cầu xin trần-thuyết giùm khổ tình với nhà vua. Đại-sán nhận lời và đem việc ấy tỏ bày cho vua rõ. Minh-vương tức thì hạ lệnh phóng thích Tăng-Lão, đồng thời phóng thích những tù nhơn nhẹ tội, và giảm án cho những người trọng tội đương bị giam.

3) Trương-Tiết-Phụ, nguyên quán ông bà người Chiết-giang, sinh-trưởng ở Quảng-nam, lấy chồng tên Từ-Phụ. Lúc Quảng-nam giao chiến với Chiêm-thành, Từ-Phụ tòng chinh chết giữa biển. Bà Trương ngày đêm than khóc, khô héo ruột gan; sau tìm thấy chồng trên bãi cát đem về chôn cất, từ đó trọn đời thủ tiết, thờ mẹ chồng, nuôi con, thực đúng trang liệt-nữ đáng kính. Đại-sán vốn thương tâm về phong tục dâm ô ở bản xứ, bèn cảm động tẩu bút viết một bài tứ-ngôn cổ thư và bài tự-sự để biểu dương tiết-phụ họ Trương. (11)

4) Có một người Tàu tên Lưu-Thanh có lẻ dư đảng của Trịnh-thị (Trịnh-thành-Công) đời nhà Minh, đương lúc Thanh-quân đánh dẹp trên mặt bể, (có lẽ chỉ lúc tướng nhà Thanh là Thi-Lương, năm Khương-hy 22, đem quân công phạt Đài-loan) Lưu-Thanh về nương tựa Lam tổng-binh (12), sau lại trôi giạt đến Quảng-nam. Đương lúc Đại-sán đau nằm ở Hội-an, Quả-Hoằng Quốc-sư mấy phen cậy ông thôi cử Lưu-Thanh lên Minh-Vương xin cho sung chức Cai-phủ, quản-lý hàng hóa Ngoại-Quốc. Đại-sán chưa kịp xét rõ, tiến cử Thanh lên Quốc-vương, liền được Quốc-vương phê chuẩn và khiến chiếu theo lệ cũ, trong 10 ngày trình nạp đủ 10 vạn bạc. Lưu-Thanh nhơn việc ấy đi ra các nơi bức sách, làm người ta bị thiệt hại rất nhiều. Đến khi Đại-sán trở ra Thuận-Hóa các Kiều-khách và thuyền-chủ đều đến trình bày việc bất chính và cách hành động ngang tàng của Lưu-Thanh. Đại Sán nghĩ, nếu dùng người ấy làm việc, kẻ buôn bán sẽ bị bóc lột và sẽ làm hại cho dân, bèn viết giấy trình lên Minh-vương xin bãi chức Lưu-Thanh lập tức.

Trong thời gian Đại-sán lưu trú tại đất Việt, hằng được Vương-mẫu (13) và Công-chúa (tức chị Minh-vương) thiết tiệc chay khoản đãi, lại thường giao du với bọn Vương-huynh Lệ-tuyền-Hầu, Thiều-dương-Hầu (14), Nguyên-Lão Đông-Triều-Hầu, (15) Đại-học-sĩ Ký-lục Hào-đức-Hầu, cùng nhau tống tặng thơ văn, giảng bàn đạo học. Những thư từ và thơ văn qua lại chép trong Hải-ngoại Kỷ-sự, phần nhiều giảng bàn về kinh-nghĩa, đạo đức, luân-lý và chính-trị v.v... có những yếu mục như sau.

QUYỂN THỨ I

Thư của Hào-đức-Hầu (bàn về thơ) (38a-39b).

QUYỂN THỨ II

Lai thư của Hào-đức-Hầu (7a-9b) và thơ văn của Đại-Sán đưa tặng (10a-15a).

QUYỂN THỨ III

Bài văn Đại-Sán viết cho Hào-đức-Hầu (22b-23b), văn của Đại-Sán viết cho Quốc-Cậu Tả-thái-úy (25a-27b), (16) Thư Đại-Sán viết cho Công-Chúa (28b-31b).

QUYỂN THỨ IV

Văn tạ ơn Minh-Vương ủy vấn (21a-22a), văn của Đại-Sán viết cho Văn-chức Thể-nam (22a-25a), thư Đại-Sán viết cho Vương-huynh Lệ-tuyền-Hầu (26a-26b). Đại-Sán nghe tin Chưởng-Thanh Nguyễn-công Tả-xu-mật qua đời, viết thư cho năm-vị Công-tử và làm thơ ai vãn (33a-39b) (18).

QUYỂN THỨ V

Thư Đại-Sán gởi cho Phò-Mã Hữu-đổn-dinh, (tức Xu-Mật Phó-mã Nguyễn-Công 7a-8b (19). Thư hồi phúc Đông-triều-Hầu (21a-22b). Thư mừng nhị Quốc-cậu Tổng-Công (20) thăng chức Tả-thừa-tướng(22b-23b). Phúc đáp thư Đăng-long-Hầu (24a-27a).

QUYỂN THỨ VI

Thư gởi Đại-Việt-Quốc Hữu-Thừa-tướng Tổng-Công (7b-13b) (21).

Về thời kỳ Đại-Sán trở lại tỉnh Việt, tại phương diện Trung-Quốc, không có một sử văn nào có thể chứng thực, nhưng bọn thương khách Quảng-đông và Quảng-Nam qua buôn bán ở Trường-kỳ Nhật-Bản, đều có nói đến rất rõ-ràng. « Báo-cáo » của bọn thương khách tàu Quảng-đông chuyến 67, khởi hành từ Quảng-đông ngày 16 tháng 6 năm Khương-hy 35 (Bính-tý 1696) và đến Trường-kỳ ngày 13 tháng 7 năm ấy, nói rằng :

«Nói về Thạch-Liên Thiền-sư, cư trú Trường-Thọ-am Quảng-đông, vì nổi tiếng đạo-đức, nên mùa xuân năm ngoái Quảng-nam Quốc-

vương rước đến Quảng-Nam. Nghe đồn sau khi Thạch-Liêm đến nước ấy rất được Quốc-vương tôn kính, hơn nữa, quan dân trong nước đều nhất trí quy y; tại Quảng-đông cũng thường được nghe tin tức. Nhưng Thạch Liêm từ mùa xuân năm ngoái ở luôn lại Quảng-nam, cho nên tín đồ Phật-giáo tỉnh Quảng-đông, những người đã quy y với Thiền-sư ấy, từ mùa xuân năm nay hằng phái thuyền đến Quảng-nam tiếp đón; chắc chẳng bao lâu nữa Thạch-Liêm cũng sắp sửa trở về ».

« Báo-cáo » của bọn thương-khách tàu Quảng-nam (thuyền trưởng Tăng-Doãn-Quan) chuyến 48 ngày 22 tháng 6 cùng năm ấy (1696) từ Hội-an chạy qua Trường-kỳ, cũng nói gần giống « báo-cáo » trên, chỉ sau cuối bài có nói phụ thêm rằng :

« Thạch-Liêm thuật trên đây, nhơn vì Quảng-đông hai ba lần cho thuyền qua đón, nên đã quyết-định cuối tháng 6 năm nay sẽ trở về nước ».

Lại « Báo-cáo » của bọn thương-khách thuyền Quảng-nam chuyến 50 (thuyền trưởng Thái-Cổ-Quan) ngày 26 tháng 6 cùng năm ấy, do Hội-an chạy qua Nhật-Bản, nói rằng :

« Về việc Thạch-Liêm Thiền-sư từ Quảng-đông qua Nam, bọn khách thuyền đến trước đã báo-cáo rõ ràng. Sư Thạch-Liêm vì có thuyền Quảng-đông đến đón, nguyên định đến cuối tháng 6 sẽ trở buồm, nhưng vì ngày 24 có gió tốt, nên trước thuyền chúng tôi hai ngày, đã khai thuyền lìa bến Quảng-nam».

Đại-Sán đã lìa bến Hội-An ngày 24-6 (22-7-1696), chừng trung tuần tháng 7 sẽ về đến Quảng-đông.

Ngày Đại-Sán khởi hành về Tàu, Minh-Vương lại một phen tống tiễn long rọng, và biếu rất nhiều tặng-phẩm. Tường tình việc ấy tuy không thấy chép trong tập Hải-ngoại kỷ-sự, nhưng Đại-nam Liệt-truyện Tiền-biên (quyển 6) chép rằng :

«Ít lâu sau Liêm từ giả về Quảng-đông, Minh-Vương tiễn tặng hóa vật rất hậu, lại biếu cho gỗ quý đem về làm chùa Trường-thọ; (22) từ ấy không trở qua nữa, sau nhơn có thuyền buôn qua nam, Thạch-Liêm có làm 4 bài thơ « ký-hoài » gởi qua hầu thăm, có làm bài « dẫn » đại lược nói rằng :

« Một sông khói tỏa, đường cách từng mây, tám độ xuân về, tóc phơ mái tuyết. Lần tính nhơn-gian ngày tháng, chạnh niềm phương-ngoại nhơn duyên. Xa nghe phương-trượng bổ-đoàn, đã có tin mai truyền báo. Nay nhơn thuyền khách, kính gởi tin hồng. Tạm dâng thơ mới vài bài, xiết thẹn lời quê chắp nối ».

Bai thơ

Đông phong tân lãng mãn giang tần,
Tưởng kiển hồ sơn vũ lộ tân.
Tự thị dương hòa quy thảo mộc,
Thái-bình nhơn túy hãi thiên xuân

Dịch nghĩa

Sóng gió đẩy sông cuồn ngọn tần,
Hồ sơn mơ tưởng mốc mưa nhuần.
Từ nay cây cỏ đua tươi tốt.
Trời biển thanh bình chuốc chén xuân.

Xem bài ấy Đại-Sán từ khoảng tháng 7 Khương-hy thứ 35, (1696) sau khi trở về Quảng-đông, ngoài việc gởi thương thuyền mấy bài thơ thuật hoài, hình như không có qua lại gì với Việt-nam nữa. Nhưng theo tôi tưởng, chân tướng chưa chắc như vậy. Xét bài của Phan-thứ-Canh, gởi cho Đại-đương-sự tỉnh Việt đã dẫn ra trên đây, cuối bài có nói rằng : (Nghiêm cấm việc tư thông với Ngoại-đương, tư giấy các quan ải, từ nay về sau cấm không cho một người Sãi nào ở chùa Trường-thọ được đi ra Hải-ngoại, cũng không cho một thùng hóa vật nào của chùa Trường-thọ ra khỏi cửa biển. Ngõ hầu chấn chỉnh kỷ-cương hiến-pháp, khỏi di hại cho địa-phương). thì có thể suy tưởng sau khi Đại-Sán trở về nước, tăng nhơn chùa Trường-thọ vẫn thường đi lại giữa Quảng-châu và Quảng-Nam, và việc buôn bán riêng của Đại-Sán vẫn lén lút kể tục.

Sau khi Đại-Sán đi rồi, ngày mùng 2 tháng 9 năm Khương-hy 34 (tức 3-10-1701) có một chiếc thuyền của Cống-sứ Tiêm-La chạy qua Quảng-đông, giữa đường bị phong nạn trôi vào Quảng-nam. Minh-Vương được tin lập tức hạ lịnh tu bổ thuyền ấy và cấp cho gạo lương cùi nước; qua khoảng

tháng 5 năm sau (1702) lúc Tiêm-thuyền khởi trình đi Quảng-đông, Minh-vương khiến bọn Hoàng-Thần, Hưng-Triệt đem Quốc-thư và cống-phẩm (Kỳ-nam 5 cân 4 lượng, vàng sống 1 cân 13 lượng 5 tiền, ngà voi một đôi nặng 350 cân, mây sông 50 sợi), theo thuyền qua tỉnh Việt, ý muốn do Lưỡng-Quảng Tổng-đốc đến Thanh-đình chánh thức cầu phong (23). Trong biểu-văn có nói rằng :

(Thấy tôi, Quảng-đông Trường-Thọ am Tăng-nhơn Thạch-Liêm, những lúc giảng tụng kinh điển rãnh rang, thường thuật chuyện Hoàng-thượng là bậc Thánh-thần văn võ, nhơn đức như trời. Bọn Quảng-đông giám-sinh Hoàng-Thần, Tăng-nhơn Hưng-Triệt cũng đều xưng tụng Thiên triều thanh giáo, truyền khắp phương-xa v.v... (24).

Xem đó khá thấy việc Minh-Vương cầu phong vốn do kiến-nghị của Đại-Sán năm Khương-Hy ất-hợi (1695) làm động-cơ thúc đẩy, và Minh-vương đã thực hành lời hứa với Đại-Sán. Lại nữa Việt-sứ tháp tòng Tiêm-La công-thuyền, việc ấy chứng tỏ Nguyễn-chúa Minh-vương khéo nắm cơ-hội để thực hành tư-tưởng «phụng thờ nước lớn» đối với Thanh-đình vậy.

Còn về lai-lịch của bọn Hoàng-Thần, Hưng-Triệt, Đại-nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) chú thích rằng:

(Thần, Triệt người Quảng-đông, nhà Thanh, theo Thạch-Liêm Hòa-thượng đến yết-kiến, nhơn khiến đi).

Đoạn chú-thích ấy, khiến chúng ta nhớ lại lúc Đại-Sán lâm hành có lưu lại Thuận-hóa hai người đồ đệ, tức Trí-khách Thiên-vũ và Hậu-đường Khánh-Ngu. Tri-khách là một Tăng-đồ coi việc tiếp đãi tân khách, còn Hậu-Đường cũng chỉ một chức-vị của nhà chùa, tuy danh xưng của bọn chúng, Hải-ngoại kỷ-sự và Thực-lục Tiền-biên chép khác nhau, nhưng chúng ta tin rằng Quảng-đông Giám-sinh Hoàng-Thần tức Tri-khách Thiên-vũ, và Tăng-Lữ Hưng-Triệt cũng chỉ là pháp-hiệu của Hậu-Đường Khánh-Ngu.

Chúng ta không biết được Đại-Sán sau khi trở về Quảng-đông có vận động trù bị cho việc Quốc-chúa Quảng-nam cầu phong hay không; một sự thực chắc chắn là việc cầu phong dạo ấy không được nhà Thanh chấp nhận. Đại-nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) chép rằng :

«Thanh-đế hỏi các quan đình-thần, đều bảo rằng nước Quảng-nam hùng cứ nhất phương, Chiêm-thành, Chơn-lạp đều bị gồm thâu, sau nầy chắc sẽ trở nên nước lớn ? Nhưng An-nam còn có họ Lê, không nên phong vương một họ khác. Việc ấy bị bỏ qua.

Xét lại từ năm Khương-hy thứ hai (1663) Lê-huyền-Tông lần đầu khiển sứ cầu phong trở về sau, nhà Thanh chỉ thừa nhận Lê-Triều ở Bắc-kỳ (Đông-kinh) làm phiên-quốc, thì cự tuyệt việc cầu phong của Chúa Nguyễn, nhà Thanh cũng có lý do chính đáng. Nay chỉ xét việc thúc đẩy Nguyễn Vương cầu phong, trên sự thực, nhơn vật đứng sau màn chính là Đại-Sán, và cũng trong năm ấy (tức Khương-hy 41) Đại-Sán bị Quảng-Đông An-sát-sứ Hứa-Tự-Hưng bắt giam và phóng trục, thì chúng ta có thể suy tưởng có những thêu dệt trong việc nầy, có thể đoán rằng việc cầu phong của Nguyễn Vương, cùng với việc « hồng chân » của Đại-Sán, thế nào cũng có nhân quả tương quan, nhưng việc nào là quả, việc nào là nhân, cứ theo sử-liệu có thể tin cậy, hiện nay chúng ta chưa có thể phân tích được. Tuy thế thời ấy giữa Quảng-nam với các nhà đương cục Quảng-đông không phải tuyệt nhiên không có vãng lai giao thiệp. Ví-dụ, Lê-quý-Đôn, Vũ-biên tạp-lục chép rằng : «Thuận-hóa với Tổng-đốc Quảng-đông, thường thông tín qua lại », và sách ấy có thâu chép tờ tư văn của Minh-Vương gởi cho Quảng-đông Tuần-vũ và bài văn tế gởi điếu Lưỡng-Quãng Tổng-đốc Dương-Lâm. Do đó biết trên sự thực, Quảng-đông Đốc-viện muộn lắm cũng vào cuối thời Minh-Vương, vẫn thừa nhận Nguyễn-Vương ở Quảng-nam.

Đại-Sán nhất sinh ly kỳ biến ảo, và năm về già lại bị nạn lao tù ; tuy hành-vi thái-độ của ông, khá khen mà cũng khá chê nhiều, nhưng chúng ta cũng nhận thấy ông ta có một nhân cách phóng lãng không chịu bó buộc. Thực như bài Hải-ngoại Kỷ-sự đề-yếu, trong bút-ký-Tiểu-thuyết-đại-quan-bản đã viết : « Tuy có những tiếng tăm bất ngờ, nhưng ông vẫn là một người thác cớ để lánh đời, muốn mượn văn-chương để tỏ chí mình, điều đó thực rõ như ban ngày vậy ». Hơn nữa, đáng cho chúng ta chú trọng là sự thành tựu trên việc Quốc-dân ngoại-giao. Còn các việc khác như trong chuyến du hành Quảng-nam Đại-Sán đã làm cho vua tôi Nguyễn-Phủ cảm mến và long trọng cúng dường, cho đến thái-độ thành-thực của Đại-Sán đối với họ, tuy những ghi chép trong Hải-ngoại-kỷ-sự chẳng khỏi có khoa-

trương tô vẽ thêm ít nhiều, nhưng cũng có thể xem như một phụ-chương có thú-vị trên lịch-sử quan-hệ Trung-Việt, xứng đáng cho Trung-Việt nhơn-sĩ suy nghĩ vậy. Đại-nam Thực-lục Tiền-biên, cuối bài « Thạch-Liêm-Truyện » chép rằng : «Khoảng năm Minh-Mạng (1821-40) Trương-hảo-Hiệp phụng phái qua Tàu, đến chơi chùa Trường-Thọ, Chú-trì chùa ấy còn nhắc nhở sự-tích Thạch-Lão», đó cũng là một chứng cớ rõ ràng.

CHÚ THÍCH :

1) Đại-Nam nhất-thống-chí (Duy-Tân tam-niên, 1910 soạn, quyển 9, tỉnh Bình-Định) Mục tự-quán chép rằng: « Chùa Thập-tháp ở làng Thuận-chánh, huyện Tuy-Viễn, sau chùa có 10 cái tháp Chàm, cho nên đặt tên như vậy, nay đổ nát hết rồi. Bản triều thời Thái-tông, Đường-tăng Hoán-Bích Hòa-thượng xây cất chùa ấy, thời Hiển-tông sắc ban biển-ngạch để « Thập-tháp Di-Đà tự » và liễn-đối... Minh-Mạng nguyên niên thấy tu ở chùa Linh-Mụ là Mật-Hoằng Hòa-thượng trùng tu lại, chùa chiền rộng rãi, sơn thiếp huy-hoàng, cùng với chùa Linh-phong đều nổi tiếng thắng cảnh ».
2) Đại-Nam nhất-thống-chí (quyển 2, tỉnh Thừa-Thiên) mục tự-quán chép rằng: « Chùa Quốc-ân ở ấp Phước-quả. Tục truyền do Bích-Hoán thiền-sư xây cất, bản-triều Hiển-tông có ban cho hai bức liễn-đối... bên tả có khắc 8 chữ «Quốc-Vương Thiên-túng Đạo-Nhơn Ngự đệ », nay đương còn, và trước chùa có Tháp Phổ-đồng, cũng do Hoán-Bích thiền-sư xây, sau bị binh-hỏa tàn phá. Gia-Long năm đầu, Mật-Hoằng-Hòa-thượng tu bổ lại, chùa chiền rộng rãi rất mỹ quan ».
3) Đại-Nam nhất thống-chí (quyển 2 tỉnh Thừa-thiên) mục tự-quán chép rằng : « Chùa Hà-trung ở xã Hà-trung, huyện Phú-Lộc, đời Hiển-tông Bản-triều, sư Hoán-Bích làm Chú-trì ở đó ».
4) Thuộc về sự tích Tạ-nguyên-Thiều (Hoán-Bích), xin xem E. Gaspardone, loc., cit., p. 14-17.
5) Thuyền nầy ngày 25 tháng 5 do Quảng-đông khởi-hành, ngày 28 tháng 7 đến Trường-kỳ, thuyền-trưởng tên Mạch-xán-vũ. Những báo cáo trong năm ấy của các thuyền Quảng-đông, chuyến 50 (thuyền trưởng Lữ-vũ-Quan), chuyến 51 (thuyền trưởng Lý-Tướng-Quan) và chuyến 52 (thuyền trưởng Lâm-tam-Quan) cũng đều có nói đến tin ấy, giản lược rõ ràng hơn (xem Hoa-di-biến-thái quyển 22 hạ).
6) Đại-Nam nhất-thống-chí (quyển 2, Thừa-Thiên), mục tự-quán chép rằng : « Chùa Thiền-Lâm ở xã An-cựu, tương-truyền do Thạch-Liêm Hòa-Thượng kiến tạo, cảnh trí rất u tịch. Ngụy Tây-sơn thái-sư Bùi-đắc-Tuyên chiếm ở, sau Đắc-Tuyên thất bại, người trong làng nhơn theo nền cũ sửa chữa lại. Bản-triều khoảng đời Gia-Long, Thừa-Thiên Cao-Hoàng-Hậu bỏ tiền ra kiến trúc lại, nay dần dần hư nát, chỉ còn ngôi chùa chánh. Phía tả chùa có một quả chuông đồng lớn, cao 4 thước, vòng lưng 6 thước, dày 4 tấc, có khắc chữ « Lê-vĩnh-Thạnh thập nhị niên, chú » (bút giả chùa : tức năm 1716), Vĩnh-Thạnh là niên

hiệu vua Dũ-Tông nhà Lê, Vua Gia-Long sau khi khắc phục Bắc-thành, chở quả chuông ấy về kinh bỏ vào kho, đến lúc sửa chùa xong, cho đem treo để dùng)

7) Đại-Nam Liệt-truyện Tiền-biên (quyển 6) chép câu chuyện nầy, từ bắt đầu đến việc trải qua có hơi khác, đoạn văn ấy chép rằng : « gần đây xóm nhà ở ngoài đô-thành thường đêm hay bị phát hỏa, Chúa thượng tự mình đốc suất quân lính đến chữa, Thạch-Liêm can rằng : Đêm hôm tối tăm, Xa-giá há nên khinh thường đi ra. « Rồng trắng đội lốt cá », Cồ-nhơn lấy câu ấy làm răn, xin Vương lưu ý. Vua khen phải, nghe theo, từ ấy không ngự ra ban đêm nữa ».

8) Đại-nam nhất-thống-chí (quyển 5 Quảng-nam) Mục tự-quán chép rằng : « chùa Tam-Thai ở phía Tây núi Đại-hành, có nhiều cổ tích danh thăng, từ sau ngày binh hỏa, đều bị phá hoại. Minh-Mạng năm thứ 6 (tức 1825, bút giả khảo-án), khiến quan sửa chữa lại).

9) Đại-Nam nhất-thống-chí (quyển 2 Kinh-sư) mục tự-quán chép rằng : « chùa Di-đà ở cồn Đông-an, Tiên-Triều Sắc ban biển vàng, liễn đối nay bị phá hoại ».

10) Đại-Nam nhất-thống-chí (quyển 2 Kinh-sư) mục tự-quán chép rằng : « chùa Thiên-Mụ ở ngoài Kinh-Thành trên gò núi xã An-ninh tây, nguyên trước có chùa Phật, Gia-Long năm 14 xây cất lại... Nay xét Bản-Triều Thái-Tổ Hoàng-đế tân-sửu năm 44 (bút giả khảo-án : tức năm 1601) xa-giá đến viếng Hà-khê, thấy nơi đồng bằng nổi lên một gò đất như hình đầu rồng quay lại, ngó thẳng ra trường-giang, phía sau có hồ, cảnh trí rất đẹp, nhơn hỏi chuyện người bản xứ bảo rằng : gò nầy rất linh-dị, tương truyền ngày xưa có người ban đêm thấy một bà già áo đỏ quần lục ngồi trên gò, nói rằng : « sau sẽ có vị chơn-chúa đến sữa lại chùa nầy, tụ linh khí để giữ long-mạch cho được bền-vững », nói rồi biến mất, nhơn đặt tên Thiên-mụ-sơn. Vua cho rằng đất nầy có linh-khí, bèn dựng chùa gọi Linh-Mụ-tự. Thái-Tông Hoàng-đế ất-tỵ năm 17 (tức 1665) sửa chữa lại, Hiển-Tông Hoàng-đế Canh-dần năm 19 (1901) đúc chuông lớn, năm giáp-ngọ 23 (1714), trùng tu nhà chùa... Ất mùi năm 24 (1715) ngự chế bài văn bia đá dựng trước chùa, xây cất điêu-đài ở bờ sông làm nơi du ngoạn, sau bị binh hỏa tàn phá, dấu cũ đương còn... Thành-Thái năm 16 (1904) nhơn gió bão, nhiều nơi bị đổ nát, năm 19 (1907) tu bổ lại, triệt hạ điện Di-lạc, và 2 tòa tả hữu Thập-điện, dời Hương-nguyện-đình cất lên ở nền cũ điện Di-lạc). Mặt khác, Đại-Nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 8) mục tháng 6 năm giáp-ngọ, Hiển-Tông năm thứ 23 (1714) chép đầu đuôi việc trùng tu chùa Thiên-mụ và khiến người qua Tàu mua Đại-tạng Kinh và Luật-luận hơn 1000 bộ, có chua ở sau rằng : « Thời ấy có Chiết-tây Hòa-thượng tên Đại-Sán hiệu Thạch-Liêm đem Thiền-đạo yết-kiến, rất được vua yêu, sau ông về Quảng-đông đem những gỗ quý do nhà vua tặng cho, cất chùa Trường-Thọ, nay có di-tích đương còn ». Xét Đại-Sán diên lưu ở Quảng-Nam từ cuối tháng giêng năm ất hợi Khương-hy (1695) đến cuối tháng 6 năm Bính-tý (1696). Chú-văn trên đây rõ ràng do sự lầm lẫn của kẻ biên soạn Đại-nam Thực-lục.

11) Hải-ngoại kỷ-sự, quyển 3, 16b - 20a. Đại-Sán vì biểu dương Trương-Tiết Phụ mà làm bài Tứ-ngôn Cổ-thơ và bài dẫn, cũng thấy chép ở Ly-lục-đường tập, quyển 1 hạ, 1a-4a.

12) (Lam-Tổng-binh) ở đây có lẽ Lam-Lý. Lý tên tự Nghĩa-Phủ, hiệu Nghĩa-Sơn, người Chương-phố, từng theo Tịnh-hải Tướng-quân Thi-Lương qua

đánh Trịnh-Phiên ở Đài-Loan. Khương-hy năm 27 (1688) nhiệm chức Chiết-giang Định-hải-trấn Tổng-binh trải 10 năm, có tiếng khen tốt, sau trấn-thủ-Thiên-tân, năm 45 (1706) dời bổ Phúc-kiến lục-lộ, Đề-đốc, mùa thu năm Tân Mão (1711) vì vụ án ăn trộm của Chương-Bình Trấn-ngũ-Hiển, bị giải chức. Năm Nhâm-thìn (1712) bị tham hạch, gia sản bị trịch thâu, và biên tên vào Kỳ-tịch (sổ lính). Gặp lúc Tây-Tạng có chiến-tranh, Lý đem con đi theo Tướng-quân Chân-mục-Thại ra đông-lộ, đóng ở đài 25, hơn một năm vì tuổi già được cho về Kinh. Năm 59 (1720) tạ thế, năm ấy đã 72 tuổi. Sinh bình tính nóng nảy, lúc nổi giận như sấm sét, qua đó quên liền, muốn tự tôn, tự đại chẳng chịu phục ai, hay gây mắng chưởi, đối với kẻ quyền thế bề trên thường kiêu ngạo khinh khi, tỏ ra thị thiên hạ chẳng ai bằng mình; nhưng gặp kẻ tài ba hào kiệt, tuy nghèo hèn cũng hạ mình kính lễ; gia-đình giữ cần-kiệm, cơm thô áo vải, cũng vui lòng. (Xem Phúc-kiến, Thông-chí Liệt-truyện, quyển 35, Thanh 4, 14b-19b).

13) Vương-mẫu Tống-thị, tức Hiếu-nghĩa Hoàng-hậu, con gái quan Thiếu-phó Tống-phúc-Vinh, mất ngày Mậu-dần tháng 3 năm Hiển-Tông (tức Minh-Vương) Bính-tý thứ 5 (1696), hưởng thọ 44 tuổi, truy tôn Quốc-Thái Phu-nhơn, lăng phần an-táng tại làng Định-Môn (thuộc huyện Hương-trà, tức Vĩnh-mậu-lăng). Xem Thục-lục Tiền-biên quyển 7, 12a-12b.

14) Cứ theo Thực-lục Tiền-biên quyển 7, Hiển-Tông Hiếu-minh Hoàng-đế Thực-lục thượng, Hiển-Tông sinh vào năm Khương-hy thứ 14 con trưởng của Anh-Tông Hiếu-nghĩa Hoàng-đế (tức Nghĩa-vương). Nhưng nay cứ theo Hải-ngoại kỷ-sự, Lệ-truyền-Hầu và Thiếu-dương-Hầu là anh thứ hai và anh thứ ba của vua, thế thì hai ông nầy là con bà thứ chăng ?

15) Đông-triều-hầu tức tước danh của Tham-chính Đoán-sự Trần-đình-Ân: Tháng 8 năm Qúy-Mùi, Minh-vương năm thứ 12 (1703), Trần-đình-Ân năm ấy 78 tuổi, xin về hưu trí, hai ba lần trần thỉnh, Minh-vương mới chuẩn-y; đến lúc Đình-Ân vào tạ, Minh-vương cho một bài thơ viết vào lụa hoa trắng, khen ngợi công phụ-tá bổn Triều của Đình-Ân, và đặc ân cho 10 mẫu ruộng, 10 người lính hầu để dưỡng lão. Đình-Ân ẩn cư chùa Bình-trung (tại làng Hà-Trung, huyện Minh-linh), tự vui với thiền học. Đến tháng giêng năm thứ 15 Bính-tuất (1706) tạ thế. Minh-vương truy tặng Đôn-hậu-Công-Thần Đặc tiến Trụ-Quốc Kim-tử Đại-phu, Đại-Lý-tự-Khanh, thụy-hiệu Thuần-thiện, cho phu giữ mộ 10 người, và tha thuế 230 mẫu tư-điền. Xem Đại-nam Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 22a— 23a — 26b.

16) « Quốc-cậu tả Thái-úy ở đây có lẽ tức Tổng-Phúc-Tráng, nhiệm chức « Nội-tả Cai-cơ » tháng 8 năm Tân-mùi (1691) (Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 3a). Xét bổn chức Nội-tả, Ngoại-tả, Nội-hữu, Ngoại-hữu xưng « Tứ-Trụ », chức quan tối cao của Nguyễn-phủ, do Công-thượng-Vương (tức Thần-tông Phúc-Lan, 1.635 — 48) thiết lập để phụ-tá Quốc-Vương. Xem Trần-trọng-Kim Việt-Nam Sír — bidc, 1954, p. 325.

17) Hải-ngoại-kỷ-sự (quyển 3,5b) có nói rằng : (Ta đến Đại-Việt, đầu tiên có tứ-triều Nguyên-Lão Đông-triều-hầu xin ra mắt, và con của ông là Văn-chức Thế-nam qui y với Lão-tăng v.v... thế khá biết Văn chức Thế-Nam (tên một chức quan) là con của Đông-triều-hầu Trần-đình-Ân. Nhưng xét Đại-Nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) con Đình-Ân nhiệm văn

chức có hai người, một người tên Trần-đình Khánh (Thực-lục nguyên chú : con của Trần-đình Ân), tháng 12 năm Canh-thìn Minh-Vương năm thứ 9, phụng mạng đi với Nội-hữu Cai-cơ Tổng-phúc-Tài ra Quảng-Bình và Bố-chánh khảo-sát việc phòng bị biên thùy, tháng 9 năm Tân-tỵ thứ 10 (1701) nhiệm Quảng-nam-dinh Cai-bộ. Người thứ hai, tên Trần-đình Thuận (Thực-lục nguyên chú : con của Trần-đình-Ân) tháng 3 Năm Quý-mùi thứ 12 (1703) cùng với Ngoại-tả Chưởng-dinh Tôn-thất Diệu đốc binh đắp bờ đê cửa Hà-Kỳ cho tiện việc tàu thuyền vận tải, tháng 8 Năm Giáp-thân thứ 13 (1704), nhiệm chức Đô-tri xuất-Xá-sai-ty, tháng 11 năm Bính-tuất thứ 15 (1706) thăng nhiệm Cai-bộ-phó-Đoán-sứ, quản suất tướng-thân-lại-ty.

18) Bài thơ và tự-văn của Đại-Sán văn Chưởng-Thanh Nguyễn-Công, cũng thấy chép trong Ly-lục-đường-tập, (quyển I 4a - 7a) nhan đề Văn Đại-Việt-Quốc-Xu-Mật Tướng-quân Chưởng-Thanh Nguyễn-Công. Đại-Sán tiếp được phó-âm (ai-tín) của Chưởng-Thanh Tã-Xu-Mật, có lẽ vào khoảng tháng 8 năm Ất-hợi (1695), lúc ông còn lưu dưỡng bệnh tại Hội-An. Về sự tích của vị ấy, Đại-Sán kể rằng : (Chưởng-Thanh là rường cột nước Đại-Việt, giữ chức Xu-Mật luôn bốn triều. Luyện đạt lão thành, trung-hậu trầm nghi, có dõng-lực, mưu lược hơn người, gặp lúc Chiêm-thành gây họa, vua khiến ông làm tướng đi đánh phương-nam, ông đánh thắng luôn mấy trận, bắt vua chém tướng Chiêm thành, chiếm đất mấy nghìn dặm, dân mường-mán nghe danh thảy đều khiếp đảm; ông đi đến đâu chẳng hề động chạm đến mảy may của dân, rất được lòng người, bởi thế ông khởi ca về Triều rồi mà dân xứ ấy đến nay còn cảm đức). (Hải-ngoại kỷ-sự quyển 4 32b). Cứ thiển-kiến của tôi, xét tổng quát công-thần Nguyễn-đình thời ấy, Chưởng-Thanh Nguyễn-Công, nhơn vật ấy trừ Nguyễn-hữu-Cảnh ra không còn ai nữa. Cứ Đại-nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) ghi chép, tháng 8 năm nhâm-thân Hiếu-Tông (Minh-vương) nguyên niên, vua nước Chiêm-thành là Bà-Tranh làm phản, đem binh đánh cướp dinh Bình-Khương. Minh-Vương khiến Nguyễn-hữu-Cảnh làm Thống binh suất lãnh chính-dinh (tức Thuận-hóa) và binh Quảng-nam, Bình-Khương đi đánh, qua tháng 3 năm Quý-dậu thứ hai (1603) Nguyễn-hữu-Cảnh đánh bắt được Bà-Tranh và bọn thần thuộc đem về, từ đó đất Chiêm-thành thuộc Quảng-nam thống trị, đổi tên làm Thuận-thành-trấn. Tháng 8 cùng năm ấy lại đổi tên làm Bình-Thuận-Phủ, lập Thổ-quan, và bắt thay đổi phục sức. Chẳng ngờ tháng chạp cùng năm ấy, người Tàu tên A-Ban (tức Ngô-Lãng) dấy loạn ở Thuận-Thành, qua tháng 3 Giáp-tuất năm thứ 3 (1694), Nguyễn hữu-Cảnh lại phụng mạng vào Nam đánh dẹp, kể nhiệm chức Chưởng-cơ lãnh Bình-Khương-dinh Trấn-thủ. Lại cứ theo nguyên lời chua của Thực-lục Tiền-biên (quyển 7), 4a), Nguyễn-hữu-Cảnh là con của Nguyễn-hữu-Dật thời ấy xưng Lễ-tài-hầu, chữ (tài), có chỗ chép làm (thành) lại có chỗ chép làm (Hòa). Một mặt khác, Gia-định Thông-chí (Cương-vực-chí) thì lại chép làm Chưởng-cơ Lễ-thành-hầu Nguyễn. Nay xét tước hiệu của quan lại Quảng-nam Nguyễn-đình, thường thường lấy một chữ có nghĩa « tốt » ghép với chữ « tên » của chính người được phong, hợp hai chữ lại thành tước-hiệu, và chữ « thành » với chữ « Thanh » tiếng Việt đọc giống nhau, bởi thế có thể suy tưởng « Chưởng-Thanh Nguyễn-Công » chép trong Hải-ngoại kỷ-sự, chắc là (Chưởng Thành Nguyễn Công) tức (Chưởng-Cơ Lễ-thành-hầu Nguyễn) truyền chép

nhầm. Nói tóm lại, (Chưởng-Thanh Nguyễn-Công) chắc chỉ Nguyễn-hữu-Cảnh mà nói. Chỉ có ngày tạ thế của ông ấy, Thực-lục Tiền-biên (quyển 7, 17b—18a) chép làm tháng 5 năm Canh-thìn thứ 9 (1700), cùng với ngày chép trong Hải-ngoại kỷ-sự sai nhau đến 5 năm, ấy chắc cũng do sự lầm lẫn của người biên soạn Đại-nam Thực-Lục.

19) Người ấy chắc là Nội-hữu Phó-mã Tông-phúc-Thiệu (con của Tông-phúc-Trị), Ông ta năm Kỷ-sữu thứ 18 (1709) âm mưu dấy loạn, bị giáng xuống làm thường dân. Xin xem Đại-nam Thực-Lục Tiền-biên (quyển 8, 6a — 6b).

20) Nhị Quốc-Cậu có lẽ là Nội-tả-Chưởng-dinh Tông-phúc-Trí, tức thân-phụ của Phó-mã Hữu-Đốn-dinh thuật trên đây,.

21) Hữu Thừa-tướng Tông-Công có lẽ là Nội-hữu-Cai-Cơ Tông-phúc-Tài (Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 18b).

22) Khoảng hậu bán thế-kỷ thứ 17, Tăng-nhơn Trung-Quốc thường thường đi thuyền qua các nước phương nam, tìm mua gỗ qúy. Ví dụ năm 1681, Nhật nhĩ-Bá, giáo-sĩ nước Pháp đến ở Tiêm-la truyền giáo đã 5 năm, viết bộ « Tiêm-la Thiên-nhiên cập Chánh-trị-sử » (chương thứ 12) cũng bảo rằng: Trong lúc ông ở Tiêm-la có gặp hai vị tăng-nhơn Trung-Quốc đến tìm mua săng gỗ để đem về cất chùa. (Tham khảo Nicolas Germaise, Histoire naturelle et Politique du Royaume de Siam, Paris, 1688, p.231 — 232).

23) Thực-lục Tiền-biên (Quyển 7,20b), mục tháng 5 năm Nhâm-ngọ, Hiển-Tông năm thứ 11.

24) Bài biểu-văn nầy do Lê-Qúy-Đôn tìm thấy trong tủ sách của Nguyễn-quan-Tiến và chép lại trong sách Vũ-biên Tập-lục. (quyển 5, 27b—2a, H.M.2.108). Cao-Lãng trong Lịch-Triều tạp-ký, (H.M.2.163; quyển 1, 75b — 76b) nói lầm bài biểu ấy do Nguyễn-Quang-Tiến soạn. Xét Nguyễn-Quang-Tiến là nho thần từ thời Vũ-Vương đến Duệ-Tông, đảm nhiệm soạn tả những văn-kiện ngoại-giao cho Nguyễn-chúa.

PHỤ - KHẢO

về CHÚA NGUYỄN - PHÚC - CHÂU và THÍCH-ĐẠI-SÁN

TRONG BỘ

HẢI - NGOẠI KỶ - SỰ

KHOẢNG THẾ-KỶ XVII

Nhận định bộ Hải-ngoại Kỷ-sự có một «cao độ giá-trị sử-liệu khoảng thế-kỷ XVII», có liên quan đến «địa-dư, phong-tục nhân-vật» và thực trạng xã-hội nước Việt đương thời, do Thích-Đại-Sán, bút-ký trong thời-gian lưu-trú hơn một năm tại Thuận-Quảng (1694-1695).

Và theo lời mời của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu, Thích-Đại-Sán đã từ Am Trường-Thọ (Quảng-Đông), đời nhà Thanh (Trung-Quốc), qua nước Việt và lưu-trú tại Thiền-Lâm và Thiên-Mụ.

Do những sự ghi chép trên, chúng tôi xin tìm hiểu thêm về các di-tích hiện còn ở Thuận Hóa, những di-tích có dính liếu ít nhiều đối với Hải-ngoại Kỷ-sự, hầu cống-hiến quý vị độc-giả tham khảo.

Huế, ngày 20 tháng 12 năm 1962.

NGUYỄN-SANH-MAI

Trúc-Lâm

Di ảnh của Thích-Đại-Sán tay cầm phủ-phất, tay bắt ấn, ngồi trên nệm cỏ.

Trên di-ảnh có ghi:

« Thạch-Liêm Lão Hòa-Thượng Tiểu tượng ».

(ảnh số 1)

Bình bát

của Thích-Đại-Sán dùng để thọ trai, làm bằng Kim-sa (?), có chiếc muỗng gỗ nhỏ.

Di-ảnh và bình bát nầy nguyên trước để tại chùa Khánh-Vân, sau Hòa-Thượng Giác-tiên đem về Trúc-Lâm trên 40 năm nay.

(ảnh số 2)

Thiên-Mụ

Bia đá

Của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu đề năm Ất-Vị, Vĩnh-Thạnh thứ 11, đời Lê-Dũ-Tôn (1715).

Bia đá nói rõ sự-tích Thích-Đại-Sán tại nước Việt. Bia đá cao lớn, dày, dựng trên lưng một hình quy bằng đá, đối diện với chuông đồng, trước cửa Thiên-Mụ.

(ảnh số 3)

Chúa Nguyễn-Phúc-Châu có lưu-niệm bia đá với những giòng chữ :

越國之南兮住水住山
寶剎之壯兮日然禪開。
性之清淨兮溪響孝潺，
國之奠安兮四境幽閒。
無爲之化兮儒釋同班。
記茲勝概兮因果迴還，
建標立的兮誠存邪閑。

Phiên-âm

« Việt quốc chi nam hề, trú thủy trú san
Bữu sát chi tráng hề, nhật chiếu thiền quan.
Tánh ci thanh tịnh hề, khê hưởng sằn sằn.
Quốc chi điện an hề, tứ cảnh u nhàn.
Vô vi chi hóa hề, nho thích đồng ban.
Ký tư thắng khái hề, nhơn-quả hồi hoàn,
Kiến tiêu lập đích hề, thành tồn tà nhàn ».

Dịch-nghĩa

Trời Nam một giải non sông,
Đây là Việt-Quốc hưng-long đời đời.
Dựng ngôi Bữu-Sát lâu dài,
Thiền quan tỏ rạng, mặt trời chiếu lâm.
Dưới khe nước chảy âm thầm
Tánh ta trong trẻo êm đềm khác đâu.
Quốc-gia yên vững bền lâu,
Trong ngoài bốn cõi, một bầu thanh cao.
Vô-vi đức-hóa dồi dào,
Một nhà Nho Thích, ra vào hoan hân.
Khắc ghi thắng-cảnh đôi vần,
Nhân nhân quả quả, chuyển vần chẳng sai.
Dựng bia tiêu biểu nơi đây,
Giữ tâm thành chánh chẳng thay đổi nào.

Chuông đồng

Của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu đúc vào năm Vĩnh-Thạnh thứ VI, đời Lê-Dũ-Tôn (1710). Chuông đồng nầy cân nặng 3.285 cân. Chuông đồng đặt trong một lầu chuông rộng lớn. (ảnh số 4)

Trên mình chuông có khắc :

大越國主阮福凋，嗣洞上正宗
三十代，法名興龍，鑄造洪鐘
重三千二百八十五觔，入于
御建天姥禪寺永遠供奉三寶。
惟願風調雨順，國泰民安，法
界衆生，同圓種智。
永盛六年歲次庚寅四月誕 日。

Phiên-âm : Đại-Việt Quốc-Chúa Nguyễn-Phúc-Châu, Tự-Động Thượng Chánh-Tông Tam Thập Đại, Pháp Danh Hưng-Long, chú tạo hồng chung trọng tam thiên nhị bách bá thập ngũ cân, nhập vu
Ngự kiền Thiên-Mụ Thiền-Tự vĩnh viễn cung phụng Tam-Bảo.
Duy nguyện phong điều võ thuận, quốc thái dân an, pháp-giới chúng sanh, đồng viên chủng trí.
Vĩnh-Thạnh lục niên tuế thứ Canh-Dần tứ nguyệt Đãn-Nhật.

Dịch nghĩa : Chúa Đại-Việt Nguyễn-Phúc-Châu, nối giòng Động-Thượng chánh tông đời thứ 30, pháp danh Hưng-Long, đúc chuông lớn nầy nặng 3.285 cân, để vào chùa Thiên-Mụ, cúng Tam-Bảo lâu dài.
Nguyện cầu gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân an, chúng-sanh trong pháp-giới, đều được vẹn toàn trí-tuệ.
Đời Vĩnh-Thạnh thứ 6, ngày Phật-Đãn tháng 4 năm Canh-Dần.

Bài Vị Thích-Đại-Sán

Làm bằng gỗ sơn son thếp vàng, có ghi :

嗣洞上正宗二十九世，開山靈
姥寺，上石下濂諱大汕，老祖
和尚覺靈。

(ảnh số 5)

Phiên-âm

Tự động thượng chánh tông nhị thập cửu thế, thượng Thạch hạ Liêm húy Đại-Sán, Lão-tổ Hòa-Thượng giác-linh.

Dịch-nghĩa

Bài-Vị Lão-Tổ Hòa-Thượng hiệu Thạch-Liêm, húy Đại-Sán, khai sơn chùa Thiên-Mụ, nối giòng Động-Thượng Chánh-Tông, đời thứ 29.

Thiền-Lâm

Chùa Thiền-Lâm, nay chỉ còn vết-tích của một địa-điểm từ xưa còn lại, tại ngã ba đường đi Nam-giao, (nay gọi đường Lam-Sơn).

Quốc-Ân

Bia đá

của Đại-Việt Quốc-Vương để năm Kỷ-Dậu, Lê-Dũ-Tôn thứ 10 (1729), có nói:

«Hoán-Bích-Thiền-Sư Tạ Nguyên-Thiều ở chùa Hà-Trung (Thừa-Thiên) vâng lệnh Nghĩa-Vương qua Quảng-Đông (Trung-Quốc), mời Đại-Sán Hòa-Thượng...».

(ảnh số 6)

石濂老和尚肖像

(ảnh số 1)

Di-ảnh Thích-Đại-Sán

có ghi:

« Thạch-Liêm Lảo Hòa-Thượng tiểu-tượng »

石濂大汕和尚鉢匙

ảnh số 2

Bình-bát bằng Kim-sa (?) và chiếc muỗng bằng gỗ của Thích-đại-Sán dùng thọ trai.

順化天姥寺石碑

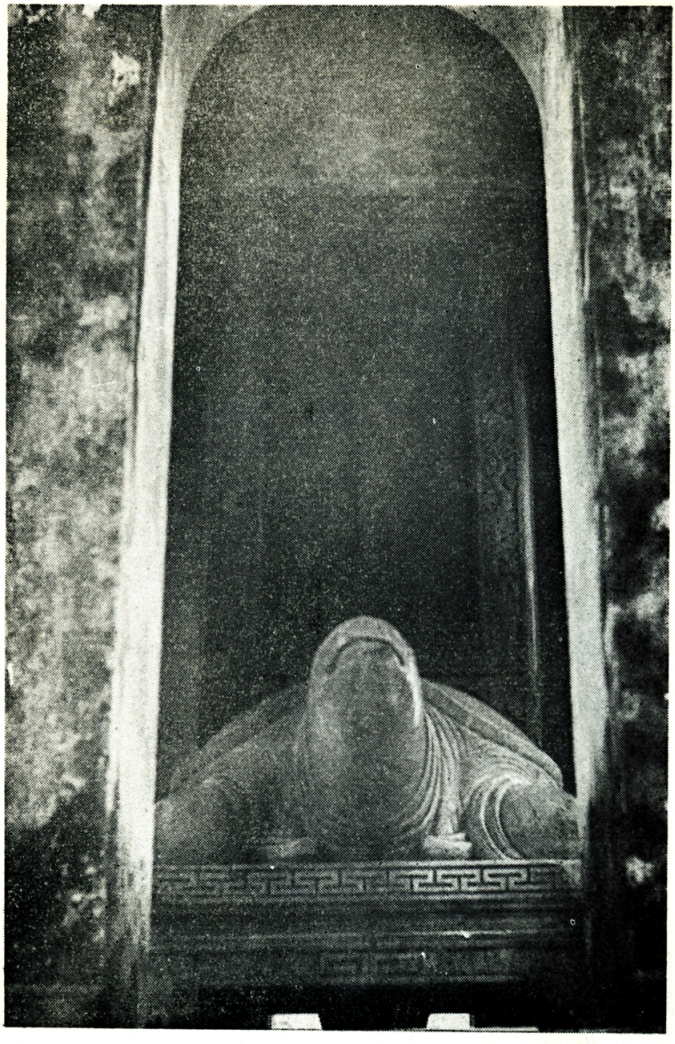

ảnh số 3

Bia đá do Nguyễn-phúc-Châu (Minh-Vương) ngự đề năm Ất-Vị, Vĩnh-Thạnh thứ 11, đời Lê-dụ-Tôn (1715).

順化天姥寺洪鐘

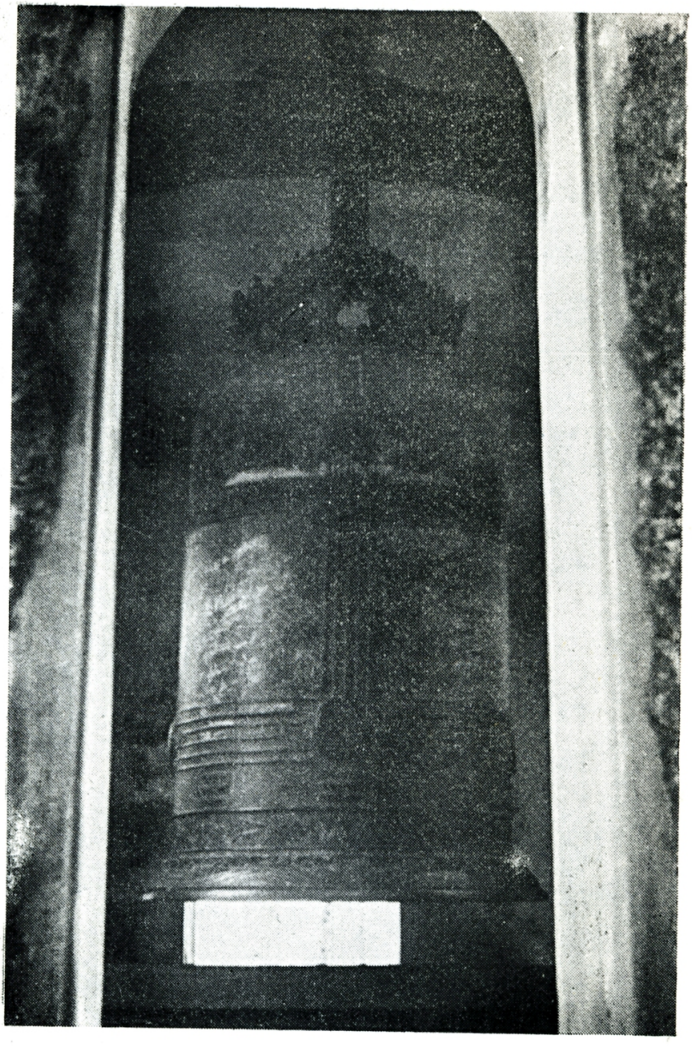

ảnh số 4

Chuông đồng của Nguyễn-phúc-Châu (Minh-Vương) đúc vào năm Vĩnh-Thạnh thứ VI, đời Lê-dụ-Tôn (1710),

覺靈

Bài-Vị Thích-Đại-Sán (ảnh số 5)

順化國恩寺石碑

ảnh số 6

Bia đá của Đại-Việt Quốc-Vương ngự đề năm Kỷ-Dậu, Lê-Dũ-Tôn thứ 10 (1729).

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 5
Bài tựa của Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-Phúc-Châu 9
Bài tựa của Ngô-Giang Từ-Hoàn 11
Bài tựa của Tân-Lăng Mao-Đoan-Sĩ 13
Bài tựa của Dũng-Giang Cừu-Triệu-Ngao 15

HẢI NGOẠI KỶ-SỰ

Quyển I 17
Quyển II 61
Quyển III 101
Quyển IV 143
Quyển V 181
Quyển VI 215

PHẦN KHẢO-CỨU

1) Ngày tháng xuất-bản sách Hải-Ngoại Kỷ-sự và nội-dung của sách 239
2) Tiểu-sử của Thích-Đại-Sán 243
3) Cuộc du-hành Quảng-Nam của Thích-Đại-Sán. 256

Phụ-khảo về Chúa Nguyễn-Phúc-Châu và Thích-Đại-Sán trong bộ Hải-Ngoại Kỷ-Sự. 280

BỘ **HẢI NGOẠI KỶ SỰ** DO
L. M. NGUYỄN - PHƯƠNG,
HẢI-TIÊN NGUYỄN-DUY-BỘT
PHIÊN-DỊCH VỚI SỰ CỘNG-
TÁC CỦA ỦY-BAN PHIÊN-
DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM.

IN XONG
NGÀY 15 THÁNG 1 NĂM 1963
TẠI **NHÀ IN ĐẠI-HỌC HUẾ.**

ĐÍNH CHÍNH

Trang 33, một đoạn từ câu « cửa giữa đi thẳng » đến chữ « mảy may » xin để vào trang 35.

Đoạn ấy sẽ đọc tiếp theo hàng thứ 14 (trang 35) sau chữ « Võng lọng từ ».

Đọc hết đoạn ấy, sẽ đọc tiếp hàng thứ 15 (trang 35) « Bởi thế nước trị dân an » v.v...

ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

ĐÃ XUẤT-BẢN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP I — TRIỀU GIA-LONG

Giá : 250đ00

AN-NAM CHÍ-LƯỢC

Soạn-giả : *LÊ-TẮC*

TOÀN BỘ : 10 QUYỂN

Giá : 350đ00

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP II — TRIỀU MINH-MẠNG

Giá : 250đ00

ĐANG IN :

MỤU-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP III — TRIỀU THIỆU-TRỊ

Giao-dịch :

Ô. NGUYỄN-SANH-MAI

Số 4, đường Lê-Lợi — Huế

Giá : 50đ00

Kiểm duyệt số 004-HĐKD Huế ngày 7-1-1963

Nhà in ĐẠI-HỌC Huế

Từ nhà kho Quán Ven Đường